

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nghệ An, năm 2025

MỤC LỤC

<i>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....</i>	<i>8</i>
<i>PHẦN I. KHÁI QUÁT.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1. Đặt vấn đề.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá</i>	<i>12</i>
<i>1.2. Tổng quan chung</i>	<i>15</i>
<i>1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh.....</i>	<i>15</i>
<i>1.2.2. Giới thiệu về Khoa Cơ khí Động lực.....</i>	<i>21</i>
<i>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH.</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chí 1.2: CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.</i>	<i>30</i>
<i>Tiêu chí 1.3: CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	<i>33</i>
<i>Tiêu chuẩn 02: Bản mô tả chương trình đào tạo</i>	<i>36</i>
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>37</i>
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	<i>41</i>
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận</i>	<i>45</i>
<i>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</i>	<i>48</i>
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....</i>	<i>48</i>
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....</i>	<i>53</i>
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</i>	<i>62</i>

<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc các mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	<i>62</i>
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy - học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.....</i>	<i>66</i>
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy - học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng71</i>	<i>71</i>
<i>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.77</i>	<i>77</i>
<i>Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....77</i>	<i>77</i>
<i>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.80</i>	<i>80</i>
<i>Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.83</i>	<i>83</i>
<i>Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.86</i>	<i>86</i>
<i>Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.88</i>	<i>88</i>
<i>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....91</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.91</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....94</i>	<i>94</i>
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....98</i>	<i>98</i>
<i>Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.100</i>	<i>100</i>
<i>Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.102</i>	<i>102</i>
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....105</i>	<i>105</i>
<i>Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.108</i>	<i>108</i>

<i>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</i>	<i>113</i>
<i>Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>113</i>
<i>Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	<i>116</i>
<i>Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....</i>	<i>118</i>
<i>Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i>	<i>120</i>
<i>Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>122</i>
<i>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</i>	<i>126</i>
<i>Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật</i>	<i>126</i>
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.</i>	<i>130</i>
<i>Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.....</i>	<i>132</i>
<i>Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.</i>	<i>139</i>
<i>Tiêu chí. 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.</i>	<i>144</i>
<i>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....</i>	<i>148</i>
<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>149</i>
<i>Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>152</i>
<i>Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>155</i>

<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	<i>158</i>
<i>Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</i>	<i>160</i>
<i>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</i>	<i>164</i>
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.....</i>	<i>164</i>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.</i>	<i>167</i>
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.</i>	<i>171</i>
<i>Tiêu chí 10.4 : Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.</i>	<i>175</i>
<i>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến</i>	<i>178</i>
<i>Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.</i>	<i>182</i>
<i>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....</i>	<i>187</i>
<i>Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>188</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>192</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>196</i>
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>199</i>
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>202</i>
<i>PHẦN III. KẾT LUẬN</i>	<i>208</i>
<i>1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo.....</i>	<i>208</i>
<i>1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</i>	<i>208</i>

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	209
1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	209
1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	210
1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	210
1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	211
1.7. Đội ngũ nhân viên	211
1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	212
1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	212
1.10. Nâng cao chất lượng	213
1.11. Kết quả đầu ra	214
2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo	214
2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	215
2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	215
2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	215
2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	215
2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	216
2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	216
2.7. Đội ngũ nhân viên	217
2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	217
2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	218
2.10. Nâng cao chất lượng	218
2.11. Kết quả đầu ra	218
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	219
3.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo.....	219
3.2. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học	220
3.3. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	220
3.4. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên	221
3.5. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	222

3.6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	223
3.7. Nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra	224
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo.....	225
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	229
Phụ lục 1.	229
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC	233

(cần bổ sung DS HĐ TĐG có chữ ký vào phía trước và sau BC TĐG)

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
LĐTB&XH	Lao động Thương binh và Xã hội
ĐHSPKTV	Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh
CĐR	Chuẩn đầu ra
CTSV	Công tác sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính
GVCC	Giảng viên cao cấp
THPT	Trung học phổ thông
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KS	Kỹ sư
CKDL	Cơ khí động lực
CNKTKK	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
NCKH	Nghiên cứu khoa học
SV	Sinh viên
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
KHĐT	Khoa học đào tạo
QHDN	Quan hệ doanh nghiệp
GS	Giáo sư
PGS	Phó Giáo sư
BHYT	Bảo hiểm y tế

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước là hết sức quan trọng và cần thiết. Chương trình đào tạo đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nó quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo. Một CTĐT tốt là một CTĐT thường xuyên được rà soát đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng được yêu cầu của xã hội và các bên liên quan. Vì vậy việc đánh giá chất lượng CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là một nhiệm vụ rất cần thiết. Việc tự đánh giá CTĐT sẽ giúp cơ sở đào tạo và các bên liên quan tự xem xét, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan về CTĐT để thấy rõ thực trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả sử dụng của CTĐT; từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực, quốc tế đáp ứng được nhu cầu nguồn lực trong thời đại công nghiệp 4.0.

Chất lượng của CTĐT đóng vai trò hết sức quan trọng và quyết định đến uy tín, chất lượng đào tạo của một Trường đại học, chất lượng của một chuyên ngành đào tạo. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT nói chung, GDĐH nói riêng trong bối cảnh của xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới sự ảnh hưởng sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, việc nâng cao chất lượng CTĐT khối ngành kỹ thuật càng trở nên bức thiết.

Việc ĐBCL của CTĐT ngành CNKTCK đã được Trường ĐHSPKTV, Khoa CKĐL thường xuyên quan tâm kể từ khi chuyên ngành đào tạo được mở và tuyển sinh năm 2007, đã có nhiều giải pháp đang được Trường ĐHSPKTV, Khoa CKĐL đưa ra nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo CTĐT ngành CNKTCK. Để nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành CNKTCK, nhiều giải pháp đã được áp dụng và triển khai đồng bộ trong việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT ngành CNKTCK theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, các công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và

công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng CTĐT, Trường đã chọn đội ngũ cán bộ có năng lực tốt, cũng như các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động tự đánh giá. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị cấp Trường về công tác ĐBCL và kiểm định chất lượng trong GDĐH, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về công tác này. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK gồm 21 thành viên; Ban thư ký giúp việc Hội đồng gồm 21 thành viên (Quyết định số 167/QĐ-ĐHSPKTV ngày 7 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKTV), với nhiệm vụ để phục vụ cho công tác thực hiện tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký gồm đội ngũ cán bộ chủ chốt, có kinh nghiệm quản lý, am hiểu về GDĐH và công tác ĐBCL nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng của Khoa CKĐL, các phòng, khoa, trung tâm chức năng và các tổ chức, đoàn thể của Nhà trường.

Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK giúp Nhà trường, Khoa CKĐL tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành, có được một bức tranh toàn cảnh về ngành CNKTCK được đánh giá chân thực, toàn diện trên các khía cạnh làm cơ sở để xây dựng triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT của ngành, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp theo hướng tốt hơn. Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Bộ công cụ đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/) được sử dụng trong việc triển khai thực hiện kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK, Trường ĐHSPKTV. Dựa trên các tiêu chí đã được Bộ GD&ĐT ban hành Hội đồng tự đánh giá đã triển khai kế hoạch thực hiện các công việc cụ thể tiến hành xem xét, tự đánh giá, làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Công tác tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK có sự phối hợp, tham gia tích cực của đội ngũ cán bộ, GV Khoa CKĐL, các phòng, khoa của Nhà trường và các bên liên quan. Phòng KT&ĐBCL của Trường đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn, lên kế hoạch thực

hiện; Hội đồng tự đánh giá ngành CNKTCK đã phối hợp với các Phòng, Khoa, Trung tâm trong Trường để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và bộ hồ sơ minh chứng kèm theo.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK có cấu trúc gồm 4 phần:

- **Phần I:** Khái quát: Phần này mô tả tóm tắt báo cáo TĐG, giải thích cách mã hóa minh chứng, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên trong quá trình hoạt động tự đánh giá CTĐT. Tổng quan chung về Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL là đơn vị thực hiện CTĐT ngành CNKTCK, chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL của Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL.

- **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Phần này mô tả chi tiết kết quả TĐG CTĐT ngành CNKTCK của Trường Đại học SPKT Vinh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

- **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- **Phần IV:** Phụ lục: bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo các công văn số 1074 và 1075 của Bộ GD&ĐT ngày 28/06/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (các thông tin về Trường ĐHSPKTV, Khoa CKĐL) và các tư liệu, tài liệu liên quan, các bảng biểu tổng hợp, thống kê danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá, các quyết định văn bản liên quan khác.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT ban hành là phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành CNKTCK được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ GV và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến

người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; Tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành CNKTCK trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí được đánh giá với hệ thống thông tin, minh chứng đi kèm được mã hóa theo hướng dẫn tại công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD. Mã thông tin minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef;

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Tự đánh giá là khâu đầu tiên quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của cơ sở giáo dục. Việc Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK giúp Trường ĐHSPKTV, Khoa CKDL tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xác định đúng điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT để từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng (kế hoạch hành động) phù hợp, khả thi và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành CNKTCK.

Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK là điều kiện cần thiết để Trường ĐHSPKTV đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường ĐHSPKTV trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu đã được xác định.

Đánh giá tổng thể các hoạt động đào tạo của ngành CNKTCK theo “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH của Bộ GD&ĐT*”, đưa ra báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác phục vụ cho công tác đào tạo NCKH và chuyển giao công nghệ. Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị đào tạo quản lý ngành CNKTCK trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để đạt được tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH, xây dựng Khoa CKDL, ngành CNKTCK trở thành đơn vị đào tạo, ngành đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ có uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động của CTĐT ngành CNKTCK theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Trường ĐHSPKTV đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành CNKTCK.

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá CTĐT được thực hiện với 01 ngành của Khoa CKDL là ngành CNKTCK, trong chu kỳ từ năm 2019 đến năm tháng 6 năm 2025.

Quy trình tự đánh giá: được thực hiện theo các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK được thành lập tại Quyết định số 167/QĐ-ĐHSPKTV, ngày 07/03/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKTV gồm có 21 thành viên. Hội đồng tự đánh giá gồm các cán bộ chủ chốt, có kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm trong công tác đào tạo, phát triển chương trình, am hiểu về GDĐH và công tác ĐBCL bao gồm các đồng chí Lãnh đạo Trường, Lãnh đạo Khoa CKDL, các đồng chí đại diện cho các phòng, ban, trung tâm, các tổ chức đoàn thể của Trường và đại diện người học. Nhà trường cũng đã thành lập Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm 21 thành viên và thành lập các nhóm chuyên trách để triển khai xây dựng kế hoạch, thu thập, xử lý thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện từ tháng 04 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025, theo thứ tự từ Tiêu chuẩn 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí với các nội dung chính: 1. Mô tả hiện trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá. Các nhóm chuyên trách thực hiện tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK được phân công kèm theo với các tiêu chuẩn phụ trách khác nhau, cụ thể như sau:

- Nhóm 1 TS. Trần Đình Hiếu - nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2.
- Nhóm 2 ThS Nguyễn Văn Thiêm - nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3, 4.
- Nhóm 3 TS. Nguyễn Ngọc Tú - nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5, 8.
- Nhóm 4 TS. Nguyễn Thanh Bình - nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7.
- Nhóm 5 TS. Nguyễn Ngọc Tú - nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9.
- Nhóm 6 ThS. Nguyễn Văn Hiếu - nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11.
- Nhóm 7 TS. Trần Đình Hiếu - nhóm trưởng phụ trách viết báo cáo tự đánh giá, lập danh mục minh chứng và cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT.

Kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ được thực hiện rõ ràng theo những mảng công việc chính như: Thu thập thông tin liên lạc từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi;

Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng, Các cán bộ thực hiện và hoàn thành công việc dưới sự phân công của nhóm trưởng. Trong quá trình thực hiện, nội dung và tiến độ công việc được báo cáo thường xuyên với Ban lãnh đạo, Hội đồng Khoa để nắm bắt tình hình và chỉ đạo công việc. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất, tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên bộ môn CNKTCK, Khoa CKĐL, sự hỗ trợ từ các Phòng, Khoa của Nhà trường và tất cả các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Dựa trên thông tin, minh chứng thu thập được từ các bên liên quan trong và ngoài Trường, bản tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK được thực hiện theo phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh, đối chiếu theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ Khoa CKĐL, các phòng, Khoa thuộc Trường và các bên liên quan; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ hồ sơ minh chứng. Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin, phân tích thông tin và thu thập thông tin để hoàn thiện báo cáo.

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn: Công văn 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD; Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh

Trường ĐHSPTV tiền thân là Trường Công nhân Vinh thuộc Bộ Công nghiệp nặng được thành lập theo Quyết định số 113-CP, ngày 08/4/1960 của Chính phủ. Lúc mới ra đời

Trường có nhiệm vụ đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề thuộc khối ngành cơ khí như: cắt gọt kim loại, Gò, Hàn, Rèn ... cung cấp nhân lực cho các công, nông trường, xí nghiệp, nhà máy trên toàn miền Bắc. Từ năm 1971 Trường chuyển sang trực thuộc Tổng cục đào tạo công nhân kỹ thuật - Bộ Lao động, tiếp tục đào tạo công nhân kỹ thuật cho các tỉnh trên miền Bắc. Từ tháng 10-1974 Trường được nâng cấp và đổi tên thành Trường Giáo viên dạy nghề Cơ khí Vinh có chức năng, nhiệm vụ là đào tạo giáo viên dạy nghề trình độ trung học chuyên nghiệp cho các nghề cơ khí, luyện kim. Năm 1978, Trường đổi tên thành Trường Sư phạm Kỹ thuật III Vinh, ngoài các ngành nghề đã có, Trường mở thêm các ngành nghề đào tạo giáo viên dạy nghề khác như Điện, Động lực, Mộc mẫu Đến năm 1987, Trường chuyển về trực thuộc Bộ GD&ĐT, được giao nhiệm vụ đào tạo thí điểm giáo viên dạy nghề trình độ cao đẳng theo mô hình đào tạo nối tiếp, với thời gian đào tạo là 5 năm, chia thành 2 giai đoạn (Giai đoạn 1 đào tạo Công nhân kỹ thuật thời gian 2 năm, sau đó tuyển chọn học sinh khá đào tạo tiếp giai đoạn 2 là 3 năm) cấp bằng tốt nghiệp giáo viên dạy nghề. Từ năm 1992 đến năm 1999 theo Quyết định số 1395/TH-DN ngày 13/7/1992 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Trường được phép đào tạo thí điểm giáo viên dạy nghề trình độ cao đẳng sư phạm kỹ thuật. Năm 1998, Trường trực thuộc Tổng cục Dạy nghề, Bộ LĐTB&XH theo Quyết định số 67/1998/QĐ-TTg, ngày 26/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1999, Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vinh tại Quyết định số 129/1999/QĐ-TTg ngày 28-5-1999 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 14/4/2006 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 78/2006/QĐ-TTg thành lập Trường ĐHSPKTV trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Hiện nay, Trường ĐHSPKTV là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có chức năng, nhiệm vụ: đào tạo nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nhân lực các trình độ giáo dục đại học và sau đại học đối với các ngành, chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và các chuyên ngành khác có liên quan; bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người lao động đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và trong khu vực; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật. Trường ĐHSPKTV tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu (kể cả dấu nổi) và biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Sứ mạng: Trường ĐHSPKTV Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao trong các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật; bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp

vụ cho nhà giáo GDNN và người lao động đạt trình độ khu vực và quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực; làm nòng cốt và tiên phong trong đào tạo nhân lực công nghệ, kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật cho cả nước, đặc biệt là khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

Tầm nhìn: Trường ĐHSPKTV phấn đấu trở thành Trường Đại học định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, trong đó một số ngành đào tạo, lĩnh vực mũi nhọn đạt trình độ khu vực châu Á.

Giá trị văn hoá: “Đạo đức - Chuyên nghiệp - Sáng tạo”

1) Đạo đức - Trung thực: Trường ĐHSPKTV luôn đề cao giá trị đạo đức, tính trung thực của mỗi cá nhân đối với tập thể, của Nhà trường đối với xã hội.

2) Chuyên nghiệp - Trách nhiệm: Trường ĐHSPKTV yêu cầu tính chuyên nghiệp trong các hoạt động và trách nhiệm đối với tập thể, trách nhiệm đối với xã hội. Mỗi thành viên phải thực sự chuyên nghiệp, trách nhiệm, cống hiến, tôn trọng luật pháp và quy định của pháp luật. Trường ĐHSPKTV cam kết và thực hiện nghiêm túc các cam kết của Nhà trường với người học và với xã hội.

3) Sáng tạo - Hiệu quả: Trường ĐHSPKTV luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và hiệu quả trong công việc. Luôn tôn trọng sự khác biệt trong giảng dạy và nghiên cứu, trong xây dựng và phát triển Nhà trường.

Triết lý giáo dục: “Kiến thức - Kỹ năng - Hội nhập”

Trường ĐHSPKTV yêu cầu tính chuyên nghiệp trong tất cả các hoạt động và trách nhiệm đối với tập thể, trách nhiệm đối với xã hội. Mỗi cán bộ, GV, viên chức Nhà trường phải thực sự chuyên nghiệp, có trách nhiệm, cống hiến, tôn trọng luật pháp và quy định của Nhà trường. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các cam kết của Nhà trường đối với người học và xã hội.

Nhà trường luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và hiệu quả trong công việc. Luôn tôn trọng sự khác biệt trong giảng dạy và nghiên cứu, trong xây dựng và phát triển Nhà trường. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến.

Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Chính sách chất lượng của Trường ĐHSPKTV được xác định: Chất lượng đào tạo là vấn đề then chốt, có ý nghĩa sống còn của Nhà trường, góp phần thực hiện trách nhiệm giải trình của Nhà trường với xã hội, người học và các cơ quan quản lý; các CTĐT phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, địa phương và cả nước, đáp ứng nhu cầu của xã hội; các sản phẩm KHCN mang tính ứng dụng cao, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn của Nhà trường và cộng đồng; các hoạt động phục vụ hướng đến sự phát triển bền vững của cộng đồng, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu; Người học tốt nghiệp đạt được CDR tương ứng với trình độ và ngành đào tạo, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu để phát triển bản thân, có việc làm phù hợp với chuyên môn và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội; đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, có trách nhiệm và tâm huyết với nghề; cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; Nhà trường và các CTĐT được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng uy tín trong nước và từng bước tiếp cận với các tiêu chuẩn kiểm định của khu vực và quốc tế. Trường “không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới CTĐT, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và thực hiện kiểm định chất lượng định kì”.

Hiện nay, Trường ĐHSPKTV đang tuyển sinh và đào tạo cho 04 ngành trình độ thạc sĩ, 14 ngành trình độ đại học và 26 ngành/ngành trình độ cao đẳng. Các ngành nghề đào tạo chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kỹ thuật công nghệ như cơ khí chế tạo, điện, điện tử, cơ khí, công nghệ thông tin, bên cạnh đó Nhà trường còn tuyển sinh đào tạo các khối ngành kinh tế như kế toán, quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực và đào tạo giáo viên kỹ thuật công nghệ. Quy mô tuyển sinh bình quân hàng năm của Trường là gần 2000 học viên, sinh viên. Quy mô đào tạo bình quân là 6000 sinh viên.

Cùng với hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm đến hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế. Đội ngũ GV tích cực tham gia các dự án KHCN của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở GDĐH, các tổ chức khoa học trong nước và quốc tế. Hoạt động KHCN của Nhà trường cũng đạt được nhiều kết quả. Hàng năm Nhà

trường đều tổ chức hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo khoa học quốc gia và hội thảo khoa học cấp Trường, cấp Khoa. Bình quân mỗi năm có từ 02 - 03 đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh, 25 - 30 đề tài cấp cơ sở, 10 - 15 đề tài NCKH của SV; mỗi năm có từ 15 - 20 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học và hội thảo quốc tế; 50 - 60 bài đăng trên các tạp chí khoa học và hội thảo trong nước; hàng năm Trường đều tổ chức cuộc thi sáng tạo Robocon, cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong SV

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường ĐHSPKTV đã được kiện toàn và hoạt động đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ tại Quyết định số 1896/QĐ-LĐTBXH ngày 07/12/2023 của Bộ LĐTB&XH. Bộ máy của Trường gồm có Hội đồng Trường, Ban giám hiệu (Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng), 08 phòng chức năng, 08 khoa đào tạo và 02 trung tâm trực thuộc. Tổng số đội ngũ cán bộ, GV, viên chức và người lao động của Trường đến thời điểm hiện nay là 258 người. Đội ngũ GV cơ hữu là 174 người, trong đó GV có trình độ tiến sĩ là 32 người.

Trường ĐHSPKTV chỉ có một cơ sở đào tạo duy nhất tại số 117, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Trường ĐHSPKTV có diện tích đất rộng rãi (gần 20 ha), có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị khang trang, hiện đại đáp ứng đủ các điều kiện để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đặc biệt là đào tạo theo định hướng ứng dụng. Nhà trường có hệ thống thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, mạng internet đáp ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện Nhà trường khang trang, hiện đại, có thư viện điện tử kết nối mạng đảm bảo có đủ nguồn học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống cảnh quan môi trường trong Nhà trường luôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp. An ninh, an toàn được đảm bảo. Công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ, GV, viên chức và người học được quan tâm và đảm bảo.

Với bề dày 65 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHSPKTV đã đào tạo được hàng vạn giáo viên dạy nghề, kỹ sư, cử nhân, lao động kỹ thuật có đạo đức tư cách tốt, có trình độ chuyên môn giỏi, có tay nghề cao góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và sư phạm dạy nghề cho giáo viên, cán bộ quản lý ở các Trường trung học chuyên nghiệp, các cơ sở GDNN, các trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề trên toàn quốc. Bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ, kỹ thuật, công nghệ cao cho giáo viên, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý trong các Trường phổ thông, các cơ quan, các cơ sở GDNN. Bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề, nâng bậc thợ cho lao động trong các nhà máy, xí nghiệp. Đặc biệt từ năm 2014 lại đây, Nhà

trường đã tuyển sinh và đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào với gần 400 lưu học sinh đã và đang theo học tại Trường. SV tốt nghiệp từ Trường ĐHSPKTV được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm,... nên khi ra Trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn và được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu SV của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Về cơ sở vật chất, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ LĐTB&XH, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, Trường ĐHSPKTV hiện có hệ thống phòng học, thí nghiệm, xưởng thực hành quy mô lớn, khang trang với 124 phòng học lý thuyết; 40 phòng thí nghiệm; 88 phòng thực hành cùng với trang thiết bị hiện đại đồng bộ đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và NCKH. Thư viện có hơn 81.000 bản sách và hệ thống thư viện điện tử kết nối nổi mạng. Ký túc xá với 800 chỗ ở về cơ bản đảm bảo điều kiện ăn ở, sinh hoạt và học tập tốt cho SV. Đảng bộ Trường ĐHSPKTV là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Đảng bộ Nhà trường nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Với những thành tích và kết quả đạt được, Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận với những danh hiệu và phần thưởng cao quý:: Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (1990), Huân chương Lao động hạng Nhất (1995), Huân chương Độc lập hạng Ba (2004), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2010). Nhiều năm liền Trường tiếp tục được nhận Cờ thi đua của xuất sắc của Bộ LĐTB&XH, Bằng khen của Chính phủ và nhiều phần thưởng cao quý khác, cùng với đó là nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý cấp bộ, cấp nhà nước đã được trao tặng cho các đơn vị và cá nhân của Trường.

Hiện nay, Nhà trường đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng và truyền thông trong các hoạt động; Trường cũng đã thực hiện triển khai xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển CTĐT đại học theo hướng tiếp cận CDIO.

Trong giai đoạn vừa qua, Trường đã nhiều lần tiến hành tự đánh giá CSGD và năm 2021 Trường đã tổ chức thực hiện đánh giá ngoài và được Bộ GD&ĐT cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CSGD. Từ kết quả đó, cùng với những khuyến nghị

của Đoàn đánh giá ngoài, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các Trường đại học trọng điểm. Nhà trường tiếp tục thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường ĐHSPKTV đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ LĐTĐ&XH và trước xã hội.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Cơ khí Động lực

Tên tiếng Việt: Khoa Cơ khí Động lực

Tên Tiếng Anh: Department of Mechanical Engineering

Về cơ cấu tổ chức: Khoa CKĐL hiện được cơ cấu nhân sự gồm có:

- Ban chủ nhiệm Khoa: 02 đồng chí (gồm 1 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa).
- Bộ môn: 02 bộ môn (Công nghệ cơ khí và Công nghệ kỹ thuật cơ khí).
- Tổ chức Đoàn thể gồm có: Công đoàn khoa, Liên chi Đoàn Khoa.
- Có 04 đồng chí làm nhiệm vụ Giáo viên quản lý SV.
- Có 01 đồng chí làm Giáo vụ Khoa.

Khoa CKĐL được thành lập năm 2006 trực thuộc Trường ĐHSPKTV, có chức năng thực hiện công tác giảng dạy, NCKH lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật, CKĐL, tham mưu cho Hiệu trưởng về chiến lược phát triển ngành đào tạo thuộc chuyên môn đảm nhiệm; quản lý, khai thác cơ sở vật chất, đội ngũ phục vụ công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa Cơ khí Động lực được giao các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham mưu cho Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển khoa; chiến lược phát triển ngành, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH lĩnh vực chuyên môn được giao.
- Tham mưu cho Nhà trường các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ GV; chất lượng đào tạo, NCKH trong lĩnh vực chuyên môn được giao phụ trách.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, NCKH và tổ chức thực hiện khi được Lãnh đạo Trường phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ GV, chuyên viên, lao động hợp đồng và SV thuộc khoa.

- Đề xuất thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa; đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức; quản lý và sử dụng hợp lý đội ngũ GV, chuyên viên, lao động hợp đồng và SV theo phân cấp của Hiệu trưởng.

- Nghiên cứu, đề xuất những vấn đề về công tác đào tạo, phương hướng phát triển ngành, nội dung, chương trình học phần, phương pháp giảng dạy;... đề xuất xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy,

- Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo, NCKH thuộc khoa, đồng thời chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Trường về chất lượng đào tạo các ngành được giao đảm nhận.

- Phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học, thực tập, thí nghiệm được trang cấp.

- Chủ động khai thác các dự án, hợp tác với các cơ sở sản xuất, các xí nghiệp nhằm gắn công tác đào tạo và NCKH với thực tiễn sản xuất;

- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình do Hiệu trưởng giao; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập.

- Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo của từng ngành trong khoa; tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học đảm bảo chất lượng đào tạo toàn diện.

- Phối hợp cùng với các đơn vị có liên quan đưa SV đi thực tập và quản lý toàn diện SV trong quá trình đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng giao.

Hiện nay, Khoa CKĐL được giao nhiệm vụ đào tạo 02 ngành đào tạo đại học gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí và Công nghệ kỹ thuật ô tô. Quy mô đào tạo hiện nay bình quân 1700 SV. Hình thức đào tạo gồm đào tại chính quy, liên thông, vừa làm vừa học. Người học sau khi tốt nghiệp các CTĐT trình độ đại học của Khoa CKĐL đều tìm kiếm được việc làm đúng ngành nghề và có thu nhập tốt, là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước đảm bảo phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, KHCN của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ.

Hiện nay, Khoa CKĐL có 31 cán bộ, GV, viên chức (trong đó bao gồm cả đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm). Có trình độ chuyên môn cao với 06 tiến sĩ, 24 thạc sĩ (trong đó có 06 người đang làm NCS) và 1 cử nhân. Tỷ lệ GV giảng dạy có trình độ tiến sĩ chiếm 19,35%, trình độ ThS chiếm 77,42%. Thời điểm hiện tại, tuổi trung bình của GV là 43 tuổi, đây là độ tuổi chín chắn và vững chắc về nghề nghiệp, có năng lực chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó Nhà trường và Khoa còn chủ động liên hệ để mời một số GV có trình độ là GS; PSG; TS là các chuyên gia đầu ngành từ các Trường Đại học có uy tín (Đại học bách khoa Hà Nội ...), cùng các GVC tham gia giảng dạy, hội thảo và tham gia các chuyên đề khoa học, tham gia vào biên soạn giáo trình và các hội đồng thẩm định CTĐT, mở mã ngành và hội đồng thẩm định giáo trình. Khoa còn liên kết phối hợp với các trường ĐH và các doanh nghiệp để SV có cơ hội trải nghiệm, thực hành, thực tập nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng nghề, kỹ năng mềm nhằm đáp ứng được các CDR của CTĐT.

Hơn 16 năm thành lập, Khoa CKĐL đã khẳng định được thương hiệu cũng như chất lượng đào tạo các ngành của khoa và đạt được nhiều thành tích, kết quả trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa có đội ngũ cán bộ, GV, viên chức có trình độ chất lượng cao, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo các ngành khoa quản lý, hoạt động NCKH và các hoạt động khác. Trường cũng đã có những chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, GV, viên chức của khoa trong việc học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên, SV tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn tốt, có kỹ năng thực hành nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Công tác NCKH được chú trọng với nhiều đề tài KHCN, nhiều bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Khoa cũng đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hội thảo khoa học cấp Khoa, cấp Trường có chất lượng. Hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của SV được chú trọng và đạt được một số thành tích đáng ghi nhận.

CTĐT ngành CNKTCK được xác định là một yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo của Khoa CKĐL nói riêng và Trường ĐHSPKTV nói chung. Vì vậy việc xây dựng, đổi mới, rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình là việc làm thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch, nhằm để cải tiến CTĐT đáp ứng được nhu cầu của xã hội và các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình, Khoa CKĐL đều thực hiện theo đúng các quy định của Trường, lấy ý kiến người học và các bên liên

quan, đặc biệt là các nhà quản lý, các nhà khoa học có chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác đào tạo và phát triển chương trình. CTĐT ngành CNKTCK được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường, có tham khảo, đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, hướng đến việc đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK có đủ các nội dung, thông tin, định kỳ 2 năm/1 lần được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới liên quan đến ngành. Tất cả đề cương chi tiết học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin GV, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương chi tiết học phần được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật các thay đổi, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học,... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

CTĐT ngành CNKTCK bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ cơ khí. Chương trình ngành CNKTCK cũng chú trọng xây dựng và phát triển các học phần giúp rèn luyện, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho người học. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành, đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR.

Để đảm bảo cho các hoạt động tổ chức đào tạo ngành CNKTCK, Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được hoàn thiện, luôn được bổ sung về số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu công tác đào tạo và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và kết nối mạng máy tính, Nhà trường

đã xây dựng được hệ thống thư viện điện tử, người học ngành CNKTCK có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành. Ký túc xá SV đã được xây dựng đúng quy hoạch và có chất lượng, về cơ bản đáp ứng tốt cho công tác đào tạo hiện nay. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa CKDL

Đây là lần đầu tiên bản “Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK” được xây dựng. Bản báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK là bản báo cáo chân thực, khách quan, toàn diện về mọi mặt của CTĐT, các điều kiện đảm bảo và việc tổ chức thực hiện CTĐT. Qua đó đã làm rõ những điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu, hạn chế còn tồn tại và đưa ra những kế hoạch cải tiến chất lượng, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để CTĐT ngành CNKTCK ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. Bản báo cáo tự đánh giá hoàn thành có sự tham gia tích cực và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Tổ Thư ký, các nhóm chuyên trách, tổ giúp việc; sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và sự phối hợp cùng thực hiện của các phòng, khoa, trung tâm, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường và có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan. Đây là sản phẩm trí tuệ của cả tập thể Khoa CKDL và tập thể Trường ĐHSPKTV. Sau khi hoàn thành, báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK được công bố công khai lấy ý kiến trong nội bộ Nhà trường, gửi hồ sơ tự đánh giá đến cơ quan chủ quản (Bộ LĐTB&XH), báo cáo Cục Quản lý chất lượng của Bộ GD&ĐT theo quy định và thực hiện đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng quy định.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí được xây dựng dựa trên các văn bản quy định về chuẩn CTĐT, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT và các văn bản quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSPKTV. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành được xây dựng theo định hướng tiếp cận CDIO, đảm bảo thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học SPKT Vinh, hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH, đảm bảo cho người học đạt được kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

CTĐT kỹ sư ngành được xây dựng dựa trên mục tiêu và CĐR đã được công bố và có sự tham gia của các bên liên quan qua các cuộc khảo sát, các cuộc hội thảo, hội nghị lấy ý kiến. Mục tiêu, CĐR luôn được thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật định kỳ theo nhu cầu của xã hội và sự phát triển của KHCN. Mục tiêu, CĐR của CTĐT được công bố công khai và phổ biến đến người học thông qua website của Trường, của Khoa, trên các tờ rơi tuyển sinh, trên báo cáo ba công khai và trong quá trình giảng dạy các học phần của GV. Tiêu chuẩn 1 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Cơ khí Động lực, Trường ĐHSPKTV được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo ngành CNKTCK từ năm 2007. Từ đó đến nay CTĐT ngành CNKTCK thường xuyên được cập nhật, phát triển phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và theo yêu cầu của xã hội. Trong quá trình xây dựng và phát triển chương trình, mục tiêu của chương trình luôn được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của GDĐH. Điều đó được thể hiện qua các quyết định ban hành mục tiêu, CĐR các CTĐT Đại học [\[H1.01.01.01\]](#), Quyết định ban hành CTĐT trình độ Đại học ngành CNKTCK [\[H1.01.01.02\]](#), Bản mô tả CTĐT kỹ sư ngành CNKTCK [\[H1.01.01.03\]](#).

Mục tiêu được xác định trong CTĐT ngành CNKTCK năm 2022 bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu chung: Người học tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành CNKTCK trở thành công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; có các phẩm chất cần thiết để sẵn sàng làm việc và thích ứng trong môi trường kỹ thuật; có năng lực nghề nghiệp chuyên sâu và năng lực đổi mới sáng tạo để giải quyết các vấn đề công nghệ kỹ thuật cơ khí; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ.

Mục tiêu cụ thể: Sau khi hoàn thành CTĐT trình độ đại học ngành CNKTCK người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

1. *Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản và lập luận ngành cơ khí vào lĩnh vực CNKTCK.*
2. *Thể hiện các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNKTCK.*
3. *Thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm với cá nhân, tổ chức và ứng dụng trong các hoạt động nghề nghiệp.*
4. *Phát triển năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành, đánh giá và cải tiến hoạt động trong lĩnh vực CNKTCK phù hợp để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.*

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCK đã xác định hoàn toàn phù hợp với sứ mạng của Trường ĐHSPKTV đã được công bố [\[H1.01.01.04\]](#), đó là: *"Trường ĐHSPKTV mang đến cơ hội và môi trường đào tạo, NCKH chất lượng, uy tín trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật, kỹ thuật công nghệ, kinh tế và xã hội theo hướng ứng dụng; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho giáo viên và người lao động đạt chuẩn Quốc gia, Quốc tế"* phù hợp với tầm nhìn của Trường và là: *"Trường ĐHSPKTV phấn đấu trở thành trường Đại học định hướng ứng dụng trong tốp đầu của Việt Nam về giáo dục kỹ thuật và kỹ thuật công nghệ"*.

Các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT đều được xây dựng cụ thể với việc thiết lập các bảng ma trận tích hợp mục tiêu và CĐR của CTĐT [\[H1.01.01.05\]](#), với mô tả của bản mục tiêu trên đây hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của GDĐH theo Luật GDĐH [\[H1.01.01.06\]](#), đó là: *"Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến*

thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân" đồng thời cũng phù hợp với mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học được quy định tại Luật GDĐH, đó là: "Sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo".

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCK được Nhà trường rà soát và điều chỉnh vào các năm 2020 và năm 2022 nhằm hướng đến nhằm đào tạo người học tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động. Quá trình rà soát CTĐT có tham khảo ý kiến của các bên liên quan cụ thể: khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, Tổ biên soạn còn tham khảo, lập bảng đối sánh mục tiêu - CDR của CTĐT ngành CNKTCK mà Trường đã ban hành qua các phiên bản điều chỉnh [\[H1.01.01.07\]](#). Dự thảo mục tiêu CTĐT cũng được Tổ biên soạn tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan gồm các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, GV, người học... [\[H1.01.01.08\]](#). Theo báo cáo khảo sát các bên liên quan, đa số các nhóm đối tượng đều thể hiện mức độ hài lòng cao đối với chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí. Trong đó, sinh viên phản hồi ở mức từ đồng ý đến hoàn toàn đồng ý đối với chuẩn đầu ra (99,9%), bản mô tả chương trình (100%) và cấu trúc – nội dung chương trình (99,8%). Cựu sinh viên cũng đánh giá tích cực với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với các nội dung tương ứng là từ 82,6% đến 85,2%. Đội ngũ cán bộ viên chức, người lao động trong Khoa Cơ khí Động lực đánh giá rất cao, với tỷ lệ hoàn toàn đồng ý lên tới 100% ở nhiều nội dung, và tối thiểu 96,2% đối với các nội dung còn lại. Đặc biệt, các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát đều đồng thuận 100% với tất cả nội dung đánh giá liên quan đến chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó Nhà trường đã tiến hành cập nhật, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT. So với mục tiêu CTĐT năm 2018 thì mục tiêu của CTĐT năm 2022 đã được bổ sung cập nhật đầy đủ những yêu cầu mới.

Mục tiêu của CTĐT được các thành viên Tổ soạn thảo nghiên cứu, dự thảo trên cơ sở nghiên cứu các quy định của Luật GDĐH, lồng ghép với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, nhu cầu của xã hội, nhu cầu của các nhà sử dụng lao động. Dự thảo mục tiêu CTĐT được bàn bạc, thảo luận thông qua hội đồng khoa học đào tạo của Khoa. Đồng thời dự thảo mục tiêu CTĐT được tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan gồm các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng.... Qua kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu CTĐT phù

hợp với mục tiêu của GDĐH, phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường và đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCK được công bố công khai trên website của Trường tại địa chỉ <http://vuted.edu.vn> và của Khoa CKĐL tại địa chỉ [https://fea.vuted.edu.vn/ \[H1.01.01.09\]](https://fea.vuted.edu.vn/[H1.01.01.09]).

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCK phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSPKTV, phù hợp với mục tiêu của GDDH và định kỳ được rà soát, cải tiến để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, được công bố công khai. Quá trình xây dựng xác định mục tiêu CTĐT được khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo phù hợp với sự phát triển KHCN và nhu cầu xã hội

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT còn hạn chế, cách thức tổ chức khảo sát lấy ý kiến chưa đa dạng. Việc tham gia góp ý của các bên liên quan ít nhiều còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đầy đủ hơn, rộng rãi hơn, có chất lượng hơn.	Phòng KT&ĐBCL, Bộ phận QHDN Khoa CKĐL	Tháng 9 – 12/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thực hiện việc rà soát và chỉnh sửa mục tiêu CTĐT	Hội đồng phát triển CTĐT. Hội đồng KHĐT.	Tháng 9 – 12/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNKTCK được thể hiện rõ ràng, cụ thể, có thể đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, được thể hiện trong các quyết định ban hành mục tiêu, CĐR của các CTĐT Đại học năm 2018 được rà soát điều chỉnh năm 2020 và CTĐT Đại học năm 2022 [[H1.01.02.01](#)], Quyết định ban hành CTĐT trình độ Đại học ngành CNKTCK năm 2018, 2020, 2022 [[H1.01.02.02](#)], Bản mô tả CTĐT kỹ sư ngành CNKTCK năm 2018, 2020, 2022 [[H1.01.02.03](#)]. CĐR của CTĐT ngành CNKTCK năm 2022 được phân bổ gồm CĐR cấp độ 2 và CĐR cấp độ 3 được xác định một cách rõ ràng, thể hiện đầy đủ những kiến thức với 5 mức độ từ K1 – K5, kỹ năng với 5 mức độ từ S1 – S5, thái độ với 5 mức độ từ A1 – A5, năng lực với 5 mức độ từ C1 – C5 của người học sau khi tốt nghiệp theo thang Bloom. Đây cũng chính là cam kết của Nhà trường đối với người học và đối với xã hội về chất lượng đào tạo của Nhà trường và đối với ngành đào tạo CNKTCK. CĐR của CTĐT ngành CNKTCK đã phản ánh đầy đủ, rõ ràng về sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu đào tạo của ngành, điều này được thể hiện rõ ràng trong bảng ma trận Mục tiêu - CĐR của CTĐT [[H1.01.02.04](#)].

Quy trình xây dựng CĐR của CTĐT được Nhà trường quy định rõ ràng trong quy trình xây dựng, thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT đã được Trường ĐHSPKTV ban hành thực hiện [[H1.01.02.05](#)] và trong các kế hoạch, văn bản hướng dẫn hiệu chỉnh các CTĐT [[H1.01.02.06](#)] bao gồm các bước:

- (1) Lập kế hoạch.
- (2) Khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát điều chỉnh CĐR.
- (3) Xây dựng dự thảo CĐR.
- (4) Khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo CĐR.
- (5) Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CĐR.

Quy trình xây dựng CĐR của Trường hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn và quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ GD&ĐT. Quá trình xây dựng CĐR Trường ĐHSPKTV luôn chú trọng đến việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các doanh

nghệ sử dụng lao động để đảm bảo CĐR phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan [\[H1.01.02.07\]](#).

CTĐT ngành CNKTCK hiện nay được Nhà trường xây dựng theo định hướng tiếp cận CDIO. CĐR của CTĐT được xác định chú trọng đến năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sáng tạo trong nghề nghiệp, năng lực tự học và học suốt đời, năng lực làm việc nhóm và khả năng giao tiếp, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và thực hiện hoạt động nghề nghiệp, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.... CĐR được thiết kế chi tiết rõ ràng, thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, đó là kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. CĐR của CTĐT được mô tả rõ ràng cụ thể theo 4 nhóm năng lực, tương ứng với 4 trụ cột của giáo dục là học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định mình, được thể hiện tổng quát như sau:

PLO1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản và lập luận ngành cơ khí vào lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí (học để biết).

PLO2. Thể hiện các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí (học để làm).

PLO3. Thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm với cá nhân, tổ chức và ứng dụng trong các hoạt động nghề nghiệp (học để chung sống).

PLO4. Phát triển năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành, đánh giá và cải tiến hoạt động trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí phù hợp để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội (học để khẳng định mình).

Trên cơ sở 4 nội dung tổng quát của CĐR như trên, CTĐT ngành CNKTCK xây dựng và thể hiện chi tiết từng CĐR cho từng nội dung trên (CĐR cấp độ 2 và CĐR cấp độ 3) thể hiện đầy đủ, rõ ràng chi tiết từng nội dung về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được khi học xong chương trình. Các CĐR được mô tả với động từ Bloom, sử dụng thang đánh giá năng lực từ tương ứng 1 - 5, đảm bảo tính cụ thể, phù hợp với mục tiêu và có tính khả thi trong điều kiện các nguồn lực cho phép. Trên cơ sở đó tiến hành lập ma trận CĐR - học phần [\[H1.01.02.08\]](#) để đảm bảo tất cả các CĐR được thực hiện và không có các học phần thừa hay học trùng lặp trong CTĐT, tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng học phần theo tiến trình phát triển liên tục của CTĐT.

CĐR của CTĐT năm 2022 được đối sánh với CĐR của các CTĐT đã được ban hành trong các phiên bản trước [\[H1.01.02.09\]](#).

CĐR của CTĐT ngành CNKTCK ban hành năm 2022 được cụ thể hóa, mỗi CĐR xác định mức độ đào tạo cụ thể, được cập nhật, chỉnh sửa và cụ thể hóa theo định hướng tiếp cận CDIO, đáp ứng yêu cầu năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Thông qua quy trình, cách thức xây dựng CĐR và việc lập ma trận CĐR và các học phần, cho thấy CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được mô tả rõ ràng và bao quát đầy đủ các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt đối với người học sau khi hoàn thành CTĐT, đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu của vị trí việc làm của người học trong bối cảnh đổi mới, sáng tạo và sự phát triển mạnh mẽ của KHCN, đồng thời cũng đảm bảo cho người học có những năng lực chung phù hợp trong môi trường làm việc, cũng như năng lực giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, năng lực tự học....

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được xây dựng theo đúng quy trình đảm bảo khoa học, chặt chẽ, theo định hướng tiếp cận năng lực.

CĐR được mô tả rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT còn hạn chế. Số lượng các bên liên quan tham gia còn hạn chế, nhất là các doanh nghiệp lớn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đầy đủ hơn, rộng rãi	Phòng KT&ĐBCL. Bộ phận QHDN.	Thực hiện định kỳ hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		hơn, đặc biệt chú ý việc lấy ý kiến các doanh nghiệp lớn.	Khoa CKDL		
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thực hiện việc rà soát và chỉnh sửa CDR đảm bảo ngày càng phù hợp với yêu cầu xã hội.	Hội đồng phát triển CTĐT. Hội đồng KHĐT.	Thực hiện định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 1.3: CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng cũng như rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành CNKTCK, Nhà trường luôn chú trọng đến việc lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm các doanh nghiệp, các chuyên gia, các nhà quản lý, GV, người học ..., lấy đó làm căn cứ, làm cơ sở để xác định CDR của CTĐT, vì vậy CDR của CTĐT luôn phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan được quy định rõ trong quy trình xây dựng, thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT của Trường ĐHSPKTV để thực hiện [\[H1.01.03.01\]](#) và trong các kế hoạch, văn bản hướng dẫn hiệu chỉnh các CTĐT qua các năm [\[H1.01.03.02\]](#). Trong quá trình thực hiện xây dựng CDR của CTĐT, Tổ soạn thảo chương trình đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan với các hình thức, phương pháp khác nhau như gửi phiếu hỏi, phỏng vấn trực tiếp, tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoặc qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn [\[H1.01.03.03\]](#). Theo báo cáo khảo sát các bên liên quan, đa số các nhóm đối tượng đều thể hiện mức độ hài lòng cao đối với chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí. Trong đó, sinh viên phản hồi ở mức từ đồng ý đến hoàn toàn đồng ý đối với chuẩn đầu ra (99,9%), bản mô tả chương trình (100%) và cấu trúc – nội dung chương trình (99,8%). Cụm sinh viên cũng đánh giá tích cực với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối

với các nội dung tương ứng là từ 82,6% đến 85,2%. Đội ngũ cán bộ viên chức, người lao động trong Khoa Cơ khí Động lực đánh giá rất cao, với tỷ lệ hoàn toàn đồng ý lên tới 100% ở nhiều nội dung, và tối thiểu 96,2% đối với các nội dung còn lại. Đặc biệt, các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát đều đồng thuận 100% với tất cả nội dung đánh giá liên quan đến chương trình đào tạo. Việc đa dạng hình thức lấy ý kiến cũng như đối tượng lấy ý kiến giúp cho việc xây dựng, chỉnh sửa CĐR của CTĐT ngành CNKTCK ngày càng phù hợp và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các bên liên quan, ban soạn thảo thực hiện chỉnh sửa và hoàn thiện CĐR, thông qua Hội đồng KHĐT Khoa, Hội đồng phát triển chương trình và trình Hiệu trưởng ký duyệt ban hành để làm căn cứ để xây dựng kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung nội dung CTĐT [\[H1.01.03.04\]](#). Kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cũng cho thấy đa số người được hỏi đều đồng ý thống nhất cao với nội dung CĐR của CTĐT, điều đó cho thấy CĐR của CTĐT đã phản ánh tương đối đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan.

CĐR của CTĐT ngành CNKTCK định kỳ được rà soát, điều chỉnh để đảm bảo phù hợp, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được xây dựng và công bố công khai lần đầu tiên vào năm 2010 và thường xuyên được rà soát, điều chỉnh với các lần thực hiện điều chỉnh CTĐT các năm. Cụ thể trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã tiến hành rà soát điều chỉnh CĐR cũng như CTĐT vào các năm 2018, 2020, 2022. Năm 2022, CTĐT ngành CNKTCK được thực hiện rà soát và điều chỉnh theo định hướng tiếp cận CDIO, theo đó CĐR cũng được rà soát điều chỉnh và có sự khác biệt tương đối so với CĐR được công bố năm 2020 [\[H1.01.03.05\]](#). Cụ thể CĐR năm 2020 được trình bày với 3 nội dung chính: CĐR về kiến thức (bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành), CĐR về kỹ năng (bao gồm kỹ năng về ngành và kỹ năng tin học, ngoại ngữ), CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm [\[H1.01.03.06\]](#). Đến năm 2022, CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được xác định chú trọng đến năng lực tự chủ, trách nhiệm và sáng tạo trong nghề nghiệp, năng lực tự học và học suốt đời, năng lực làm việc nhóm và khả năng giao tiếp, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và thực hiện hoạt động nghề nghiệp, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin CĐR của CTĐT được mô tả rõ ràng cụ thể theo 4 nhóm năng lực, tương ứng với 4 trụ cột của giáo dục là học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định mình, bao gồm: (1) Chuẩn đầu ra về kiến thức (kiến thức cơ bản và kiến thức ngành), (2) chuẩn đầu ra về phẩm chất, kỹ năng nghề nghiệp, (3) chuẩn

đầu ra về khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng CNTT, (4) chuẩn đầu ra về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai vận hành, đánh giá cải tiến [\[H1.01.03.07\]](#).

CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được công bố công khai trên website của Trường tại địa chỉ <http://vuted.edu.vn> và của Khoa CKĐL tại địa chỉ <https://fea.vuted.edu.vn/> [\[H1.01.03.08\]](#), được phổ biến cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa [\[H1.01.03.09\]](#) và được truyền thông rộng rãi trên các tờ rơi tuyển sinh [\[H1.01.03.10\]](#), ngoài ra việc giới thiệu CĐR của CTĐT còn được các GV giới thiệu, phổ biến cho SV trong quá trình học tập.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR luôn thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan nên CĐR đã phản ánh tương đối đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan.

CĐR được công bố công khai với đa dạng hình thức.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT còn hạn chế. Số lượng các bên liên quan tham gia còn hạn chế, nhất là các doanh nghiệp lớn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đầy đủ hơn, rộng rãi hơn, đặc biệt là lấy ý kiến các doanh nghiệp.	Phòng KT&ĐBCL. Bộ phận QHDN. Khoa CKĐL.	Thực hiện định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thực hiện việc rà soát và chỉnh sửa CĐR đảm bảo ngày	Hội đồng phát triển CTĐT. Các đơn vị có liên quan.	Thực hiện định kỳ hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		càng phù hợp với yêu cầu xã hội Đa dạng các hình thức công khai CDR		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT kỹ sư ngành CNKTCK được xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHSPKTV, phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT định kỳ được rà soát, cải tiến để đảm bảo phù hợp hơn. CDR của CTĐT được xây dựng theo quy trình đảm bảo khoa học, chặt chẽ, theo định hướng tiếp cận năng lực. CDR được mô tả rõ ràng, phù hợp với mục tiêu CTĐT, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CDR bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CDR của CTĐT được công bố công khai. Quá trình xây dựng được khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo phù hợp với sự phát triển KHCV và nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT còn hạn chế. Số lượng các bên liên quan tham gia còn ít, nhất là các doanh nghiệp lớn.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đạt (tổng điểm 13/21)

Tiêu chuẩn 02: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Ngành CNKTCK là một trong những ngành đào tạo đầu tiên của Trường được Bộ GD&ĐT cho phép mở đào tạo ở trình độ đại học và được Khoa CKDL, Trường ĐHSPKTV rà soát cập nhật điều chỉnh theo định kỳ. Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho người học, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lí, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, với đầy đủ các thông tin theo quy định, phù hợp với các quy định, sứ mạng của

Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung. Các học phần trong CTĐT đảm bảo tính logic, hợp lý, cân đối phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu người học trong bối cảnh thực tiễn. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá và cập nhật cải tiến CTĐT. Tiêu chuẩn 2 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề án mở mã ngành đào tạo CNKTCK được Trường ĐHSPKTV, Khoa CKDL xây dựng và thực hiện các thủ tục mở mã ngành đào tạo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [\[H02.02.01.01\]](#). Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK được xây dựng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Thông tư 07/2015 [\[H02.02.01.02\]](#), Thông tư 29/2018 [\[H02.02.01.03\]](#) của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, về năng lực người học đạt được, đảm bảo cho việc áp dụng thực hiện đúng các quy chế đào tạo của Trường được ban hành theo quy định [\[H02.02.01.04\]](#), [\[H02.02.01.05\]](#), [\[H02.02.01.06\]](#), [\[H02.02.01.07\]](#), quy chế công tác SV [\[H02.02.01.08\]](#) và Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá CTĐT [\[H02.02.01.09\]](#), được biên soạn bởi Ban xây dựng CTĐT của Khoa CKDL theo đúng mẫu quy định của Nhà trường và được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi Hội đồng KHĐT Khoa thông qua.

Bản mô tả CTĐT [\[H02.02.01.10\]](#), được xây dựng ban hành bao gồm:

1) Thông tin chung: giới thiệu các thông tin chung về CTĐT, tên chương trình, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã ngành và loại hình đào tạo.

2) Mục tiêu và CDR của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể, CDR và ma trận tích hợp mục tiêu và CDR của CTĐT.

3) Thời gian đào tạo: 4,5 năm.

4) Khối lượng kiến thức của CTĐT: gồm có 161 tín chỉ, cấu trúc chương trình được chia làm 02 khối: Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp (trong đó khối giáo dục chuyên nghiệp gồm có khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, thực hành thực tập và đồ án tốt nghiệp).

5) Nội dung và cấu trúc, cách phân chia các khối kiến thức thể hiện rõ cấu trúc của CTĐT đã tạo thuận lợi cho việc quản lý đào tạo và phát triển chương trình. Danh mục các học phần được mô tả thể hiện rõ thông tin về tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân bổ số giờ lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập, đồ án và kế hoạch dạy học dự kiến, sơ đồ tiến trình đào tạo thể hiện rõ cho từng học kỳ, năm học và đơn vị đảm nhận các học phần (quản lý theo mã học phần), đồng thời được thể hiện rõ tại đề cương chi tiết của học phần [\[H02.02.01.11\]](#).

6) Bản mô tả CTĐT mô tả vắn tắt nội dung, điều kiện tiên quyết về nội dung danh mục các học phần và thể hiện rõ tại bảng ma trận CDR các học phần.

7) Các thông tin về điều kiện thực hiện CTĐT bao gồm: Đội ngũ GV cung cấp thông tin về trình độ, học vị, chức danh khoa học, lĩnh vực chuyên môn, khả năng đảm nhận giảng dạy các học phần cụ thể trong CTĐT. Phần cơ sở vật chất trình bày thông tin về hệ thống các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và trang thiết bị thí nghiệm, về hệ thống thư viện và danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo các loại phục vụ đào tạo. Bản mô tả chương trình cũng thể hiện rõ về cách thức hướng dẫn thực hiện CTĐT, các căn cứ quy định, nguyên tắc thực hiện và hướng dẫn cụ thể một số các học phần đặc thù trong CTĐT.

Hàng năm Khoa CKĐL, Trường ĐHSPKTV đều công bố công khai bản mô tả CTĐT và điều kiện thực hiện chương trình [\[H02.02.01.12\]](#), cho người học và được công bố trên Website của Nhà trường, của Khoa [\[H02.02.01.13\]](#).

Trường có ban hành quy trình biên soạn và hiệu chỉnh CTĐT được phê duyệt kèm theo các biểu mẫu hồ sơ quy định [\[H02.02.01.14\]](#). Căn cứ các quy định hiện hành, CTĐT ngành CNKTCK luôn được cập nhật, điều chỉnh theo đúng quy định. Mỗi lần cập nhật điều chỉnh các năm Trường đều thành lập ban chỉ đạo, rà soát và các tổ soạn thảo điều chỉnh, thẩm định CTĐT [\[H02.02.01.15\]](#), xây dựng kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ rà soát xây dựng cập nhật CTĐT [\[H02.02.01.16\]](#), và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên [\[H02.02.01.17\]](#), để thực hiện. Thành lập hội đồng biên soạn, hiệu chỉnh CTĐT, thành lập tổ biên soạn CTĐT [\[H02.02.01.18\]](#) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên thực hiện [\[H02.02.01.19\]](#).

Mỗi lần triển khai thực hiện điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành CNKTCK đều được lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, tổ chức hội thảo để đánh giá các ý kiến góp ý và được tổng hợp đầy đủ [\[H02.02.01.20\]](#) phục vụ cho quá trình thực hiện cập nhật điều chỉnh.

Quy trình và sự tham gia của các bên liên quan như sau: giảng viên thực hiện xây dựng nội dung học phần, xác định CDR, thiết kế đánh giá; doanh nghiệp thực hiện góp ý về năng lực cần thiết, đề xuất điều chỉnh nội dung phù hợp thực tiễn; Sinh viên, cựu sinh viên thực hiện phản hồi trải nghiệm học tập, gợi ý cải tiến; chuyên gia thực phản biện học thuật, góp ý chuẩn đầu ra và xu hướng đào tạo hiện đại; Phòng Đào tạo, ĐBCL thực hiện điều phối, giám sát quy trình, đảm bảo tuân thủ quy định và chuẩn chất lượng; Lãnh đạo Khoa, Trường thực hiện định hướng chiến lược, phê duyệt chương trình. Tổ biên soạn họp đánh giá các ý kiến và điều chỉnh, cập nhật phát triển CTĐT đảm bảo đúng theo quy trình và quy định hiện hành, buổi họp được ghi chép biên bản và lưu trữ hồ sơ theo quy định [\[H02.02.01.21\]](#). Kết thúc quá trình xây dựng điều chỉnh, cập nhật CTĐT đều được tổ soạn thảo tổng hợp báo cáo kết quả quá trình thực hiện [\[H02.02.01.22\]](#), về hoạt động rà soát cập nhật điều chỉnh CTĐT sau khi được phê duyệt ban hành áp dụng. Các kỳ điều chỉnh năm 2018, 2020 đã được rà soát điều chỉnh so với năm 2016, tuy nhiên sự thay đổi là không nhiều, chỉ tập trung vào cải tiến, hoàn thiện nội dung và cấu trúc của bản mô tả CTĐT, chưa thể hiện rõ được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR chương trình. Năm 2022, Trường đã tiến hành xây dựng CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO với các hướng dẫn cụ thể để thực hiện, điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK theo định hướng CDIO. Trên cơ sở đó CTĐT đã được cập nhật thêm bảng ma trận tích hợp mục tiêu và CDR, bảng ma trận CDR các học phần, bổ sung thêm CDR học phần và phương pháp đánh giá. Bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận phát triển năng lực và đều có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan.

Để công khai công bố và quảng bá về bản mô tả CTĐT đến người học, công tác tuyển sinh hàng năm đều được Nhà trường thông tin về bản mô tả chương trình ngành CNKTCK và thể hiện rõ trong đề án tuyển sinh, tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh... hàng năm [\[H02.02.01.23\]](#), để mang tới cho người học hiểu rõ về ngành đào tạo đăng ký học. Ngoài ra bản mô tả chương trình đều được Nhà trường thông tin công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như các trang mạng xã hội Zalo, Facebook, trên các trang báo chí và đài truyền hình Nghệ An [\[H02.02.01.24\]](#).

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK khi được xây dựng và điều chỉnh đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp phù hợp với Luật GDĐH, quy trình mở ngành đào tạo và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà

người học đạt được khi tốt nghiệp. Để đánh giá CTĐT trong quá trình triển khai thực hiện và thông tin đến người học, nhà tuyển dụng... Trường đã tiến hành thực hiện khảo sát các bên liên quan, SV về CTĐT [H02.02.01.25], từ đó tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát [H02.02.01.26], để tiếp tục chỉnh sửa và cập nhật Bản mô tả CTĐT cho các phiên bản tiếp theo, qua các lần rà soát, các nội dung CDR được đóng góp ý kiến của các bên liên quan, từ đó cập nhật bổ sung các năng lực cần thiết vào CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK được cập nhật và điều chỉnh định kỳ, được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới hiện hành. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo.

Bản mô tả CTĐT thực hiện đầy đủ việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội, đồng thời được công bố công khai đầy đủ đến người học và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nội dung thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật bản mô tả CTĐT chưa thực sự phong phú.

Nội dung bản mô tả các lần điều chỉnh năm 2018 và 2020 thể hiện sự thay đổi không nhiều so với phiên bản cũ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các bên liên quan một về bản mô tả CTĐT. + Cập nhật đầy đủ nội	- Phòng KT&ĐBCL - Khoa CKDL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		dung và đối sánh bản mô tả CTĐT qua các phiên bản.			
2	Phát huy điểm mạnh	+ Thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo quy trình ĐBCL.	- Khoa CKDL	02 năm/lần cho ĐCCT học phần 4 năm/lần cho CTĐT.	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của một học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng.

Căn cứ các văn bản quy định về khối lượng kiến thức và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được [\[H02.02.02.01\]](#), [\[H02.02.02.02\]](#); khung CTĐT, bản mô tả các học phần trong CTĐT được ban hành gồm danh mục các học phần đào tạo của ngành [\[H02.02.02.03\]](#). Đề cương các học phần trong CTĐT ngành CNKTCK [\[H02.02.02.04\]](#), được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành (biểu mẫu đề cương chi tiết học phần thực hành và biểu mẫu đề cương chi tiết các học phần lý thuyết) phù hợp với yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Bản mô tả đề cương các học phần có đầy đủ thông tin và được cập nhật định kỳ, cụ thể bao gồm các nội dung sau:

1) Thông tin chung về học phần: Tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ và phân bổ rõ thời gian lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận.

2) Thông tin về đơn vị quản lý học phần: GV giảng dạy học phần (họ tên, chức danh, học vị, địa chỉ email, điện thoại liên hệ, hướng nghiên cứu chính), Khoa, Bộ môn.

3) Thông tin về điều kiện tiên quyết của học phần.

4) Mục tiêu học phần: mô tả cụ thể theo mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng, mục tiêu thái độ và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

5) CĐR học phần: mô tả rõ ràng CĐR của từng học phần mà người học cần đạt được, phương pháp dạy học để đạt CĐR và phương pháp đánh giá. Mô tả ánh xạ CĐR của học phần với CTĐT.

6) Mô tả văn tắt nội dung học phần: giúp người học hình dung tổng thể các nội dung chính và logic của các phần nội dung của học phần.

7) Nội dung chi tiết của học phần: cấu trúc nội dung nêu rõ từng chương, mục, chi tiết đến 3 cấp, mô tả rõ nội dung từng phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và nội dung phần hướng dẫn tự học. Mô tả rõ sự phân bổ các nội dung dạy học theo tuần, số tiết của mỗi hình thức dạy học (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, tự nghiên cứu, ...). Nêu rõ nội dung dạy học kèm theo các nhiệm vụ của SV được hướng dẫn cụ thể, giúp SV chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu và thực hiện các hoạt động học tập của mình đáp ứng yêu cầu của học phần.

8) Quy định đối với học phần và yêu cầu khác của GV: Các quy định đối với SV như việc làm và nộp bài tập, tham gia thảo luận, dự lớp, ... quy định về phương thức kiểm tra đánh giá và cách thức tính điểm của học phần.

9) Học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu tự học và tự nghiên cứu của SV.

Bản mô tả văn tắt nội dung học phần CTĐT được Nhà trường, Khoa CKĐL công bố công khai trên Website của Khoa và Trường [\[H02.02.02.05\]](#), đưa thông tin nội dung cốt lõi mà người học phải thực hiện để đạt được CĐR của học phần.

Để thực hiện việc biên soạn và hiệu chỉnh, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần, Trường ĐHSPKTV có ban hành quy trình biên soạn và hiệu chỉnh CTĐT kèm theo Biểu mẫu hồ sơ [\[H02.02.02.06\]](#). Với chủ trương áp dụng tiếp cận CDIO trong việc xây dựng và đổi mới CTĐT, Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT [\[H02.02.02.07\]](#), thành lập hội đồng và thành lập tổ biên soạn hiệu chỉnh CTĐT cho ngành CNKTCK [\[H02.02.02.08\]](#), và ban hành kèm theo hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần, đánh giá năng lực SV dựa trên CĐR theo hướng tiếp cận CDIO. Phân công nhiệm

vụ việc rà soát, cập nhật và điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần cho các thành viên tổ biên soạn [\[H02.02.02.09\]](#), để triển khai thực hiện. Tổ biên soạn thực hiện báo cáo kết quả xây dựng và điều chỉnh đề cương học phần để báo cáo hội đồng chuyên môn Khoa CKDL [\[H02.02.02.10\]](#) phê duyệt.

Căn cứ bảng ma trận CDR của CTĐT [\[H02.02.02.11\]](#), đề cương chi tiết học phần được xây dựng bổ sung bảng ma trận phát triển kỹ năng [\[H02.02.02.12\]](#), thể hiện rõ nội dung CDR mà người học phải đạt được. Tại văn bản ban hành sổ tay ĐBCL của Trường [\[H02.02.02.13\]](#) cũng quy định rõ về việc thực hiện ĐBCL cho các học phần và CTĐT trong quá trình thực hiện dạy và học. Trong quá trình triển khai thực hiện rà soát xây dựng đề cương chi tiết học phần đều được tổ biên soạn thực hiện lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan [\[H02.02.02.14\]](#), tổ chức họp thảo luận đưa ra nội dung cho việc hiệu chỉnh và cập nhật đề cương chi tiết học phần [\[H02.02.02.15\]](#), thực hiện báo cáo đối sánh kết quả cập nhật điều chỉnh đề cương chi tiết học phần so với các phiên bản cũ [\[H02.02.02.16\]](#) gửi hội đồng Khoa. Hội đồng khoa kết hợp với bộ môn tổ chức họp thảo luận [\[H02.02.02.17\]](#) kết quả đề cương học phần của tổ biên soạn và được đối sánh với đề cương học phần CTĐT ngành CNKTCK của các cơ sở GDĐH khác [\[H02.02.02.18\]](#), xây dựng bảng ma trận đối sánh về CTĐT giữa các Trường [\[H02.02.02.19\]](#) để tham khảo điều chỉnh cho phù hợp với thực tế tại Trường và đảm bảo đáp ứng CDR cho người học. Do vậy đề cương chi tiết các học phần cũng được biên soạn đầy đủ bao gồm khối giáo dục đại cương (khoa học xã hội, chính trị - pháp luật, khoa học tự nhiên và nhân văn, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng - thể chất), khối giáo dục chuyên nghiệp (khối cơ sở ngành, khối chuyên ngành, khối tốt nghiệp) thay đổi đáng kể, được xây dựng theo biểu mẫu mới, được thiết kế bảo đảm thể hiện sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng là: nội dung giảng dạy nhằm đạt CDR của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập để đạt các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

Bản mô tả đề cương chi tiết học phần được Trường ĐHSPKTV và GV công khai thông tin đến cho người học trên website và buổi đầu tiên giảng dạy học phần, được thông tin đến người học qua công tác truyền thông tuyển sinh [\[H02.02.02.20\]](#) và qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, truyền hình [\[H02.02.02.21\]](#).

Hàng năm các nội dung về CTĐT đều được Nhà trường quan tâm xem xét nhằm đánh giá kết quả hoạt động đào tạo, đánh giá ưu nhược điểm của đề cương chi tiết các học phần qua các đợt khảo sát SV về công tác giảng dạy và học tập [\[H02.02.02.22\]](#), kế hoạch lấy ý

kiến phản hồi cho đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng văn bản, trên website của Trường, của Khoa cũng như thông qua các buổi sinh hoạt lớp. Kết quả khảo sát được đánh giá, đối sánh làm căn cứ cho việc điều chỉnh kế hoạch khảo sát cũng như làm căn cứ cho việc hiệu chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết học phần [\[H02.02.02.23\]](#). Để phù hợp với tình hình thực tế triển khai giảng dạy theo tín chỉ tiếp cận CDIO của Nhà trường, từ năm 2022 việc hiệu chỉnh, cập nhật và hoàn thiện đề cương chi tiết các học phần đã cơ bản được thực hiện đầy đủ bao gồm khối giáo dục đại cương (khoa học xã hội, chính trị - pháp luật, khoa học tự nhiên và nhân văn, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng - thể chất), khối giáo dục chuyên nghiệp (khối cơ sở ngành, khối chuyên ngành, khối tốt nghiệp) theo đúng hướng dẫn quy định và biểu mẫu, cũng như cập nhật đầy đủ ý kiến của GV, nhà tuyển dụng, việc thu thập thông tin phản hồi của SV về học phần.

2. Điểm mạnh

Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành CNKTCK đều được thực hiện đúng mẫu quy định, được thiết kế khoa học, thể hiện đầy đủ các thông tin, nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Bản mô tả đề cương học phần được công khai đầy đủ thông tin đến người học và được cập nhật điều chỉnh theo định kỳ.

3. Điểm tồn tại

Thông tin chi tiết của đề cương chi tiết học phần các phiên bản điều chỉnh năm 2018 và 2020 thể hiện chưa đầy đủ và cập nhật nội dung chi tiết đề cương chi tiết học phần qua các phiên bản đó chưa có sự điều chỉnh nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	1. Lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần 2. Phân tích dữ liệu thi, kiểm tra và đánh giá một cách sâu sắc hơn, đồng thời cung cấp thông tin phản	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm	

		hội cho khoa đề điều chỉnh đề cương chi tiết học phần.			
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần hàng năm, truyền thông rộng rãi đến từng SV và giảng viên để thực hiện.	Khoa CKĐL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK và đề cương chi tiết các học phần là một nguồn thông tin quan trọng giúp cho người học, thí sinh và phụ huynh tìm hiểu về sâu hơn về CTĐT; giúp cho các nhà tuyển dụng biết SV tốt nghiệp tại Trường được trang bị các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ gì; giúp cho GV, cán bộ và các chuyên gia, tổ chức nghề nghiệp biết được CTĐT hiện hành để thảo luận, triển khai và đóng góp ý kiến. Do đó việc công bố công khai bản mô tả CTĐT là rất cần thiết.

Bản mô tả CTĐT [\[H02.02.03.01\]](#), và đề cương chi tiết các học phần [\[H02.02.03.02\]](#), ngành CNKTCK sau khi điều chỉnh, bổ sung được thông qua hội đồng khoa học của Khoa CKĐL thẩm định [\[H02.02.03.03\]](#), trình hội đồng phát triển CTĐT Nhà trường phê duyệt chính thức để ban hành sử dụng và được công bố công khai theo quy định cho người học, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau. Như công bố trên website Nhà trường [\[H02.02.03.04\]](#), trên cổng thông tin báo cáo ba công khai, và trên Website của Khoa CKĐL [\[H02.02.03.06\]](#), đồng thời cập nhật công bố công khai cho SV trên phần mềm trang đăng ký học của SV [\[H02.02.03.07\]](#), hướng dẫn cách tiếp cận thông tin Bản mô tả CTĐT trên trang cá nhân từng SV để biết được nội dung cũng như kế hoạch học tập của bản thân, từ đó chủ động học tập một cách có hiệu quả.

Tổng quan về CTĐT ngành CNKTCK cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Nhà trường, Khoa CKĐL cũng đã được giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học [\[H02.02.03.08\]](#), qua đó truyền thông hiệu quả tốt nhất đến với người học.

Các thông tin cơ bản về bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần đều được cung cấp cho người học, GV thông qua đề án tuyển sinh hàng năm [\[H02.02.03.09\]](#), và được công bố công khai trên các cổng thông tin điện tử của Trường cũng như Website tuyển sinh của Trường.

Đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp kèm theo bản mô tả, công bố công khai cho SV, được GV giới thiệu chi tiết ngay buổi học đầu tiên của mỗi học phần theo quy định, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần mình cần đạt được. CTĐT ngành CNKTCK được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO có học phần Nhập môn ngành CNKTCK với thời lượng 03 tín chỉ đã giúp SV năm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó các nội dung giới thiệu về CTĐT ngành CNKTCK, cấu trúc, logic và yêu cầu của CTĐT cũng được giới thiệu đến SV, cũng như để giới thiệu cho SV về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của ngành tại khoa.

Bên cạnh đó Nhà trường, Khoa CKĐL cũng đã phổ biến, giới thiệu bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần đến các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động thông qua phối hợp với Bộ phận QHDN và việc làm SV tổ chức các hội thảo về liên kết doanh nghiệp trong đào tạo và thực tập tốt nghiệp của SV tại các doanh nghiệp, trên cơ sở ký kết các biên bản hợp tác ghi nhớ giữa hai bên [\[H02.02.03.10\]](#). Nhà trường đã tăng thêm các kênh liên lạc với các cựu SV, với các đơn vị đào tạo và doanh nghiệp qua đó tiếp cận và tham gia vào việc truyền thông cũng như cho ý kiến phản hồi để góp phần phát triển CTĐT ngành CNKTCK.

Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần được phổ biến và lưu trữ ở các phòng ban, các cấp quản lý khác nhau như Phòng đào tạo, trưởng bộ môn, trợ lý giáo vụ khoa, giáo viên quản lý SV và đội ngũ GV giảng dạy để tạo sự nhất quán trong việc quản lý, triển khai và giám sát.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đồng bộ việc công bố công khai bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần trên tất cả các hệ thống cổng thông tin điện tử của Trường, của Khoa, trên trang tuyển sinh, trên phần mềm trang đăng ký học của SV và các phương tiện truyền thông đại chúng khác. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành CNKTCK được công bố công khai rộng rãi, cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ

đào tạo, cũng như các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT, đề cương chi tiết học phần cụ thể và chi tiết đến đối tượng tuyển sinh, phụ huynh thí sinh còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế, còn chưa hiệu quả và chưa được thực hiện đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện tốt công tác truyền thông tuyển sinh về CTĐT ngành CNKTCK đến thí sinh và phụ huynh.	Bộ phận tuyển sinh. Khoa CKDL.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Giới thiệu cụ thể, chi tiết bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đến từng GV, SV.	Khoa CKDL.	Ngay sau khi ký ban hành sử dụng.	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 2:

Trường ĐHSPKTV, Khoa CKDL đã chú trọng xây dựng bản mô tả CTĐT một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo CTĐT của các Trường đại học có uy tín trong nước để nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT cũng là tài liệu hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như

cho các bên liên quan để giám sát. Đề cương chi tiết học phần thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu. Bản mô tả CTĐT sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin và các đề cương chi tiết học phần giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT và sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được CĐR.

Tuy nhiên việc truyền thông CTĐT đến các bên liên quan còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế chủ yếu ở SV và GV, cần đẩy mạnh hơn nữa việc lấy ý kiến của các bên liên quan đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, nhà sử dụng lao động, cựu SV.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đạt (tổng điểm 12/21)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc của CTDH ngành CNKTCK được thiết kế một cách hợp lý và có hệ thống theo hướng tiếp cận CĐR của CDIO, tuân thủ chặt chẽ theo quy định về quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực theo quy định về thiết kế CTĐT của Trường ĐHSPKTV. Các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong CTDH được kết hợp hiệu quả nhằm đảm bảo toàn bộ người học đạt được CĐR của các học phần, góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH được thiết kế đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành và thực hành đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Ngoài ra, CTDH được định kỳ rà soát và điều chỉnh, bổ sung và cập nhật thường xuyên, với sự tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Tiêu chuẩn 3 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước cơ bản như sau: Trước hết, xác định mục tiêu rà soát nhằm đảm bảo chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra, nhu cầu thực tiễn và quy định hiện hành. Tiếp theo, nhà trường thành lập hội đồng hoặc nhóm chuyên trách gồm cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên gia và đại diện doanh nghiệp để triển khai công việc. Sau đó, tiến hành thu thập, phân tích thông tin từ

những nguồn như đánh giá chương trình hiện hành, khảo sát ý kiến các bên liên quan và đối sánh với các chương trình đào tạo khác. Dựa trên cơ sở đó, nhóm thực hiện đề xuất điều chỉnh nội dung chương trình, bao gồm mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc học phần và phương pháp giảng dạy. Bản dự thảo chương trình sẽ được đưa ra lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa, hoàn thiện và trình phê duyệt. Khi được thông qua, chương trình được triển khai thực hiện, giảng viên được tập huấn và học liệu được cập nhật đầy đủ. Cuối cùng, sau một thời gian áp dụng, chương trình sẽ được theo dõi, đánh giá hiệu quả và tiếp tục điều chỉnh nếu cần thiết để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả lâu dài.

CTDH ngành CNKTCK xây dựng dựa theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [\[H3.03.01.01\]](#), [\[H3.03.01.02\]](#), [\[H3.03.01.03\]](#), [\[H3.03.01.04\]](#), [\[H3.03.01.05\]](#).

Cụ thể, để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTĐT căn cứ vào CDR đã được ban hành [\[H3.03.01.06\]](#), [\[H3.03.01.07\]](#). Nhà trường cũng đã thực hiện xây dựng hệ thống phiếu điều tra, khảo sát ý kiến và phản hồi của các bên liên quan và các quy định bao gồm: Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường. CTDH được xây dựng dựa trên hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể về quy chế đào tạo và thiết kế CTĐT của Trường ĐHSPKTV [\[H3.03.01.08\]](#), trên cơ sở đó để xây dựng điều chỉnh, xây dựng ban hành các CTĐT [\[H3.03.01.09\]](#) và đã được đưa vào áp dụng đào tạo cho tất cả các khối ngành trong đó có ngành CNKTCK. Để thực hiện việc đánh giá ban hành áp dụng CTDH các hội đồng thẩm định [\[H3.03.01.10\]](#) và ban hành các quy trình quy định cũng như các hội đồng phát triển CTDH trong việc xây dựng thiết kế, rà soát và thẩm định phê duyệt CTDH [\[H3.03.01.11\]](#), [\[H3.03.01.12\]](#), [\[H3.03.01.13\]](#), [\[H3.03.01.14\]](#), [\[H3.03.01.15\]](#). CTĐT được thiết kế dựa trên CDR CDIO, báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu từ doanh nghiệp có sử dụng lao động [\[H3.03.01.16\]](#), và cựu SV sau khi tốt nghiệp [\[H3.03.01.17\]](#), [\[H3.03.01.18\]](#), [\[H3.03.01.19\]](#). Đối sánh với CTĐT cùng ngành trong nước [\[H3.03.01.20\]](#). Kết hợp các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong nhiều lĩnh vực và ngành nghề để đánh giá được năng lực người học đảm bảo đạt CDR của CTĐT Trường đã thực hiện xây dựng quy định về thi kiểm tra kết thúc học phần [\[H3.03.01.21\]](#), các quy định này được gửi về các khoa đào tạo và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện [\[H3.03.01.22\]](#).

CTDH sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp Khoa, cấp Trường được công bố và có quyết định ban hành rộng rãi [\[H3.03.01.23\]](#). CTĐT được xây dựng trên cơ

sở CĐR đã được ban hành [\[H3.03.01.24\]](#) với khung CTĐT ngành CNKTCK được thiết kế với khối lượng toàn khóa là 161 tín chỉ (bao gồm cả Giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng an ninh), trong đó các khối kiến thức và các học phần được xây dựng dựa trên cơ sở thiết lập các ma trận CĐR với chương trình chi tiết các học phần [\[H3.03.01.25\]](#).

Năm 2018, 2020 khung chương trình được rà soát và có sự điều chỉnh nhỏ trong quá trình thực hiện. Đến năm 2022, cấu trúc của CTĐT được rà soát, cải tiến và xây dựng toàn diện, đặc biệt là CĐR của CTĐT được điều chỉnh theo một cách chặt chẽ và có hệ thống [\[H3.03.01.26\]](#). CTDH gồm 161 tín chỉ, được xây dựng dựa trên Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, thái độ, có sự phân bổ phù hợp, logic và hệ thống số lượng tín chỉ lý thuyết và thực hành/bài tập với từng học phần.

Năm 2022, CTĐT đại học hệ chính quy ngành CNKTCK xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. CTDH ngành CNKTCK với đề cương chi tiết các học phần [\[H3.03.01.27\]](#), với kế hoạch dạy học cụ thể, trong đề cương chi tiết học phần được miêu tả mục tiêu và CĐR học phần đối ứng với các CĐR của CTĐT. CTDH ngành CNKTCK được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo ngành học, khung năng lực, CĐR và ma trận ITU (Introduce, Teach, Utilise) theo tiếp cận CDIO, đi kèm với chương trình chi tiết học phần là các đề cương bài giảng tương ứng [\[H3.03.01.28\]](#), được biên soạn để phục vụ công tác giảng dạy dựa trên CĐR.

CTDH gồm các khối kiến thức Giáo dục đại cương (tín chỉ) và các khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (tín chỉ). Khối kiến thức Giáo dục đại cương bao gồm các khối kiến thức về Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và Nhập môn ngành CNKTCK. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm Kiến thức cơ sở, Kiến thức ngành, và Kiến thức bổ trợ. Các học phần ở các khối kiến thức được phân bổ theo tiến độ giảng dạy của từng học kỳ, có sự phân bổ hợp lý và cân đối giữa các học phần bắt buộc và tự chọn, bao phủ CĐR của CTĐT [\[H3.03.01.29\]](#). Trên cơ sở CĐR của CTĐT, CTDH được thiết kế các học phần thực tập sản xuất tại doanh nghiệp và thực tập tốt nghiệp được bố trí phù hợp trong kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước để đảm bảo đạt CĐR của CTĐT [\[H3.03.01.30\]](#).

Các học phần trong CTDH được thiết kế theo các CĐR được mô tả theo năng lực của CTĐT thông qua các bước đối sánh CĐR với mục tiêu đào tạo, xây dựng thang đo năng lực mong muốn. Theo đó CĐR và mục tiêu của CTĐT phân bổ cho từng học phần đảm bảo

được tính hệ thống và phù hợp với nội dung giảng dạy và học tập của từng môn học. Sau đó, tiến hành xây dựng đề cương chi tiết các học phần, trong đó các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả trong quá trình học tập cũng như khi kết thúc học phần được phối hợp chặt chẽ và phù hợp nhằm giúp người học đạt được các kiến thức, kỹ năng và thái độ đặc trưng của chuyên ngành CNKTCK ở từng học phần và được quy định rõ trong quy định thi kiểm tra kết thúc học phần của Nhà trường [\[H3.03.01.31\]](#). Trong đó, tổ hợp các hoạt động dạy và học kết hợp linh hoạt các phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, ... nhằm giúp người học hiểu, giải thích, phân tích, tổng hợp kiến thức cũng như ứng dụng các kỹ năng, thái độ vào môi trường thực làm việc thực tế. CTDH thể hiện mục tiêu của CTĐT trong kết quả từng môn học và từng khối kiến thức. Đảm bảo các môn học bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt CĐR một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo.

Các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với từng học phần bao gồm bài tập nhỏ, thảo luận, vấn đáp, thuyết trình, tự luận, tiểu luận... được kết hợp bổ trợ lẫn nhau trong quá trình học nhằm đánh giá thể hiện sự tương quan với các CĐR của học phần thể hiện qua số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm, nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR của CTDH. Đồng thời, thời gian tích lũy các CĐR được phân bổ linh hoạt và hợp lý với các môn học, từ đó đảm bảo người học đạt được các CĐR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả chất lượng cũng được Trường thực hiện hàng năm và theo các giai đoạn cụ thể [\[H3.03.01.32\]](#), để từ đó xây dựng điều chỉnh CTDH và đề cương chi tiết các học phần phù hợp dựa trên CĐR của CTĐT.

Các phương pháp dạy học khác nhau được sử dụng và triển khai trong CTDH với các hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các phương pháp có tính chất hoạt động nhóm, seminar, thực hành và thảo luận. Đánh giá quá trình học tập của sinh viên với nhiều hình thức kiểm tra linh động như: vấn đáp, thuyết trình, báo cáo, trắc nghiệm, thực hành, ... với trọng số lớn hơn để cải tiến quá trình kiểm tra đánh giá và được thể hiện rõ trong hồ sơ sổ tay GV [\[H3.03.01.33\]](#). Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học áp dụng linh hoạt với nhiều hình thức trực tiếp như thi viết, trắc nghiệm hoặc

gián tiếp thông qua các đồ án, sản phẩm cho tất cả các học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành CNKTCK được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có tính hệ thống, có cấu trúc chặt chẽ và hợp lý, thể hiện sự cân đối giữa các khối kiến thức. CTDH bao gồm các học phần được phân bố hợp lý, bao trùm các CĐR của CTĐT, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong CTDH được thiết kế phù hợp, góp phần giúp người học đạt được CĐR trong CTĐT. CTDH ngành CNKTCK được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. Đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Số lượng chương trình tham khảo còn ít và điều kiện thực tế liên quan của các chương trình tham khảo chưa được nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo khoa học cấp Khoa và bộ môn nhằm thu thập ý kiến góp ý về CĐR của CTĐT.	Khoa CKĐL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Cải tiến các phương pháp giảng dạy, học tập, cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong CTDH.	Khoa CKĐL	Hàng năm	

3	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác dự giờ định kỳ, kiểm tra hồ sơ giảng dạy của GV để góp ý xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần nhằm đáp ứng CĐR của chương trình.	Khoa CKDL	Hàng năm	
---	---------------------	--	-----------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành CNKTCK được xây dựng dựa theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, CTDH sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp Khoa, cấp Trường được công bố và có quyết định ban hành rộng rãi [\[H3.03.02.01\]](#), để triển khai thực hiện đào tạo. Khung CTĐT ngành CNKTCK sau rà soát, cải tiến được thiết kế theo cấu trúc bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Tất cả các học phần trong CTDH được xây dựng một cách hệ thống có trình tự trước sau, có sự tương thích về nội dung, có sự kết nối giữa các học phần và thể hiện sự đóng góp cụ thể của từng học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT [\[H3.03.02.02\]](#), và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường [\[H3.03.02.03\]](#).

Trên cơ sở bản mô tả CĐR của CTĐT [\[H3.03.02.04\]](#), tổ soạn thảo chương trình đã thực hiện triển khai xây dựng bản mô tả chi tiết về CTDH và mô tả chi tiết về nội dung của các học phần trong CTDH [\[H3.03.02.05\]](#), thể hiện rõ trong nội dung mô tả đảm bảo để đạt được CĐR của CTĐT. Việc xác định mức độ đóng góp của các học phần đối với từng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên bản ma trận chuẩn đầu ra, bao gồm: các khối kiến thức được thể hiện theo 5 mức từ K1 – K5, khối kỹ năng được thể hiện theo 5 mức từ S1 – S5, khối thái độ được thể hiện theo 5 mức từ A1 – A5 và khối năng lực thực hiện được thể hiện theo 5 mức từ C1 – C5.

CTDH của ngành CNKTCK được thiết kế với khối lượng 161 tín chỉ, cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ bản, cơ sở ngành đến chuyên sâu, trong đó bao gồm

ba khối kiến thức là khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành thí nghiệm cân đối, logic và chặt chẽ được thể hiện rõ ràng trong các kế hoạch đào tạo các khóa [\[H3.03.02.06\]](#). Điều đó thể hiện rằng cấu trúc CTĐT đã đảm bảo cho người học trước và sau khi tốt nghiệp sẽ thể hiện được đầy đủ kiến thức và năng lực tương ứng với các CĐR.

Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết được biên soạn khoa học và chặt chẽ về chuyên môn, đáp ứng với chuẩn đầu ra của CTĐT. Trong đó, mỗi đề cương đều thể hiện rõ sự tương thích giữa mục tiêu và CĐR của học phần với CĐR của CTĐT. Các học phần được thiết kế hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT, với khối lượng 161 tín chỉ các học phần được phân nhiệm vào các chủ đề của CĐR: Kiến thức lập luận ngành (Toán học, Vật lý, Hóa học, Nhập môn ngành kỹ thuật, các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành...); Kỹ năng phẩm chất cá nhân (Kỹ năng tư duy phản biện, Pháp luật đại cương, Khởi sự doanh nghiệp...); Kỹ năng làm việc nhóm (Thực hành cơ bản, thực hành nâng cao và Thực tập tốt nghiệp,...); Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống điều khiển tự động trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (Đồ án môn học, Đồ án tốt nghiệp). Các học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm ITU và ma trận Học phần - CĐR trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học/học phần. Qua đó sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận môn học - CĐR và ma trận ITU đã thiết kế.

Tổ hợp các phương pháp dạy và học (giải thích cụ thể, thuyết giảng, thảo luận nhóm, nêu vấn đề....) được nêu rõ, các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp (bài tập nhỏ, thảo luận, vấn đáp, thuyết trình, tự luận, tiểu luận...) các học phần trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành CNKTCK khi ra Trường được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CĐR của CTĐT.

Các học phần được sắp xếp linh hoạt và khoa học nhằm đảm bảo tính kế thừa để bổ sung về kiến thức cũng như tương trợ nhau về kỹ năng được rèn luyện tăng dần. Nội dung

giảng dạy của từng học phần còn mang tính cập nhật và có tính tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp và thống nhất với CDR của CTĐT. Trong đó, mục tiêu mỗi học phần đều yêu cầu SV phải đạt được những kiến thức, phẩm chất, kỹ năng lẫn năng lực thái độ tương ứng với từng bài học cụ thể trong tiến trình học tập. Việc đánh giá kết quả các học phần đạt CDR được thực hiện bởi điểm đánh giá cuối kỳ và điểm đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, ý thức; điểm hồ sơ học phần thông qua bài tập, thảo luận, làm việc nhóm; kiểm tra giữa kỳ...). Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về Công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ [\[H3.03.02.07\]](#). Kết quả học tập của SV được đánh giá theo quá trình và kết quả thi, được thể hiện rõ ràng trên bảng điểm của mỗi học phần [\[H3.03.02.08\]](#) và bảng điểm tổng hợp của mỗi học kỳ sau khi kết thúc học kỳ [\[H3.03.02.09\]](#).

Để đảm bảo được kết quả đạt CDR của mỗi SV theo kết quả học tập các học phần như trên thì CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đều được biên soạn chi tiết cụ thể được nghiệm thu và thẩm định chặt chẽ qua các lần biên soạn điều chỉnh [\[H3.03.02.10\]](#), đi kèm với đề cương chi tiết các học phần là đề cương bài giảng thực hành [\[H3.03.02.11\]](#), được biên soạn với nội dung chuyên môn cụ thể của từng học phần đóng góp một phần rất quan trọng trong việc dạy và học để đảm bảo đạt CDR. Ngoài ra để xây dựng biên soạn CTĐT và đề cương chi tiết các học phần còn được đối chiếu so sánh với CTĐT cùng ngành một số Trường đại học trong nước [\[H3.03.02.12\]](#). Đồng thời các thông tin về CDR cho CTĐT ngành CNKTCK cũng được đăng tải công khai trên website của Nhà trường, của khoa, trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá về tuyển sinh [\[H3.03.02.13\]](#).

Căn cứ danh mục các học phần trong CTĐT và thời gian kế hoạch đào tạo phân bổ hàng năm Trường đều xây dựng biểu đồ đào tạo chi tiết cho từng năm học và thời khóa biểu chi tiết cho từng học phần, khóa học, ngành học [\[H3.03.02.14\]](#), và phân công giảng viên phụ trách giảng dạy từng học phần của từng học kỳ [\[H3.03.02.15\]](#), để trên cơ sở đó người học chủ động theo dõi và đăng ký học theo năng lực của bản thân để đáp ứng được tốt nhất CDR của các học phần đã đăng ký học trong từng học kỳ năm học. Quá trình thực hiện giảng dạy của GV đều có đầy đủ hồ sơ giảng dạy, lịch giảng dạy chi tiết từng học phần, sổ theo dõi chi tiết từng SV trong suốt quá trình giảng dạy [\[H3.03.02.16\]](#), để đảm bảo đánh giá đúng CDR cho từng SV đối với từng học phần.

Đối với các học phần thực hành có sự ảnh hưởng rất lớn đến CDDR của CTĐT, do vậy với cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ đào tạo các học phần thực hành đều được phân bổ phù hợp tốt nhất cho dạy và học thực hành và đều được ghi chép báo cáo cụ thể trong nhật ký xưởng thực hành [\[H3.03.02.17\]](#). Đối với học phần thực tập sản xuất tại doanh nghiệp và Thực tập tốt nghiệp để đáp ứng được năng lực của người học đảm bảo đạt CDR hàng năm Nhà trường đều liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để bố trí cho SV thực tập và trải nghiệm vị trí việc làm tại các doanh nghiệp [\[H3.03.02.18\]](#). Kết thúc mới đợt thực tập đều có nhận xét đánh giá của doanh nghiệp về kết quả học tập của SV [\[H3.03.02.19\]](#).

Thêm vào đó để nâng cao chất lượng đào tạo, hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch thanh tra về chất lượng giảng dạy của GV toàn Trường và có đánh giá về kết quả đào tạo và điều kiện thực hiện chương trình đào tạo, giảng dạy nhằm đáp ứng đạt chuẩn đầu ra [\[H3.03.02.20\]](#), thực hiện công tác thanh kiểm tra quá trình giảng dạy các học phần hàng ngày, hàng tháng và được ghi chép báo cáo cụ thể theo từng năm của đơn vị thực hiện công tác thanh kiểm tra [\[H3.03.02.21\]](#). Ngoài ra công tác đảm bảo chất lượng trong đó chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng đào tạo trong việc theo dõi đánh giá kết quả của người học trong việc học để đạt CDR cũng được thể hiện rõ trong Báo cáo tổng kết công tác ĐBCL của Trường [\[H3.03.02.22\]](#), và báo cáo tổng kết công tác đào tạo của Trường qua các năm học [\[H3.03.02.23\]](#).

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTĐT được phân bổ hợp lý, bổ trợ lẫn nhau nhằm đóng góp cho việc đạt được CDR. Tất cả các học phần đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được rõ sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Toàn bộ các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra - đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Nội dung các học phần trong CTDH đều thể hiện việc đạt được CDR và được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nội dung học tập của một vài học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và kiến thức ngành chưa mang tính cập nhật rõ ràng với hiện tại, từ đó ảnh hưởng đến việc tích lũy CDR theo thời gian.

Khoa chưa thực hiện được việc lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng và cựu SV về đề cương chi tiết các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường cải tiến, bổ sung và cập nhật cho ĐCCT.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại 1	Phân công GV kiểm tra, rà soát, bổ sung và cập nhật cho đề cương chi tiết học phần.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	
3	Khắc phục tồn tại 2	Lên kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV về đề cương chi tiết của một số học phần về năng lực nghề nghiệp để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành CNKTCK được xây dựng có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp dựa theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [\[H3.03.03.01\]](#). Định kỳ CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các phiên bản và đều được thực hiện biên soạn với cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp đảm bảo quy định để ban hành sử dụng [\[H3.03.03.02\]](#), và được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, của khoa CKĐL.

CTDH ngành CNKTCK được xây dựng và biên soạn theo hướng tiếp cận CDIO năm 2022, được thiết kế gồm 76 học phần với tổng 161 tín chỉ: trong đó 08 tín chỉ tự chọn và

bố trí trung bình 18 tín chỉ/ 1 học kỳ. Khối kiến thức Giáo dục đại cương chiếm 31,7% góp phần hình thành phẩm chất đạo đức, tư duy phản biện, kỹ năng ngoại ngữ và CNTT; kiến thức cơ sở ngành chiếm 23,0 % cung cấp nền tảng khoa học kỹ thuật, hỗ trợ việc tiếp cận kiến thức chuyên sâu; khối kiến thức chuyên ngành chiếm tỉ trọng 45,3% là trọng tâm, giúp phát triển năng lực nghề nghiệp, kỹ năng thực hành và giải quyết vấn đề giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. Sự phân bố này thể hiện tính định hướng đầu ra, đảm bảo người học đạt được đầy đủ các năng lực và phẩm chất theo chuẩn đầu ra đã đề ra. Với CTDH thiết kế theo tiếp cận CDIO năm 2022 số tín chỉ học phần tự chọn đã được tăng lên so với phiên bản cũ để người học có sự lựa chọn tốt hơn theo năng lực học của bản thân.

Mỗi lần thực hiện biên soạn và chỉnh sửa CTDH Nhà trường đều thực hiện các kế hoạch tư vấn, hướng dẫn cho tổ soạn thảo và tổ chức các hội thảo để đảm bảo tính thống nhất khi xây dựng CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp cho tất cả các ngành đào tạo [\[H3.03.03.03\]](#). Thành lập ban chỉ đạo phát triển chương trình, hội đồng phát triển chương trình và các tổ biên soạn để triển khai thực hiện [\[H3.03.03.04\]](#), theo đúng nội dung đã được hướng dẫn và quy định.

Trường có ban hành các quy định chi tiết về việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định phê duyệt và ban hành các CTĐT và đề cương chi tiết các học phần [\[H3.03.03.05\]](#), trên cơ sở đó thành lập các thẩm định chương trình [\[H3.03.03.06\]](#), và được thực hiện một cách nghiêm túc đúng quy định. Trong đó thực hiện việc rà soát chặt chẽ CTDH đảm bảo có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, đề cương chi tiết các học phần đảm bảo được thiết kế thể hiện sự lôgic giữa các học phần, sự kết nối chặt chẽ giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành trong thời gian 4 năm của quá trình đào tạo [\[H3.03.03.07\]](#). Trình tự các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của SV từ năm thứ nhất đến hoàn thành khóa học: từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. SV có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành trong các phòng thí nghiệm, thực tập cơ sở, thực tập chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. CTĐT cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn, tiên quyết hay ràng buộc và thời gian kế hoạch học tập cụ thể. Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các học phần trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Các học phần

chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào năm cuối cùng. Đồ án tốt nghiệp được thực hiện theo nhóm từ 2 đến 3 SV dưới sự hướng dẫn của GV chuyên môn. Đồ án tốt nghiệp giúp SV áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với việc thực hiện một dự án của ngành tích hợp với các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình.

Bản mô tả khung CTDH thể hiện đầy đủ các thông tin của các học phần thuộc các khối kiến thức khác nhau, bao gồm tên học phần, số tín chỉ lý thuyết và thực hành/bài tập và mã học phần. Bên cạnh đó, CTDH còn có các hướng dẫn về số tín chỉ tự chọn cần thiết cho mỗi khối kiến thức mà NH cần tích lũy, giúp NH chủ động lên kế hoạch học tập để đạt kết quả tốt nhất [\[H3.03.03.08\]](#).

CTDH được xây dựng, điều chỉnh và cập nhật còn được dựa trên kết quả tổng hợp ý kiến của các bên liên quan [\[H3.03.03.09\]](#) và kết quả khảo sát của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp [\[H3.03.03.10\]](#), bên cạnh đó CTĐT của Trường còn được đối sánh với các CTĐT đã được kiểm định khác trong nước, bao gồm CTĐT ngành CNKTCK của Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh (đã được kiểm định AUN) và một số CTĐT của các Trường khác. Qua đó đảm bảo các khối kiến thức của CTDH ngành CNKTCK của Trường ĐHSPTV đảm bảo tính logic, linh hoạt và cập nhật [\[H3.03.03.11\]](#).

Kế hoạch giảng dạy các học phần được thiết kế rõ ràng theo từng học kỳ. Trong đó, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy từ học kỳ 1 đến học kỳ 5 và các học phần trong khối kiến thức chuyên nghiệp được giảng dạy từ học kỳ 2 đến học kỳ 8. Các học phần được phân bố hợp lý và có tính hệ thống, trong đó các học phần Thực tập nghề nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp được giảng dạy vào học kỳ 8. Ngoài các học phần bắt buộc, CTĐT còn có các học phần tự chọn, tạo cơ hội cho người học mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên biệt, từ đó đáp ứng linh hoạt với các bối cảnh môi trường làm việc trong quá trình hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó Trường đã thực hiện xây dựng biểu đồ đào tạo hàng năm, kế hoạch giảng dạy từng khóa theo từng học kỳ và thời khóa biểu từng học kỳ [\[H3.03.03.12\]](#), và phân công GV giảng dạy các học phần [\[H3.03.03.13\]](#) nhằm hỗ trợ người học biết được số lượng học phần và số tín chỉ cần đạt được, giảng viên giảng dạy các học phần từ đó chủ động hơn trong việc đăng ký, lựa chọn học phần để học trong quá trình học tập của mình để hoàn thành chương trình. Tất cả các nội dung trên đều được Nhà trường đăng tải công khai trên trang điện tử đăng ký học của SV để SV chủ động khai thác và thực hiện [\[H3.03.03.14\]](#).

Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý và mang tính tích hợp trong đó các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được thực hiện trong giai đoạn đầu của CTĐT nhằm cung cấp kiến thức nền, kỹ năng và thái độ cần thiết cho người học. Các học phần trong khối kiến thức cơ sở làm nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành và khối kiến thức bổ trợ. Các học phần trong khối kiến thức ngành giúp người học lựa chọn, định hướng và phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Dựa trên CDR của CTĐT và các bảng ma trận mục tiêu, bảng ma trận CDR của CTĐT để xây dựng CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp đảm bảo đúng quy định và có tính thống nhất [\[H3.03.03.15\]](#).

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH cơ bản được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, cũng như kiến thức bổ trợ, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Toàn bộ các học phần trong CTDH được phân bổ và sắp xếp một cách hợp lý, khoa học đảm bảo đúng cấu trúc và trình tự logic. CTDH được định kỳ rà soát và điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần, nội dung CTDH luôn được cập nhật và có tính tích hợp sau mỗi phiên bản điều chỉnh. Bên cạnh đó, CTDH khi được điều chỉnh có sự tham khảo các CTĐT đào tạo cùng ngành các Trường đại học trong nước nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3. Điểm tồn tại

Khó khăn trong khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH và CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc định kỳ rà soát và điều chỉnh, bổ sung CTĐT và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. Tham khảo các	Khoa CKDL Phòng Đào tạo	Năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		CTĐT trong nước và quốc tế			
2	Khắc phục tồn tại.	Tăng cường kênh khảo sát ý kiến các BLQ.	Khoa CKĐL Phòng Đào tạo	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành CNKTCK được xây dựng với từng học phần có nội dung dựa trên toàn bộ CĐR của CTĐT. Nội dung của CTĐT được thiết kế một cách có hệ thống với các yêu cầu đầu vào của mỗi học phần và kết quả đầu ra tương ứng, đồng thời mang tính tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ nhằm đảm bảo cho người học được học tập theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, ứng dụng được kiến thức từ học phần này sang học phần khác. Ngoài ra, CTDH còn tập trung vào việc phát triển các kỹ năng cần thiết cũng như thái độ nghề nghiệp đúng đắn cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và kiến thức bổ trợ được thiết kế linh hoạt, bổ trợ lẫn nhau, phù hợp với kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, khóa học nhằm giúp người

CTDH được xây dựng theo trình tự hợp lý và hệ thống, mang tính tích hợp cao được phân bố theo các khối: Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập, đặc biệt là nhu cầu cấp thiết của địa bàn miền Trung và các tỉnh khác. Ngoài ra, CTĐT còn luôn được cập nhật, nghiệm thu định kỳ với sự giám sát chặt chẽ về chuyên môn và sự tham khảo các CTĐT cùng ngành khác trong nước.

Tuy nhiên hiện nay khối lượng giảng dạy của các GV của Khoa CKĐL khá nhiều, do vậy Khoa cũng chưa triệt để trong việc kiểm tra đánh giá triển khai nội dung dạy học, phương pháp giảng dạy và đánh giá ở tất cả các học phần nhằm đảm bảo tính phù hợp và góp phần giúp người học đạt được CĐR. Thêm vào đó, sự tham gia đóng góp ý kiến của các doanh nghiệp vào CTDH còn hạn chế nên định hướng đáp ứng được nhu cầu xã hội và nền kinh tế trong bối cảnh hiện tại là chưa được như mong đợi.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 3/3 tiêu chí đạt (tổng điểm 12/21)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy - học tác động trực tiếp đến chất lượng và kết quả đào tạo, phương pháp tốt sẽ giúp người học hiểu rõ, vận dụng tốt kiến thức, kỹ năng, thái độ vào thực tiễn và hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời. Trường ĐHSPKTV triển khai công tác đào tạo và dạy học dựa trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, ban hành triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục rõ ràng. Đội ngũ GV trong Khoa CKDL nói riêng và Trường ĐHSPKTV nói chung không ngừng trau dồi kinh nghiệm nhằm áp dụng hiệu quả, đa dạng các phương pháp giảng dạy nhằm giúp người học đạt CĐR. Cùng với đó các hoạt động dạy - học đáp ứng được CĐR của CTĐT, tạo điều kiện để rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác và hình thành khả năng học tập suốt đời. Tiêu chuẩn 4 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc các mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV đã thực hiện xây dựng và ban hành Quyết định để công bố rõ ràng “Quan điểm phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường ĐHSPKTV giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” [\[H4.04.01.01\]](#) với nội dung chiến lược và giải pháp thực hiện cụ thể, cũng như kế hoạch để triển khai thực hiện với các chỉ tiêu rõ ràng. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPKTV được xây dựng phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; thực hiện vai trò tiên phong và nòng cốt trong đào tạo nhân lực công nghệ, kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật cho cả nước, đặc biệt là khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Với quan điểm Triết lý giáo dục: “Kiến thức - Kỹ năng - Hội nhập”. Trường ĐHSPKTV cung cấp đầy đủ các kiến thức nền tảng vững chắc, kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp, đồng thời truyền cảm hứng và trợ giúp cho người học để đạt hiệu quả mong muốn. Người học tìm thấy niềm vui trong học tập, tạo cảm hứng và yêu mến học tập, học suốt đời. Trường luôn đề cao tính ứng dụng vào thực tiễn; Người học sẽ được thực tập, rèn luyện kinh nghiệm trong môi trường làm việc thực tế và tích lũy đủ kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp

để triển khai các công việc thực tế sau khi ra Trường. Trường luôn chú trọng sự kết nối giữa Nhà trường, cộng đồng và doanh nghiệp, tổ chức nhiều hoạt động hợp tác, liên kết, ngoại khóa để trau dồi kỹ năng sống và kỹ năng hội nhập cho người học. Với mục tiêu phát triển đến năm 2030 là Trở thành đại học định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, đạt các tiêu chí cơ bản đại học ứng dụng của Việt Nam, trong đó một số ngành đào tạo, lĩnh vực mũi nhọn đạt trình độ khu vực ASEAN, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Ngoài triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục đã đặt ra, Trường ĐHSPTV còn hướng đến và phát triển giá trị văn hóa vốn có của Nhà trường là “Đạo đức - Chuyên nghiệp - Sáng tạo”.

Triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPTV là kim chỉ nam để Khoa CKĐL xây dựng triết lý và mục tiêu giáo dục của Khoa “nhằm đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành CNKTCK có chất lượng cao. Do vậy Ngành CNKTCK của Trường ĐHSPTV sau khi được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo [\[H4.04.01.02\]](#), CTĐT của ngành đã được tổ biên soạn xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa trên cốt lõi triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục mà Nhà trường đã đề ra. Khoa CKĐL hướng tới mục tiêu “đáp ứng yêu cầu GDĐH, tạo môi trường học tập tích cực, năng động cho người học, đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực hoạt động nghề nghiệp, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo để giải quyết những vấn đề trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp, sẵn sàng thích nghi với môi trường làm việc đa dạng, có ý thức và khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ”. Mục tiêu giáo dục này được thể hiện qua mục tiêu chung và được cụ thể hóa bằng các mục tiêu cụ thể làm cơ sở xây dựng CĐR của CTĐT, xây dựng CTĐT ngành CNKTCK trình độ đại học tương ứng và lựa chọn các hoạt động dạy - học phù hợp [\[H4.04.01.03\]](#).

Triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPTV khi xây dựng hành và trong quá trình triển khai thực hiện trong các hoạt động của Nhà trường đều được lấy ý kiến góp ý rộng rãi của toàn thể đội ngũ cán bộ, GV và viên chức toàn Trường hàng năm [\[H4.04.01.04\]](#), để từ đó tổng hợp báo cáo và xây dựng phương hướng hoạt động đào tạo của Nhà trường đảm bảo có hiệu quả đáp ứng được Triết lý và mục tiêu giáo dục mà Nhà trường đã đặt ra [\[H4.04.01.05\]](#).

Triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPTV và Khoa CKĐL luôn được công khai rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, GV và người học cũng như tất cả các bên liên quan. Nhằm đảm bảo tất cả cán bộ, GV, người học và các bên liên quan hiểu rõ và

thực hiện các nội dung trong triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa để tổ chức thực hiện với nội dung chiến lược và giải pháp thực hiện cụ thể, cũng như kế hoạch để triển khai thực hiện để đạt được các chỉ tiêu đã đặt ra.

Triết lý và mục tiêu giáo dục được công khai rõ ràng trong sổ tay chất lượng [\[H4.04.01.06\]](#) và được lấy ý kiến của các bên liên quan, ý kiến của GV và sinh viên qua các phiếu khảo sát để đưa triết lý và mục tiêu giáo dục đến đầy đủ hơn với các bên liên quan [\[H4.04.01.07\]](#), [\[H4.04.01.08\]](#). Việc thu thập xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan được thực hiện và sử dụng cho việc xây dựng và xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành CNKTCK. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội.

Đối với đội ngũ cán bộ, GV, viên chức thì nội dung triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường, của Khoa cũng luôn được nêu rõ tại Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức và người lao động hàng năm, tại các cuộc họp khoa.

Nội dung triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa cũng được công bố công khai và tuyên truyền, trao đổi cho SV ngay từ khi SV vào học tại Trường qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa học [\[H4.04.01.09\]](#) để người học hiểu và thấm nhuần về triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường. Đồng thời rước khi bắt đầu mỗi học phần, người học đều được GV giới thiệu về vai trò, ý nghĩa, vị trí của học phần trong CTĐT, mục tiêu, CDR, tiêu chí đánh giá của học phần và tư vấn phương pháp học tập hiệu quả cho học phần đó để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng được các tiêu chí mà Trường đã đặt ra trong mục tiêu phát triển Nhà trường đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Nội dung triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa cũng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa để các đối tác, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và SV, cựu SV đều dễ dàng tiếp cận được nội dung triết lý và mục tiêu giáo dục [\[H4.04.01.10\]](#). Ngoài ra còn được công bố công khai qua các hình ảnh, các Banners về triết lý và mục tiêu giáo dục cũng tại tòa nhà làm việc của Trường cũng như trong khuôn viên Trường [\[H4.04.01.11\]](#).

Triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPKTV còn được thể hiện công khai thông qua công tác tuyển sinh của Nhà trường nhằm phổ biến rộng rãi đến các đối tượng là các em học sinh, phụ huynh về các Ngành/ngành mà Nhà trường đang đào tạo, để tư vấn

cho các em học sinh cũng như phụ huynh một cách sát sao và phù hợp nhất ngành mà các em đăng ký theo học [\[H4.04.01.12\]](#), [\[H4.04.01.13\]](#).

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSPKTV đã xây dựng, ban hành bằng văn bản rõ ràng về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa được tuyên bố rõ ràng và công khai phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều hình thức và hoạt động khác nhau. Trường và Khoa có các chiến lược phổ biến quảng bá nội dung triết lý và mục tiêu giáo dục phù hợp đến từng nhóm đối tượng. Cán bộ, GV, người học hiểu rõ và luôn nêu cao tinh thần thực hiện tốt triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông mục tiêu giáo dục của Nhà trường và ngành đào tạo tới các bên liên quan (đặc biệt là nhà sử dụng lao động) được thực hiện chủ yếu qua website và việc lấy ý kiến chưa được tiến hành thực sự thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức gặp gỡ các đối tác, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV thông qua các buổi tọa đàm trực tiếp hoặc trực tuyến nhằm giới thiệu triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa, đồng thời tham vấn ý kiến các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả của việc vận dụng triết lý giáo dục vào triển khai hoạt động dạy học.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy	Đẩy mạnh các chiến lược phổ biến quảng bá nội dung triết lý, mục tiêu	Khoa CKĐL	Năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	điểm mạnh	giáo dục của Trường và Khoa phù hợp từng nhóm đối tượng.	Trung tâm Thông tin - Thư viện	2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy - học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ nội dung các Thông tư ban hành về quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT [\[H4.04.02.01\]](#), Trường ĐHSPKTV đã thực hiện xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện và quy chế đào tạo của Trường để triển khai áp dụng thực hiện trong tổ chức đào tạo của Trường và trong các hoạt động dạy và học [\[H4.04.02.02\]](#). Ngành CNKTCK thực hiện tổ chức đào tạo, dạy học trên cơ sở quy định của quy chế đào tạo đã được ban hành và trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm. Các hoạt động dạy và học trong CTDH ngành CNKTCK được thiết kế để tương thích và đạt được các CDR của ngành đã được xây dựng ban hành, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [\[H4.04.02.03\]](#). CTĐT ngành CNKTCK luôn định kỳ được cập nhật, bổ sung chỉnh sửa và được Nhà trường phê duyệt ban hành áp dụng [\[H4.04.02.04\]](#).

Căn cứ CDR của CTĐT và nội dung khung CTĐT, Khoa CKDL đã biên soạn đề cương chi tiết các học phần trong đồ thể hiện rõ các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để người học đạt được CDR. Các hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy đều được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết các học phần và trong mỗi đề cương chi tiết học phần đều nêu rõ các CDR dựa trên CDR của CTĐT đáp ứng đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người học. Phương pháp giảng dạy và hoạt động tổ chức dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR, với Hoạt động dạy - học phát huy tính chủ động, tích cực của SV trong quá trình xây dựng kiến thức của mỗi cá nhân. Phương pháp, chiến lược và kỹ thuật dạy học phải đề cao dạy học chủ động và trải nghiệm. Dạy học tích hợp, hướng vào năng lực nghề nghiệp, phát triển các năng lực cá nhân, xã hội và giao tiếp. Hệ thống các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong mô hình này để định hướng vận dụng hiệu quả trong thực tiễn gồm: Học tập trải nghiệm, Học tập dựa vào vấn đề, Học theo dự

án, Dạy học tình huống, Thảo luận... thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết của các học phần giảng dạy [\[H4.04.02.05\]](#).

Nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, dạy học tích cực theo hướng lấy người học làm trung tâm, tại Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường cũng như đề cương chi tiết học phần cũng đã được quy định rõ nhiệm vụ của GV và người học trong 5 hoạt động của một giờ tín chỉ gồm: giờ lý thuyết, giờ thảo luận, giờ hoạt động theo nhóm, giờ thực hành, thực tập, thí nghiệm và giờ tự học, tự nghiên cứu. Hệ thống các phương pháp dạy và học đang được Trường triển khai nhằm đạt CĐR bao gồm: Truyền đạt kiến thức một chiều từ người dạy sang NH và NH áp dụng các kiến thức đã tiếp thu để giải quyết các tình huống thực tế thông qua khối lượng thực hành được tích hợp trong các học phần; Thực tập nghề nghiệp, thực tập thực tế, thực tập tốt nghiệp, thực tập, kiến tập sư phạm nhằm đạt các CĐR về năng lực vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong thực tế, CĐR về kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tác phong công nghiệp, CĐR về thái độ nghề nghiệp, đạo đức và tinh thần trách nhiệm cho người học; Chuyên đề tốt nghiệp nhằm đạt các CĐR về tư duy phản biện, giải quyết vấn đề phức tạp, CĐR về khả năng tự học thích nghi với môi trường làm việc thực tế, CĐR về năng lực chuyên môn, kỹ thuật nghề nghiệp; Khoá luận tốt nghiệp nhằm đạt các CĐR về năng lực nghiên cứu phát hiện và giải quyết vấn đề chuyên môn, CĐR về khả năng lập luận, trình bày, bảo vệ ý tưởng chuyên môn một cách khoa học, CĐR về tính chủ động, sáng tạo và khả năng làm việc độc lập; Tham gia các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp nhằm đạt các CĐR về năng lực đổi mới – sáng tạo và khởi nghiệp, CĐR về kỹ năng giao tiếp thuyết trình làm việc nhóm, CĐR về tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề mở liên ngành. Việc nhất quán về phương pháp dạy - học với CĐR của học phần và nhất quán với CĐR của CTĐT được thể hiện rõ qua ma trận nhất quán xác lập sau khi toàn bộ các đề cương chi tiết của học phần được thiết kế.

Để nâng cao và phát triển các năng lực cá nhân của người học, ngoài những hoạt động dạy - học được thiết kế quy định rõ ràng trong CTDH thì Trường cũng đã thành lập các câu lạc bộ SV, tổ chức các cuộc thi KHCN để giúp SV nâng cao khả năng học tập, đa dạng hóa và sáng tạo trong hoạt động dạy - học để giúp SV đạt CĐR của CTĐT [\[H4.04.02.06\]](#). Ngoài giờ học trên lớp, người học được tham gia vào các hoạt động ngoại khóa do Trường, Khoa thiết kế như các buổi giao lưu SV trong Khoa, trong Trường, tham gia các hoạt động của CLB SV [\[H4.04.02.07\]](#), các cuộc thi khởi nghiệp, đây được xem là sân chơi bổ ích cho

người học vận dụng các kỹ năng, kiến thức đã được trang bị và thêm sự tự tin; đồng thời người học được trau dồi học hỏi thêm các kỹ năng mềm khác như hoạt động khuyến khích làm việc nhóm (teambuilding), kỹ năng thuyết trình, hùng biện, lãnh đạo đội nhóm, tổ chức sự kiện, quản trò, tổ chức trò chơi [\[H4.04.02.08\]](#), [\[H4.04.02.09\]](#).

Dựa vào các quy định và hướng dẫn Trường đã ban hành về đổi mới phương pháp dạy học tín chỉ, các GV lựa chọn phương pháp giảng dạy đa dạng, sáng tạo, hiệu quả như giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, hoạt động nhóm và cá nhân, thảo luận, hoạt động thuyết trình, quay phim, đặt vấn đề, nghiên cứu khoa học giải quyết vấn đề, làm tiểu luận, vấn đáp, tự học có định hướng, thực hiện khóa luận, thực tập thực tế, dạy - học theo dự án, để đa dạng hóa phương pháp dạy - học và nâng cao năng lực của người học Trường cũng tổ chức cho SV thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp [\[H4.04.02.10\]](#), [\[H4.04.02.11\]](#) và bố trí giảng viên tham gia hướng dẫn và trải nghiệm cùng SV tại các doanh nghiệp để nâng cao năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng dạy học tại doanh nghiệp [\[H4.04.02.12\]](#). Kết thúc quá trình thực tập SV báo cáo kết quả thực tập dưới sự nhận xét đánh giá của GV để rút kinh nghiệm trong đổi mới phương pháp dạy - học để đạt CĐR của CTĐT [\[H4.04.02.13\]](#).

Định kỳ CTĐT ngành CNKTCK đều được Trường chỉnh sửa bổ sung theo kế hoạch [\[H4.04.02.14\]](#) và đều được lấy ý kiến của đội ngũ GV giảng dạy về cập nhật và điều chỉnh chương trình [\[H4.04.02.15\]](#). Tất cả đề cương chi tiết các học phần đều được nhận xét đánh giá phản biện để đảm bảo được nội dung của chương trình đáp ứng được CĐR [\[H4.04.02.16\]](#). Toàn bộ các phương pháp tiếp cận trong dạy - học đều được nêu rõ ràng trong đề cương chi tiết mỗi học phần, được rà soát điều chỉnh trong nhóm GV phụ trách và được GV hướng dẫn rõ ràng cụ thể đến người học tại buổi học đầu tiên của khóa học. Kèm theo đó, GV giới thiệu hướng dẫn người học tiếp cận các nguồn thông tin, trang thông tin điện tử, tài liệu tham khảo, các công cụ số cần thiết cho từng học phần và cách ứng dụng các hoạt động học tập phù hợp tại lớp, theo cặp, nhóm hoặc tự học nhằm tối ưu hiệu quả học tập, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức hướng tới CĐR của CTĐT. Đội ngũ GV quản lý SV luôn sẵn sàng tư vấn, kịp thời hỗ trợ người học tiếp cận phương pháp học tập hiệu quả cho từng học phần để đạt CĐR.

Để đạt được CĐR với các hoạt động dạy và học được quy định trong đề cương chi tiết học phần, Nhà trường đã ban hành quy định về hồ sơ giảng dạy và tổ hợp các phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả người học để đánh giá đúng năng lực của người học

và ban hành đi kèm với các quy định là các biểu mẫu về đánh giá năng lực CĐR của người học [\[H4.04.02.17\]](#). Các quy định này đều được khoa triển khai phổ biến và quán triệt tới từng cán bộ GV của khoa để triển khai thực hiện [\[H4.04.02.18\]](#). Để đánh giá toàn diện về các hoạt động dạy - học thi CTĐT cũng được thiết kế với học phần Khóa luận tốt nghiệp, học phần này với nội dung tổng hợp kiến thức năng lực khóa học của người học cũng như phương pháp giảng dạy và học tập của người học để đạt được CĐR [\[H4.04.02.19\]](#).

Ngoài ra, Trường cũng đã ban hành những chế độ, chính sách đãi ngộ để khuyến khích, động viên sự đổi mới các hoạt động dạy - học của đội ngũ GV, Khoa CKĐL cũng thường xuyên tổ chức các hội thảo để rà soát, thảo luận, trao đổi những sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để rút kinh nghiệm trong hoạt động dạy - học giúp người học đạt được CĐR.

Các hoạt động dạy - học luôn nhận được sự góp ý, trao đổi, chia sẻ của đội ngũ GV giảng dạy và SV trong toàn Trường thông qua các hoạt động khảo sát hoạt động giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học hàng năm [\[H4.04.02.20\]](#). Thông qua hoạt động dự giờ, các GV trong Khoa có cơ hội chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả phương pháp dạy - học. Các buổi tọa đàm với doanh nghiệp, cựu SV thành đạt, các nhà tuyển dụng và trực tiếp thực tập tại một số cơ quan, đơn vị chuyên môn phù hợp chuyên ngành đào tạo. Từ đó người học hiểu rõ hơn về nhu cầu của thị trường lao động, môi trường làm việc thực tế, học hỏi kinh nghiệm, thái độ làm việc chuyên nghiệp, là bước chuẩn bị hành trang gắn liền với thực tiễn cho người học chuẩn bị tốt nghiệp ra Trường. Đồng thời các hoạt động ngoại khóa này cũng được xem xét như một tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của SV. Trường cũng chủ động khảo sát lấy ý kiến từ các doanh nghiệp, đối tác, các nhà tuyển dụng nơi SV của Khoa đến thực tập về phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập của người học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học của Trường đáp ứng CĐR cho người học [\[H4.04.02.21\]](#). Các ý kiến đóng góp được thu thập làm cơ sở dữ liệu cho Khoa và Trường phân tích, cập nhật và cải tiến các hoạt động dạy - học hiệu quả, phù hợp đáp ứng tốt nhất cho người học đạt được CĐR của CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy đa số người học, GV và các bên liên quan đều hài lòng với các hoạt động dạy - học hiện đang được triển khai trong từng học phần và trong cả CTĐT của ngành CNKTCK.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy - học được thiết kế và triển khai đa dạng, linh hoạt dưới nhiều hình thức, đáp ứng tốt các tiêu chí của CĐR. Đội ngũ GV giảng dạy không ngừng sáng tạo, học hỏi, đổi mới, thường xuyên rà soát cập nhật và trau dồi kinh nghiệm nhằm áp dụng hiệu quả đa dạng các phương pháp giảng dạy, luôn nhiệt tình hỗ trợ, khuyến khích người học trong mọi hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp nhằm giúp người học đạt CĐR. Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL thường xuyên lấy ý kiến góp ý của đội ngũ GV, người học và các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy - học.

3. Điểm tồn tại

Việc triển khai hệ thống học tập trực tuyến còn hạn chế. Nhiều GV và SV chưa khai thác hết hiệu quả tiềm năng của hệ thống.

Chưa phối hợp được nhiều với các đối tác, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu SV nhằm xây dựng CTĐT mở rộng, đổi mới phương pháp tiếp cận dạy - học sát với nhu cầu lao động thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đẩy mạnh tập huấn, nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm trong nội bộ Khoa và liên Khoa nhằm thúc đẩy tiềm lực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và triển khai phát huy tiềm năng của hệ thống học tập trực tuyến.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường phối hợp với các bên liên quan tiếp tục rà soát, cải tiến CTĐT nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		năng, thái độ sát với yêu cầu làm việc thực tế của các nhà tuyển dụng và thị trường lao động.			
3	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hơn nữa việc thiết kế, triển khai linh hoạt, đa dạng hoạt động dạy học, không ngừng sáng tạo, học hỏi, đổi mới, nhiệt tình hỗ trợ, khuyến khích người học đáp ứng tốt các tiêu chí của CDR. Tiếp tục thường xuyên lấy ý kiến của đội ngũ GV, người học và các bên liên quan nhằm rà soát cập nhật cải tiến CTĐT.	Khoa CKDL	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy - học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Tính tích cực, sự chủ động sáng tạo trong mọi hoàn cảnh là một trong những nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho các chương trình giáo dục. Bồi dưỡng năng lực tự học tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập, đặc biệt trong xã hội thông tin phát triển nhanh và mạnh mẽ như hiện nay.

CTĐT ngành CNKTCK đều thực hiện theo quy định ban hành của Trường ĐHSPKTV với quy trình hướng dẫn riêng, CTĐT được bổ sung chỉnh sửa, thay đổi theo hướng tích cực, được cải tiến phù hợp với trình độ và kỹ năng của người học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội [\[H4.04.03.01\]](#). CTĐT ngành CNKTCK trình độ đại học được

tổ chức giảng dạy theo học chế tín chỉ, Đề cương chi tiết học phần được thiết kế với các hoạt động dạy - học đa dạng nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, đưa ra nhiều câu hỏi gợi mở để người học tự tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học, đa dạng phương pháp kiểm tra, đánh giá, luôn hướng đến hình thành khả năng học tập suốt đời cho người học [\[H4.04.03.02\]](#). Đề cương chi tiết các học phần được trình bày cụ thể với việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các hoạt động dạy - học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu bao gồm: kỹ năng chẩn đoán sửa chữa bảo trì thiết bị cơ khí, kỹ năng khai thác vận hành cơ khí, kỹ năng thiết kế và cải tiến hệ thống kỹ thuật trên cơ khí, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành, kỹ năng kiểm định và đánh giá chất lượng kỹ thuật cơ khí, bên cạnh đó cũng cung cấp các kỹ năng mềm cho người học như: kỹ năng làm việc nhóm, quản lý kỹ thuật và tổ chức sản xuất, kỹ năng nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí. Trong các đề cương chi tiết học phần mỗi tín chỉ có yêu cầu tối thiểu 15 - 30 giờ tự học, nhằm đáp ứng mong muốn tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp của người học. Cụ thể trong đề cương chi tiết học phần Hệ thống điện - điện tử cơ khí với số tín chỉ là 3 được phân bổ thời gian là 32 tiết lý thuyết, 13 tiết bài tập, 90 tiết tự học. Mỗi đề cương chi tiết đều có mô tả rõ phương pháp, hình thức tổ chức, các hoạt động dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CĐR. Những nội dung đánh giá kỹ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubrics tương ứng. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học khả năng tự học, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐCCT các học phần của ngành được thiết kế với tỷ lệ phù hợp giữa kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn. CTĐT ngành CNKTCK còn xen kẽ những học phần đồ án môn học, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học thực hiện một dự án cụ thể, kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. Do vậy nội dung và các hoạt động dạy học của đề cương chi tiết học phần luôn được phản biện, thẩm định nghiệm thu chặt chẽ trước khi ban hành sử dụng để giảng dạy [\[H4.04.03.03\]](#).

Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, giúp người học hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân được thể hiện rõ nét trong mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành CNKTCK. Trong xã hội hiện đại, toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu, đặc biệt là trong lĩnh vực phát

triển KHCN ngành CNKTCK hiện nay. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ, điều này cũng được thể hiện rõ trong mục tiêu và CDR của CTĐT.

Trường ĐHSPTV có phần mềm quản lý đào tạo riêng, trang đăng ký học của SV, SV có thể kiểm tra quá trình học tập và hoàn thành chương trình học cũng như tra cứu kết quả học tập của bản thân để chủ động trong việc đăng ký học và chủ động để có những phương pháp kỹ năng học tập tốt nhất để có kết quả học tập cao và hoàn thành chương trình để tốt nghiệp đúng hạn [\[H4.04.03.04\]](#). Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, người học được chủ động chọn các học phần phù hợp để đăng ký học và lập kế hoạch học tập cho bản thân. Đặc biệt phần lớn các học phần trong CTĐT ngành CNKTCK yêu cầu người học phải xây dựng và phát triển các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, đòi hỏi người học chủ động tìm hiểu kiến thức trong và ngoài giáo trình. Với định hướng và yêu cầu của Khoa và Trường thì GV giảng dạy cần tạo ra một môi trường dạy - học sao cho mỗi người học đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức và trở thành người học có sự chủ động, từ đó giúp người học phát triển khả năng tự học và kỹ năng học tập suốt đời.

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học suốt đời của người học thì các hoạt động dạy - học đều có quy định để lấy ý kiến của các bên liên quan và người học [\[H4.04.03.05\]](#). Trên cơ sở ý kiến phản hồi thu thập được Trường cũng đã ban hành quy định về hồ sơ GV giảng dạy và ban hành tổ hợp các phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá để GV cũng như người học chủ động được trong việc thực hiện dạy và học nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như kết quả học tập của SV [\[H4.04.03.06\]](#). Các hoạt động học tập của SV cũng như tinh thần thái độ và kết quả học tập đều được GV ghi chép và lưu giữ để đánh giá chính xác kết quả học tập của SV [\[H4.04.03.07\]](#).

Nhà trường, Khoa CKĐL cũng rất chú trọng trong việc hướng dẫn SV bước đầu làm quen với NCKH qua các hoạt động thuyết trình, thảo luận nhóm, làm tiểu luận ở phần lớn các học phần chuyên ngành của CTĐT ngành CNKTCK trong đó thể hiện rõ qua học phần Kỹ năng mềm và Phương pháp luận NCKH. Điều đó giúp SV phát triển khả năng tư duy, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện vấn đề, đặt vấn đề, tìm hiểu, tra cứu tài liệu, xử lý thông tin nhằm thích ứng tốt với phương pháp dạy - học tiên tiến để hình thành và rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tự học suốt đời. Trường có ban hành quy định về hoạt động

NCKH của SV [\[H4.04.03.08\]](#). Cụ thể, GV hướng dẫn cho SV các bước cơ bản để chuẩn bị cho một bài thuyết trình hoặc bài nghiên cứu, cách thức tra cứu tài liệu tham khảo, định hướng đề tài, hướng dẫn một số phương pháp nghiên cứu phổ biến như khảo sát, phỏng vấn sâu, cách thu thập và xử lý số liệu, cách thức trình bày sản phẩm hiệu quả. Các hoạt động học tập nêu trên có thể thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân nhằm đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với vai trò, nhiệm vụ được phân công song hành với kỹ năng tư duy độc lập.

Ngoài ra, hàng năm SV đều có cơ hội tham gia các hoạt động NCKH cấp Trường dưới sự hướng dẫn của GV giúp nâng cao khả năng tự học cho SV [\[H4.04.03.09\]](#), những SV có khả năng tốt sẽ được lựa chọn để triển khai thực hiện NCKH [\[H4.04.03.10\]](#), kết quả học tập và triển khai thực hiện đề tài NCKH của SV được báo cáo thường xuyên theo tiến độ thực hiện [\[H4.04.03.11\]](#), nó thể hiện vai trò của GV hướng dẫn trong hoạt động dạy - học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học suốt đời của người học. Do đó SV đều được trang bị kỹ càng, đầy đủ các kỹ năng hỗ trợ việc học tập suốt đời như kỹ năng tự học, kỹ năng thuyết trình, hoạt động nhóm, kỹ năng tin học, kỹ năng nghề nghiệp, khởi nghiệp và kỹ năng mềm. Ngoài ra, NH còn được tiếp nhận các kiến thức về khoa học cơ bản, văn hóa, các chia sẻ của GV về phương pháp học đại học, phương pháp tự học tự nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu nhờ đó người học có nền tảng tiếp tục tự học và tự nghiên cứu sau khi ra Trường.

Bên cạnh đó, để thúc đẩy tinh thần NCKH trong SV, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học cấp Trường [\[H4.04.03.12\]](#) và khóa CKĐL hàng năm cũng tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hội thảo khoa học cấp Khoa cho SV tham gia [\[H4.04.03.13\]](#). Những SV tham gia thực hiện NCKH đều được lưu giữ đầy đủ qua các năm [\[H4.04.03.14\]](#), Trường cũng đã có những chính sách rõ ràng để động viên, cũng như khuyến khích những SV có những thành tích xuất sắc trong phong trào NCKH [\[H4.04.03.15\]](#), những SV có thành tích xuất sắc đều được Trường vinh danh và tặng giấy khen trao thưởng hàng năm [\[H4.04.03.16\]](#).

Đối với SV năm thứ 4, Trường tổ chức cho SV đăng ký học phần “Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp và Thực tập tốt nghiệp” [\[H4.04.03.17\]](#), đây là cung cấp cơ hội cho SV áp dụng những kiến thức, kỹ năng và thái độ mình đã học vào trong thực tế làm việc, qua đó góp phần hình thành năng lực thực hành tay nghề và làm chủ các công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, trau dồi năng lực tự học,

tự tìm tòi, không ngừng nâng cao kỹ năng và chuyên môn kể cả khi đã tốt nghiệp. Trong quá trình thực tập, SV nhận được sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của các GV hướng dẫn thực tập thuộc Khoa CKDL [\[H4.04.03.18\]](#) và đội ngũ cán bộ hướng dẫn giàu kinh nghiệm các cơ sở thực tập. Với kết quả và năng lực đạt được trong suốt quá trình thực tập đều được SV tổng hợp và báo cáo đầy đủ theo quy định [\[H4.04.03.19\]](#).

SV ngành CNKTCK luôn có ý thức và tinh thần trách nhiệm cao trong học tập, ngoài các hoạt động dạy - học trên lớp thì SV cũng rất tự giác trong việc tự học của bản thân từ đó thúc đẩy thêm việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học suốt đời cho bản thân [\[H4.04.03.20\]](#). Trong quá trình tổ chức đào tạo, Nhà trường, Khoa CKDL hàng năm đều tổ chức thực hiện các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của SV về các hoạt động dạy - học từ đó để có những điều chỉnh kịp thời về phương pháp giảng dạy để nâng cao ý thức tự giác trong học tập của SV để nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [\[H4.04.03.21\]](#). Với ý thức và tinh thần tự học của SV ngành CNKTCK thì việc cung cấp danh mục tài liệu phục vụ học tập cho SV cũng luôn được Trường chú trọng với hệ thống thư viện với đầy đủ các danh mục tài liệu của ngành cho SV tham khảo và tự học [\[H4.04.03.22\]](#), từ đó đóng góp một phần trong quá trình thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học suốt đời của người học.

2. Điểm mạnh

CTĐT của Ngành CNKTCK được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn và thực hành, giờ tự học trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin. Phương pháp giảng dạy tích cực coi người học là trung tâm đã khuyến khích khả năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các hoạt động dạy - học được thiết kế phù hợp, các chương trình hoạt động của Nhà trường đưa ra đã tạo động lực cho người học rèn luyện các kỹ năng, giúp người học có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết các vấn đề khó khăn, giúp cho người học tự tin hơn trong quá trình học tập của bản thân để có kỹ năng làm việc tốt khi ra Trường.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo chủ yếu tập trung vào kỹ năng nghề nghiệp và định hướng việc làm, các vấn đề về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế; một số GV còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho SV tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của SV.

Một số người học còn ý lại, chưa chủ động đề tiếp cận phương pháp dạy - học mới, hiệu quả, hiện đại, đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường biện pháp khuyến khích người học chủ động, tích cực hơn trong tiếp cận phương pháp dạy - học mới, đa dạng, hiện đại và hiệu quả.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến đa dạng hoạt động dạy - học đáp ứng CĐR của CTĐT. Tiếp tục đẩy mạnh trang bị các kỹ năng mềm, hình thành và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.	Khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trường ĐHSPTV đã xây dựng, ban hành bằng văn bản rõ ràng về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan. Cán bộ, GV, người học hiểu rõ và luôn nêu cao tinh thần thực hiện tốt triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường. Đội ngũ cán bộ, GV không ngừng sáng tạo, học hỏi, đổi mới, thường xuyên rà soát cập nhật và trau dồi kinh nghiệm nhằm áp dụng hiệu quả đa dạng các hoạt động dạy - học và phương pháp giảng dạy, luôn nhiệt tình hỗ trợ, khuyến khích người học trong tất cả các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp nhằm giúp người học đạt CĐR. Hoạt động dạy - học được thiết kế và triển khai đa dạng, linh hoạt dưới nhiều hình thức, đáp ứng tốt các tiêu chí của CĐR. Các hoạt động dạy - học đáp ứng được CĐR của CTĐT, tạo điều kiện cho người học khả năng tự rèn luyện kỹ năng cần thiết khác và khả năng học tập suốt đời.

Tuy nhiên quá trình dạy - học còn tồn tại một số điểm cần cải thiện như một số SV còn ỷ lại, chưa chủ động tiếp cận phương pháp dạy - học mới, hiện đại, hiệu quả, đa dạng. Việc triển khai hệ thống học tập trực tuyến còn mới lạ với nhiều GV và SV. Chưa phối hợp được nhiều với các đối tác, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu SV nhằm xây dựng CTĐT, mở rộng, đổi mới phương pháp tiếp cận dạy - học sát với nhu cầu lao động thực tiễn.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 3/3 tiêu chí đạt (tổng điểm 14/21)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.

Mở đầu:

Từ điển Giáo dục học định nghĩa: “Đánh giá kết quả học tập là xác định mức độ nắm bắt được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học so với yêu cầu của CTĐT đề ra. Nội dung đánh giá là những kết quả học tập hàng ngày, cũng như những kết quả phản ánh trong các kỳ kiểm tra định kỳ, kiểm tra tổng kết về mặt kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của từng học phần. Yêu cầu đánh giá là chú trọng xem xét mức độ thông hiểu và bền vững của kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo so với chuẩn của CTĐT”. Xác định được tầm quan trọng của việc đánh giá kết quả học tập người học, Trường ĐHSPKTV luôn chú trọng đến phương pháp và không ngừng cải tiến hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá nhằm đo lường được mức độ đạt được của CDR của người học. Kết quả đánh giá phản ánh được hiệu quả giảng dạy, khả năng tiếp thu kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của người học, từ đó giúp người học và Nhà trường kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy - học nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. Tiêu chuẩn 5 được đánh giá thông qua 05 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học ngành CNKTCK có quy trình, kế hoạch rõ ràng từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đầu ra với mục tiêu đảm bảo đạt CDR. Trường cũng đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ [\[H5.05.01.01\]](#), trong đó quy định rõ về việc đánh giá kết quả học tập, xếp loại học tập của người học dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra để tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo chính xác khách

quan đúng quy định và đánh giá được CĐR của người học Trường ĐHSPKTV cũng đã xây dựng và ban hành các Quy định tổ chức thi kết thúc học phần [\[H5.05.01.02\]](#), Quy định tổ chức thực hiện và đánh giá Đồ án/Luận văn/Tiểu luận tốt nghiệp đối với SV đại học [\[H5.05.01.03\]](#), Quy định tổ chức học, xét công nhận kết quả, miễn học các học phần tiếng Anh cơ bản và tổ chức thi công nhận kết quả chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên trình độ đại học [\[H5.05.01.04\]](#).

Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường cũng đã được xây dựng điều chỉnh thay đổi cách đánh giá kết quả học tập nhằm phù hợp để đo lường mức độ đạt được của CĐR. Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên hai phương pháp đánh giá đó là đánh giá quá trình và đánh giá thông qua kì thi kết thúc học phần. Tuy nhiên, đối với các khoá tuyển sinh từ năm 2019 trở về trước, đánh giá quá trình chiếm trọng số 30% và thi kết thúc học phần có trọng số 70, song từ khoá tuyển sinh năm 2020 trở đi, Nhà trường thay đổi trọng số đánh giá, đánh giá quá trình trọng số 40%, và đánh giá kết thúc học phần trọng số là 60%. Với cách đánh giá này nhằm thay đổi tư duy của người học không chỉ chú trọng học để thi cuối kì mà phải cố gắng phấn đấu trong cả quá trình học tập bằng mức độ chuyên cần, thái độ học tập và kết quả các bài kiểm tra định kỳ, thường xuyên nhằm đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐR của từng phần học.

Hình thức tổ chức và các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá được thiết kế khoa học, logic phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được của CĐR của ngành về kiến thức, kĩ năng, thái độ, được mô tả chi tiết trong đề cương chi tiết các học phần ngành CNKTCK [\[H5.05.01.05\]](#). Việc xác định và lựa chọn phương pháp kiểm tra – đánh giá được thực hiện theo quy trình tiếp cận chuẩn đầu ra bao Quy trình này bắt đầu từ việc xác định CĐR của chương trình, sau đó phân rã thành các CĐR học phần cụ thể. Tiếp theo là xây dựng ma trận liên kết giữa CĐR, nội dung giảng dạy, phương pháp dạy học và hình thức đánh giá. Cuối cùng, phương pháp KTĐG được lựa chọn dựa trên mục tiêu đánh giá và mức độ nhận thức theo thang Bloom, sử dụng đa dạng các hình thức như: Kiểm tra viết, bài tập lớn, thuyết trình, dự án, thực hành, vấn đáp, báo cáo,... để đảm bảo đánh giá toàn diện năng lực của người học. Bên cạnh đó, người học được thông tin đầy đủ về điều kiện đạt CĐR các học phần, điều kiện tốt nghiệp, thời gian, quy trình xét tốt nghiệp qua các quy chế đào tạo, CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên trang thông tin điện tử của Trường, trên trang đăng ký học của SV và các thông báo đào tạo từ đó người học chủ động

trong việc lựa chọn phương pháp học tập, khả năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình của SV để đáp ứng tốt cho các kỳ thi đảm bảo đạt CĐR và có kết quả học tập cao.

Quá trình đánh giá kết quả học tập của người học, từ việc đánh giá quá trình cho đến đánh giá kết quả học tập theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tổng thể đều có quy trình, quy định rõ ràng và được công khai đến toàn thể cán bộ, GV và SV Nhà trường thông qua Kế hoạch đào tạo theo năm học [\[H5.05.01.06\]](#), kế hoạch kiểm tra, đánh giá từng học phần, CĐR học phần thông qua Kế hoạch giảng dạy của GV phụ trách giảng dạy học phần đó [\[H5.05.01.07\]](#). Trong đề cương chi tiết học phần các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá cũng được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của học phần, từ đó để GV giảng dạy căn cứ xây dựng kế hoạch giảng dạy và tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên định kỳ theo các nội dung đã được thiết kế của đề cương chi tiết để đánh giá chính xác kết quả học tập của người học. Đề cương chi tiết được thiết kế các hình thức kiểm tra đánh giá thông qua ý thức tính chuyên cần tham gia học tập của người học, qua các bài tập nhóm, thảo luận nhóm, các bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp ..., đánh giá kỹ năng thực hành của SV thông qua các bài thực hành với các tiêu chí đánh giá rõ ràng, minh bạch được thể hiện qua các phiếu bài tập, phiếu đánh giá [\[H5.05.01.08\]](#).

Ngoài ra, để đánh giá ý thức, thái độ học tập của người học và đánh giá kết quả rèn luyện cho SV và đó là một trong cách thức, phương pháp đánh giá nhằm đo lường mức độ đạt CĐR về kỹ năng, thái độ của SV cũng được quy định rõ ràng trong Quy chế công tác sinh viên [\[H5.05.01.9\]](#). Đồng thời để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đổi mới, cải tiến trong công tác đánh giá kết quả học tập của người học, Nhà trường cũng đã triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động kiểm tra đánh giá, kết quả cho thấy hơn 90% người học hài lòng về công tác kiểm tra đánh giá hiện hành của Trường, của Khoa CKĐL [\[H5.05.01.10\]](#).

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp, được quy định rõ ràng và tuân thủ các quy trình, kế hoạch nhằm đạt được CĐR của ngành CNKTCK bằng việc đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá, thường xuyên rà soát, cập nhật các quy chế, quy định nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn và được công bố công khai cho người học trước khi tổ chức đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường mức độ đạt được CĐR thông qua nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá đôi lúc còn mang tính định tính.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức lớp tập huấn chuyên sâu về công tác kiểm tra, đánh giá đáp ứng CĐR	Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đạt được CĐR ngành CNKTCK	Khoa CKĐL. Phòng KT&ĐBCL.	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT về công tác đào tạo trình độ đại học. Trường ĐHSPKTV đã soạn thảo và ra quyết định ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện và Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ của Trường. Các văn bản Trường ban hành được quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số về đánh giá kết quả học tập của người học [\[H5.05.02.01\]](#). Ngoài ra căn cứ vào văn bản hướng dẫn thực hiện và quy chế đào tạo đã được ban hành thì khi thực hiện biên soạn đề cương chi tiết các học phần của CTĐT, xây dựng CĐR tương ứng với nó là các hoạt động dạy - học và phương pháp đánh giá SV nhằm đạt được CĐR của học phần. Đề cương chi tiết cũng thể hiện rõ các yêu cầu, điều kiện đối với SV khi tham gia học tập học phần đảm bảo đúng quy chế quy định, thể hiện rõ nội dung và các phương thức kiểm tra đánh giá học phần với các tiêu chí tiêu chuẩn rõ ràng [\[H5.05.02.02\]](#).

Trên cơ sở CTĐT và đề cương chi tiết học phần, để triển khai tổ chức thi đánh giá kết quả học tập của người học đối với từng học phần, Nhà trường có Phòng KT&ĐBCL với chức năng, nhiệm vụ hoạt động riêng biệt để triển khai thực hiện theo Quy định tổ chức thi, kiểm tra kết thúc học phần và các quy trình tổ chức thi kiểm tra của Trường đã được ban hành [\[H5.05.02.03\]](#). Đối với học phần đặc thù “Đồ án tốt nghiệp - Tiểu luận tốt nghiệp”, Trường cũng đã xây dựng và ban hành quy định riêng quy định chặt chẽ và chi tiết về việc đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan [\[H5.05.02.04\]](#).

Các quy chế, quy định về công tác đào tạo, thi kiểm tra và đề cương chi tiết học phần đều được tuyên bố và công khai công bố rõ ràng cho người học qua cổng thông tin điện tử của Trường, của Khoa CKĐL [\[H5.05.02.05\]](#). Ngoài ra thì thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá còn được thực hiện qua các buổi lên lớp của tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, quá trình lên lớp, tiết học đầu tiên của học phần, GV sẽ phổ biến tới người học về các tiêu chí, hình thức, thời gian kiểm tra và tổ chức thực hiện thông qua các bài kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau: bài tập lớn, bài tập nhóm, bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp các hình thức trên nhằm đảm bảo đạt CDR của học phần.

Kết quả học tập của người học được đánh giá theo từng học kỳ, năm học dựa trên kết quả đánh giá của các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành CNKTCK. Trong mỗi học kỳ thi thời khóa biểu, lịch thi kết thúc học phần đều được phòng Đào tạo sắp xếp và công bố trên trang đăng ký học của SV từ đó để SV chủ động được lịch thi cụ thể của mình ít nhất 03 tuần trước khi thi [\[H5.05.02.06\]](#). Kết quả đánh giá quá trình của người học GV giảng dạy sẽ thông tin để người học biết kết quả và đủ điều kiện dự thi hoặc không vào tiết học cuối cùng của học phần, sau đó GV nộp danh sách dự thi về phòng Khảo thí và ĐBCL đồng thời công bố điểm quá trình trên phần mềm QLĐT chậm nhất 03 ngày trước ngày thi [\[H5.05.02.07\]](#). Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm quá trình và điểm thi KTHP trong đó điểm QT chiếm trọng số 40% (điểm chuyên cần 10% và điểm các bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 30%) và điểm thi KTHP chiếm 60%. Sau khi tổ chức thi kết thúc học phần, phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm tổ chức chấm thi và công bố điểm thi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo để SV được biết chậm nhất 07 ngày sau khi tổ chức thi [\[H5.05.02.08\]](#). Giáo vụ khoa CKĐL phối hợp với GV giảng dạy học phần xuất bảng điểm

trên phần mềm quản lý đào tạo in ký xác nhận để lưu trữ tại Khoa và nộp về phòng Đào tạo theo đúng quy định [\[H5.05.02.09\]](#).

Do vậy các quy chế, quy định công tác đào tạo và các kế hoạch về tổ chức kiểm tra đánh giá, lịch thi đều được thông tin tới người học một cách rõ ràng từ khi bắt đầu CTĐT thông qua các lớp chính huấn đầu khóa, người học được học tập, tìm hiểu về quy chế đào tạo, các quy định của Nhà trường, Quy định thi, kiểm tra. Mặt khác, các quy định này được nhấn mạnh đối với từng học phần khi GV bắt đầu những tiết học đầu tiên của học phần và được phổ biến trong quá trình dạy vì vậy 100% người học hiểu rõ về những quy định này. Người học cũng có thể tìm hiểu những quy định liên quan đến CTĐT, Quy chế đào tạo trên các website của Trường, của phòng đào tạo, của phòng KT&ĐBCL, Quy chế CTSV về đánh giá rèn luyện (thái độ của người học) website của phòng CTSV và các thông báo liên quan đến công tác của khoa CKĐL trên website khoa CKĐL.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các quy chế, quy định thể hiện đầy đủ, rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Các quy chế, quy định, công tác tổ chức thi, lịch thi, kết quả kiểm tra, đánh giá đều được phổ biến, công khai tới người học kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Khoa CKĐL chưa xây dựng được Rubrics đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần.

Chưa đưa nội dung khảo sát mức độ hài lòng của người học về các tiêu chí đánh giá từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng Rubrics đánh giá học phần. Bổ sung nội dung đánh giá của người học về	Khoa CKĐL Các Khoa liên quan đến học phần	Năm học 2024-2025	

		các tiêu chí đánh giá từng học phần trong khảo sát mức độ hài lòng của người học về công tác KTĐG.	CTĐT ngành CNKTCK. Phòng KT&ĐBCL		
2	Phát huy điểm mạnh	Công khai kết quả kiểm tra, đánh giá đến người học kịp thời, đúng quy định	Khoa CKĐL Các Khoa liên quan đến học phần CTĐT ngành CNKTCK. Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thực hiện đào tạo tại Trường ĐHSPKTV, thì công tác đánh giá kết quả học tập của người học được áp dụng đối với từng học phần, học kỳ và khóa học. Trên cơ sở quy định về kiểm tra đánh giá, GV lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp đối với từng học phần nhằm đảm bảo CĐR của học phần.

CTĐT ngành CNKTCK được Khoa CKĐL sử dụng các phương pháp đa dạng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với các loại học phần lý thuyết hoặc thực hành. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần bao gồm nhiều cách thức, phương pháp áp dụng khác nhau cho các học phần lý thuyết: trắc nghiệm, tự luận, bài tập nhóm, tiểu luận, bài tập lớn [\[H5.05.03.01\]](#). Đối với các học phần thực hành, đánh giá quá trình thông qua các mô đun học tập bằng các hình thức như vấn đáp, đánh giá sản phẩm của người học cụ thể trong đề cương chi tiết học phần thực hành [\[H5.05.03.02\]](#). Đánh giá kì thi kết thúc học phần với nhiều hình thức thi như: trắc nghiệm, tự luận, hoặc kết hợp 2 hình thức trên, vấn đáp, thực hành, bài tập nhóm, tiểu luận, đồ án môn học,...được quy định rõ trong Quy định, quy trình tổ chức thi, kiểm tra kết thúc học phần của Trường đã ban hành [\[H5.05.03.03\]](#).

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với các CDR và mục tiêu của từng học phần nhằm đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy cao. Cách xây dựng đề thi được quy định trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường áp dụng cho từng hình thức thi với quy định về biểu mẫu, thời gian cho mỗi hình thức thi khác nhau. Khoa CKDL đã xây dựng được hệ thống ngân hàng đề thi (bao gồm 26 bộ ngân hàng câu hỏi, trong đó có 4 bộ ngân hàng thi tự luận và 22 bộ ngân hàng trắc nghiệm khách quan) và quản lý, bảo mật ngân hàng câu hỏi được thực hiện theo quy trình và quy định một cách chặt chẽ được Trường ban hành áp dụng [H5.05.03.04]. Đối với học phần chưa có ngân hàng câu hỏi thi, Phòng KT&ĐBCL cùng các Khoa CKDL, khoa phụ trách học phần chịu trách nhiệm tổ chức ra đề thi có sự kiểm duyệt đầy đủ đảm bảo tính đúng đắn về nội dung và đảm bảo tính bảo mật trong suốt quá trình tổ chức thi, đề thi được trưởng Khoa, Bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&ĐBCL để tổ chức thi. Đề thi được xây dựng theo biểu mẫu quy định kèm đáp án chi tiết với từng tiêu chí đánh giá, có biểu điểm đầy đủ, rõ ràng [H5.05.03.05]. Mỗi đề thi đều có hướng dẫn chấm thi cụ thể và xây dựng ma trận ánh xạ giữa đề thi và CDR của học phần để đánh giá một cách chính xác kết quả học tập của người học [H5.05.03.06]. Việc xây dựng và phân tích câu hỏi kiểm tra – đánh giá trong chương trình đào tạo được thực hiện theo hướng đảm bảo đo lường đúng chuẩn đầu ra cần đánh giá, đồng thời đạt được độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng. Giảng viên thực hiện thiết kế đề thi dựa trên ma trận đề thi liên kết giữa nội dung kiến thức và cấp độ nhận thức theo thang Bloom, lựa chọn dạng câu hỏi phù hợp với từng CDR. Các câu hỏi được xây dựng có tiêu chí đánh giá rõ ràng (thang điểm chi tiết), bảo đảm tính minh bạch, khách quan và công bằng trong chấm điểm. Qua đó, hoạt động kiểm tra – đánh giá không chỉ phản ánh chính xác kết quả học tập mà còn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần với hình thức thi, cấu trúc đề thi được xây dựng theo thang đo Bloom được thể hiện cụ thể trong từng bộ ngân hàng câu hỏi thi. Các câu hỏi trong đề thi đảm bảo yêu cầu đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được phản ánh trong đề cương chi tiết của học phần. Đối với học phần đã có ngân hàng câu hỏi thi, Phòng KT&ĐBCL là đơn vị được giao nhiệm vụ bốc thăm, nhân bản, đóng gói đề thi theo quy định hiện hành.

Nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, nghiêm túc thì công tác tổ chức thi được đảm bảo đúng quy trình, quy định của Nhà trường. Mỗi một học kì, sau khi có kế hoạch thi, Phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch điều động cán bộ coi thi, cán bộ giám sát đảm bảo mỗi một phòng thi được bố trí 02 cán bộ coi thi theo quy định, mỗi một ca thi đều được giám sát và thanh tra chặt chẽ [\[H5.05.03.07\]](#), để đảm bảo ca thi diễn ra nghiêm túc, đúng quy chế.

Công tác chấm thi được tổ chức tập trung do phòng Khảo thí và ĐBCL làm đầu mối [\[H5.05.03.08\]](#), tất cả các đáp án bài thi kết thúc học phần đều được công khai trên website của phòng khảo thí và ĐBCL nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, tạo niềm tin cho người học [\[H5.05.03.09\]](#). Bài thi được chấm 02 vòng độc lập bởi 02 cán bộ chấm thi khác nhau đảm bảo tuân thủ đáp án và tính chính xác, độ tin cậy cao [\[H5.05.03.10\]](#). Kết quả thi sau đó được công bố trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường để người học được biết [\[H5.05.03.11\]](#). Người học có thể làm đơn phúc khảo bài thi của mình nếu cảm thấy không thoả mãn về kết quả bài thi [\[H5.05.03.12\]](#). Quy trình phúc khảo bài thi, quy định chấm, công bố kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần được quy định trong Quy định thi, kiểm tra kết thúc học phần của Trường được quy định rõ ràng, minh bạch, kết quả phúc khảo được công bố trên website phòng KT&ĐBCL, được lưu giữ theo đúng quy định, đồng thời thông tin trực tiếp cho người học biết [\[H5.05.03.13\]](#).

Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về phương pháp kiểm tra đánh giá cho thấy: 94,6% người học cho rằng Nhà trường sử dụng hình thức thi đa dạng, phù hợp với đặc thù của học phần và được công bố công khai cho người học [\[H5.05.03.14\]](#).

Tuy nhiên, khoa CKĐL chưa thiết kế được các Rubrics để đánh giá CĐR phù hợp.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành CNKTCK đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả của người học đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo. Nhà trường đã có quy định rõ ràng về quy định tổ chức thi, quy trình xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi. Các khâu ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi được thực hiện công khai, đúng quy định đảm bảo tính khách quan, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kế hoạch, phương pháp khoa học để đánh giá đề thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	T Tổ chức lớp tập huấn về phương pháp đo lường, đánh giá đề thi, xây dựng Rubrics.	Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hoá phương pháp kiểm tra/đánh giá, tổ chức các kì thi đảm bảo tính khách quan, công bằng, chính xác.	Khoa CKĐL. Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPTKTV đã ban hành các Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ đã có quy định: Cuối mỗi học kỳ chính, SV được thông báo về kết quả học tập với các mức cảnh báo học tập cụ thể: Cảnh báo mức 1, cảnh báo mức 2 và cảnh báo mức 3 (Buộc thôi học) cho SV biết [\[H5.05.04.01\]](#), thông qua kết quả này này, giúp SV kịp thời chấn chỉnh, cải thiện kết quả học tập của mình. Mặt khác, tại Quy định thi, kiểm tra kết thúc học phần của Trường ban hành cũng có quy định rõ sinh viên được thông báo kết quả học tập của mình qua nhiều kênh thông tin thông tin khác nhau [\[H5.05.04.02\]](#). Đối với kết quả đánh giá quá trình, tại buổi học cuối cùng của học phần, GV có trách nhiệm phải thông báo kết quả điểm quá trình, danh sách SV được dự thi/không được dự thi công khai trước lớp học, đồng thời cũng được công khai trên trang cá nhân của SV. Điểm thi kết thúc học phần và điểm tổng kết

học phần được công khai trên phần mềm quản lý đào tạo và trang cá nhân của SV chậm nhất 07 ngày sau ngày thi để sinh viên biết và theo dõi [\[H5.05.04.03\]](#).

Nhà trường cũng đã thực hiện công bố công khai các quy định về kiểm tra đánh giá để người học được biết thông qua các buổi chỉnh huấn đầu khoá [\[H5.05.04.04\]](#), công khai trên website của phòng KT&ĐBCL [\[H5.05.04.05\]](#), đồng thời thông qua vai trò của giáo viên quản lý SV trong các buổi sinh hoạt lớp, cũng như hỗ trợ mọi lúc mọi nơi khi SV cần giải đáp các thắc mắc về quy định, quy chế của Nhà trường [\[H5.05.04.06\]](#).

Thực hiện quy định của Nhà trường về việc phản hồi kết quả đánh giá kịp thời cho SV như: Sau mỗi lần kiểm tra, đánh giá định kỳ giảng viên có trách nhiệm công bố điểm, trả bài, giải thích đáp án và nhận xét chi tiết về ưu – nhược điểm trong bài làm của sinh viên. Nhiều học phần còn tổ chức buổi chữa bài, thảo luận nhóm hoặc trao đổi trực tiếp với giảng viên, tạo điều kiện cho sinh viên hiểu rõ sai sót, từ đó có hướng điều chỉnh phương pháp học tập. Ngoài ra, tất cả GV tham gia giảng dạy ngành CNKTCK đều thực hiện công bố điểm quá trình vào buổi học cuối cùng để SV được biết và có những phản hồi nếu có, sau đó điểm đánh giá quá trình được công khai trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Sau ngày thi muộn nhất 01 tuần kết quả thi kết thúc học phần và kết quả tổng kết học phần đều được công bố trên phần mềm quản lý đào tạo, trên trang cá nhân của SV để SV được biết được kết quả thi của mình [\[H5.05.04.07\]](#). Nếu SV có thắc mắc, SV có thể làm đơn phúc khảo gửi Phòng KT&ĐBCL để được xem xét lại kết quả bài thi của mình theo quy trình đã được quy định rõ trong quy định tổ chức thi của Trường [\[H5.05.04.08\]](#). Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức xét học bổng để công nhận những SV có kết quả tốt và thực hiện chế độ học bổng để khuyến khích SV và tổ chức xét học vụ để cảnh báo kết quả học của SV và được thông báo đến từng SV [\[H5.05.04.09\]](#). Nhà trường rất quan tâm phối hợp với gia đình để kịp thời uốn nắn, giáo dục SV, do đó, mỗi một năm học ngoài việc SV được thông báo kết quả học tập của mình, Nhà trường còn gửi kết quả học tập rèn luyện về cho gia đình để phụ huynh được biết [\[H5.05.04.10\]](#). Sinh viên không chỉ thực hiện nghĩa vụ học tập của mình mà còn được dân chủ có ý kiến về các hoạt động của Nhà trường tại các Hội nghị đối thoại giữa Nhà trường và SV [\[H5.05.04.11\]](#), thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của người học nhằm giúp Nhà trường cải tiến công tác đào tạo nói chung cũng như cải thiện công tác đánh giá người học nói riêng [\[H5.05.04.12\]](#).

Với việc tiếp cận các thông tin về kết quả kiểm tra, đánh giá, với sự hỗ trợ của giáo viên quản lý sinh viên của Khoa CKĐL sẽ hỗ trợ SV trong việc đăng kí các học phần, đăng

ký học lại, học cải thiện để đảm bảo kịp tiến độ đào tạo, tốt nghiệp đúng thời hạn, cũng như cải thiện kết quả học tập của mình [\[H5.05.04.13\]](#).

Khảo sát mức độ hài lòng của người học về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá của Nhà trường, có hơn 91,8% ý kiến người học cho rằng kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, rõ ràng và đúng quy định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định rõ ràng về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá, được công khai tới GV, người học một cách kịp thời. Kết quả đánh giá được phản hồi đầy đủ tới SV và gia đình nhằm điều chỉnh kế hoạch học tập cho SV kịp thời để đảm bảo tiến độ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hoá các kênh phản hồi của Khoa với cựu SV nhằm lấy ý kiến phản hồi để cải tiến các hoạt động của Khoa trong đó có hoạt động đánh giá kết quả học tập.	GV quản lý SV khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của Cố vấn học tập hỗ trợ SV trong việc phản hồi kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập	GV quản lý SV khoa CKĐL	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Ngay từ đầu khoá học, khi đã trở thành SV của ngành CNKTCK, SV đã được học tập đầy đủ các quy định, quy chế của Nhà trường, SV được phổ biến đầy đủ về quy trình đối với việc khiếu nại kết quả học tập của bản thân trong quá trình sẽ tham gia học tập tại Trường thông qua Tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa [\[H5.05.05.01\]](#).

Nhà trường ban hành Quy định thi kiểm tra kết thúc học phần [\[H5.05.05.02\]](#), quy trình tổ chức thi [\[H5.05.05.03\]](#), trong đó có quy định rõ về phúc khảo bài thi. Quy định thi kết thúc học phần nêu rõ SV có quyền làm đơn phúc khảo khiếu nại về kết quả thi của mình bằng cách làm đơn phúc khảo gửi Phòng KT&ĐBCL. Đối với điểm quá trình, nếu SV thắc mắc về kết quả, có thể gặp trực tiếp GV để được hỏi đáp kịp thời. Ngoài ra, giáo viên quản lý SV của Khoa sẽ hỗ trợ SV từ việc giải đáp thắc mắc về quy định, quy chế, đến việc hỗ trợ các thủ tục để SV được tiếp cận nhanh nhất với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Vào buổi học cuối cùng của học phần, GV thông báo điểm quá trình cho SV biết, SV có thể thắc mắc về kết quả điểm trực tiếp ngay tại lớp để GV xem xét, điều chỉnh. Điểm quá trình sau đó được cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo dưới sự chứng kiến của giáo vụ khoa và GV giảng dạy, nếu phát hiện sai sót SV phản ánh thông qua giáo vụ khoa hoặc GV giảng dạy để điều chỉnh kịp thời. Nếu sai sót, GV phải làm phiếu điều chỉnh điểm quá trình gửi lên bộ phận quản lý phần mềm để điều chỉnh và công bố cho SV qua trang cá nhân. Đối với điểm thi kết thúc học phần do Phòng KT&ĐBCL làm đầu mối, ngay sau khi điểm thi cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo, trong vòng 03 ngày nếu SV cảm thấy không hài lòng về kết quả thi của mình, SV làm đơn phúc khảo để được chấm lại bài thi [\[H5.05.05.04\]](#), quá thời hạn nói trên mọi thắc mắc của SV về kết quả thi sẽ không được chấp thuận, SV có thể lên trực tiếp tại Phòng KT&ĐBCL lấy đơn hoặc tải mẫu đơn phúc khảo trên website của Phòng KT&ĐBCL, sau đó nộp đơn về phòng KT&ĐBCL để được giải quyết [\[H5.05.05.05\]](#). Sau khi nhận đơn, chậm nhất 07 ngày, phòng KT&ĐBCL tổ chức chấm phúc khảo để trả lời kết quả cho SV bằng cách liên lạc qua số điện thoại mà SV cung cấp. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL tập hợp tất cả các trường hợp phúc khảo bài thi đăng tải trên website của Phòng một cách công khai, minh bạch [\[H5.05.05.06\]](#).

Do vậy đối với việc khiếu nại về kết quả học tập của người học được giải quyết một cách kịp thời, thoả đáng, SV dễ dàng và thuận lợi trong việc đăng ký phúc khảo phúc khảo bài thi của bản thân. Trong từng học kỳ Trường cũng đã tổ chức thực hiện khảo sát SV về việc dễ dàng trong tiếp cận kết quả học tập, cũng như các ý kiến khiếu nại, phúc khảo về

kết quả học tập của SV qua đó phân tích báo cáo, với kết quả khảo sát thì có hơn 90,7% ý kiến cho rằng người học tiếp cận dễ dàng với quy định về khiếu nại kết quả học tập và thuận lợi trong việc phúc khảo kết quả học tập của bản thân [\[H5.05.05.07\]](#). Mặc dù vậy, đôi lúc vẫn còn có sự chậm trễ trong việc phản hồi kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần cho người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình, quy định rõ ràng về việc khiếu nại kết quả học tập cho người học và được phổ biến tới SV qua nhiều hình thức khác nhau để SV dễ dàng tiếp cận. Kết quả giải quyết khiếu nại về học tập của SV thực hiện đúng quy định, quy trình, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù nắm bắt được quy trình, song thời hạn phản hồi kết quả của SV nhiều lúc còn chậm so với quy định. Việc phản hồi kết quả khiếu nại chưa được tích hợp trên trang cá nhân của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phổ biến quy định đến từng SV để SV nắm bắt về thời hạn phúc khảo bài thi Tích hợp kết quả khiếu nại trên trang cá nhân của SV	Khoa CKĐL Bộ phận chuyển đổi số của Trường	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các kênh thông tin đến NH các quy trình, quy định khiếu nại KQHT	QLSV khoa CKĐL. Website khoa CKĐL. Phòng KT&ĐBCL. Phòng CTSV.	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (Đạt 5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã có đầy đủ các quy định, quy trình về việc đánh giá kết quả học tập của người học với phương pháp đánh giá được thiết kế phù hợp, đa dạng nhằm đạt được CDR. Người học có thể dễ dàng tiếp cận với các quy định, quy trình và được phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

Tuy nhiên, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phản hồi kết quả học tập tới người học để người học chủ động trong việc cải thiện kết quả việc học tập của bản thân.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đạt (tổng điểm 21/35).

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV của ngành CNKTCK được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích NCKH của các ứng viên. Khoa CKDL luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng GV. Những thành tích, đóng góp về NCKH, hoạt động chuyên môn, các hoạt động đoàn thể luôn được Khoa quan tâm và đánh giá cao, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tiêu chuẩn 6 được đánh giá thông qua 07 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV luôn xác định công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ trọng tâm, có tác động trực tiếp đến việc hoàn thành sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường, do vậy việc quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ luôn được Nhà trường và Khoa CKDL quan tâm, điều đó được thể hiện rõ trong các kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn theo từng giai đoạn: Chiến lược phát triển Trường ĐHSPKTV giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [\[H6.06.01.01\]](#); Chiến lược phát triển Trường ĐHSPKTV giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn

đến năm 2045 [\[H6.06.01.02\]](#); Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHSPKTV giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 [\[H6.06.01.03\]](#); Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ về tổ chức bộ máy và công tác nhân sự Trường ĐHSPKTV đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [\[H6.06.01.04\]](#). Tất cả kế hoạch chiến lược đều hướng tới mục tiêu tổng quát: *“Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, thích ứng linh hoạt đáp ứng tốt yêu cầu của cơ chế tự chủ đại học; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn của trường đại học ứng dụng.”*

Với mục tiêu phát triển đội ngũ như trên, hàng năm Nhà trường căn cứ vào đề án vị trí việc làm, thực trạng đội ngũ GV hiện có và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng GV, nhân viên để xác định nhu cầu tuyển dụng [\[H6.06.01.05\]](#), [\[H6.06.01.06\]](#), [\[H6.06.01.07\]](#). Đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm để triển khai thực hiện [\[H6.06.01.08\]](#), [\[H6.06.01.09\]](#).

Kế hoạch, thông báo tuyển dụng được ban hành và được đăng tải công khai trên website của Nhà trường [\[H6.06.01.10\]](#). Các văn bản này quy định rất rõ về tiêu chuẩn cũng như điều kiện dự tuyển như tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, có lý lịch rõ ràng, có ngoại hình, sức khỏe và trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm cần tuyển của đơn vị, điều kiện ngoại ngữ,..., [\[H6.06.01.11\]](#). Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ và vị trí địa lý chưa đủ hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực, nên hiện tại khó tuyển dụng được nhân sự có chất lượng cao như GS; PGS; TS.

Nhà trường và Khoa CKĐL đã thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV ngành CNKTCK theo đúng các quy định, đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Thống kê số liệu thực hiện quy hoạch đội ngũ GV trong giai đoạn 2020-2024 cho thấy có 01 GV được tuyển dụng, 01 GV được bổ nhiệm chức danh quản lý, không có GV được bổ nhiệm chức danh GVC [\[H6.06.01.12\]](#), [\[H6.06.01.13\]](#). Trong giai đoạn này, đội ngũ GV đều hoàn thành hoặc vượt mức về giờ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hiện nay, kết quả thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa CKĐL cơ bản đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng chuyên môn cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng đáp ứng được tỷ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định [\[H6.06.01.14\]](#). Đội ngũ giảng viên của ngành CNKTCK hiện đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo khoản 2, Điều 10 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và Điều 4 Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, với 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên đúng và gần chuyên ngành, trong

đó một 2 giảng viên đang học tiến sĩ. Giảng viên được bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp giảng dạy theo chuẩn đầu ra, học chế tín chỉ, đánh giá năng lực và ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Bên cạnh đó, nhiều giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng ứng dụng và đáp ứng yêu cầu xã hội. Cụ thể, đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí bao gồm 23 GV trong đó có: 4 Tiến sĩ, 19 Thạc sĩ, [H6.06.01.15]. Ngoài ra, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của giảng viên cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều rà soát, đánh giá cụ thể về việc gia hạn, kéo dài thời gian làm việc hoặc chấm dứt hợp đồng với giảng viên nghỉ hưu theo quy định của Nhà nước và Nhà trường. Việc kéo dài hoặc không kéo dài thời gian làm việc hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho Khoa và giảng viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa CKĐL có kế hoạch phát triển đội ngũ GV và thực hiện các kế hoạch đó, xây dựng nên một đội ngũ GV cho ngành CNKTCK cơ bản có số lượng đủ và chất lượng, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, số lượng cán bộ GV trong Khoa vẫn còn ít, đa phần tập trung giảng dạy theo kế hoạch hằng năm nên thời gian dành cho nghiên cứu hạn chế, việc kết hợp với doanh nghiệp để GV tham gia các dự án chưa nhiều và chưa đều trên các GV nên những học phần cần nhiều thực tiễn vẫn còn gặp lúng túng trong đào tạo. Nhiều GV trẻ còn tập trung học NCS nên chưa dành được nhiều thời gian vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những GV, nhà khoa học được đào tạo chính quy tại các Trường đại học lớn, uy tín ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	---------------------	---------

1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường các chính sách thu hút, chế độ đãi ngộ để tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao	Trường ĐHSPKTV Khoa CKDL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, rà soát, bổ sung đội ngũ GV hằng năm	Trường ĐHSPKTV Khoa CKDL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV, Khoa CKDL đã thực hiện việc giám sát tỉ lệ giảng viên/ người học hằng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT. Tỉ lệ GV/người học đối với đào tạo đại học được quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 10, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và Điều 4, Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT quy định xác định chỉ tiêu tuyển sinh [\[H6.06.02.01\]](#). Theo thông tư này, tỉ lệ GV / người học được xác định thông qua tỉ lệ số sinh viên chính quy/ một GV quy đổi và được tính như sau:

$$\frac{\text{Tỉ lệ SV chính quy}}{\text{01 GV quy đổi}} = \frac{\text{Số lượng SV chính quy theo khối ngành}}{\text{Tổng số GV quy đổi của khối ngành đó}}$$

Trong đó, số lượng GV quy đổi theo khối ngành được tính:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng GV quy đổi} \\ \text{theo khối ngành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{GV cơ hữu quy đổi} \\ \text{của khối ngành đó} \end{array} + \begin{array}{l} \text{GV thỉnh giảng quy} \\ \text{đổi của khối ngành đó} \end{array}$$

Theo đó, ngành CNKTCK thuộc khối ngành V, được quy định không vượt quá 20 SV chính quy/01 GV quy đổi. Trên cơ sở thống kê đội ngũ GV [\[H6.06.02.02\]](#), [\[H6.06.02.03\]](#) và tỷ lệ sinh viên ngành CNKTCK cũng như số liệu GV giảng dạy theo từng năm [\[H6.06.02.04\]](#), [\[H6.06.02.05\]](#) thì tỉ lệ này của ngành CNKTCK trong giai đoạn 2020 – tháng 6 năm 2025 như sau:

Năm học	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	6/2025
Số SV	235	246	442	277	293	286
Số GV cơ hữu	37	37	37	37	37	37
Số GV thỉnh giảng	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ SV/GV	6,4	6,6	11,9	7,5	7,9	7,7

Theo thống kê này, trong giai đoạn 2020-2025 tỉ lệ Người học/Giảng viên luôn đạt yêu cầu so với quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành theo quy định của BGD&ĐT.

Nhà trường có các văn bản hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV và triển khai thực hiện. Trường đã ban hành định mức giờ chuẩn cho GV bao gồm: giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn khác, có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của GV. Việc thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho GV được cử đi học cũng được quy định rõ ràng. Về giảng dạy, bao gồm: giảng dạy cao đẳng, đại học, thạc sĩ. Ở mỗi hệ, giờ giảng dạy có công thức quy đổi giờ chuẩn cụ thể, tương ứng với học vị và chức danh của GV [\[H6.06.02.06\]](#). Về nghiên cứu khoa học, bao gồm: Chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp; xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình; công bố bài báo quốc tế và trong nước; semina khoa học. Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức quy đổi ra giờ chuẩn theo quy định [\[H6.06.02.07\]](#). Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: sinh hoạt tổ chuyên môn, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động xã hội... Các loại hình hoạt động theo quy định đều được quy đổi thành giờ chuẩn.

Tương ứng với từng chức danh, học vị: GVCC, GVC, GV có trình độ tiến sĩ, GV có trình độ thạc sĩ, GV trợ giảng, Trường ĐHSPKTV đều có quy định về số lượng giờ chuẩn tối thiểu cần đạt về giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Hiện nay, GV có định mức giờ dạy 280 giờ chuẩn, định mức giờ NCKH 190 giờ chuẩn và định mức giờ

hoạt động chuyên môn, tự bồi dưỡng, lao động công ích, luyện tập quân sự là 64 giờ chuẩn. Ngoài ra còn được quy định rõ về việc miễn giảm giờ định mức cho các đối tượng GV kiêm nhiệm, GV đi học, GV nữ nghỉ sinh, nuôi con nhỏ....

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm được giao hàng năm, thời khóa biểu của từng học kỳ Khoa CKĐL, đội ngũ cán bộ, GV xây dựng kế hoạch công tác năm để triển khai thực hiện [\[H6.06.02.08\]](#) và phân công GV giảng dạy theo đúng kế hoạch [\[H6.06.02.09\]](#). Khoa, bộ môn và Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức - Thanh tra của Nhà trường chịu trách nhiệm thanh tra giám sát thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác của và xác nhận việc kê khai thực hiện của GV. Cuối năm, khoa và các phòng chức năng sẽ thực hiện quy đổi, xác nhận mức độ đạt giờ chuẩn hay vượt giờ chuẩn của GV trên tất cả các lĩnh vực: giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn khác [\[H6.06.02.10\]](#). Khối lượng công việc của giảng viên Khoa CKĐL nhìn chung đều đảm bảo hoặc vượt định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT về chế độ làm việc của giảng viên. Cụ thể, theo quy định, giảng viên đại học phải thực hiện tối thiểu 280 giờ chuẩn/năm nhưng nhiều giảng viên đảm nhiệm khối lượng giảng dạy từ 300 - 350 giờ chuẩn/năm, do tham gia giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, thực hành, hướng dẫn đồ án - khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn sinh viên thực tập, kiêm nhiệm công tác nghiên cứu khoa học và tham gia xây dựng, cải tiến chương trình đào tạo. Một số giảng viên thậm chí đảm nhận trên 400 giờ chuẩn/năm, vượt đáng kể định mức do tính đặc thù về số lượng sinh viên đông và đặc thù đào tạo ứng dụng thực hành cao.

Ngoài ra các hoạt động NCKH Trường hàng năm đều có kế hoạch để triển khai thực hiện [\[H6.06.02.11\]](#), nhiệm vụ và kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ cán bộ, GV được theo dõi giám sát chặt chẽ và được phòng khoa học tổng hợp các công trình NCKH hàng năm [\[H6.06.02.12\]](#) và danh sách các công bố khoa học của đội ngũ cán bộ giảng viên toàn Trường [\[H6.06.02.13\]](#) nói chung và của khoa CKĐL nói riêng [\[H6.06.02.14\]](#).

Kết quả thực hiện công việc đối với đội ngũ GV hàng năm đều được đo lường, giám sát, theo dõi và đánh giá khối lượng một cách đầy đủ chặt chẽ trên cơ sở nhiệm vụ được giao và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và được đánh dựa trên tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể và kết quả được tổng hợp đánh giá chất lượng xếp loại hàng năm [\[H6.06.02.15\]](#). Trên cơ sở kết quả xếp loại đạt được hàng năm thì tất cả đội ngũ cán bộ, GV giảng dạy ngành CNKTCK đều hoàn thành tốt và vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt

động chuyên môn. Việc đánh giá giảng viên sau mỗi năm học như trên giúp cho Khoa đào tạo và Nhà trường kiểm soát được khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên để kịp thời có kế hoạch cải tiến, khắc phục bất cập, tồn tại ngay ở năm học kế tiếp, từ đó mới cải tiến tốt chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV/ người học của ngành CNKTCK được tính toán, theo dõi và giám sát chặt chẽ hằng năm, nhờ thực hiện tốt công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ GV nên tỉ lệ này đáp ứng tốt yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Kết quả khối lượng công việc trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV, NCV của Trường cũng được đo lường, giám sát chặt chẽ và đánh giá xếp loại hàng năm, do vậy việc cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được nâng lên rõ rệt trong từng năm.

3. Điểm tồn tại

Giảng viên còn giành nhiều thời gian cho giảng dạy nên ít nhiều còn ảnh hưởng tới nhiều thời gian để NCKH, việc triển khai thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao đưa vào thực tiễn, phục vụ cộng đồng cũng đang còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện kê khai, quy đổi các giờ chuẩn của hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác trên phần mềm quản lý	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Phòng Đào tạo. Phòng KH-HTQT	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đo lường, giám sát tỉ lệ giảng viên/ người học và	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		khối lượng công việc của GV			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV có các văn bản quy định rõ ràng về quy trình tuyển dụng [\[H6.06.03.01\]](#). Các quy định chung về tiêu chí tuyển dụng được quy định tại Điều 22 của Luật viên chức và Điều 5 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT. Căn cứ vào đề án vị trí việc làm và bộ tiêu chí đánh giá năng lực của GV [\[H6.06.03.02\]](#), [\[H6.06.03.03\]](#), [\[H6.06.03.04\]](#) và tùy thuộc đặc thù của từng ngành, các tiêu chí tuyển dụng được cụ thể hóa trong các kế hoạch và thông báo tuyển dụng viên chức hằng năm [\[H6.06.03.05\]](#), [\[H6.06.03.06\]](#). Các tiêu chí tuyển dụng chung gồm: a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; b) Từ đủ 18 tuổi trở lên; c) có phiếu đăng ký dự tuyển; d) Có lý lịch rõ ràng; đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng (có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm được quy định cụ thể theo từng vị trí việc làm; có trình độ Ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin); e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ; g) Không có dị dạng về hình thể, không bị nói lắp, nói quá nhỏ, nói không rõ; h) Có cam kết và đủ khả năng để học tập nâng cao trình độ.

Sau khi trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường, người tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch tuyển dụng theo đúng quy định [\[H6.06.03.07\]](#) và được hưởng đầy đủ các chính sách chế độ theo vị trí tuyển dụng đảm bảo đúng quy định của Trường [\[H6.06.03.08\]](#).

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển các vị trí quản lý được thực hiện đúng quy trình và đánh giá theo các tiêu chí trong quy định của Nhà trường và đều được Bộ, Đảng ủy và hội nghị xem xét biểu quyết thông qua và lập danh sách để ra quyết định bổ nhiệm [\[H6.06.03.09\]](#), [\[H6.06.03.10\]](#), tất cả danh sách bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển đều được được công khai tới từng cá nhân, đơn vị và Website của Trường. Ngoài ra việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, GV cũng được Trường thực hiện đúng quy định, sau khi có quyết định kết quả thi tuyển thì Trường đều ra quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đảm bảo đúng kết quả đạt được đã được công bố [\[H6.06.03.11\]](#), [\[H6.06.03.12\]](#).

Tất cả các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển hoàn toàn được phổ biến và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường (Website, mạng xã hội) [\[H6.06.03.13\]](#) và được phổ biến đầy đủ về tất cả các đơn vị và cán bộ giảng viên [\[H6.06.03.14\]](#), ngoài ra còn được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo Nghệ An, Đài truyền hình Nghệ An [\[H6.06.03.15\]](#).

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển của Trường đều có quy định rõ ràng, được xác định, phổ biến và thông báo công khai.

3. Điểm tồn tại

Các thông báo tuyển dụng của Trường vẫn chưa được phổ biến rộng rãi ngoài địa phương và sự lan tỏa còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện thông báo tuyển dụng của Trường phổ biến rộng rãi ngoài địa phương	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

			Phòng TC-TTra		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL luôn xem hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của GV là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này sẽ góp phần nâng cao năng lực, sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của GV nếu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng. Trong thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo thì đội ngũ GV là nguồn lực rất quan trọng. Vì vậy, việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn được Khoa CKĐL xem là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Khoa.

Trên cơ sở quy định hiện có của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV [\[H6.06.04.01\]](#), [\[H6.06.04.02\]](#), Nhà trường có văn bản quy định rõ ràng về các tiêu chí xác định năng lực của GV qua bộ tiêu chí đánh giá năng lực của Trường ban hành [\[H6.06.04.03\]](#) và bản mô tả vị trí việc làm, các đề án vị trí việc làm của Trường đã được phê duyệt [\[H6.06.04.04\]](#), [\[H6.06.04.05\]](#), được cụ thể hóa thành định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV. GV phải có trình độ năng lực đáp ứng các yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngay từ khâu tuyển dụng, các tiêu chí về năng lực của GV đã được quy định rõ ràng, bao gồm: các mặt phẩm chất nghề nghiệp; sức khỏe; năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ, tin học; năng lực nghiệp vụ sư phạm và NCKH trong các thông báo tuyển dụng hàng năm [\[H6.06.04.06\]](#), và quy trình tuyển dụng [\[H6.06.04.07\]](#). Các hồ sơ năng lực của GV được thực hiện và lưu giữ đúng quy định hiện hành [\[H6.06.04.08\]](#).

Cuối năm, GV tự đánh giá thông qua bảng chấm điểm thi đua cá nhân năm học, với các tiêu chí: 1) Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; 2) Văn hóa ứng xử; 3) Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; 4) Chấp hành kỷ luật lao động; 5) Công tác xã hội, đoàn thể; 6) Các

tiêu chí khác (NCKH, Công tác tuyển sinh, Công tác quản lý ...). Cuối cùng, GV được đánh giá trên 3 lĩnh vực chính: 1) Giảng dạy; 2) NCKH; 3) Các hoạt động chuyên môn khác và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí này được đo lường, cụ thể hóa trong đánh giá viên chức và đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm [\[H6.06.04.09\]](#), [\[H6.06.04.10\]](#).

Năng lực giảng dạy gắn liền với nghiệp vụ sư phạm. Hằng năm, Khoa CKĐL thường xuyên dự giờ và tổ chức đánh giá, góp ý sau giờ giảng đối với đội ngũ GV của khoa và qua các kỳ tổ chức hội giảng cấp Khoa [\[H6.06.04.11\]](#), để đánh giá nhận xét mức độ, năng lực của GV và được báo cáo kết quả xếp loại theo năng lực đạt được [\[H6.06.04.12\]](#). Định kỳ, Nhà trường có tổ chức hội giảng cấp Trường [\[H6.06.04.13\]](#), để đánh giá năng lực đội ngũ GV và có khen thưởng những GV có thành tích năng lực tốt [\[H6.06.04.14\]](#).

Kênh thông tin quan trọng trong việc đánh giá năng lực GV là ý kiến phản hồi từ người học. Hàng năm trường đều thực hiện việc đánh giá công tác giảng dạy của GV qua khảo sát SV và tổng hợp báo cáo các ý kiến phản hồi của SV về GV [\[H6.06.04.15\]](#). Kết quả này sẽ được sử dụng để đánh giá năng lực của GV vào cuối năm.

Kết quả thực hiện việc đánh giá năng lực GV hằng năm để dần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cụ thể như sau: Về năng lực giảng dạy: Phần lớn giảng viên đạt mức tốt và khá, thể hiện qua khả năng thiết kế bài giảng theo chuẩn đầu ra, tổ chức dạy học theo hướng tích cực, ứng dụng CNTT hiệu quả và xây dựng hoạt động kiểm tra – đánh giá sát với mục tiêu môn học. Sinh viên phản hồi tích cực qua khảo sát đánh giá giảng viên; Về Năng lực nghiên cứu khoa học: Trên 80% giảng viên trong Khoa có tham gia đề tài NCKH cấp trường, viết bài báo chuyên ngành hoặc hướng dẫn sinh viên NCKH; về năng lực phục vụ cộng đồng: Nhiều giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn tại địa phương, tổ chức đào tạo ngắn hạn, tư vấn kỹ thuật cho doanh nghiệp, và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cơ khí. Trong giai đoạn 2019–2024, đội ngũ giảng viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí đều hoàn thành hoặc vượt mức định mức giờ chuẩn về giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Đặc biệt, 100% giảng viên hoàn thành đầy đủ khối lượng công việc theo kế hoạch năm học và được đánh giá xếp loại viên chức từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và xếp loại thi đua từ mức lao động tiên tiến trở lên [\[H6.06.04.16\]](#), [\[H6.06.04.17\]](#).

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được Nhà trường xác định rõ ràng trong các quy định bằng văn bản. Khoa CKDL và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Một vài tiêu chí đánh giá chưa là động lực thúc đẩy GV thực sự phấn đấu, nhất là tiêu chí liên quan đến các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lượng hóa các hoạt động phục vụ cộng đồng làm cơ sở để đánh giá xếp loại viên chức.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Phòng TC-Ttr	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các kênh đánh giá, xếp loại viên chức.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Để xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, Nhà trường thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Nhà trường đã ban hành quy trình đào tạo, bồi dưỡng, quy định về thu hút nhân tài và các chính sách về đào tạo bồi dưỡng và thu hút nhân tài cho đội ngũ GV của Trường [\[H6.06.05.01\]](#). Căn cứ quy trình về công tác đào tạo, bồi dưỡng Nhà trường gửi thông báo đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đến các đơn vị trong toàn Trường [\[H6.06.05.02\]](#). Tiếp nhận các đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm từ các đơn vị để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sát nhu cầu thực tế [\[H6.06.05.03\]](#).

Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, GV, viên chức về công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ hàng năm [\[H6.06.05.04\]](#).

Dựa trên kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của các khoa, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV [\[H6.06.05.05\]](#). Đối với đào tạo tiến sĩ, Nhà trường gửi thông báo cử đích danh GV đi nghiên cứu sinh hàng năm [\[H6.06.05.06\]](#).

Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện, đề ra các chủ trương, chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho GV học tập và nghiên cứu. Những GV đi học tiến sĩ, đi học nâng cao năng lực ngoại ngữ, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị được Trường miễn, giảm giờ giảng dạy, hỗ trợ học phí và có các chế độ hỗ trợ khác. Cụ thể, GV đi học được miễn 85% giờ giảng dạy định mức, miễn 100% giờ NCKH định mức và 100% giờ hoạt động chuyên môn khác định mức [\[H6.06.05.07\]](#). GV đi nghiên cứu sinh và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ đều được Nhà trường hỗ trợ học phí, hỗ trợ 30 tháng kinh phí, hỗ trợ học ngoại ngữ, hỗ trợ bảo vệ tiến sĩ ... tất cả nội dung đều được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [\[H6.06.05.08\]](#). Với các chính sách hỗ trợ phù hợp, phần lớn số GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường [\[H6.06.05.09\]](#), [\[H6.06.05.10\]](#), [\[H6.06.05.11\]](#) và được thống kê báo cáo đầy đủ hàng năm [\[H6.06.05.12\]](#), [\[H6.06.05.13\]](#). Trong giai đoạn này Nhà trường đã cử nhiều giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ bao gồm: năm 2020 có 8 khóa, năm 2021 có 11 khóa, năm 2022 có 14 khóa, năm 2023 có 13 khóa, năm 2024 có 7 khóa đồng thời Nhà trường cũng đã chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV với kinh phí là hơn 4,4 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ GV của ngành CNKTCK giai đoạn 2020 - 2025 kết quả đạt được cụ thể như sau: có 02 GV hoàn thành đào tạo tiến sĩ, 01 GV hoàn thành việc đào tạo thạc sĩ, 02 GV hoàn thành chương trình trung cấp và cao cấp lý luận chính trị và hầu hết các giảng viên đều hoàn thành các chương trình học ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm và học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. 100% các GV của ngành CNKTCK được cử đi học hoàn thành đúng thời hạn việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch đã xây dựng và được Trường tiếp nhận lại để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tại Trường [\[H6.06.05.14\]](#). Tuy nhiên, qua số liệu trên, có thể thấy giai đoạn 2020 - 2025, số lượng GV được đào tạo tiến sĩ vẫn còn thấp, chưa có GV đạt các chức danh GS, PGS. Kết quả thực

hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên của ngành CNKTCK trong giai đoạn 2020 – 2025 như sau:

Tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Kế hoạch						
Tiến sĩ	0	0	0	1	1	2
Thạc sĩ	0	0	0	0	1	0
Bồi dưỡng chuyên môn	7	8	8	7	6	8
Hoàn thành						
Tiến sĩ	0	0	0	1	1	0
Thạc sĩ	0	0	0	0	1	0
Bồi dưỡng chuyên môn	7	8	8	7	6	8

Các kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV đều được Nhà trường và Khoa giám sát và đánh giá hằng năm. Nhà trường có quy định báo cáo kết quả thực hiện nghiên cứu sinh ít nhất 06 tháng một lần [H6.06.05.15] và đều được GV báo cáo đầy đủ theo đúng quy định [H6.06.05.16]. Trong đánh giá xếp loại viên chức và khen thưởng, kỷ luật GV đều dựa trên kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xác định và có kế hoạch triển khai đáp ứng yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của một số GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các Trường đại học ở nước ngoài. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi, phù hợp để GV tham gia. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết GV đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao số lượng GV đi NCS; động viên, khuyến khích, hỗ trợ các GV là TS phấn đấu đạt chuẩn PGS.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Phòng TC-Ttr.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để thuận tiện cho việc quản trị theo kết quả công việc, Khoa có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm về giảng dạy, NCKH (số lượng đề tài NCKH các cấp và lộ trình thực hiện, số lượng bài báo khoa học ISI, Scopus,...), phát triển chương trình, giáo trình và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[H6.06.06.01\]](#). Vào đầu năm học mới, căn cứ vào hồ sơ, năng lực của từng GV [\[H6.06.01.02\]](#), Khoa phân công nhiệm vụ giảng dạy rõ ràng cho từng GV [\[H6.06.06.03\]](#). Căn cứ kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ của Khoa, các GV xây dựng kế hoạch công tác chi tiết của GV trong năm học bao gồm các hoạt động giảng dạy, NCKH, sinh hoạt chuyên môn, phát triển chương trình, giáo trình và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[H6.06.06.04\]](#).

Theo các kế hoạch đã xây dựng hàng năm, GV sẽ thực hiện để đạt được các kết quả năm học. Nhà trường thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV. Nhà trường ban hành các quy định với các tiêu chí cụ thể, định lượng được để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Khối lượng công

việc giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn được quy đổi theo giờ chuẩn được quy định tại Quy định chế độ làm việc của GV [\[H6.06.06.05\]](#) và Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường [\[H6.06.06.06\]](#). Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Nhà trường ban hành quy chế về khen thưởng, kỷ luật làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng, đề tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[H6.06.06.07\]](#).

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV còn được thực hiện thông qua đánh giá của người học đối với đội ngũ GV. Đây là một kênh thông tin rất quan trọng, đảm bảo tính khách quan cho hoạt động đánh giá thực hiện quản trị của Nhà trường đối với đội ngũ GV. Định kỳ, Nhà trường tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV và có báo cáo kết quả, thông báo đến từng đơn vị và GV. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và sự quan tâm của GV đến người học [\[H6.06.06.08\]](#).

Quá trình xây dựng các tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng được công khai và xin ý kiến đóng góp của các GV trong Nhà trường. Các tiêu chí đánh giá được công khai trong thông báo hướng dẫn bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm có tiêu chí chấm điểm cá nhân [\[H6.06.06.09\]](#), thông báo đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm có tiêu chí đánh giá viên chức [\[H6.06.06.10\]](#). Các kết quả đánh giá hàng năm đều được thông báo công khai đến từng cán bộ, GV, viên chức trong toàn trường [\[H6.06.06.11\]](#), [\[H6.06.06.12\]](#). Hầu hết các GV đều hài lòng với các kết quả đánh giá, xếp loại thi đua. Kết quả phân loại lao động và danh hiệu thi đua của cán bộ, GV và viên chức của Khoa CKĐL trong giai đoạn 2020-2024 như sau:

Năm học	2020	2021	2022	2023	2024
Lao động tiên tiến	23	23	25	25	20
Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	3	4	4	4	5
Chiến sỹ thi đua cấp bộ và tương đương	0	1	0	1	1
Nâng lương trước thời hạn	0	0	1	1	1
Tổng	26	28	30	31	27

Ngoài kết quả hoạt động về chuyên môn nghiệp vụ, hàng năm, Nhà trường đều tổng hợp các kết quả hoạt động của GV dựa trên kết quả các hoạt động NCKH, phát triển chương

trình, giáo trình và các hoạt động phục vụ cộng đồng để làm cơ sở đánh giá thi đua, khen thưởng [\[H6.06.06.13\]](#), [\[H6.06.06.14\]](#), [\[H6.06.06.15\]](#), [\[H6.06.06.16\]](#).

Việc đánh giá theo kết quả công việc hàng năm được Trường ban hành các quyết định công nhận [\[H6.06.06.17\]](#), [\[H6.06.06.18\]](#). Kết quả trong 5 năm học vừa qua giảng viên của Khoa đều được đánh giá ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên, bình quân các năm học số giảng viên được Nhà trường công nhận các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở trung bình đạt 15% trên tổng số cán bộ của toàn Khoa, một số giảng viên được các bộ, ngành cấp trên khen thưởng do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, được Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen và công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân đã tạo được động lực cho đội ngũ GV trong phấn đấu. Nhiều cán bộ, GV có thành tích cao được nâng lương trước thời hạn để khích lệ tinh thần và ghi nhận công lao phấn đấu trong thực hiện nhiệm vụ của GV [\[H6.06.06.19\]](#). Kết quả quản trị theo khối lượng công việc của đội ngũ GV sẽ được tổng hợp từng năm và được lưu trữ theo quy định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả việc quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả cải tiến chất lượng của GV sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá cải tiến chất lượng của GV sau đánh giá.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL.	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			Phòng KT&ĐBCL		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH tại Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường [\[H6.06.07.01\]](#). Quy định hiện nay có 08 loại hình hoạt động NCKH bao gồm: 1) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài KHCN, sáng kiến kinh nghiệm, phát triển công nghệ; 2) Tham gia các hội đồng tư vấn, nghiệm thu các chương trình, đề án, dự án, đề tài KHCN, giáo trình, bài giảng, tài liệu khoa học; 3) Hướng dẫn SV, học viên cao học tham gia NCKH; 4) Viết bài công bố công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận tại các hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; 5) Biên tập, phản biện bài viết, xuất bản ấn phẩm công bố công trình nghiên cứu trên thông tin khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học; 6) Biên dịch sách, biên soạn giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo, tài liệu khoa học, tài liệu tham khảo; 7) Tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của GV; 8) Tổ chức, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật và hoạt động KHCN.

Trong quy định của Trường cũng đã quy định rõ về việc quy đổi giờ chuẩn NCKH cho các loại hình hoạt động KHCN bao gồm: Đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp; Biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo và biên dịch tài liệu; Bài báo trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Hoạt động

khác (sáng kiến kinh nghiệm; hướng dẫn SV NCKH cấp Trường; hướng dẫn cuộc thi Robocon, Olympic, sáng tạo khởi nghiệp SV cấp quốc gia ...). Hoạt động NCKH là bắt buộc đối với GV, giờ chuẩn NCKH được quy định cụ thể trong Quy định chế độ làm việc của GV [\[H6.06.07.02\]](#). Tuy nhiên, tùy theo năng lực và tính chất công việc của đội ngũ GV [\[H6.06.07.03\]](#) mà mức độ và hoàn cảnh cụ thể của nhiệm vụ NCKH sẽ được Nhà trường cho phép bù từ giờ chuẩn giảng dạy sang giờ NCKH.

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định của Trường, hàng năm Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thông báo đăng ký NCKH các cấp [\[H6.06.07.04\]](#). Dựa trên thông báo này, GV đăng ký đề tài NCKH và làm thuyết minh. Việc xét duyệt các đề tài được thực hiện từ cấp Khoa lên cấp Trường.

Nhà trường thực hiện việc giám sát, đối sánh hàng năm kết quả mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị trực tiếp quản lý, giám sát các hoạt động KHCN của GV. Kết quả các hoạt động KHCN được thống kê, tổng hợp hàng năm [\[H6.06.07.05\]](#), [\[H6.06.07.06\]](#) và được đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV qua quy đổi giờ NCKH một cách cụ thể [\[H6.06.07.07\]](#). Hàng năm, Khoa CKĐL đều tiến hành đánh giá và tổng kết hoạt động KHCN của khoa, có sự đối sánh với chỉ tiêu theo kế hoạch đã đặt ra, để điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng [\[H6.06.07.08\]](#), [\[H6.06.07.09\]](#). Khoa CKĐL luôn quan tâm và chú trọng đến hoạt động NCKH của SV và được đánh giá là đơn vị có số lượng SV tham gia NCKH cao và có chất lượng trong toàn Trường [\[H6.06.07.10\]](#).

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao KHCN của Khoa CKĐL thực hiện được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023- 2024	6/2025	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đề tài cấp NN	2							0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1					2		2
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	1	4	4	1	0	5
	Tổng		0	1	4	4	3	0	7

Số lượng bài báo của đội ngũ GV cơ hữu khoa CKĐL thực hiện được đăng trên các tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						
			2020	2021	2022	2023	2024	6/2025	Tổng (quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế.	1.5	1	0	1	1	3	0	9
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước.	1	7	14	27	13	46	0	107
3	Tạp chí/tập san cấp Trường.	0.5	2	1	8	6	3	0	10
	Tổng		10	16	37	32	50	0	126

Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ GV cơ hữu của khoa CKĐL thực hiện báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số	Số lượng						
			2020	2021	2022	2023	2024	6/2025	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1	1	2	1	0	2	0	6
2	Hội thảo trong nước	0,5				3		0	1,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	6	4	3	5	8	0	6,5
	Tổng		7	4	4	11	10	0	14

Hầu hết GV cơ hữu của Khoa CKĐL đều có năng lực NCKH rất tốt. Hàng năm, được sự quan tâm và động viên của đội ngũ lãnh đạo Nhà trường, số lượng công trình khoa học của giảng viên được công bố ngày càng nhiều với những loại hình khác nhau. Giai đoạn 2020-2025, tổng số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước (quy đổi) của Khoa đạt 126 bài. Tuy nhiên, do đặc tính của ngành, một phần do khả năng tiếp cận các bài báo quốc tế của GV trong ngành chưa cao nên Khoa chỉ có 9/126 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế uy tín. Tuy nhiên, GV của Khoa CKĐL rất chủ động và tích cực trong việc thực hiện đề tài nghiên cứu Khoa học (quy đổi) trong 5 năm gần đây, khoa có đề tài cấp trường đã được nghiệm thu; số bài viết, bài tham luận tại các hội thảo khoa học (quy đổi) đạt 14 bài....

Kết quả hoạt động NCKH của GV hằng năm là một trong những cơ sở để Khoa CKĐL và Nhà trường đánh giá GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến hoặc chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích GV tích cực tham gia vào hoạt động NCKH [\[H6.06.07.11\]](#), [\[H6.06.07.12\]](#).

2. Điểm mạnh

Các loại hình hoạt động NCKH của đội ngũ GV là đa dạng, phong phú. Nhà trường có các quy định và thực hiện tốt việc giám sát, đối sánh kết quả NCKH của GV, từ đó nâng cao được chất lượng của hoạt động NCKH theo từng năm.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ GV tham gia NCKH chưa cao, số lượng đề tài ứng dụng được đưa vào áp dụng thực tế còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khuyến khích GV tham gia NCKH với tỷ lệ cao hơn.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện hiện tốt công tác NCKH	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Ngành CNKTCK có đội ngũ GV có trình độ cao, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV luôn hoàn thành và vượt định mức giờ giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai để tạo

động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 7/7 tiêu chí đạt (tổng điểm 28/49).

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHSPKTV bao gồm nhân viên bố trí làm việc tại các phòng ban, trung tâm và làm việc tại các khoa đào tạo. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đóng góp một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa, được Nhà trường đặc biệt quan tâm trong việc quy hoạch, lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng và các chế độ chính sách hỗ trợ nhằm không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường. Tiêu chuẩn 7 được đánh giá thông qua 05 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT ngành CNKTCK bao gồm các nhân viên làm việc ở Khoa CKĐL, ở Trung tâm Thông tin - Thư viện và các phòng chức năng khác trong Trường. Để thực hiện tốt việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã thực hiện việc phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên hằng năm để tuyển dụng, quy hoạch, điều chuyển và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [\[H7.07.01.01\]](#). Vào đầu năm học, trong nhiệm vụ xây dựng kế hoạch năm học, các phòng, trung tâm phối hợp với các khoa căn cứ vào chiến lược phát triển chung của Nhà trường [\[H7.07.01.02\]](#), [\[H7.07.01.03\]](#), [\[H7.07.01.04\]](#) và nhiệm vụ được giao về hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng để phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Nhà trường [\[H7.07.01.05\]](#), [\[H7.07.01.06\]](#). Nhà trường xác định đội ngũ nhân viên là lực lượng hỗ trợ quan trọng, do đó hằng năm đều đề ra định hướng và chỉ tiêu cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc. Định hướng phát triển tập trung vào chuẩn hóa theo vị trí việc làm, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng mềm và

đạo đức nghề nghiệp. Về chỉ tiêu, 100% nhân viên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đáp ứng yêu cầu trình độ, kỹ năng theo vị trí việc làm.

Đội ngũ nhân viên tại một số phòng chức năng trong giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

TT	Phòng ban chức năng và trung tâm hỗ trợ	Số lượng nhân viên (người)				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Phòng Đào tạo	12	12	12	12	12
2	Phòng Tổ chức – Thanh tra	5	4	4	5	4
3	Phòng Công tác sinh viên	12	12	12	10	10
4	Phòng Khoa học - Hợp tác quốc tế	4	4	5	5	5
5	Phòng KT&ĐBCL	6	6	6	6	6
6	Phòng Quản trị - Thiết bị	14	14	14	13	13
7	Phòng Tổng hợp - Hành chính	17	17	17	18	18
8	Phòng Kế toán - Tài chính	8	8	8	8	8
9	Trung tâm Thông tin thư viện	8	8	8	8	8
10	Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng	7	7	7	7	7
	Tổng số	98	97	98	97	96

Để thực hiện kế hoạch quy hoạch đội ngũ nhân viên đã đề ra có hiệu quả, Nhà trường có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên công khai, minh bạch, rõ ràng. Trong kế hoạch chiến lược về phát triển Trường ĐHSPKTV, Nhà trường có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường trong từng giai đoạn, với các giải pháp về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, công tác quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng với các chính sách ưu tiên và thu hút, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch [\[H7.07.01.07\]](#), [\[H7.07.01.08\]](#). Trường có kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, được cụ thể hóa bằng văn bản, theo kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Các kế hoạch này được xây dựng trong cuộc họp xây dựng kế hoạch năm của các đơn vị và Khoa CKĐL, được cụ thể hóa trong kế hoạch năm trình lên Nhà

trường phê duyệt [H7.07.01.09]. Nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính giữa các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.01.10]. Ngoài ra, hằng năm Trường lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động hỗ trợ và đội ngũ nhân viên để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng đội ngũ nhân viên [H7.07.01.11].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện từ các phòng, trung tâm và các khoa trong Trường, dựa trên kết quả phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, được cụ thể hóa vào trong kế hoạch năm học của đơn vị, Trường đã thực hiện tổ chức thi tuyển viên chức [H7.07.01.12] và thực hiện các kế hoạch để tuyển dụng lao động hợp đồng để thực hiện các nhiệm vụ cho việc phục vụ và hỗ trợ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân lực của Trường cũng luôn được rà soát, cập nhật hàng năm để có kế hoạch tuyển dụng, điều chuyển phù hợp nhằm phục vụ hỗ trợ công tác đào tạo của Trường [H7.07.01.13].

Thực hiện các kế hoạch đó, Nhà trường đã xây dựng đội ngũ nhân viên phục vụ cho ngành CNKTCK đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.14]. Thống kê về số lượng, chất lượng cho thấy đội ngũ nhân viên phục vụ của Trường cụ thể như sau: tại Trung tâm Thông tin - Thư viện có 08 nhân viên [H7.07.01.15], tại Khoa CKĐL có 05 nhân viên [H7.07.01.16], tại Phòng Quản trị - Thiết bị có 14 nhân viên [H7.07.01.17], tại Phòng Tổng hợp - Hành chính có 17 nhân viên [H7.07.01.18], tại Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng có 09 nhân viên [H7.07.01.19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, bao gồm phân tích, dự báo nhu cầu; lập kế hoạch quy hoạch và thực hiện với các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển hợp lý, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa mang lại hiệu quả mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện việc đánh giá các bên liên quan có hiệu quả hơn	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức cán bộ và làm việc của Trường [\[H7.07.02.01\]](#), Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [\[H7.07.02.02\]](#), Quy trình tuyển dụng viên chức [\[H7.07.02.03\]](#), tất cả đều được thực hiện và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và Bộ chủ quản về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển sử dụng và quản lý viên chức [\[H7.07.02.04\]](#), [\[H7.07.02.05\]](#).

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm được xác định rõ ràng trong quy chế, đề án vị trí việc làm và bản mô tả vị trí việc làm [\[H7.07.02.06\]](#), [\[H7.07.02.07\]](#). Ngoài ra, căn cứ vào tình hình từng năm và đặc thù của từng vị trí công việc, Nhà trường sẽ đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể trong các thông báo tuyển dụng hằng năm [\[H7.07.02.08\]](#). Tiêu chí chung để tuyển dụng đội ngũ NV hỗ trợ bao gồm: 1) Là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam; 2) Có phẩm chất đạo đức tốt; 3) Từ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân

sự; 4) Có sức khỏe tốt; 5) Có hồ sơ dự tuyển rõ ràng; 6) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên; chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; 7) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; 8) Có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng cơ bản theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Hàng năm, Nhà trường thông báo khảo sát nhu cầu tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, điều chuyển đội ngũ nhân viên trong năm tới các đơn vị trong toàn Trường [\[H7.07.02.09\]](#). Sau đó, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch tuyển dụng, điều chuyển nhân viên cho các đơn vị để đáp ứng về nhiệm vụ và công tác hỗ trợ phục vụ đào tạo của từng đơn vị [\[H7.07.02.10\]](#). Các quyết định tuyển dụng [\[H7.07.02.11\]](#), và các quyết định, thông báo điều chuyển viên chức đều được gửi đến từng cá nhân và đơn vị sử dụng nhân viên, [\[H7.07.02.12\]](#), [\[H7.07.02.13\]](#). Trong giai đoạn 2020 – 2025 Nhà trường đã thực hiện tuyển dụng 10 nhân viên, thực hiện điều chuyển 7 nhân viên.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được xác định rõ ràng và được phổ biến tới tất cả các đơn vị và toàn thể cán bộ, GV, nhân viên trong toàn Trường và được công khai trên website và các phương tiện thông tin của Nhà trường [\[H7.07.02.14\]](#), [\[H7.07.02.15\]](#) và ngoài ra các thông báo tuyển dụng còn được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng Báo, đài truyền hình Nghệ An [\[H7.07.02.16\]](#).

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên của Trường được xác định rõ ràng theo đúng quy định chung của Nhà nước, quá trình tuyển dụng để bổ nhiệm, điều chuyển công khai, minh bạch. Các tiêu chí và kết quả tuyển dụng được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

3. Điểm tồn tại

Cần có quy định cụ thể hóa về bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên tại trường để đảm bảo tính cập nhật các quy định mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần quy định cụ thể hóa về bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên tại Trường đảm bảo tính cập nhật các quy định mới.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Các phòng, Trung tâm.	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Các phòng, Trung tâm.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác xây dựng đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao được Nhà trường xác định là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển của Trường, với mục tiêu số nhân viên ở mức dưới 35% tổng số CBVC của Trường nhưng phải đảm bảo được chất lượng nhân viên được bồi dưỡng nâng cao. Vì vậy, việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên là việc làm thường xuyên trong quá trình đánh giá chất lượng đào tạo của Trường. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định trong Đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm [\[H7.07.03.01\]](#), [\[H7.07.03.02\]](#), trong Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của GV và cán bộ hỗ trợ phục vụ [\[H7.07.03.03\]](#) và ngay từ khâu tuyển dụng viên chức cũng được thông tin cụ thể [\[H7.07.03.04\]](#). Các tiêu chuẩn để tuyển dụng theo từng vị trí được xác định ngay từ đầu thông qua bằng cấp, lĩnh vực chuyên môn, trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc và phỏng vấn trực tiếp. Hàng năm, Nhà trường đều có thông báo gửi các đơn vị để tiến hành đánh giá năng lực, kết quả lao động của cán bộ viên chức theo Quy định về công tác đánh giá,

phân loại viên chức; phân loại tập thể và công tác thi đua, khen thưởng đã được ban hành [\[H7.07.03.05\]](#), [\[H7.07.03.06\]](#).

Quy trình đánh giá và tiêu chí đánh giá thường xuyên được Trường điều chỉnh, cập nhật nhằm đáp ứng sự vận động của thực tế và được phổ biến công khai đến từng cán bộ viên chức [\[H7.07.03.07\]](#). Kết quả lao động của cán bộ viên chức đều được đánh giá bởi chính người lao động, bởi lãnh đạo đơn vị và tập thể về năng lực chuyên môn, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [\[H7.07.03.08\]](#). Việc đánh giá được thực hiện với các mức phân loại lao động như: hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả phân loại đều được giám sát, theo dõi bởi Phòng Tổ chức - Thanh tra của Trường. Kết quả phân loại sẽ được gửi cho toàn thể cán bộ viên chức trong Trường được biết, kiểm tra và phản hồi nếu có điều chỉnh [\[H7.07.03.09\]](#), [\[H7.07.03.10\]](#) trước khi ban hành quyết định công nhận kết quả xếp loại và danh hiệu thi đua chính thức [\[H7.07.03.11\]](#), [\[H7.07.03.12\]](#). Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường, nhiều cán bộ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trong đó có cán bộ còn đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và được đề nghị nâng lương trước thời hạn. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp và thành tích của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Bên cạnh đó, Trường đã bước đầu tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan trong việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên. SV đã được tham gia đánh giá về mức độ hài lòng đối với việc phục vụ của nhân viên các phòng, trung tâm [\[H7.03.03.13\]](#). Kết quả đánh giá được tổng hợp bởi Phòng KT&ĐBCL của Trường được công bố công khai và làm căn cứ điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả công tác xác định và đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo ngành CNKTCK, do đó ngày càng nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên thông qua lấy ý kiến phản hồi từ người học hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với đội ngũ NV	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Các phòng, Trung tâm.	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội ngũ NV qua nhiều hình thức khác nhau	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Các phòng, Trung tâm.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã thực hiện các nhiệm vụ ban đầu là khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Việc khảo sát này được bắt đầu ở khoa và các phòng chức năng, trung tâm vào đầu năm [\[H7.07.04.01\]](#). Dựa trên đề án vị trí việc làm [\[H7.07.04.02\]](#), [\[H7.07.04.03\]](#) và kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn của Trường [\[H7.07.04.04\]](#) và nhu cầu của từng đơn vị đưa lên [\[H7.07.04.05\]](#), Nhà trường phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác đào tạo toàn Trường nói chung và ngành CNKTCK nói riêng.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường sẽ ban hành kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ này [\[H7.07.04.06\]](#). Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên bao gồm: bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành), bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ quản lý (đối với nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý), bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp) và bồi dưỡng quốc phòng an ninh. Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ nhân viên được học lên thạc

sĩ, tiến sĩ đúng chuyên môn; tổ chức các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng an ninh; Ngân sách đào tạo chủ yếu từ nguồn của Nhà trường được thông kê báo có chi tiết hàng năm về nguồn kinh phí [\[H7.07.04.07\]](#) và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [\[H7.07.04.08\]](#). Ngoài ra Trường còn tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, hoặc tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ tham dự các khóa bồi dưỡng chuyên môn, các hội thảo do các cơ sở ở ngoài Trường tổ chức.

Kết quả triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, hiện nay đội ngũ nhân viên hỗ trợ công tác đào tạo ngành CNKTCK có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[H7.07.04.09\]](#), [\[H7.07.04.10\]](#), [\[H7.07.04.11\]](#). Trong giai đoạn 2020 – 2024 Nhà trường đã mở các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên bao gồm: 1 lớp bồi dưỡng chuyên môn dùng chung với sự tham gia của 30 nhân viên, 2 lớp bồi dưỡng tiếng Anh theo khung năng lực 6 bậc dùng chung cho Việt Nam với sự tham gia của 43 nhân viên, 1 lớp bồi dưỡng công tác nghiên cứu khoa học có sự tham gia của 70 nhân viên - GV, 1 lớp tập huấn công tác thanh tra nội bộ với sự tham gia của 84 nhân viên. Đối với hoạt động ĐBCL, trong giai đoạn qua, Trường đã phối hợp mở 01 lớp bồi dưỡng công tác đảm bảo chất lượng và cấp giấy chứng nhận cho 50 học viên, hiện nay nhà trường có 03 cán bộ có thể kiểm định viên, 09 cán bộ có chứng chỉ kiểm định viên và nhiều lượt cán bộ được cử đi tham gia các lớp tập huấn về công tác ĐBCL, làm quan sát viên các đợt ĐGN CSGD/CTĐT. Công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Trường đã được nâng cao theo từng năm. Rất nhiều nhân viên ở các Phòng, Trung tâm trong Trường có học vị thạc sĩ, tiến sĩ. Việc đào tạo các chuyên môn nghiệp vụ khác cũng Nhà trường được thực hiện tốt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, qua đó nâng cao được chất lượng của đội ngũ theo từng năm và được thể hiện rõ trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng hàng năm của Trường [\[H7.07.04.12\]](#).

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ viên chức dựa vào chiến lược phát triển của Nhà trường và Trường có xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có các giải pháp tối ưu để khuyến khích, giám sát cán bộ viên chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ theo kế hoạch

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tìm ra giải pháp tối ưu để khuyến khích, giám sát CBVC thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ theo kế hoạch.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Các phòng, Trung tâm.	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lập kế hoạch cử CBVC học tập, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo đề án vị trí việc làm	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL. Các phòng, Trung tâm.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV đã ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân trong Nhà trường [\[H7.07.05.01\]](#). Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, GV và nhân viên được phân định rõ ràng trong quy chế làm việc [\[H7.07.05.02\]](#) và các đề án vị trí việc làm đã được Trường ban hành [\[H7.07.05.03\]](#), [\[H7.07.05.04\]](#). Tất cả các nhân viên xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ theo phân công vào đầu năm (về khối lượng, tiến độ và thời gian hoàn thành), các văn bản này sẽ được tập hợp cho lãnh đạo đơn vị xem xét, điều này sẽ giúp cho việc phân công, theo dõi, giám sát và hỗ trợ tốt hơn [\[H7.07.05.05\]](#) các nhiệm vụ và mức độ hoàn thành đều được thông báo tại kết luận hội nghị giao ban hàng năm [\[H7.07.05.06\]](#). Bộ phận Thanh tra là đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đánh giá đội ngũ GV và nhân viên theo

kế hoạch công tác được phân công giao nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể [\[H7.07.05.07\]](#), bộ phận Thanh tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thanh kiểm tra theo từng năm để đưa vào xếp loại đánh giá, khen thưởng viên chức [\[H7.07.05.08\]](#). Trưởng, phó đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên đơn vị mình quản lý.

Kết quả làm việc của mỗi cá nhân được đánh giá, phân loại vào cuối năm theo quy định phân loại kết quả công việc của Nhà trường [\[H7.07.05.09\]](#), [\[H7.07.05.10\]](#) với các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Hội đồng thi đua của Nhà trường sẽ dựa vào các quy định và các tiêu chuẩn để bình bầu và đánh giá. Kết quả này sau đó sẽ được thông báo công khai đến với toàn bộ cán bộ nhân viên [\[H7.07.05.11\]](#), [\[H7.07.05.12\]](#). Cán bộ nhân viên có quyền khiếu nại các kết quả phân loại lao động trước khi Nhà trường công bố kết quả chính thức.

Trường ĐHSPTV cũng đã ban hành các quy định về thi đua và khen thưởng rất rõ ràng, tuân thủ theo quy định của Nhà nước [\[H7.07.05.13\]](#). Hàng năm Trường đều tổ chức thực hiện hội nghị các bộ viên chức từ cấp đơn vị thuộc Trường đến cấp Trường, tất cả các hội nghị đều được lấy ý kiến dân chủ góp ý cho các quy chế của Nhà trường để ban hành áp dụng [\[H7.07.05.14\]](#). Những cán bộ viên chức có thành tích xuất sắc sẽ được giới thiệu cho các danh hiệu cấp Trường và ở các cấp cao hơn như Bằng khen của Bộ LĐTBXH, chiến sĩ thi đua cấp bộ hay biểu dương khen thưởng các cán bộ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Nhà trường còn có nhiều hoạt động khen thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc và phấn đấu của người lao động, cụ thể như việc nâng lương trước hạn đối với cá nhân có thành tích xuất sắc chính sách [\[H7.07.05.15\]](#) và hỗ trợ phụ cấp cho nhân viên hành chính, hỗ trợ tiền cho cán bộ viên chức có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt kết quả cao. Trong giai đoạn 2020 -2024 Nhà trường đã ra quyết định nâng lương trước thời hạn cho các cá nhân cụ thể như sau: năm 2020 cho 07 cá nhân, năm 2021 cho 1 cá nhân, năm 2022 cho 3 cá nhân, năm 2023 cho 13 cá nhân, năm 2024 cho 5 cá nhân. Với những chính sách đúng đắn và phù hợp nhằm thúc đẩy các cá nhân phát triển, đồng thời thúc đẩy cho quá trình đào tạo, tạo dựng một môi trường làm việc ổn định, bền vững, tự do dân chủ theo đúng với quy định trong quy chế Trường đã ban hành thực hiện [\[H7.07.05.16\]](#).

Trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả của công việc, Nhà trường đều triển khai lấy ý kiến rộng rãi của các cá nhân trong toàn Trường và thường xuyên được rà

soát lại qua từng năm học. Hiện nay Nhà trường đang xây dựng và triển khai công cụ đánh giá KPI's tại một vài đơn vị. Tuy nhiên việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc vẫn còn phải tiếp tục xây dựng và củng cố để hoàn thiện.

Ngoài ra việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực hỗ trợ cho cán bộ nhân viên thực hiện NCKH. Trường cũng đã thực hiện áp dụng nhiều chế độ khuyến khích khác nhau để hỗ trợ cho nhân viên như quy chiếu giờ NCKH cho các đề tài, dự án, tham gia hội thảo hay viết bài báo, tính giờ GD hay tặng thưởng cho các bài báo khoa học chuyên ngành đăng trên các tạp chí có chỉ số trong danh mục tính điểm và tất cả đó đều có ý nghĩa rất lớn trong việc hỗ trợ và khuyến khích cán bộ nhân viên trong việc thực hiện NCKH.

Các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng ngày càng được khuyến khích và đẩy mạnh trong và ngoài Trường với sự tham gia của toàn thể cán bộ nhân viên và SV toàn Trường, có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể [\[H7.07.05.17\]](#). Đội ngũ nhân viên của các phòng và tổ chức đoàn thể như Phòng CTSV, Đoàn trường đóng vai trò là cầu nối giữa GV và SV trong các hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, các chương trình hỗ trợ đồng bào miền núi, hỗ trợ SV nghèo vượt khó, ngày hội việc làm để kết nối với các doanh nghiệp...đều được thực hiện hằng năm. Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát khảo sát SV, học viên, cán bộ, GV, nhân viên về các hoạt động của Nhà trường và được tổng hợp báo cáo để có những cải tiến điều chỉnh kịp thời trong việc triển khai thực hiện để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[H7.07.05.18\]](#), [\[H7.07.05.19\]](#). Tuy nhiên, các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng chưa được lượng hóa cụ thể làm cơ sở để đánh giá chất lượng viên chức và bình xét danh hiệu thi đua.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt công tác quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Trường luôn hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ cộng đồng của nhân viên chưa được định lượng để đánh giá cụ thể kết quả hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lượng hóa tiêu chí gắn kết, PVCD làm cơ sở đánh giá, xếp loại VC vào cuối năm.	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Các phòng, Trung tâm.	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quản trị theo kết quả công việc	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL. Các phòng, Trung tâm.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường cơ bản đáp ứng đủ về số lượng, trình độ chuyên môn và khả năng phục vụ, hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển chọn nhân viên được xác định rõ ràng và công khai minh bạch. Hằng năm kết quả công việc của đội ngũ nhân viên đều được đánh giá, xếp loại và khen thưởng theo đúng quy chế của Nhà trường, kết quả đánh giá cũng được công khai trong toàn Trường. Nhà trường tạo nhiều điều kiện hỗ trợ và khuyến khích cán bộ viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn. Các nhân viên đều hài lòng với quy trình đánh giá kết quả cuối năm học cũng như các chế độ khen thưởng phù hợp. Tuy nhiên trong thời gian tới cần triển khai và xây dựng công cụ theo dõi, giám sát và đánh giá KPI đến tất cả các đơn vị trong Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 5/5 tiêu chí đạt (tổng điểm 20/35).

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong những năm qua, Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL đã xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp, rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển được công khai. Nhà trường cũng thiết lập một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch. Đồng thời các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Ngoài ra, việc xây dựng và duy trì môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan sạch, xanh, đẹp, nhiều tiện ích đã tạo được sự thoải mái cho người học, và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học của ngành CNKTCK nói riêng và các ngành đào tạo khác của khoa và Nhà trường nói chung. Tiêu chuẩn 8 được đánh giá thông qua 05 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách và quy định về tuyển sinh của ngành CNKTCK là rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Ngành CNKTCK nói riêng và các ngành khác trong toàn Trường thực hiện tuyển sinh đầu vào đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế, đề án tuyển sinh của Trường ĐHSPKTV [H8.08.01.01]. Trong các đề án tuyển sinh từ năm 2022 Nhà trường đã bổ sung thêm nhiều phương án tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển dựa theo học bạ THPT, xét tuyển thẳng và xét theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội. Đồng thời mở rộng tổ hợp xét tuyển. Theo đó, ngành CNKTCK xét tuyển dựa trên 04 tổ hợp môn: A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh) và D01 (Toán, Ngữ văn, Anh). Hàng năm Trường đều thực hiện các thông báo tuyển sinh với đầy đủ các thông tin tuyển sinh như xét tuyển thẳng, mức điểm nhận hồ sơ, các thông báo xét tuyển bổ sung, các chính sách và quy định tuyển sinh cho các đối tượng trong nước [H8.08.01.02] và tuyển sinh đào tạo SV ngoài nước [H8.08.01.03], các nội dung trên luôn được cập nhật và công bố công khai thông qua các thông báo, các kế hoạch tuyển sinh hoặc xét tuyển được đăng tải rộng rãi trên Website của Trường, trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường, trong các buổi tuyển sinh trực tuyến, trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, trên truyền hình Nghệ An, đồng thời được

dán tại các bảng tin trong Trường [\[H8.08.01.04\]](#), [\[H8.08.01.05\]](#), [\[H8.08.01.06\]](#). Ngoài ra, các thông tin về tuyển sinh hàng năm cũng được cung cấp đầy đủ thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm của các đoàn tuyển sinh tại các Trường THPT trong tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận [\[H8.08.01.07\]](#). Thông qua các buổi tư vấn, các đoàn tuyển sinh đã cung cấp các thông tin cụ thể thông qua các tờ rơi và giải đáp trực tiếp tại buổi tư vấn [\[H8.08.01.08\]](#). Ngoài ra, hàng năm Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho tất cả đội ngũ cán bộ GV Nhà trường để mỗi cá nhân đều nắm chắc chính sách, quy định tuyển sinh để thực hiện tốt công tác tư vấn, truyền thông tuyển sinh [\[H8.08.01.09\]](#).

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và ngành CNKTCK nói riêng có sự góp ý của cựu SV về tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [\[H8.08.01.10\]](#), và làm việc với các doanh nghiệp, các bên liên quan từ đó phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, [\[H8.08.01.11\]](#), thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu lao động, việc làm của tỉnh [\[H8.08.01.12\]](#) đều được Trường cập nhật hằng năm để có những chính sách chiến lược rõ ràng cho tuyển sinh hàng năm đối với các ngành đào tạo của Trường. Hàng năm, trường đều thực hiện báo cáo công tác tổng kết tuyển sinh [\[H8.08.01.13\]](#), dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu tuyển sinh, hội nghị về công tác tuyển sinh cũng như đánh giá tình hình thực tiễn, Nhà trường phân tích, dự báo, xây dựng và cập nhật, điều chỉnh đề án, kế hoạch tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh ngành đồng thời thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh [\[H8.08.01.14\]](#) để từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp cho từng năm [\[H8.08.01.15\]](#). Hàng năm Trường đều có các chính sách rõ ràng, được công bố công khai với những chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như cấp học bổng cho đối tượng người học có kết quả thi THPT cao hoặc kết quả học tập 3 năm THPT đạt loại giỏi trở lên với mức học bổng bằng học phí năm học thứ nhất và những chính sách cho gia đình có 2 con học cùng thời điểm tại Trường, các ngành đào tạo mới hay người học là nữ học ngành kỹ thuật với mức đãi ngộ giảm học phí 20% - 30% [\[H8.08.01.16\]](#).

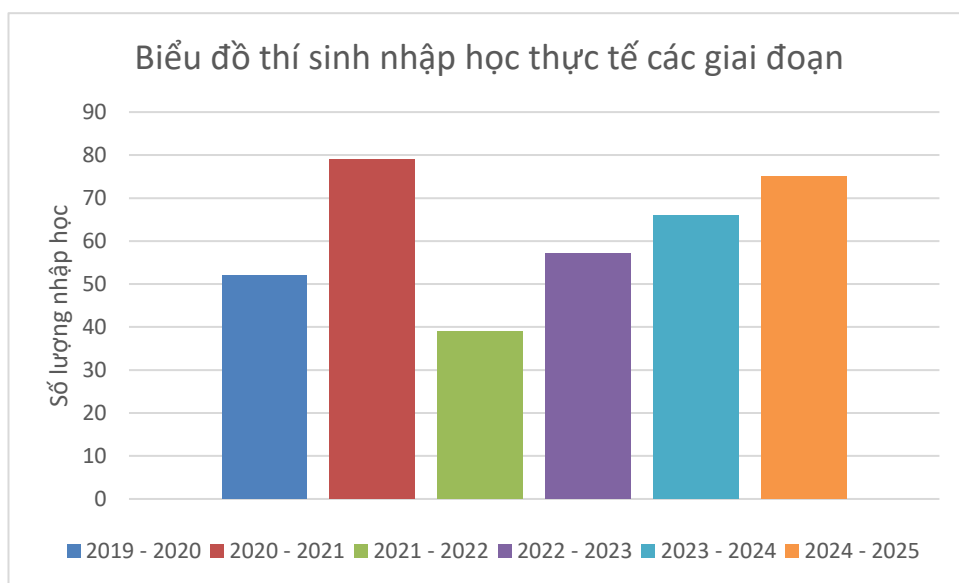
Số lượng SV ngành CNKTCK được hưởng chính sách học bổng (Bổ sung thêm 2024-2025):

Năm tuyển sinh/	Học bổng bằng mức	Học bổng bằng mức 20% học phí toàn khóa cho SV	Học bổng bằng mức 20% học phí
-----------------	-------------------	--	-------------------------------

Chính sách	100% học phí năm thứ nhất	thuộc gia đình có con thứ 2 trở lên học tập tại Trường	toàn khóa cho SV nữ
2021 - 2022	42	0	0
2022 - 2023	25	2	0
2023 - 2024	20	1	0

Kết quả tuyển sinh Đại học chính quy giai đoạn 2020 – 2025 của ngành CNKTCK:

Năm học	Chỉ tiêu	Số lượng nhập học thực tế	Tỷ lệ
2019 - 2020	120	52	43,3%
2020 - 2021	120	79	65,8%
2021 - 2022	110	39	35,5%
2022 - 2023	90	57	63,3%
2023 - 2024	90	66	73,3%
2024 - 2025	90	75	83,3%



Dựa vào số liệu các bảng trên cho thấy số thí sinh trúng tuyển nhập học vào ngành CNKTCK từ năm 2020 - 2021 ngày càng tăng, điều này phù hợp với xu thế chung của sự phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời với chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai và cập nhật thường xuyên cũng là yếu tố tiên quyết nâng cao hiệu quả tuyển sinh. Bên cạnh đó, sự

phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, đào tạo, việc làm được phổ biến kịp thời giúp cho thí sinh có sự chắc chắn hơn trong lựa chọn ngành. Tuy nhiên, số lượng hàng năm tăng lên nhưng vẫn chưa đủ chỉ tiêu đề ra sự đa ngành nghề về khoa học kỹ thuật cũng như vị thế của ngành chưa cao cũng như người học thường có xu hướng theo nhu cầu sở thích của bản thân và trào lưu xã hội.

Sau khi có kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường, Nhà trường thành lập Ban thanh tra hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh. Ban thanh tra tiến hành xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của quá trình tuyển sinh, nhập học của Trường. Kết quả quá trình thanh kiểm tra và giám sát đều được Ban thanh tra ghi chép lưu giữ và báo cáo trực tiếp Ban giám hiệu. Kế hoạch thanh kiểm tra đều được thực hiện tuân thủ các quy định theo đúng Thông tư 23/2016/TT-BGDĐT.

Để đánh giá về công tác tuyển sinh và nhập học, hàng năm Nhà trường thực hiện khảo sát thông qua lấy ý kiến phản hồi của Cán bộ, GV, nhân viên Nhà trường về các hoạt động của Nhà trường từ đó tổng hợp báo cáo và đề xuất những giải pháp điều chỉnh nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh của Trường [\[H8.08.01.17\]](#).

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định, được cập nhật hằng năm và được công bố công khai đến tất cả các đối tượng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá tuyển sinh chung của Trường cũng như của ngành CNKTCK chưa phong phú để thu hút nguồn dự tuyển có chất lượng đầu vào cao.

Việc lấy ý kiến góp ý của các bên có liên quan về công tác tuyển sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh thường xuyên hơn, đầy đủ hơn và đa dạng hóa các hình thức quảng bá tuyển sinh	Phòng Đào tạo. Các đơn vị trong toàn Trường.	Định kỳ hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc xây dựng chính sách, quy định tuyển sinh rõ ràng đúng quy định và cập nhật hàng năm. Đa dạng hóa các hình thức công khai.	Phòng Đào tạo. Các đơn vị trong toàn Trường.	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với khoa CKĐL nói riêng và Trường ĐHSPKTV nói chung, việc tuyển chọn người học được xác định là một khâu quan trọng góp phần quyết định trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo. Việc tuyển chọn người học được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng như quy định về đối tượng, phạm vi và phương thức tuyển sinh. Các tiêu chí được xây dựng đúng quy định và phù hợp với phương thức tuyển sinh của Nhà trường, được thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh hàng năm và được cập nhật bổ sung sửa đổi qua các năm [\[H8.08.02.01\]](#). Trong đề án tuyển sinh bao gồm các nội dung về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh: 1) Đối tượng tuyển sinh; 2) Phạm vi tuyển sinh; 3) Phương thức tuyển sinh; 4) Chỉ tiêu tuyển sinh; 5) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển; 6) Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của Trường; 7) Tổ chức tuyển sinh; 8) Chính sách ưu tiên; 9) Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển; 10) Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí; 11) Thời gian tuyển sinh; 12) Cam kết của Nhà trường; 13) Tài chính; 14) Các nội dung ưu tiên cấp học bổng đầu vào. Trong các đề án tuyển sinh, Nhà trường đã bổ sung thêm nhiều phương án tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển dựa theo học bạ THPT, xét tuyển thẳng và xét theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng thời mở rộng tổ hợp xét tuyển. Theo đó, ngành CNKTCK xét tuyển dựa trên 04 tổ hợp môn: A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh) và D01 (Toán, Ngữ văn, Anh). Trên cơ sở Đề án tuyển sinh, Nhà trường ra thông báo tuyển sinh cụ thể cho các đối tượng người học trong nước [\[H8.08.02.02\]](#) và tuyển sinh người học ngoài nước [\[H8.08.02.03\]](#). Những thông báo tuyển

sinh của Trường với đầy đủ các nội dung quan trọng liên quan đến đối tượng xét tuyển bằng nhiều hình thức khác nhau đều được công khai trên trang Website của Trường, Website các đơn vị, qua trực tuyến, qua kênh truyền hình địa phương, qua tư vấn trực tiếp tại các Trường THPT... Bên cạnh đó phương thức nộp hồ sơ xét tuyển cũng được thay đổi, mở rộng linh hoạt bằng các phương pháp khác nhau như: nộp trực tiếp, qua đường bưu điện, nộp trực tuyến qua trang quản lý tuyển sinh của Trường <https://tuyensinh.vuted.edu.vn/> hay qua Fanpage www.facebook.com/truongdhspkvtinh; Chat trực tuyến, zalo (0979.681.724).

Thí sinh trúng tuyển được công nhận trúng tuyển các đợt với đầy đủ thông tin chi tiết về kết quả trúng tuyển các ngành [\[H8.08.02.04\]](#) và được tổ chức nhập học, phân lớp theo ngành đã đăng ký.

Kết quả tuyển sinh Đại học chính quy giai đoạn 2020 – 2025 của ngành CNKTCK:

Năm học	Chỉ tiêu	Số lượng nhập học thực tế	Tỷ lệ
2019 - 2020	120	52	43,3%
2020 - 2021	120	79	65,8%
2021 - 2022	110	39	35,5%
2022 - 2023	90	57	63,3%
2023 - 2024	90	66	73,3%
2024 - 2025	90	75	83,3%

Dựa vào bảng số liệu trên cho thấy số thí sinh trúng tuyển nhập học vào ngành Công nghệ KTCK ngày càng tăng, thậm chí để đảm bảo chất lượng giảng dạy, Nhà trường đã phải giảm chỉ tiêu tuyển sinh, điều này phù hợp với xu thế chung của sự phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, có thể thấy được phương thức, tiêu chí tuyển chọn người học được thực hiện trong những năm qua ngày càng cao, là tương đối phù hợp và đã mang lại hiệu quả trong công tác tuyển sinh của Trường.

Hàng năm, Bộ phận tuyển sinh của Trường tiến hành rà soát, tổ chức Hội nghị tổng kết để đánh giá rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung kịp thời và dự thảo phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo [\[H8.08.02.05\]](#), [\[H8.08.02.06\]](#) và xây dựng kế

hoạch tuyển sinh để triển khai thực hiện [\[H8.08.02.07\]](#), từ đó, công tác tuyển sinh hằng năm được tối ưu, nâng cao hiệu quả.

Đánh giá về công tác tuyển sinh và nhập học cũng được Trường thực hiện thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của Cán bộ, GV, nhân viên Nhà trường về các hoạt động của Nhà trường hàng năm [\[H8.08.02.08\]](#).

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố rộng rãi, công khai. Các tiêu chí tuyển chọn được đánh giá khách quan, được mở rộng, thay đổi và cập nhật kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá sự phù hợp của tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học chưa được đánh giá thường xuyên, đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần tiến hành đánh giá sự phù hợp của tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đầy đủ hơn.	Phòng Đào tạo Các đơn vị trong toàn Trường.	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học hàng năm.	Phòng Đào tạo Các đơn vị trong toàn Trường.	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình học tập và rèn luyện của người học tại Trường ĐHSPKTV, Trường đều thực hiện việc giám sát, đánh giá người học dựa trên các quy chế Quy định đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Trường ban hành [\[H8.08.03.01\]](#) và thực hiện theo đúng CTĐT ngành CNKTCK đã ban hành thực hiện đào tạo [\[H8.08.03.02\]](#), theo quy chế tổ chức thi và

kiểm tra [H8.08.03.03] và công cụ thực hiện giám sát kết quả học tập rèn luyện, khối lượng học tập qua phần mềm quản lý đào tạo CMC.

Nhà trường và Khoa CKĐL có bộ phận cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và quá trình cảnh báo học tập cho người học. Đội ngũ cán bộ GV chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập của SV bao gồm: GV giảng dạy, giáo viên quản lý SV, trợ lý giáo vụ khoa và đội ngũ nhân viên hỗ trợ khác của các phòng/trung tâm của Trường như Phòng Đào tạo, phòng CTSV, phòng KT&ĐBCL, Bộ phận QHDN và việc làm SV.... Từ năm 2018 đến nay, Trường thực hiện bố trí 1 người thực hiện 3 nhiệm vụ: công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, trợ lý công tác SV và được gọi chung là Giáo viên quản lý SV, khoa CKĐL với lưu lượng SV đông nên được bố trí 4 Giáo viên quản lý SV và hàng năm đều được phân công quản lý, theo dõi giám sát các lớp học được phân công [\[H8.08.03.04\]](#). Nhiệm vụ của đội ngũ Giáo viên quản lý SV với việc giám sát sự tiến bộ trong học tập của SV được quy định rõ ràng trong đề án vị trí việc làm [\[H8.08.03.05\]](#), trong Quy chế làm việc của Trường [\[H8.08.03.06\]](#) và được quy định cụ thể trong Quy chế CTSV [\[H8.08.03.07\]](#). Khối lượng học tập, các quy định về rèn luyện của SV được quy định cụ thể trong CTĐT của ngành CNKTCK, trong quy chế CTSV của trường. Trong CTĐT đều được thiết kế phân bổ theo từng học kỳ, năm học để thuận tiện cho Giáo viên quản lý SV tư vấn và SV thuận lợi lựa chọn đăng ký học, đồng thời trong đề cương chi tiết các học phần của CTĐT cũng quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng học phần như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ, cuối khóa và được công khai cho người học vào đầu khóa học và đầu buổi học đầu tiên của học phần. Việc giám sát sự tiến bộ của SV được thực hiện ở nhiều cấp độ khác nhau, GV giảng dạy sẽ theo dõi và đánh giá sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV thông qua điểm quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ. Giáo viên quản lý SV giám sát quá trình đăng ký học, phối hợp với trợ lý giáo vụ, GV giảng dạy theo dõi và quản lý tiến độ học tập của SV, định kỳ hàng tháng tổ chức sinh hoạt lớp để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện của SV, đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải đáp những thắc mắc của SV, nhắc nhở nghiêm túc quá trình học tập theo kế hoạch để đảm bảo tiến độ đào tạo. Hàng tháng đội ngũ Giáo viên quản lý SV thông qua việc kiểm tra, nắm bắt, đều có báo cáo tình hình SV trong tháng để khoa và Nhà trường nắm được tình hình SV [\[H8.08.03.08\]](#). Đầu mỗi học kỳ, Giáo viên quản lý SV đều thực hiện thống kê rà soát

số lượng đăng ký học phần của SV trong lớp để kịp thời tư vấn, hướng dẫn SV đăng ký học đảm bảo tiến độ học tập [\[H8.08.03.09\]](#). Hằng năm, Khoa CKDL đều có thống kê về kết quả học tập, rèn luyện của SV và gửi báo cáo kết quả học tập và rèn luyện cho gia đình. Kết thúc học kỳ, Trường đều tổ chức thực hiện công tác xét xử lý học vụ đối với SV, từ đó tổng hợp kết quả và ra quyết định công bố danh sách SV thuộc diện cảnh báo học tập [\[H8.03.03.10\]](#) gửi các khoa, từ đó thông báo để SV có kế hoạch cải thiện chất lượng học tập, đảm bảo đúng tiến độ và điều kiện tốt nghiệp theo đúng kế hoạch đào tạo. SV của ngành CNKTCK cũng được Giáo viên quản lý SV tư vấn, hướng dẫn cụ thể về các vấn đề liên quan đến việc lựa chọn học phần, thay đổi các lựa chọn đăng ký, nghỉ học tạm thời hoặc thôi học theo nguyện vọng. Do vậy kết quả học tập của SV đã có những tiến bộ nhất định trong quá trình học tập [\[H8.08.03.11\]](#). Tuy nhiên, tình trạng SV bỏ học, bị xử lý học vụ ở mức 3 còn tương đối nhiều, phần lớn chủ yếu là SV năm nhất, các em vào Trường chưa có động cơ, mục đích rõ ràng, còn có hiện tượng đứng núi này trông núi nọ hay đi học để trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện theo quy trình: SV tự đánh giá; tập thể lớp đánh giá xếp loại và gửi hồ sơ lên Khoa; Hội đồng Khoa sẽ họp, đánh giá, xếp loại rèn luyện của SV theo từng học kỳ, năm học và đề nghị Hội đồng Trường xem xét, đánh giá. Kết quả rèn luyện của SV được phòng CTSV tổng hợp và trình giám hiệu ký quyết định công nhận [\[H8.08.03.12\]](#), nhìn vào kết quả có thể thấy SV đã có những tiến bộ nhất định trong quá trình rèn luyện trong những năm gần đây. Các hoạt động giám sát học tập của SV, kết quả học tập và rèn luyện hàng năm đều được Khoa báo cáo sau khi kết thúc năm học và được đưa ra thảo luận tại hội nghị CTSV cấp Khoa nhằm đánh giá lại kết quả hoạt động cũng như đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cho năm học tiếp theo [\[H8.08.03.13\]](#), từ đó để nâng cao sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện để đạt được kết quả học tập cao và đảm bảo đạt khối lượng học tập của người học theo đúng chương trình và kế hoạch đào tạo.

Đối với SV làm khóa luận tốt nghiệp, Khoa sẽ thông báo đến những SV, HV đủ điều kiện được làm khóa luận, đồng thời nói rõ cho SV hiểu mục tiêu của việc làm khóa luận tốt nghiệp là gì, cấu trúc của khóa luận tốt nghiệp để SV hình dung được quá trình và nhiệm vụ của bản thân. Khoa phân công GV hướng dẫn các SV và giao nhiệm vụ để sinh viên thực hiện nghiên cứu. Trong quá trình SV thực hiện các nhiệm vụ theo nhiệm vụ được giao,

trong quá trình thực hiện SV có thể nhận hỗ trợ từ đội ngũ GV trong bộ môn CNKTCK và giáo viên quản lý SV.

Với những công việc mà Khoa và Nhà trường thực hiện, sự tiến bộ của người học được cải thiện, kết quả xếp loại tốt nghiệp của SV hàng năm đều có sự thay đổi, số SV đạt loại Khá, Giỏi, Xuất sắc tăng lên thông qua số liệu về kết quả học tập và rèn luyện cuối khóa của SV ngành CNKTCK tốt nghiệp trong 5 năm gần đây cụ thể như sau (không tính SV bậc Đại học liên thông):

Bảng số liệu kết quả tốt nghiệp:

Khóa đào tạo	K11 2016- 2020	K12 2017- 2021	K13 2018- 2022	K14 2019- 2023	K15 2020- 2024	K16 2021 - 2025
Số lượng tốt nghiệp	30	40	54	37	50	30

Bảng xếp loại kết quả học tập và rèn luyện cuối khóa trên số lượng tốt nghiệp:

Năm học 2019 - 2020

Bậc học/	Số lượng	Học tập											
Lớp		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB		Yếu&Kém			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
DHKCKCK11Z	28	0	0.00	10	35.71	10	35.71	8	28.57	0	0.00		
DHKCKCK12Z	36	0	0.00	2	5.56	9	25.00	20	55.56	5	13.89		
DHKCKCK13Z	50	0	0.00	3	6.00	17	34.00	27	54.00	3	6.00		
DHKCKCK14Z	44	0	0.00	0	0.00	6	13.64	38	86.36	0	0.00		
DHKCKLK11Z	2	0	0.00	0	0.00	2	100.00	0	0.00	0	0.00		
DHKCKLK12Z	1	0	0.00	0	0.00	1	100.00	0	0.00	0	0.00		
DHKCKLK13Z	6	0	0.00	0	0.00	5	83.33	0	0.00	1	16.67		
Bậc học/	Số lượng	Rèn luyện											
Lớp		Xuất sắc		Tốt		Khá		TBK		TB		Yếu&Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
DHKCKCK11Z	28	1	0.04	23	0.82	3	0.11	0	0.00	0	0.00	1	0.04
DHKCKCK12Z	36	0	0.00	27	0.75	9	0.25	0	0.00	0	0.00	0	0.00
DHKCKCK13Z	50	3	0.06	36	0.72	11	0.22	0	0.00	0	0.00	0	0.00
DHKCKCK14Z	44	4	0.09	15	0.34	25	0.57	0	0.00	0	0.00	0	0.00
DHKCKLK11Z	2	0	0.00	2	1.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
DHKCKLK12Z	1	0	0.00	1	1.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
DHKCKLK13Z	6	0	0.00	5	0.83	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	0.17

Năm học 2020 – 2021

Lớp sinh viên - Ngành - Khóa	Số SV	Kết quả rèn luyện năm học 2020 - 2021											
		Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu, kém		Không xếp loại	
		S L	Tỷ lệ %	S L	Tỷ lệ %	S L	Tỷ lệ %	S L	Tỷ lệ %	S L	Tỷ lệ %	S L	Tỷ lệ %
DHKCKCK13Z	47	4	8.5%	38	80.9%	2	4.3%	2	4.3%	0	0.0%	1	2.1%
DHKCKCK12Z	35	5	14.3%	29	82.9%	1	2.9%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
DHKCKCK14 A1	42	2	4.8%	16	38.1%	23	54.8%	1	2.4%	0	0.0%	0	0.0%
DHKCKCK15 A1	58	3	5.2%	23	39.7%	28	48.3%	4	6.9%	0	0.0%	0	0.0%
DHKCKCK15 A2	13	1	7.7%	9	69.2%	3	23.1%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
DHKCKLK12Z	1	0	0.0%	1	100.0 %	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
DHOTOLK13Z	28	0	0.0%	14	50.0%	9	32.1%	0	0.0%	0	0.0%	5	17.9%
DHKCKLK13Z	7	0	0.0%	6	85.7%	1	14.3%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%

Lớp sinh viên - Ngành - Khóa	Số SV	Kết quả học tập năm học 2020 - 2021										ghi chú
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém		
		(3,60-4,00)		(3,20 -3,59)		(2,50-3,19)		(2,00-2,49)		(<2,00)		
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
DHCNKTCK K13Z	47	0	0,00	3	6,38	31	65,96	9	19,15	4	8,51	
DHKCKLK13Z	7	0	0,00	0	0,00	3	42,86	4	57,14	0	0,00	
DHKCKCK14A1	42	0	0,00	0	0,00	26	61,90	16	38,10	0	0,00	
DHKCKCK15A1	58	0	0,00	0	0,00	24	41,38	22	37,93	12	20,69	
DHKCKCK15A2	13	0	0,00	1	7,69	5	38,46	4	30,77	3	23,08	
DHKCKCK12Z	35	0	0,00	0	0,00	24	68,57	11	31,43	0	0,00	
DHKCKLK12Z	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	1	100,00	0	0,00	

Năm học 2021 – 2022

Bậc học/	Số lượng		Học tập										
Lớp			Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB		Yếu&Kém		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
DHKCKCK15A1	52	52	0	0.00	0	0.00	30	57.69	19	36.54	3	5.77	
DHKCKCK15A2	10	10	0	0.00	2	20.00	4	40.00	4	40.00	0	0.00	
DHKCKCK16A1	33	33	0	0.00	0	0.00	12	36.36	16	48.48	5	15.15	
DHKCKCK14Z	42	42	0	0.00	4	9.52	0	0.00	13	30.95	4	9.52	
DHKCKLK13Z	7	7	0	0.00	1	14.29	6	85.71	0	0.00	0	0.00	
DHKCKLK14Z	5	5	0	0.00	0	0.00	3	60.00	0	0.00	2	40.00	
Bậc học/	Số lượng	Rèn luyện											
Lớp		Xuất sắc		Tốt		Khá		TBK		TB		Yếu&Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
DHKCKCK15A1	52	5	9.62%	37	71.15%	3	5.77%	0	0%	7	13.46%	0	0%
DHKCKCK15A2	10	2	20%	8	80%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%

DHKCKCK16A1	33	2	6.25%	20	62.5%	1	3.12%	0	0%	8	21.88%	0	0%
DHKCKCK14Z	42	2	4.76%	30	71.43%	10	23.81%	0	0%	0	0%	0	0%
DHKCKLK13Z	7	0	0%	3	42.86%	4	57.14%	0	0%	0	0%	0	0%
DHKCKLK14Z	5	2	33.33%	3	66.67%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%

Năm học 2022 – 2023

Lớp sinh viên - Ngành - Khóa	Sĩ số SV	Kết quả rèn luyện năm học 2022 -2023									
		Xuất sắc		Tốt		Khá		TB		Yếu&Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
DHKCKCK14A1	36	1	2.78%	21	58.33%	14	38.89%	0	0.00%	0	0%
DHKCKCK15A1	47	2	4.26%	17	36.17%	27	57.45%	1	2.13%	0	0%
DHKCKCK15A2	10	3	30.00%	2	20.00%	5	50.00%	0	0.00%	0	0%
DHKCKCK16A1	27	2	7.41%	8	29.63%	15	55.56%	1	3.70%	0	0%
DHKCKCK17A1	39	1	2.56%	18	46.15%	11	28.21%	9	23.08%	0	0%
DHKCKLK14Z	2	2	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0%
DHKCKLK15Z	4	4	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0%

Lớp sinh viên - Ngành - Khóa	Sĩ số SV	Kết quả học tập năm học 2022- 2023									
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém	
		Số lượng	Tỷ lệ % (3.6-4.0)	Số lượng	Tỷ lệ % (3.2-3.59)	Số lượng	Tỷ lệ % (2.5-3.19)	Số lượng	Tỷ lệ % (2.0-2.49)	Số lượng	Tỷ lệ % (<2.0)
DHKCKCK15A1	47	0	0.00	0	0.00	14	29.79	30	63.83	3	6.38
DHKCKCK15A2	10	0	0.00	2	20.00	4	40.00	3	30.00	1	10.00
DHKCKLK14Z	2	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	100.00	0	0.00
DHKCKLK15Z	4	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	75.00	1	25.00
DHKCKCK14Z	36	0	0.00	3	8.33	33	91.67	0	0.00	0	0.00
DHKCKCK17A1	39	0	0.00	1	2.56	8	20.51	26	66.67	4	10.26
DHKCKCK16A1	27	0	0.00	0	0.00	9	33.33	11	40.74	7	25.93
CDKCKCK46A1	10	0	0.00	1	10.00	9	90.00	0	0.00	0	0.00
CDKCKCK47Z(D	2	0	0.00	0	0.00	2	100.00	0	0.00	0	0.00
CDKCKCK48Z(D	2	0	0.00	0	0.00	2	100.00	0	0.00	0	0.00
CDKCKCK48A1	8	0	0.00	0	0.00	5	62.50	3	37.50	0	0.00
CDKCKCK47A1	5	0	0.00	1	20.00	4	80.00	0	0.00	0	0.00

Năm học 2023 – 2024

Lớp sinh viên - Ngành - Khóa	Sĩ số SV	Kết quả rèn luyện năm học 2023- 2024									
		Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu, kém	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
DHKCKCK15A1	47	4	8.51%	34	72.34%	9	19.15%	0	0.00%	0	0.00%
DHKCKCK15A2	10	1	10.00%	5	50.00%	4	40.00%	0	0.00%	0	0.00%
DHKCKCK16A1	26	2	7.69%	8	30.77%	14	53.85%	2	7.69%	0	0.00%
DHKCKCK17A1	38	5	13.16%	23	60.53%	8	21.05%	0	0.00%	0	0.00%
DHKCKCK18A1	54	2	3.70%	31	57.41%	15	27.78%	6	11.11%		0.00%
DHKCKLK14Z	1	1	100%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0
DHKCKLK15Z	4	4	100%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0

Lớp sinh viên - Ngành - Khóa	Số SV	Kết quả học tập năm học 2023 - 2024									
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
DHKCKCK15A1	47	0	0.00	0	0.00	46	97.87	1	2.13	0	0.00
DHKCKCK15A2	10	0	0.00	3	30.00	7	70.00	0	0.00	0	0.00
DHKCKCK16A1	26	0	0.00	0	0.00	17	65.38	8	30.77	1	3.85
DHKCKCK17A1	38	0	0.00	1	2.63	12	31.58	18	47.37	7	18.42
DHKCKCK18A1	54	0	0.00	0	0.00	10	18.52	36	66.67	8	14.81
DHKCKLK16Z	2	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	100.00
DHKCKLK17Z	2	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	100.00
DHKCKLK15Z	4	0	0.00	0	0.00	2	50.00	2	50.00	0	0.00
CDKCKCK48A1	8	0	0.00	2	25.00	4	50.00	1	12.50	1	12.50
CDKCKCK49A1	38	0	0.00	0	0.00	15	39.47	10	26.32	13	34.21
CDKCKCK47A1	5	0	0.00	3	60.00	2	40.00	0	0.00	0	0.00

Nhà trường có công cụ lưu giữ cơ sở dữ liệu việc theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học qua phần mềm quản lý đào tạo (CMC) [\[H8.08.03.14\]](#) và qua hồ sơ lưu của giáo viên quản lý SV. Tất cả kết quả đào tạo của SV, bao gồm học tập, rèn luyện, cũng như các dữ liệu cá nhân của SV sẽ được cập nhật trên phần mềm. Mỗi cá nhân SV đều có tài khoản để theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của mình. Năm 2023, để thực hiện công tác giám sát sự tiến bộ của người học được tốt hơn, Trường đã thực hiện xây dựng và ban hành Quy trình giám sát sự tiến bộ của SV Trường ĐHSPKTV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có ban hành đầy đủ các quy chế quy định, có nhiều giải pháp và đội ngũ cán bộ GV trong việc thực hiện giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. CTĐT được phân bổ giữa các học hợp lý và phù hợp nhằm phát huy được tối đa năng lực của người học, cũng như thuận lợi cho việc giám sát kết quả học tập rèn luyện của người học. Có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện ở nhiều cấp và dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau giúp cho Khoa, giảng viên, giáo viên quản lý SV nắm bắt kịp thời tình hình học tập của người học từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm giúp đỡ hỗ trợ cho người học hoàn thành CTĐT đúng tiến độ kế hoạch.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin còn nhiều hạn chế, bên cạnh đó việc quản lý bằng hệ thống phần mềm CMC có nhiều modul đã bị lỗi, nhiều tính năng còn thiếu và còn nhiều

vấn đề chưa kịp đáp ứng nhu cầu đổi mới chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, giám sát, theo dõi người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường cơ sở hạ tầng hệ thống công nghệ thông tin trong Khoa cũng như Trường. Đầu tư mới hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để nâng cao việc đánh giá, giám sát đào tạo cũng như kịp thời đưa ra cảnh báo sớm đối với SV.	Phòng Quản trị thiết bị. Bộ phận chuyển đổi số của Trường.	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện	Khoa CKDL. Các đơn vị liên quan.	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng tìm kiếm cũng như có việc làm của người học được tiến hành liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của SV ngành CNKTCK tại Trường ĐHSPKTV. Vị trí việc làm công tác tư vấn, hỗ trợ SV được Nhà trường thực hiện theo đề án vị trí việc làm [\[H8.08.04.01\]](#). Các đơn vị/bộ phận được Nhà trường giao trách nhiệm chính trong công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học gồm các Khoa, phòng CTSV, Đoàn thanh niên, Bộ phận QHDN và việc làm SV, ngoài ra các đơn vị phòng/trung tâm khác cũng có nhiệm vụ trong công tác tư vấn, hỗ

trợ, phục vụ SV và được quy định rõ trong quy chế tổ chức và làm việc của Trường [\[H8.08.04.02\]](#), quy chế CTSV [\[H8.08.04.03\]](#), quy chế hoạt động Đoàn thanh niên [\[H8.08.04.04\]](#) và hoạt động của Bộ phận QHDN & việc làm SV [\[H8.08.04.05\]](#).

Phòng CTSV của Trường có hai chức năng nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện các công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong SV và công tác quản lý SV. Trong đó, về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong SV, Phòng thực hiện tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật Nhà nước, những nội quy, qui định của ngành và của Trường đến SV, giúp SV không chỉ hoàn thiện nhiệm vụ học tập mà còn không ngừng tu dưỡng về phẩm chất đạo đức, để trở thành người SV ưu tú, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội trong giai đoạn hiện nay. Ngay đầu khóa học, phòng đã tham mưu cho Trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa” để phổ biến, quán triệt các nội dung về các quy chế đào tạo, quy định thi kiểm tra học phần, quy chế CTSV, CTĐT, các hoạt động SV, học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phương pháp học tập hiệu quả, các kỹ năng cần thiết trong học Đại học, nhận diện và cách phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, môi trường học tập và định hướng việc làm....[\[H8.08.04.06\]](#). Hàng năm, Nhà trường tổ chức cho các lớp tham quan học tập ngoại khóa tại các địa chỉ đỏ như Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bảo tàng Quân khu 4, Thành cổ Quảng Trị, hang Pắc Bó...[\[H8.08.04.07\]](#), [\[H8.08.04.08\]](#) nhằm giáo dục lòng yêu nước, tư tưởng chính trị, tinh thần cách mạng, ý thức trách nhiệm sống của SV. Về công tác quản lý SV, Phòng thực hiện việc tiếp nhận SV khóa mới; thực hiện các chế độ chính sách cho SV về học bổng [\[H8.08.04.09\]](#), miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội [\[H8.08.04.10\]](#). Xét học bổng từ các nguồn tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, giúp hỗ trợ những SV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, những SV đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều thành tích [\[H8.08.04.11\]](#), [\[H8.08.04.12\]](#). Ngoài ra vào đầu mỗi năm học, Nhà trường thường dành một khoản kinh phí trao học bổng cho các tân SV có kết quả trúng tuyển cao hoặc hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, để nắm bắt và hỗ trợ kịp thời các vấn đề về học tập, rèn luyện, hoạt động cho SV còn có Lãnh đạo các Khoa và đội ngũ giáo viên quản lý SV các lớp. Trường và Khoa CKĐL giao nhiệm vụ cho các giáo viên quản lý SV chịu trách nhiệm quản lý, tư vấn, hỗ trợ học tập, lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, theo dõi tiến độ học tập, ý thức rèn luyện..., phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ, tư vấn, các hoạt động cho SV trong suốt quá trình học tại trường. Những SV ý thức học tập, rèn luyện kém, hay bỏ

học luôn được giáo viên quản lý SV gặp trực tiếp hoặc gọi điện trao đổi nhắc nhở, đồng thời liên lạc với gia đình để cùng phối hợp trong công tác giáo dục và quản lý SV và được ghi chép đầy đủ thông tin vào sổ theo dõi [H8.08.04.13]. Định kỳ mỗi tháng một lần, giáo viên quản lý SV đều tổ chức sinh hoạt lớp để đánh giá hoạt động của lớp SV, quán triệt các quy định, quy chế, thông báo đến SV tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học [H8.08.04.14]. Đối với SV làm khóa luận tốt nghiệp, Khoa sẽ thông báo đến những SV đủ điều kiện được làm khóa luận, đồng thời nói rõ cho SV hiểu mục tiêu của việc làm khóa luận tốt nghiệp là gì, cấu trúc của khóa luận tốt nghiệp để SV hình dung được quá trình và nhiệm vụ của bản thân. Khoa phân công GV hướng dẫn và giao nhiệm vụ để SV thực hiện nghiên cứu, ngoài ra trong quá trình SV thực hiện các nhiệm vụ thì SV có thể nhận hỗ trợ thêm từ đội ngũ GV trong bộ môn CNKTCK và giáo viên quản lý SV.

Ngoài ra, nhằm giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng nghiên cứu cho SV, Nhà trường và Khoa CKDL thường xuyên triển khai tổ chức cho SV tham gia các hoạt động về NCKH [H8.08.04.15], tham gia các cuộc thi ROBOCON [H8.08.04.16] và thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo [H8.08.04.17]....

Bảng số liệu về kết quả NCKH của SV khoa CKDL trong 05 năm gần đây:

Năm	Kết quả NCKH			Ghi chú
	Số công trình	Số SV tham gia	Kết quả đạt được	
2020	2	4	2 đề tài đạt khá	
2021	2	4	2 đề tài đạt khá	
2022	2	4	2 đề tài đạt khá	
2023	7	14	7 đề tài đạt khá	
2024	2	4	2 đề tài đạt khá	

Bảng số liệu về kết quả cuộc thi “Khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo” của SV khoa CKDL trong 05 năm gần đây:

Năm	Kết quả thi Khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo.			Ghi chú
	Số đề tài dự thi	Số SV tham gia	Kết quả đạt được	
2020	2	6	Giải 3 cấp Trường	

Năm	Kết quả thi Khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo.			Ghi chú
	Số đề tại dự thi	Số SV tham gia	Kết quả đạt được	
2021	3	12	Giải 3 cấp Trường	
2022	3	16	Giải 3 cấp Trường	
2023	3	6	1 giải nhì, 1 giải ba 1 giải khuyến khích	
2024	4	8	1 giải ba 1 giải khuyến khích	

Trong những năm qua, Nhà trường đã thực hiện ký kết hợp tác với rất nhiều Doanh nghiệp để bố trí cho SV đi thực tập thực tế như VSIP, WHA, LG, SAMSUNG, Tập đoàn Hồng Hải... [\[H8.08.04.18\]](#), tổ chức ngày hội việc làm, mời các doanh nghiệp tham gia giới thiệu cho SV những vị trí và cơ hội việc làm, đồng thời tổ chức các diễn đàn tập huấn về khởi nghiệp, lập nghiệp, định hướng việc làm, kỹ năng phỏng vấn, làm việc [\[H8.08.04.19\]](#), [\[H8.08.04.20\]](#). Ngoài các tổ chức như Bộ phận QHDN & việc làm SV, Phòng CTSV, Lãnh đạo Khoa CKDL và đội ngũ giáo viên quản lý SV, thì SV của khoa CKDL còn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các tổ chức Đoàn thanh niên và Hội SV. Tổ chức Đoàn - Hội các cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và tình nguyện như: Chương trình mùa hè xanh, Ngày sách Việt Nam, cuộc thi hùng biện tiếng Anh, cuộc thi "Got tallen", ngày Chủ nhật xanh, tham gia các CLB SV ... [\[H8.08.04.21\]](#). Đặc biệt, Khoa CKDL, Liên chi đoàn và Liên chi hội khoa cũng thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động thiết thực cho SV Ngành CNKTCK nói riêng và SV của Khoa CKDL nói chung như các giải bóng đá, bóng chuyền. Các hoạt động trên được tổ chức nhằm phát triển các kỹ năng mềm, xây dựng một môi trường thân thiện, hòa đồng, tạo sự gắn kết giữa mỗi SV với nhau, giữa SV với Thầy/Cô, giữa lớp với lớp, giữa lớp với Khoa, Nhà trường... giúp hỗ trợ tích cực cho việc học tập của SV. Từ đó, đào tạo nên những SV vừa tốt chuyên môn, vừa có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội, giúp tăng cơ hội có việc làm cho SV sau tốt nghiệp.

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học. Về phía Khoa CKDL cũng tổ chức chương trình đối thoại giữa Lãnh

đạo khoa với SV nhằm ghi nhận những phản hồi từ SV, từ đó đưa ra những giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người học, nhằm đem lại môi trường học tập tốt nhất cho SV [H8.08.04.22], [H8.08.04.23]. Ngoài ra, để nhận ý kiến phản hồi của SV về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, hàng năm Nhà trường đều thực hiện khảo sát SV về tất cả các hoạt động của Nhà trường, từ đó nhằm đánh giá, cải tiến điều chỉnh nâng cao hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cho SV [H8.08.04.24].

Với những hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa CKDL và Nhà trường, việc học tập và khả năng có việc làm của SV đã cải thiện và có chuyển biến tốt, tỷ lệ có việc làm của SV ngành CNKTCK sau khi tốt nghiệp 1 năm luôn nằm ở mức cao từ 80% trở lên và tăng dần vào các năm [H8.08.04.25].

Bảng kết quả khảo sát tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp 01 năm ngành CNKTCK trong 05 năm khảo sát gần đây (Bổ sung 24/25):

Năm TN/Năm khảo sát	2020/2021	2021/2022	2022/2023	2022/2023	2023/2024
Tỷ lệ % có việc làm	85,4 %	88,0 %	99,3%	98,4%	92%

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều đơn vị, bộ phận cùng tham gia thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp người học cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học.

Nhà trường làm tốt công tác QHDN để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua ... chưa đa dạng, chưa thu hút được đông đảo số lượng SV tham gia.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường xây dựng, triển khai các hoạt động ngoại khóa phù hợp, đa dạng, phong phú để phát triển kỹ năng mềm cho SV và thu hút được đông đảo số lượng SV tham gia.	Phòng CTSV Bộ phận QHDN và việc làm SV Đoàn thanh niên. Hội SV Khoa CKĐL	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cho SV	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKĐL.	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành “Quy chế văn hóa công sở” đối với công chức, viên chức, người lao động, trong đó có quy định rõ việc thực hiện đạo đức nghề nghiệp; thể hiện lối sống, tác phong; những việc không được làm [\[H8.08.05.01\]](#) và “Quy định văn hóa học đường và quy tắc ứng xử” đối với người học, trong đó quy định cụ thể các chuẩn mực của người học, giúp người học nâng cao ý thức bản thân, trách nhiệm với cộng đồng, xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện cho người học [\[H8.08.05.02\]](#).

Tại Trường ĐHSPKTV, SV được học tập, phổ biến đầy đủ các nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa [\[H8.08.05.03\]](#). Thông qua đó, SV đều nắm được quy định không được thực hiện trong môi trường học tập như: lôi kéo bè phái, chia rẽ tập thể, gây mất đoàn kết nội bộ; nói xấu người khác, xuyên tạc sự thật,

xuyên tạc chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của Nhà trường; giữ gìn vệ sinh trong khuôn viên Trường, ý thức bảo vệ tài sản, thiết bị, ý thức tiết kiệm ... đặc biệt nhấn mạnh quyền và nghĩa vụ của SV được quy định trong Quy chế CTSV [\[H8.08.05.04\]](#). Bên cạnh đó, Nhà trường cũng mời Công an địa phương lên lớp để phổ biến các quy định về an toàn giao thông, quy định tạm trú, nhận biết và phòng chống các loại tội phạm, cách ứng xử với nhân dân địa phương, nhiệm vụ của công an địa phương nơi Trường đặt trụ sở để từ đó giúp SV nâng cao nhận thức việc chấp hành các quy định, nhận diện được các loại tội phạm để phòng tránh, tạo môi trường tâm lý tốt cho người học, giúp người học yên tâm trong học tập, rèn luyện và hoạt động.

Trong khuôn viên Trường, các bảng hướng dẫn hoạt động học tập, rèn luyện, hoạt động, nội dung 3 công khai, cam kết của Nhà trường ... được treo để SV theo dõi nắm vững [\[H8.08.05.05\]](#). Quy định nội quy Ký túc xá được dán tại phòng ở, các tầng của ký túc nơi dễ quan sát nhận biết để SV theo dõi thực hiện và thường xuyên quán triệt qua hệ thống phát thanh để giúp SV thực hiện tốt, đảm bảo an ninh trật tự, sạch sẽ trong khu nội trú [\[H8.08.05.06\]](#).

Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các sân chơi cho người học, các câu lạc bộ SV, giúp người học tăng cường kỹ năng, sự đoàn kết, hợp tác, gắn kết SV giữa các khoa, các ngành với nhau, mang tính tập thể cao, tạo môi trường tốt về tâm lý xã hội cho người học như: chương trình chào đón tân SV, chương trình hội thao teambuilding, chương trình văn nghệ, thể thao, các hoạt động tình nguyện, hoạt động hiến máu tình nguyện, các hoạt động của câu lạc bộ đội nhóm, tham quan học tập ngoại khóa tại Bảo tàng XVNT, QK4... [\[H8.08.05.07\]](#), [\[H8.08.05.08\]](#).

Ngoài ra, để thực hiện tạo mối quan hệ tốt giữa cán bộ GV của khoa CKDL với SV để từ đó góp phần tạo tâm lý tin tưởng, thoải mái cho SV, thì tất cả đội ngũ cán bộ GV trong khoa luôn có sự giao tiếp tốt với SV; tổ chức các hoạt động gặp mặt SV đầu khóa để làm quen, thông tin qua các phương tiện mạng xã hội như hộp thư điện tử, điện thoại, Zalo để trao đổi, hướng dẫn bài học, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của SV để kịp thời hướng dẫn, tư vấn; duy trì ngôn ngữ cơ thể tích cực; kết nối tài liệu lớp học với các trải nghiệm khác; đề ý và tuân thủ nội quy lớp học của SV

Trung tâm thông tin thư viện của Trường cũng được trang bị với nhiều loại giáo trình, sách tham khảo, báo chí ... cùng hệ thống thư viện điện tử, phòng đọc rộng rãi, thoáng mát

luôn sẵn sàng hỗ trợ và phục vụ nhu cầu đọc sách của SV và có quy định hoạt động rõ ràng [\[H8.08.05.09\]](#).

Nhà trường có bộ phận y tế được quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể rõ ràng [\[H8.08.05.10\]](#), với nhiệm vụ để theo dõi, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, cấp phát thuốc cho SV, thực hiện chính sách BHYT cho SV hàng năm [\[H8.08.05.11\]](#), [\[H8.08.05.12\]](#).

Trường có thực hiện ban hành quy định về quản lý khoa học công nghệ, trong đó cũng quy định rõ về các hoạt động NCKH của Sv cũng như quyền lợi và chính sách đãi ngộ hỗ trợ SV trong hoạt động KHCN từ đó giúp cho GV và SV thuận lợi trong việc tham gia thực hiện NCKH [\[H8.08.05.13\]](#).

Trường ĐHSPKTV có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, có nhiều khu vui chơi và hoạt động thể thao. Có sơ đồ và công năng sử dụng đối với các phòng chức năng, khoa đào tạo, thuận lợi cho cán bộ GV làm việc và hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt cho người học và khách đến làm việc, tham quan tại Trường [\[H8.08.05.14\]](#), [\[H8.08.05.15\]](#).

Để đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh toàn bộ khuôn viên, phòng học, Nhà trường có lực lượng làm nhiệm vụ vệ sinh và được phân công nhiệm vụ tại các vị trí [\[H8.08.05.16\]](#). Đồng thời để có một môi trường an toàn, lành mạnh, xanh sạch đẹp cho SV, thì ngoài đội ngũ vệ sinh, bảo vệ trực thuộc Trường, Nhà trường có thuê thêm vệ sĩ để đảm bảo an ninh trong Trường và được phân công thực hiện nhiệm vụ ca trực 24/24 [\[H8.08.05.17\]](#). Nhà trường cũng thực hiện ký văn bản phối hợp công tác với Công an phường Hưng Dũng để đảm bảo an ninh trật tự Trường học [\[H8.08.05.18\]](#). Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị công tác đảm bảo an ninh Trường học và phối hợp quản lý SV nội, ngoại trú để tăng cường công tác phối kết hợp trong công tác quản lý, giúp SV không chỉ sinh hoạt trong ký túc xá mà SV ngoại trú đều có môi trường, điều kiện sinh hoạt được đảm bảo an toàn [\[H8.08.05.19\]](#).

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường được triển khai bố trí đảm bảo an toàn, định kỳ đều có đoàn kiểm tra của cơ quan công an thực hiện kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống phòng cháy chữa cháy [\[H8.08.05.20\]](#).

Nhà trường có Cổng tin được bố trí nằm trong khuôn viên của Trường, được cấp giấy an toàn thực phẩm, đầy đủ các hoạt động về dịch vụ để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt thường ngày của SV [\[H8.08.05.21\]](#).

Nhà trường hàng năm đều có kế hoạch thực hiện các khảo sát lấy ý kiến người học và các bên liên quan về các hoạt động trong Nhà trường cũng như điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học, nhằm thu thập các thông tin để có những giải pháp điều chỉnh kịp thời giúp Nhà trường luôn được đảm bảo về môi trường học tập an toàn, lành mạnh giúp người học an tâm học tập và sinh hoạt [H8.08.05.22]. Ngoài ra, ý kiến góp ý, phản hồi của SV cũng được thể hiện tại diễn đàn Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Khoa CKDL, Lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị liên quan đến môi trường học tập của SV [H8.08.05.23], [H8.08.05.24].

2. Điểm mạnh

Công tác đảm bảo an ninh trong Nhà trường luôn được đảm bảo, môi trường học tập an toàn, lành mạnh giúp người học an tâm học tập và sinh hoạt.

Cảnh quan Nhà trường luôn xanh sạch đẹp, đảm bảo vệ sinh, các bảng biển hướng dẫn, giáo dục được bố trí đầy đủ trong khuôn viên Trường tạo điều kiện thuận lợi và không khí thoải mái cho thực hiện các hoạt động.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có nhà thi đấu đa năng để phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường đề xuất với Bộ chủ quản, thông qua xã hội hóa, phấn đấu xây dựng nhà thi đấu đa năng đưa vào sử dụng năm 2025.	Trường ĐHSPKTV. Phòng Quản trị thiết bị.	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền tích cực các hoạt động tập thể, đổi mới nội dung hoạt động tập thể để thu hút số đông SV tham gia. Phát huy hết tiềm năng của cơ sở vật chất	Trường ĐHSPKTV. Khoa CKDL.	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		trong việc đào tạo, thực hành, thực tập, nghiên cứu cho SV			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 8:

Trường DHSPKTV được thành lập từ năm 1960, có bề dày về kinh nghiệm về tuyển sinh, có đầy đủ các chính sách và quy định tuyển sinh được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển và có đầy đủ thông tin để người học lựa chọn ngành học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện ở nhiều cấp, tập thể lãnh đạo và đội ngũ GV, giáo viên quản lý SV, trợ lý giáo vụ khoa, Liên chi đoàn, Liên chi hội, các phòng chức năng, với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo (LMS) và quản lý điểm (CMC) đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học. Nhà trường, Khoa CKĐL có các đơn vị chuyên trách và kiêm nhiệm hỗ trợ các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Các hoạt động này có kế hoạch rõ ràng, được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV. Đa số SV, cựu SV của ngành CNKTCK được hỏi ý kiến đều có sự hài lòng về công tác này của Nhà trường và của Khoa. Trường DHSPKTV và Khoa CKĐL có môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Bên cạnh những điểm mạnh, vẫn còn một số tồn tại, đó là: việc quảng bá tuyển sinh chưa thực sự phong phú, các tiêu chí tuyển sinh đầu vào chưa cao, nguồn thí sinh giỏi còn hạn chế. Nhà trường và Khoa CKĐL đã có những kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại này.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: 5/5 tiêu chí đạt (tổng điểm 21/35).

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường ĐHSPKTV và Khoa CKDL luôn đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập cho cán bộ và SV ngành CNKTCK đủ để thực hiện các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp, với thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành với nhiều trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp cho công tác tổ chức đào tạo và NCKH, đồng thời luôn được cập nhật, mua sắm bổ sung. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa CKDL luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho SV theo học ngành CNKTCK. Tiêu chuẩn 9 được đánh giá thông qua 05 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV chỉ có một cơ sở đào tạo duy nhất đóng tại số 117 đường Nguyễn Viết Xuân, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Công tác đào tạo ngành CNKTCK được tiến hành tại Trường. Trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với trang thiết bị hiện đại, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu nói chung đối với ngành CNKTCK, cụ thể:

+ Trường ĐHSPKTV đã có quyết định phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết tổng thể trường [\[H9.09.01.01\]](#) và được báo cáo thực hiện việc xây dựng quy hoạch mở rộng trường đảm bảo đạt chuẩn quy hoạch Trường đại học [\[H9.09.01.02\]](#), với các số liệu cụ thể như sau. Diện tích đất và diện tích xây dựng: Tổng diện tích đất theo quy hoạch của Nhà trường là 50ha, diện tích đất hiện có là 179.598 m², với tổng quy mô SV bình quân là 6.000 SV thì diện tích đất bình quân là 29,9 m²/SV đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT (ít nhất 25 m²/1SV). Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo với đầy đủ phòng làm việc, phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng hội thảo, phòng họp ... là 58.269m² [\[H9.09.01.03\]](#), bình quân hơn 9,7 m²/SV do vậy hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT (ít nhất 2,8m²/1SV).

+ Hệ thống phòng làm việc chung toàn trường: gồm 83 phòng với diện tích là 5.363m² [\[H9.09.01.04\]](#), trong đó riêng khoa CKDL là khoa trực tiếp đào tạo ngành CNKTCK có số phòng làm việc là 7 phòng với diện tích 184m² [\[H9.09.01.05\]](#), bao gồm phòng làm việc cho lãnh đạo khoa, trợ lý giáo vụ khoa, Giáo viên quản lý SV, phòng sinh hoạt chuyên môn ... các phòng làm việc đều có đủ điều kiện diện tích và cơ sở vật chất đảm bảo làm việc theo yêu cầu.

+ Hệ thống phòng học: Toàn trường có 64 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là 6.729m², 9 phòng học ngoại ngữ với diện tích 833 m², 13 phòng thực hành máy tính. 9 phòng học quốc phòng an ninh, 03 phòng học giáo dục thể chất, hệ thống sân bãi thể dục thể thao như sân bóng đá, bóng chuyền, đường chạy điền kinh, hệ thống tập xà đơn, xà kép, bóng bàn, cầu lông và hội trường với 450 chỗ ngồi phục vụ cho việc học tập đầu khóa cũng như các sinh hoạt chung. Đây là hệ thống các phòng học dùng chung cho toàn Trường trong đó có sinh viên ngành CNKTCK.

Tất cả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Cơ sở vật chất cho phòng làm việc được đầu tư đồng bộ bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị liên lạc, chiếu sáng, điều hòa, quạt mát... Hệ thống các phòng học được trang bị đầy đủ hệ thống chiếu sáng, quạt mát, bảng chống lóa, đa số các phòng học được trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh loa máy đầy đủ và được theo dõi, kiểm kê hàng năm [\[H9.09.01.06\]](#).

Việc đầu tư mua sắm, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng cũng như trang thiết bị luôn được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động. Căn cứ vào quy mô, ngành nghề đào tạo, nhu cầu về cơ sở vật chất và thực trạng hiện có, Nhà trường đã triển khai xây dựng các kế hoạch để đầu tư mua sắm bổ sung, sửa chữa hệ thống nhà làm việc, phòng học cũng như cơ sở vật chất khác để đáp ứng yêu cầu. Điều đó thể hiện trong các bản phê duyệt quy hoạch phát triển Trường [\[H9.09.01.07\]](#), bản kế hoạch chiến lược phát triển Trường theo các giai đoạn [\[H9.09.01.08\]](#) và chiến lược phát triển nguồn nhân lực qua các năm cũng như tầm nhìn chiến lược phát triển Trường [\[H9.09.01.09\]](#). Trường cũng đã thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn qua các giai đoạn [\[H9.09.01.10\]](#) và có báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện cũng như kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo [\[H9.09.01.11\]](#). Hàng năm Trường đều triển khai thực hiện kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản để tăng cường cho việc phục vụ công tác đào

tạo [\[H9.09.01.12\]](#). Trên cơ sở kế hoạch và khả năng tài chính, hàng năm Nhà trường cũng tiến hành đầu tư mua sắm sửa chữa theo đúng quy định và được báo cáo thông kê đầy đủ [\[H9.09.01.13\]](#), [\[H9.09.01.14\]](#).

Để đánh giá tính hiệu quả về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ GV, viên chức và người học về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và làm việc [\[H9.09.01.15\]](#). Kết quả khảo sát lấy ý kiến cho thấy hơn 80% đều có ý kiến cho rằng điều kiện cơ sở vật chất Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu làm việc, các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp đảm bảo đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của Trường và luôn được theo dõi kiểm kê hàng năm và được đầu tư mua sắm bổ sung, sửa chữa hàng năm để phục vụ hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu của Trường.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học, giảng đường còn chưa được trang bị hệ thống máy chiếu và âm thanh. Một số phòng học trang thiết bị bị hỏng chưa được sửa chữa kịp thời. Hệ thống nước uống phục vụ SV chưa được trang bị đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Kịp thời sửa chữa trang thiết bị tại các phòng học - Đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị máy chiếu và thiết bị âm thanh - Đầu tư đồng bộ hệ thống nước uống tại các giảng đường	Phòng Quản trị thiết bị. Phòng Tổng hợp hành chính.	Thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt việc rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa và thực hiện mua sắm bổ sung trang thiết bị cho các phòng học, phòng làm việc và phòng chức năng	Phòng Quản trị thiết bị. Phòng Tổng hợp hành chính.	Thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của Nhà trường được tổ chức và vận hành theo hướng hiện đại, đáp ứng tương đối đầy đủ các quy định của Luật Thư viện, Nghị định 93/2020/NĐ-CP, Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT và Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT. Thư viện có không gian đạt chuẩn, được trang bị đầy đủ phương tiện tra cứu, tài liệu in và tài liệu số phong phú, phục vụ hiệu quả cho học tập và nghiên cứu. Hoạt động theo mô hình dịch vụ mở, thư viện hỗ trợ người học tra cứu, sử dụng học liệu và truy cập cơ sở dữ liệu điện tử. Về cơ bản, thư viện đã đáp ứng các tiêu chí về cơ sở vật chất, học liệu, nhân lực và dịch vụ hỗ trợ học tập, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Trường ĐHSPKTV có Trung tâm thông tin thư viện với nhiệm vụ phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và truyền thông thông tin về trường. Thư viện của Trường trước đây được bố trí tại tầng 4 của dãy nhà 4 tầng (nhà A1) với diện tích 700m², bao gồm cả phòng đọc truyền thống, phòng đọc điện tử kết nối internet, phòng mượn, kho sách... Trong quá trình phát triển về quy mô đào tạo cũng như nhiệm vụ đòi hỏi ngày càng cao cho nhiệm vụ phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, cùng với sự phát triển về KHCN. Từ năm 2019, trường đã hoàn thành tòa nhà NCKH, chuyển giao công nghệ và thư viện và đưa vào sử dụng. Đây là công trình phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và hệ thống thư viện [\[H9.09.02.01\]](#). Hệ thống thư viện của Trường được bố trí tại tầng 8, tầng 9 và tầng 10 của

tòa nhà [\[H9.09.02.02\]](#) với tổng diện tích 2.364m², bao gồm: phòng nghiệp vụ, phòng đọc mở, phòng đọc kín, phòng thông tin, phòng đọc điện tử, kho sách, phòng mượn sách, phòng luận văn luận án, phòng đọc tổng hợp, phòng học nhóm Hệ thống thư viện được đầu tư xây dựng theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tất cả các phòng đọc, phòng mượn sách, phòng nghiệp vụ đều được trang bị hệ thống ánh sáng, điều hòa nhiệt độ, các trang thiết bị hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách, giá sách, máy tính, máy chủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học [\[H9.09.02.03\]](#). Trường cũng đã đầu tư hệ thống phần mềm thư viện điện tử và thiết bị phụ trợ kèm theo để phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu và lưu giữ tài liệu điện tử [\[H9.09.02.04\]](#). Đây là hệ thống Thư viện điện tử HiLIB đáp ứng, thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao mang tính chất đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác, đúng lúc, đúng thời điểm, phù hợp với đối tượng bạn đọc; bảo quản tốt vốn tài liệu - nguồn lực thông tin; xây dựng các cơ sở dữ liệu (toàn văn và thư mục) các tài liệu sách, tạp chí, đề tài khoa học, dự án, luận án, đề án... phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập; cung cấp các công cụ giúp cho việc giao tiếp, quản lý giữa bạn đọc với cán bộ thư viện được dễ dàng hơn.

Thư viện Trường cung cấp đầy đủ học liệu bao gồm: sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí ... đảm bảo sở hữu về trí tuệ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV, người học các ngành nói chung và ngành CNKTCK nói riêng. Đến thời điểm hiện tại thư viện Trường có 2.104 tên sách, 85.543 bản sách, trên 400 luận văn, luận án, đề án [\[H9.09.02.05\]](#) ... Riêng đối với ngành CNKTCK, ngoài các giáo trình, tài liệu đối với các môn học khối giáo dục đại cương thì đối với các học phần khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp đều có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần của CTĐT với 341 đầu sách, tài liệu [\[H9.09.02.06\]](#) hoàn toàn đáp ứng yêu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Số lượng sách và tài liệu đều được đầu tư mua sắm bổ sung hàng năm [\[H9.09.02.07\]](#), ngoài ra thư viện Trường còn được nhận nhiều sách, tài liệu từ các quỹ tài trợ [\[H9.09.02.08\]](#) và liên kết với các nhà xuất bản, các Trường đại học trong nước để mở rộng nguồn học liệu, góp phần tăng nguồn lực cho thư viện.

Để đáp ứng yêu cầu cho bạn đọc khi sử dụng và khai thác các tài liệu của thư viện có hiệu quả, Trung tâm thông tin thư viện đã ban hành các văn bản quy định hoạt động của thư viện gồm: Nội quy thư viện [\[H9.09.02.09\]](#), tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện [\[H9.09.02.10\]](#). Giờ mở cửa thư viện được thông báo công khai tại bản tin thư viện và trên website. Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc theo giờ hành chính từ thứ hai đến thứ bảy, ngoài ra trong thời gian ôn thi kết thúc học kỳ thư viện luôn mở cửa phục vụ cả buổi tối và

ngày chủ nhật để SV có điều kiện tham khảo sách, tài liệu phục vụ ôn thi. Đội ngũ cán bộ nhân viên của thư viện có 9 người, có trình độ chuyên môn phù hợp, có tinh thần thái độ phục vụ tốt, luôn nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ bạn đọc trong quá trình tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu, vì vậy số lượng bạn đọc lên học tập và nghiên cứu tại thư viện tương đối đông, qua số liệu thống kê số lượng bạn đọc đến thư viện hàng năm đều tăng lên, bình quân mỗi năm có khoảng 800 ngàn lượt bạn đọc đến thư viện để học tập và nghiên cứu [H9.09.02.11]. Đối với hệ thống thư viện điện tử bạn đọc truy cập vào hệ thống theo địa chỉ: <http://trungtamthuvien.vuted.edu.vn/> để tra cứu tài liệu và truy cập khai thác tài liệu điện tử trực tuyến, có thể đọc trực tiếp tài liệu số trên máy tính. Theo thống kê mỗi ngày có khoảng hơn 300 lượt bạn đọc truy cập vào hệ thống thư viện điện tử của Trường để tra cứu và đọc tài liệu [H9.09.02.12].

Để đánh giá về hoạt động và chất lượng, hiệu quả phục vụ mà Thư viện Trường đem lại, cũng như để cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện. Hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và người học về mức độ hài lòng về thái độ phục vụ và các nguồn lực của thư viện [H9.09.02.13]. Qua kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% ý kiến trả lời đều hài lòng về thái độ phục vụ cũng như nguồn lực của thư viện Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống thư viện của Trường khang trang, hiện đại, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu. Đội ngũ nhân viên thư viện có chuyên môn và tinh thần thái độ phục vụ tốt. Có đủ sách, tài liệu hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Nguồn tài liệu của thư viện còn hạn chế, chủ yếu là sách, tài liệu (bản cứng), số lượng chưa nhiều. Thư viện của Trường chưa kết nối với hệ thống trung tâm Tri thức số (Thư viện dùng dung các trường ĐH, CĐ) nên nguồn học liệu điện tử còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng kế hoạch để thực hiện kết nối với hệ thống trung tâm Tri thức số (Thư viện dùng dung các trường ĐH, CĐ) - Đầu tư mua sắm bổ sung sách, tài liệu cho thư viện	Trung tâm thông tin thư viện Khoa CKDL	Thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, phục vụ của thư viện	Trung tâm thông tin thư viện.	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV có đầy đủ hệ thống xưởng thực hành, phòng thí nghiệm và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và NCKH cho đội ngũ cán bộ, GV và người học toàn Trường và ngành CNKTCK. Hiện nay hệ thống các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành CNKTCK được bố trí tại cụm nhà xưởng khoa CKDL với số lượng gồm 03 dãy nhà xưởng với 09 xưởng thực hành và tại tòa nhà NCKH chuyên giao công nghệ và thư viện với 02 phòng thí nghiệm [\[H9.09.03.01\]](#), bao gồm: Xưởng điện cơ khí, xưởng vận hành động cơ Diesel, xưởng vận hành động cơ Xăng, xưởng Gầm cơ khí, Xưởng đồng sơn và thực tập sản xuất, xưởng thủy lực khí nén, xưởng sửa chữa thiết bị cơ khí, xưởng lắp đặt thiết bị cơ khí, xưởng Nguội cơ bản [\[H9.09.03.02\]](#). Ngoài ra SV ngành CNKTCK có thể học tập thực hành, thí nghiệm một số học phần thuộc khối học phần chung, học phần ngành liên quan tại phòng thí nghiệm bao gồm: xưởng thực hành ở Khoa Cơ khí chế tạo cho 7 học phần do Khoa phụ trách, xưởng thực hành ở Khoa Điện – Điện tử cho 1 học phần của Khoa phụ trách, xưởng thực hành ở Khoa Công nghệ thông tin cho 1 học phần của Khoa phụ trách, các phòng thí nghiệm Lý - Hóa ở khoa Đại

cương – Ngoại ngữ - QPAN cho các học phần do Khoa phụ trách. Các phòng thí nghiệm, thực hành đều được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đủ điều kiện về ánh sáng, quạt mát, bàn ghế và các trang thiết bị phụ trợ phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng thực hành thí nghiệm đều có hệ thống tiếp đất, ngắt mạch, thiết bị chữa cháy, đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Trong các phòng thí nghiệm thực hành đều có tài liệu hướng dẫn, nội quy quy định việc quản lý và sử dụng thiết bị [\[H9.09.03.03\]](#).

Trang thiết bị trong các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ, đồng bộ và hiện đại gồm các thiết bị như: mô hình hệ thống băng tải, cầu trục, ..., thiết bị chẩn đoán rung động, thiết bị kiểm tra bộ tuyến đai, các thiết bị sửa chữa, các thiết bị đo kiểm, Hệ thống thực hành thủy lực khí nén, ê tô đa chức năng ... [\[H9.09.03.04\]](#) và được theo dõi, kiểm kê chặt chẽ hàng năm [\[H9.09.03.05\]](#), với số lượng trang thiết bị hiện có thì có thể đánh giá đáp ứng tốt, đầy đủ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của GV và SV ngành CNKTCK. Qua thống kê theo dõi cho thấy hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và các trang thiết bị được khai thác và sử dụng khá lớn và đạt hiệu quả cao trong CTĐT ngành CNKTCK [\[H9.09.03.06\]](#), phù hợp với đào tạo theo định hướng ứng dụng của Nhà trường.

Với sự phát triển của khoa học và công nghệ ngày càng cao, đặc biệt là ngành CNKTCK, để có đủ trang thiết bị và cập nhật công nghệ các thiết bị mới trong việc hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, hàng năm Trường đều xây dựng kế hoạch và thực hiện đầu tư mua mới và sửa chữa, nâng cấp hệ thống trang thiết bị hiện có trong các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành [\[H9.09.03.07\]](#), kết quả được báo cáo thông kê đầy đủ về kết quả mua sắm trong báo cáo tổng kết năm [\[H9.09.03.08\]](#). Đặc biệt trong giai đoạn vừa qua Nhà trường đã tham gia dự án "Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện" đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu với mức đầu tư 6.150.000 USD, trong đó riêng ngành CNKTCK được phê duyệt đầu tư 1.850.000 USD với nhiều trang thiết bị hiện đại tiên tiến, nhất là thiết bị đào tạo cơ khí Hybrid, cơ khí điện... [\[H9.09.03.09\]](#). Hiện nay thiết bị ngành CNKTCK đang được triển khai đầu tư mua sắm theo đúng quy định và đáp ứng hiệu quả cho việc phục công tác đào tạo và nghiên cứu của ngành. Để đáp ứng một số năng lực mà người học không đạt được và hệ thống trang thiết bị khó mua sắm, khó lắp đặt, độc quyền và có kinh phí lớn trong phục vụ đào tạo và nghiên cứu như các dây chuyền sản xuất, hệ thống chẩn đoán hiện đại, công nghệ bảo trì và phục hồi chi tiết máy tiên tiến ... Trường cũng đã liên kết với các doanh nghiệp để tổ

chức thực hiện cho SV ngành CNKTCK tham gia thực tập tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiếp cận các trang thiết bị của doanh nghiệp để phục vụ việc học tập cũng như nghiên cứu và trang bị cho bản thân năng lực làm việc sau khi tốt nghiệp.

Để đánh giá chất lượng và hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của Trường để có những điều chỉnh trong sửa chữa, đầu tư mua sắm hiệu quả. Hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ, GV và người học về mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất của Trường, hệ thống phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm cũng như trang thiết bị đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.10]. Qua kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% ý kiến đều đánh giá hài lòng về cơ sở vật chất của Trường, hệ thống phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, đặc biệt là trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu được đánh giá cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị có thời gian khai thác sử dụng tương đối lâu nhưng chưa được sửa chữa, bổ sung kịp thời. Một số xưởng thực hành, phòng thí nghiệm xuống cấp cần được sửa chữa. Cần thanh lý và sàng lọc các thiết bị không sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Có kế hoạch sửa chữa các phòng thí nghiệm thực hành xuống cấp. - Sửa chữa thay thế, kịp thời một số thiết bị hư hỏng.	Phòng Quản trị thiết bị. Khoa CKĐL.	Thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt việc đầu tư, quản lý và khai thác thiết bị trong các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành.	Phòng Quản trị thiết bị. Khoa CKĐL.	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV đã đầu tư trang bị hệ thống công nghệ thông tin chung cho toàn Trường (bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng mạng internet, mạng máy tính, thiết bị máy chủ, máy trạm, trang thông tin điện tử, hệ thống học trực tuyến LMS, thi trắc nghiệm, các phần mềm quản lý, hệ thống bảo mật, quyền truy cập...) đảm bảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Phòng Quản trị Thiết bị và Trung tâm thông tin thư viện là 02 đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện việc quản trị thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng hệ thống công nghệ thông tin của Trường [\[H9.09.04.01\]](#), đội ngũ viên chức ở bộ phận này đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp để triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Trường.

Hiện nay, toàn Trường có 769 bộ máy tính để bàn, 29 máy tính xách tay phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý, trong đó có 597 bộ máy tính để bàn và 10 máy tính xách tay phục vụ cho công tác đào tạo của Trường, riêng đối với Khoa CKĐL là đơn vị đào tạo ngành CNKTCK được trang bị 12 bộ máy tính để bàn phục vụ quản lý và phục vụ công tác đào tạo [\[H9.09.04.02\]](#). Hệ thống máy tính toàn Trường cũng như ở Khoa CKĐL đều được kết nối vào hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet. Hệ thống mạng internet và wifi được phủ sóng toàn Trường. Nhà trường đã trang bị một hệ thống mạng nội bộ tốc độ cao kết nối bằng đường truyền cáp quang kết nối giữa các đơn vị trong Trường [\[H9.09.04.03\]](#). Hệ thống máy chủ gồm 01 máy chủ Dell PowerEdge R730 và 03 máy chủ Dell PowerEdge R720, các thiết bị mạng chuyên dùng như hệ thống tường lửa Cyberroam - CR300ING CR100ING, thiết bị định tuyến (Router) Cisco 2921/K9, thiết bị chuyển mạch Layer 3 Cisco WS-C3750-24T-S, thiết bị chuyển mạch Layer 2 WS-C3750-24TS-L, bộ lưu điện... Toàn Trường có 07 đường truyền Internet với tốc độ cao qua đường truyền cáp quang với tổng tốc độ là 1030 Mbps [\[H9.09.04.04\]](#) phục vụ các đơn vị trong toàn Trường được kết nối mạng Internet một cách thuận tiện và nhanh chóng. Cổng thông tin điện tử của Trường <http://vuted.edu.vn>. và của khoa CKĐL <https://fea.vuted.edu.vn>. luôn cập nhật đầy đủ kịp thời các thông tin về các hoạt động, các thông tin cần thiết như chính sách đào tạo, CTĐT, thông tin việc làm và các thông tin liên quan khác để tạo điều kiện cho người học tiếp cận và nắm bắt kịp thời các hoạt động cũng như các thông tin hữu ích. Nhà trường cũng đầu tư trang bị Hệ thống các phần mềm quản lý bao gồm: Phần mềm quản lý đào tạo CMC, phần

mềm quản lý cán bộ, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ, phần mềm tuyển sinh, Phần mềm Quản lý công tác BDCL và kiểm định chất lượng ... [\[H9.09.04.05\]](#). Năm 2021, Nhà trường đã đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến E-LEARNING và được hướng dẫn triển khai thực hiện để triển khai đào tạo trực tuyến đối với một số học phần đảm bảo thuận tiện và hiệu quả, hay ảnh hưởng do dịch bệnh, thiên tai đảm bảo không ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo chung của Trường [\[H9.09.04.06\]](#).

Xác định chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động quản trị, quản lý là một trong những nhiệm vụ trọng tâm quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Trường, Nhà trường đã rất chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cũng như hệ thống phần mềm quản lý, đào tạo. Năm 2022, Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong Trường ĐHSPTK đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [\[H9.09.04.07\]](#). Trên cơ sở đó Trường đã xây dựng và ban hành đề án đầu tư chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin [\[H9.09.04.08\]](#), trong đó xác định rõ mục tiêu và các nội dung cần đầu tư để thực hiện chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn và tầm nhìn đến năm 2045 để xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin [\[H9.09.04.09\]](#), [\[H9.09.04.10\]](#). Hàng năm Nhà trường đều đầu tư kinh phí để mua sắm bổ sung, nâng cấp, sửa chữa hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH [\[H9.09.04.11\]](#).

Để đánh giá hiệu quả việc sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng, hàng năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ, GV, viên chức và SV về sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, về hệ thống mạng, về website, truy cập internet... qua khảo sát cho thấy hơn 80% ý kiến đều hài lòng về hệ thống thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng của Nhà trường [\[H9.09.04.12\]](#).

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin được quan tâm, chú trọng đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại, hỗ trợ tốt quá trình đào tạo và NCKH. Nhà trường đã có kế hoạch, chiến lược đầu tư chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động. **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống mạng và đường truyền đôi khi còn chậm do lưu lượng người sử dụng lớn. Phần mềm quản lý đào tạo đã được đầu tư khá lâu nên hiện tại còn gặp nhiều lỗi trong quá trình vận hành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Có kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống mạng và đường truyền - Có kế hoạch đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo.	Phòng QTTB	Thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Sớm triển khai đề án, dự án chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng CNTT	Phòng Quản trị thiết bị. Các đơn vị trong toàn trường.	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được Nhà trường xác định, có sự phân công rõ ràng và giao cho các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện được quy định chi tiết trong quy chế Trường ban hành [\[H9.09.05.01\]](#) cụ thể:

+ Các công tác về môi trường, sức khỏe, vệ sinh môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, hoạt động dịch vụ được giao cho Phòng Tổng hợp - Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện.

+ Các công tác về phòng cháy chữa cháy, cơ sở vật chất, đảm bảo khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được giao cho Phòng Quản trị - Thiết bị chịu trách nhiệm.

+ Tổ chức thực hiện chế độ chính sách và các nhiệm vụ có liên quan đến công tác sinh viên được giao cho Phòng CTSV chịu trách nhiệm.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được Nhà trường triển khai cụ thể như sau:

+ Về môi trường: Trường ĐHSPTV có đội ngũ làm vệ sinh môi trường nhằm đảm bảo môi trường cảnh quan trong toàn trường luôn xanh, sạch, đẹp [\[H9.09.05.02\]](#), thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây cảnh nhằm góp phần tạo môi trường xanh mát, không gian xanh - sạch - đẹp và môi trường học tập gần gũi với thiên nhiên. Trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo bóng mát và không gian xanh, hàng năm đều tổ chức Tết trồng cây trong Nhà trường [\[H9.09.05.03\]](#). Trường ký hợp đồng với công ty chuyên thu gom xử lý rác thải để đảm bảo môi trường học tập và làm việc được sạch sẽ và thông thoáng [\[H9.09.05.04\]](#). Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể như Đoàn thanh niên, Hội SV định kỳ đều tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường để SV tham gia lao động, làm vệ sinh khuôn viên Trường luôn được sạch sẽ. Nhà trường cũng đầu tư hệ thống quạt mát và điều hòa không khí cho các hội trường, phòng học, phòng làm việc nhằm tạo môi trường học tập và làm việc thoải mái cho cán bộ, GV và SV. Định kỳ trường cũng tổ chức phun thuốc sát trùng, diệt khuẩn trong khuôn viên trường để đảm bảo an toàn vệ sinh, môi trường, phòng chống dịch bệnh [\[H9.09.05.05\]](#).

+ Về bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, GV và học viên SV: Trường có bộ phận y tế là những người có trình độ chuyên môn y tá, dược sĩ, có trang thiết bị y tế và thuốc men để thực hiện nhiệm vụ y tế học đường, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, GV và học viên, SV. Bộ phận y tế chịu trách nhiệm phối hợp với cơ sở y tế tổ chức khám sức khỏe cho SV khi mới nhập học, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, làm các thủ tục BHYT, thường trực y tế, sơ cứu kịp thời các bệnh, tai nạn đột xuất của SV và người lao động... Việc mua sắm bổ sung thuốc men, dụng cụ y tế để đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu và sơ cứu khi có tai nạn xảy ra được thực hiện thường xuyên [\[H9.09.05.06\]](#). Hàng năm Nhà trường đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, GV, viên chức và người lao động [\[H9.09.05.07\]](#). SV vào trường đều được tổ chức khám sức khỏe hoặc yêu cầu phải có giấy kiểm tra đủ điều kiện sức khỏe để học tập của cơ sở y tế và yêu cầu thực hiện mua BHYT đầy đủ, đảm bảo quyền lợi về BHYT cho SV trong quá trình học tập tại trường [\[H9.09.05.08\]](#).

+ Về công tác an ninh trật tự, an toàn trong Nhà trường, công tác phòng chống cháy nổ: Trường có tường rào bảo vệ bao bọc xung quanh để đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong khu vực trường. Có đội ngũ bảo vệ là những người có sức khỏe tốt, được tham

gia huấn luyện, tập huấn các khóa bảo vệ để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn người và tài sản trong Nhà trường. Ngoài đội ngũ bảo vệ, Nhà trường còn ký kết hợp đồng với công ty cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp (vệ sĩ) để đảm bảo sự an toàn trong khuôn viên Trường và khu Ký túc xá [\[H9.09.05.09\]](#), phối hợp với chính quyền, cơ quan công an địa phương để phối hợp tốt trong công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực [\[H9.09.05.10\]](#). Ngoài ra trường còn có đội dân quân tự vệ nòng cốt, thanh niên xung kích luôn sẵn sàng hỗ trợ trong các tình huống xảy ra. Đối với công tác phòng chống cháy nổ, Nhà trường đã thành lập đội phòng cháy chữa cháy [\[H9.09.05.11\]](#), hàng năm đều cử đi học tập huấn nghiệp vụ, phối hợp với cơ quan công an thực tập phương án chữa cháy nhằm kịp thời xử lý và đảm bảo an toàn khi có sự cố cháy nổ xảy ra [\[H9.09.05.12\]](#). Hàng năm đều triển khai xây dựng kế hoạch phòng cháy chữa cháy [\[H9.09.05.13\]](#), chuẩn bị cơ sở vật chất và lực lượng để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị tương đối đầy đủ và thường xuyên được kiểm tra [\[H9.09.05.14\]](#). Các công trình xây dựng đều có hệ thống phòng cháy chữa cháy, các toà nhà cao tầng đều có hệ thống thoát hiểm bằng thang bộ, trong các phòng học, phòng làm việc, xưởng thực hành đều được dán các bảng nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị để đảm bảo an toàn phòng cháy [\[H9.09.05.15\]](#).

+ Trong các tiêu chuẩn và hoạt động về môi trường, sức khỏe và an toàn Nhà trường luôn chú ý đến nhu cầu đặc thù và sự tiếp cận của người khuyết tật. Các công trình xây dựng như Ký túc xá, giảng đường, hội trường, thư viện... đều có lối đi riêng, công trình vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật. Các điều kiện về chăm sóc sức khỏe, môi trường, an toàn, học tập, nghiên cứu... đều có quy định riêng dành cho người khuyết tật, tạo điều kiện cho họ tiếp cận thuận tiện và dễ dàng.

Để đánh giá các tiêu chuẩn và hoạt động về môi trường, sức khỏe và an toàn trong toàn trường, hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và người học mức độ hài lòng về an ninh trật tự, cảnh quan môi trường của Trường [\[H9.09.05.16\]](#). Qua kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% ý kiến hài lòng về an ninh, an toàn trong Nhà trường cũng như môi trường cảnh quan của Trường.

2. Điểm mạnh

Công tác môi trường, sức khỏe và an toàn được chú trọng triển khai nghiêm túc, đầy đủ. Cảnh quan Nhà trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị phòng cháy chữa cháy như bình cứu hỏa còn thiếu hoặc hết hạn, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy bị hỏng, mờ chưa được bổ sung và thay kịp thời.

Trang thiết bị dụng cụ y tế tại bộ phận y tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đầu tư trang bị thay thế một số trang thiết bị PCCC - Mua sắm bổ sung trang thiết bị dụng cụ y tế	Phòng QTTB. Phòng THHC.	Thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt công tác vệ sinh, cảnh quan môi trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp	Phòng THHC.	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Trường ĐHSPTKTV có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, vệ sinh cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp. Cơ sở hạ tầng, hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng làm việc, hội thảo, hội nghị, thư viện... đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng đủ nhu cầu học tập và nghiên cứu. Máy móc, trang thiết bị thí nghiệm thực hành, đặc biệt là thiết bị thực hành được trang bị đầy đủ, hiện đại đáp ứng được mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng mà CTĐT ngành CNKTCK đã đề ra. Thư viện có đủ các nguồn học liệu và thường xuyên được bổ sung. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, đáp ứng các yêu cầu triển khai học tập và nghiên cứu. Các điều kiện về an toàn, an ninh, phòng cháy, chữa cháy, chăm sóc sức khỏe... được xác định và chú trọng triển khai, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tuy nhiên, một số hạng mục cơ sở vật chất xuống cấp cần được triển khai sửa chữa nâng cấp. Nhà trường cần chú trọng tập trung thực hiện tốt đề án chuyển đổi số và tăng

cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động, đặc biệt là hệ thống cơ sở hạ tầng mạng và hệ thống đào tạo trực tuyến

Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: 5/5 tiêu chí đạt (tổng điểm 22/35).

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mô tả

Với quan điểm phát triển sứ mạng của Trường về Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao trong các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật; bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và người lao động đạt trình độ khu vực và quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực; làm nòng cốt và tiên phong trong đào tạo nhân lực công nghệ, kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật cho cả nước, đặc biệt là khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và tầm nhìn đến năm 2045 trở thành Trường Đại học định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, trong đó một số ngành đào tạo, lĩnh vực mũi nhọn đạt trình độ khu vực châu Á. Trường ĐHSPKTV đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Trở thành đại học định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, đạt các tiêu chí cơ bản đại học ứng dụng của Việt Nam, trong đó một số ngành đào tạo, lĩnh vực mũi nhọn đạt trình độ khu vực ASEAN, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”. Nhằm hiện thực hóa được mục tiêu trên, Nhà trường cùng với khoa CKDL đã tập trung tất cả nguồn lực nhằm hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo cho ngành CNKTCK. Việc nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ, có tính hệ thống, khoa học và đặc biệt chú trọng vào việc thu thập phản hồi từ các bên liên quan". Tiêu chuẩn 10 được đánh giá thông qua 06 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Trong thời gian qua, CTĐT ngành CNKTCK đã 3 lần được điều chỉnh vào các năm 2018, 2020 và 2022 [\[H10.10.01.01\]](#). Việc rà soát, điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH của ngành CNKTCK được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT ban hành [\[H10.10.01.02\]](#) và các quy trình, quy định của Nhà trường đã được ban hành áp dụng [\[H10.10.01.03\]](#), [\[H10.10.01.04\]](#).

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT là một khâu đặc biệt được Trường chú trọng để phục vụ công tác thiết kế và phát triển CTDH. Để hoạt động thu thập phản hồi, lấy ý kiến các bên liên quan được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và có chất

lượng, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác này để áp dụng [\[H10.10.01.05\]](#) và các Quy trình, biểu mẫu để lấy ý kiến các bên liên quan để triển khai thực hiện [\[H10.10.01.06\]](#). Trường cũng đã thực hiện ban hành các Quy định về hoạt động ĐBCL của Trường [\[H10.10.01.07\]](#), và soạn thảo ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng [\[H10.10.01.08\]](#).

Hàng năm Nhà trường đều ban hành Kế hoạch tổng thể để thực hiện khảo sát các bên liên quan về các hoạt động đào tạo của Trường [\[H10.10.01.09\]](#) và kèm theo các thông báo, hướng dẫn đi đến các đối tượng khảo sát [\[H10.10.01.10\]](#). Các văn bản này đều chỉ rõ đối tượng cần thu thập thông tin phản hồi; cách thức phối hợp thực hiện khảo sát; thời điểm khảo sát, lấy ý kiến; mục đích tiến hành khảo sát; đơn vị thực hiện khảo sát; các bước thực hiện trong quá trình thu thập thông tin phản hồi; các loại hình và cách thức tiến hành khảo sát, lấy ý kiến; cách xử lý số liệu khảo sát; cách xây dựng mẫu phiếu khảo sát.... Các đối tượng thu thập thu thập thông tin phản hồi qua các phiếu khảo sát bao gồm: Nhóm chuyên gia, cán bộ quản lý trong và ngoài trường; nhóm GV, nhân viên và cán bộ của Trường; nhóm đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động, doanh nghiệp; nhóm người học, cựu người học [\[H10.10.01.11\]](#). Việc thu thập thông tin phản hồi được tiến hành theo nhiều hình thức phong phú như: phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, gửi email, phát phiếu khảo sát, khảo sát trực tuyến, tổ chức hội nghị, hội thảo....

Đối với nhóm cán bộ, GV và người lao động, định kỳ hàng năm Nhà trường đều thực hiện thu thập thông tin phản hồi về các hoạt động của Nhà trường như: chế độ chính sách; các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; CTĐT; cơ sở vật chất... [\[H10.10.01.12\]](#). Đối với nhóm người học, Nhà trường tiến hành thu thập thông tin phản hồi về CTĐT; cơ sở vật chất; các hoạt động học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng; các hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo khác [\[H10.10.01.13\]](#); khảo sát SV về các hoạt động giảng dạy của GV [\[H10.10.01.14\]](#); khảo sát cán bộ, GV các bên liên quan và người học về các hoạt động của Nhà trường và hoạt động kiểm tra, đánh giá [\[H10.10.01.15\]](#); khảo sát SV năm cuối về CTĐT trong đó có ngành CNKTCK [\[H10.10.01.16\]](#). Đối với nhóm cựu người học, Nhà trường tiến hành thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, việc làm của SV, mức thu nhập và xác định tỉ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp [\[H10.10.01.17\]](#). Ngoài ra với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, Nhà trường tiến hành thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, đánh giá năng lực của cựu người học làm việc tại các doanh nghiệp [\[H10.10.01.18\]](#).

Tuy nhiên việc lấy ý kiến cửu người học, nhà sử dụng lao động chưa thực sự đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, để xây dựng, điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường còn tổ chức hợp tác với các doanh nghiệp và thực hiện lễ ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước [\[H10.10.01.19\]](#), hai bên cũng thực hiện ký kết các biên bản ghi nhớ để cùng nhau hợp tác trong đào tạo cũng như tuyển dụng theo nhu cầu của các doanh nghiệp với Trường [\[H10.10.01.20\]](#). Ngoài ra Trường còn tổ chức thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan từ các buổi hội nghị, ngày hội việc làm, các buổi hội thảo... và lấy ý kiến các chuyên gia, cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp [\[H10.10.01.21\]](#). Theo báo cáo khảo sát các bên liên quan, đa số các nhóm đối tượng đều thể hiện mức độ hài lòng cao đối với chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí. Trong đó, sinh viên phản hồi ở mức từ đồng ý đến hoàn toàn đồng ý đối với chuẩn đầu ra (99,9%), bản mô tả chương trình (100%) và cấu trúc – nội dung chương trình (99,8%). Cửu sinh viên cũng đánh giá tích cực với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với các nội dung tương ứng là từ 82,6% đến 85,2%. Đội ngũ cán bộ viên chức, người lao động trong Khoa Cơ khí Động lực đánh giá rất cao, với tỷ lệ hoàn toàn đồng ý lên tới 100% ở nhiều nội dung, và tối thiểu 96,2% đối với các nội dung còn lại. Đặc biệt, các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát đều đồng thuận 100% với tất cả nội dung đánh giá liên quan đến chương trình đào tạo.

Với chức năng nhiệm vụ được giao theo quy chế làm việc của Trường [\[H10.10.01.22\]](#), Phòng KT&ĐBCL, bộ phận QHDN và việc làm SV sau khi nhận được các ý kiến phản hồi có nhiệm vụ xử lý số liệu, xây dựng các báo cáo, tổng hợp các ý kiến phản hồi gửi cho các đơn vị liên quan và các khoa đào tạo. Khoa CKĐL sau khi nhận được phản hồi sẽ tổ chức họp khoa, bộ môn để trao đổi, thống nhất và được lập biên bản cho việc thống nhất các ý kiến [\[H10.10.01.23\]](#), căn cứ vào các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan và ý kiến thống nhất của đội ngũ cán bộ GV chuyên môn của khoa sẽ được sử dụng làm căn cứ để cập nhật, điều chỉnh, rà soát, thiết kế và phát triển CTDH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hệ thống văn bản quy định về hoạt động thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan. Việc lấy ý kiến phản hồi được thực hiện hàng năm và theo kế hoạch điều chỉnh cập nhật CTĐT. Kế hoạch thu thập thông tin tổng thể rõ ràng, bằng nhiều

hình thức phong phú, đa dạng và trên nhiều đối tượng khác nhau. Các thông tin phản hồi đều được cụ thể hoá và sử dụng để rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động và cựu SV chưa thực sự hiệu quả. Số lượng chưa nhiều, phạm vi khảo sát chưa rộng, dẫn đến thông tin phản hồi chưa thực sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng đối tượng thu thập mẫu để thông tin phản hồi của các bên liên quan hiệu quả hơn. Tăng cường kết nối với DN, nhà sử dụng lao động và xây dựng mạng lưới cựu sinh viên đa dạng	Phòng KT&ĐBCL. Khoa CKĐL. Bộ phận QHDN và việc làm SV.	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện công tác thu thập thông tin phản hồi để nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBCL. Khoa CKĐL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các văn bản ban hành của Bộ GD&ĐT, đó là Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam [\[H10.10.02.01\]](#), Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [\[H10.10.02.02\]](#), Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [\[H10.10.02.03\]](#). Trường ĐHSPTV đã xây dựng và ban hành quy định về thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT, đề cương chi tiết học phần [\[H10.10.02.04\]](#) và xây dựng quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá CTĐT cùng các biểu mẫu để triển khai thực hiện cho các CTĐT của Trường [\[H10.10.02.05\]](#). Việc thiết kế và phát triển CTDH của ngành CNKTCK được thực hiện tuân thủ theo đúng các quy định và quy trình hiện hành.

Các quy định, quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Trường đều được thường xuyên cập nhật, định kỳ cải tiến, điều này được thể hiện rõ qua các phiên bản ban hành. Năm 2018, quy trình này được xây dựng gồm 16 bước, trong đó có quy định và phân công nhiệm vụ các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện, tuy nhiên chưa chú trọng vào khâu lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Đến năm 2020, quy trình này được cải tiến, rút gọn thành 7 bước thực hiện, trong đó đã tập trung chú trọng hơn các bước thu thập thông tin phản hồi cũng như việc thực hiện đối sánh CTĐT. Năm 2022, quy trình thiết kế và phát triển CTDH một lần nữa được cải tiến thành 9 bước, trong đó đặc biệt chú trọng việc thu thập, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và có thực hiện đối sánh CTĐT cùng ngành một số Trường đại học trong và ngoài nước, lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức các hội thảo, xây dựng ma trận kiến thức, kỹ năng, ma trận mục tiêu - CDR

Định kỳ, Trường đều thực hiện xây dựng và triển khai kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [\[H10.10.02.06\]](#) theo đúng quy định, đi kèm với kế hoạch là thông báo về việc hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung CTĐT để gửi các khoa triển khai thực hiện cho các ngành đào tạo của Trường [\[H10.10.02.07\]](#), các khoa tổng hợp xây dựng danh mục, nội dung chỉnh sửa trình hội đồng phát triển CTĐT của Trường phê duyệt triển khai thực hiện [\[H10.10.02.08\]](#). Các hướng dẫn thực hiện về thiết kế, phát triển CTDH đều quy định rõ việc rà soát, đánh giá mục tiêu, chuẩn đầu ra, tổ chức thực hiện, đối sánh với CTDH cùng ngành một số các Trường đại học trong nước và quốc tế để điều chỉnh hướng cải tiến CTDH theo định hướng ứng dụng tiếp cận CDIO.

Trong giai đoạn 5 năm gần đây, ngành CNKTCK đã 3 lần thực hiện điều chỉnh, cập nhật vào các năm 2018, 2020 và 2022. Năm 2018, Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTĐT theo hướng ứng dụng, theo đó tăng cường tỷ lệ kiến thức thực hành, thực tập doanh nghiệp, tăng kiến thức chuyên ngành và giảm kiến thức cơ sở ngành (Tỷ lệ khối lượng kiến thức Lý thuyết chiếm từ (40-50) %; thực hành, thí nghiệm, thực tập, thảo luận từ (50-60)%). Các học phần thực hành được xây dựng theo mô đun và tỷ lệ kiến thức lý thuyết trong mỗi học phần thực hành không quá 30%). Năm 2020, trước yêu cầu của Luật giáo dục số 43/2019/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá, triển khai điều chỉnh CTĐT, trong lần điều chỉnh này, Nhà trường đã tăng cường các học phần về kỹ năng mềm, bổ sung các học phần mới theo xu thế phát triển của công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, tăng số lượng tín chỉ lên thành 150 tín chỉ/CTĐT (không bao gồm các học phần về Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục Thể chất). Năm học 2022, CTĐT ngành CNKTCK một lần nữa được rà soát, điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, tiếp cận CDIO, Nhà trường đã điều chỉnh với tổng số tín chỉ không thay đổi nhưng thay đổi số tín chỉ của các khối giáo dục trong CTĐT cụ thể như bảng sau:

TT	Chương trình năm 2020		Chương trình năm 2022	
I	Giáo dục đại cương	52 TC	Giáo dục đại cương	51 TC
A	Lý luận chính trị	11 TC	Lý luận chính trị	11 TC
B	Khoa học tự nhiên	10 TC	Khoa học tự nhiên	14 TC
C	Khoa học XH & NV	8 TC	Khoa học XH & NV	4 TC
D	Ngoại ngữ	12 TC	Ngoại ngữ	11 TC
E	Giáo dục QP - AN	8 TC	Giáo dục QP - AN	8 TC
F	Giáo dục thể chất	3 TC	Giáo dục thể chất	3 TC
II	Giáo dục chuyên nghiệp	109 TC	Giáo dục chuyên nghiệp	110 TC
A	Lý thuyết cơ sở ngành	20 TC	Lý thuyết cơ sở ngành	37 TC
B	Chuyên ngành	89 TC	Chuyên ngành	73 TC

Trong các lần tiến hành điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đều có quyết định thành lập Ban chỉ đạo phát triển CTDH, đồng thời thành lập các tổ soạn thảo, tổ thư ký, hội đồng thẩm định, nghiệm thu ... [\[H10.10.02.09\]](#) và giao cho Phòng đào tạo là đơn vị đầu mối

thực hiện. Bên cạnh đó Nhà trường cũng ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn để thực hiện quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đồng thời chú trọng đến hoạt động thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Hàng năm Nhà trường đều xây dựng Kế hoạch tổng thể về việc lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo của Trường và CTĐT [\[H10.10.02.10\]](#) và được thông báo, hướng dẫn cụ thể đến từng đối tượng khảo sát [\[H10.10.02.11\]](#). Các đối tượng được Nhà trường tập trung thu thập thông tin phản hồi để làm căn cứ điều chỉnh CTĐT rất đa dạng bao gồm: cán bộ, GV, các chuyên gia, người học, cựu người học, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động qua thông tin từ các phiếu khảo sát [\[H10.10.02.12\]](#). Sau khi tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các đối tượng liên quan, các đơn vị được phân công tiến hành các bước xử lý số liệu, tổng hợp các ý kiến phản hồi, góp ý về các hoạt động đào tạo và CTĐT, từ đó xây dựng thành các báo cáo gửi hội đồng phát triển CTĐT và các khoa đào tạo [\[H10.10.02.13\]](#), [\[H10.10.02.14\]](#), [\[H10.10.02.15\]](#) làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTDH đảm bảo các phiên bản điều chỉnh được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ quy định và Quy trình về việc thiết kế và phát triển CTDH được hướng dẫn đầy đủ về hoạt động điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT. Việc thiết kế và phát triển CTDH của Trường được thiết lập, được đánh giá và được cải tiến qua các phiên bản chỉnh sửa. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH thường xuyên được đánh giá, cập nhật và cải tiến theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về Quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa thật đầy đủ, còn có những hạn chế cần được cải tiến trong thời gian tới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường kế hoạch kết nối với các bên liên quan, chú trọng vào đối tượng chuyên gia đầu ngành, nhà sử dụng lao động để nhận được nhiều hơn ý kiến góp ý cho Quy trình thiết kế và phát triển CTDH và các lần thực hiện điều chỉnh CTĐT.	Phòng Đào tạo. Khoa CKĐL. Bộ phận QHDN và việc làm SV.	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc cải tiến Quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Đa dạng hoá việc lấy ý kiến các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBCL Khoa CKĐL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình tổ chức dạy và học tại Trường ĐHSPKTV và việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học là quá trình hoạt động đào tạo được xem là then chốt, quan trọng và trong suốt quá trình đào tạo của ngành CNKTCK nói riêng và các ngành đào tạo của Trường nói chung. Căn cứ quy chế đào tạo của Bộ đã ban hành Nhà trường đã thực hiện xây dựng và ban hành các quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường để ban hành áp dụng cho quá trình tổ chức dạy - học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người [\[H10.10.03.01\]](#). Ngoài ra để đảm bảo thích nghi và phù hợp CĐR trong việc kiểm tra đánh giá người học và tổ chức hoạt động dạy học, đối với một số học phần đặc thù như Đồ án, luận văn tiểu luận tốt nghiệp Trường cũng đã ban hành quy định riêng chi tiết để thực hiện [\[H10.10.03.02\]](#) và Quy định tổ chức học và thi đạt CĐR Tiếng Anh [\[H10.10.03.03\]](#). Đối với người học liên thông để đánh giá và quy đổi kết quả học tập Trường cũng đã ban hành Quy định xét, miễn giảm và công nhận chuyển đổi kết quả học tập để công nhận giá trị kết

quả học tập cho người học theo đúng quy định [\[H10.10.03.04\]](#). Để triển khai quá trình tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả người học Trường cũng đã ban hành Quy định tổ chức thi, kiểm tra kết thúc học phần riêng của Trường đảm bảo sự tương thích phù hợp trong việc đánh giá CĐR để áp dụng thực hiện [\[H10.10.03.05\]](#). Hệ thống ngân hàng câu hỏi trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo đạt CĐR cũng được quy định về xây dựng và quản lý và sử dụng chặt chẽ [\[H10.10.03.06\]](#). Ngoài ra để rà soát, theo dõi đánh giá kết quả rèn luyện của người học một cách thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT Trường cũng đã ban hành Quy chế công tác sinh viên [\[H10.10.03.07\]](#). Với hệ thống các văn bản được quy định rõ ràng nêu trên, hàng năm Nhà trường điều tiến hành triển khai đánh giá, rà soát việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Cũng trong giai đoạn này, Nhà trường đã nhiều lần điều chỉnh, cải tiến các văn bản về hoạt động kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập. Với phương châm “Lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành”, Khoa đã triển khai đa dạng các hoạt động giảng dạy nhằm tăng cường khả năng tự học, phát triển kỹ năng mềm và nâng cao năng lực chuyên môn cho sinh viên, hướng tới việc đạt được chuẩn đầu ra và xây dựng tư duy học tập suốt đời. Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ khí đã áp dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy như thuyết giảng, hỏi đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành, làm đồ án, bài tập lớn..., đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần và toàn chương trình. Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, bảo đảm tính minh bạch, công bằng và sát thực tế, đồng thời thường xuyên được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu cải tiến chương trình và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá.

Đối với CTĐT ngành CNKTCK được rà soát, cập nhật điều chỉnh qua các phiên bản cũng đã thể hiện rõ việc điều chỉnh về các hoạt động dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính tương thích phù hợp [\[H10.10.03.08\]](#), bổ sung, cập nhật các học phần mới phù hợp với thực tiễn, tăng cường tính ứng dụng và các học phần chuyên ngành, giảm bớt các học phần cơ sở ngành, thay đổi trọng số đánh giá điểm quá trình từ 30% lên 40%, trong đề cương chi tiết học phần của CTĐT cũng đã thể hiện rõ nội dung này, đặc biệt là có sự thay đổi rõ rệt trong phiên bản năm 2022 [\[H10.10.03.09\]](#).

Để cập nhật điều chỉnh Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với

chuẩn đầu ra Trường cũng đã ban hành các quy định về việc lấy ý kiến các bên liên quan về các hình thức đánh giá, trọng số điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần/môn học, số lượng bài kiểm tra giữa kỳ của từng môn học/học phần để đạt chuẩn đầu ra của học phần [\[H10.10.03.10\]](#). Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều ban hành Kế hoạch tổng thể lấy ý kiến các bên liên quan, trong kế hoạch này có các nội dung thu thập thông tin phản hồi, lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, lấy ý kiến người học về hoạt động kiểm tra đánh giá, lấy ý kiến người học năm cuối về CTĐT ... [\[H10.10.03.11\]](#). Để triển khai thông suốt kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành các thông báo/ hướng dẫn thực hiện, phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối được giao thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi, lấy ý kiến khảo sát và xây dựng các báo cáo sau khảo sát, Khoa/ngành là đơn vị phối hợp thực hiện [\[H10.10.03.12\]](#). Bên cạnh đó Khoa còn cử các giảng viên tham gia tập huấn về các hoạt động kiểm tra đánh giá [\[H10.10.03.13\]](#). Việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học còn được Nhà trường còn thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau như: Báo cáo công tác khảo thí (trong đó có phân tích phổ kết quả điểm thi) [\[H10.10.03.14\]](#), Báo cáo khảo sát sinh viên về các hoạt động dạy học, hoạt động đào tạo, hoạt động kiểm tra đánh giá và hoạt động giảng dạy của giảng viên [\[H10.10.03.15\]](#), [\[H10.10.03.16\]](#). Các hoạt động rà soát, đánh giá được về hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá người học được thực hiện một cách chặt chẽ và thực hiện thường xuyên bởi các đơn vị liên quan như: phòng CTSV, phòng KT&ĐBCL, phòng Đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý khoa và các bộ môn và GV giảng dạy.

Bộ phận Thanh tra của Trường có chức năng riêng hoạt động độc lập để thường xuyên theo dõi, kiểm tra giám sát quá trình dạy - học cũng như tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, qua các đợt thanh tra giám sát đều thực hiện báo cáo kết quả hoạt động trong việc giám sát dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học [\[H10.10.03.17\]](#). Phòng CTSV có chức năng theo dõi việc ý thức tinh thần tự giác trong học tập của người học và kết quả rèn luyện của người học và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động của người học [\[H10.10.03.18\]](#), cùng với đó là phối hợp với Khoa CKĐL để theo dõi đánh giá xếp loại kết quả rèn luyện theo từng học kỳ cho SV [\[H10.10.03.19\]](#). Các báo cáo này đều được gửi đến các bên liên quan nghiên cứu để kịp thời khắc phục các vấn đề tồn tại, hạn chế và đưa ra các giải pháp cải tiến cho năm học tiếp theo. Ngoài ra đối với Khoa CKĐL, hoạt động rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học, hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện định kỳ hàng tháng thông qua các cuộc họp khoa, bộ môn

[\[H10.10.03.20\]](#) và đề xuất các giải pháp để cập nhật đổi mới trong các hoạt động dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để được thực hiện thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR qua các buổi tổ chức sinh hoạt học thuật, các hội thảo khoa học của Khoa [\[H10.10.03.21\]](#). Từ năm học 2021 - 2022, với chủ trương xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, Khoa CKĐL đã triển khai xây dựng CTĐT ngành CNKTCK và thực hiện đào tạo theo định hướng CIDO, đây cũng là năm Khoa thực hiện việc công khai hệ thống ngân hàng câu hỏi thi cho người học, thể hiện sự cải tiến, minh bạch, kịp thời trong hoạt động kiểm tra, đánh giá [\[H10.10.03.22\]](#). Việc theo dõi quá trình dạy - học và việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường rà soát và đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình tổ chức đào tạo và tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học về kiểm tra đánh giá định kỳ, thường xuyên cũng như thi kết thúc học phần, kết quả thực hiện đều được các bộ phận chức năng tổng hợp và gửi báo cáo về đầu mối Phòng đào tạo qua báo cáo tổng kết năm học và có những giải pháp, đề xuất, cải tiến trong thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR trong quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [\[H10.10.03.23\]](#).

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành CNKTCK được Nhà trường, Khoa CKĐL và Bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra, đánh giá được định kỳ rà soát và điều chỉnh linh hoạt để đảm bảo tính tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa có nhiều ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường kế hoạch kết nối với các bên liên quan, chú trọng vào đối tượng chuyên gia đầu ngành, sử dụng lao động, cán bộ quản lý để nhận nhiều hơn các ý kiến góp ý cho quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học	Khoa CKĐL. Phòng KT&ĐBCL.	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của các đơn vị chức năng, Khoa, bộ môn trong kiểm tra việc dạy - học và đánh giá kết quả học tập của SV đối với GV. Tiếp tục thực hiện tốt việc cải tiến các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá. Phát huy phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực.	Phòng KT&ĐBCL. Khoa CKĐL. Bộ phận Thanh tra.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL luôn xác định rõ ràng các kết quả NCKH là mục tiêu để phục vụ cho hoạt động giảng dạy của GV và học tập của sinh viên, thông qua hoạt động NCKH để nâng cao chất lượng dạy và học, nâng cao vị thế, uy tín của cơ sở đào tạo. NCKH là một trong những nhiệm vụ bắt buộc của cán bộ, GV tại Khoa CKĐL, nội dung này được quy định cụ thể trong Quy định về chế độ làm việc của GV và được điều chỉnh cập nhật qua các năm [\[H10.10.04.01\]](#). Việc sử dụng kết quả NCKH để nâng cao chất lượng

hoạt động dạy - học và quy định về các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và SV cũng được quy định cụ thể trong Quy định quản lý hoạt động KHCN và được điều chỉnh cập nhật qua các năm [\[H10.10.04.02\]](#). Bên cạnh đó, để khuyến khích đội ngũ cán bộ, GV và SV tích cực tham gia hoạt động NCKH, tăng cường việc ứng dụng NCKH vào hoạt động dạy - học, Nhà trường đã có nhiều chủ trương, chính sách và quyền lợi cho GV và SV như hỗ trợ kinh phí thực hiện NCKH, quy đổi định mức giờ chuẩn các công trình KHCN, kinh phí để đăng bài báo quốc tế; hỗ trợ làm PGS, GS; hỗ trợ kinh phí đi học Tiếng Anh, học sau đại học ... được quy định cụ thể tại quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [\[H10.10.04.03\]](#), ngoài ra còn có các chính sách biểu dương, khen thưởng cho những cán bộ GV và SV có thành tích cao trong công tác NCKH được quy định rõ trong Quy chế thi đua khen thưởng [\[H10.10.04.04\]](#) Các hoạt động NCKH của cán bộ, GV và SV được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng như: Chủ trì, phối hợp tham gia đề tài NCKH các cấp; tổ chức các hội nghị, hội thảo; viết giáo trình và sách tham khảo; viết bài đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; hướng dẫn SV tham gia NCKH....

Trong việc tổ chức và thực hiện các công trình NCKH hàng năm, Trường cũng đã có những quy định cụ thể rõ ràng, cụ thể cho việc đăng ký thực hiện các đề tài NCKH với nội dung tập trung vào việc ứng dụng KHCN, chuyên ngành, ưu tiên các đề tài có tính ứng dụng cao, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong dạy và học của Trường. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay, theo thống kê các công trình KHCN của ngành CNKTCK liên quan đến công tác dạy và học cho thấy các cán bộ, GV của Khoa đã thực hiện được 8 đề tài khoa học từ cấp Trường đến cấp Bộ [\[H10.10.04.05\]](#), công bố trên 152 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước, [\[H10.10.04.06\]](#) và biên soạn và xuất bản được 14 giáo trình, sách, tài liệu tham khảo [\[H10.10.04.07\]](#). Tuy nhiên số lượng đề tài vẫn còn hạn chế và chỉ tập trung vào một số GV nhất định. Trong các đề tài NCKH, một số đề tài đã được viết thành giáo trình xuất bản rộng rãi và được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các học phần lý thuyết, một số đề tài là mô hình dạy học thì được sử dụng trong các học phần thực hành và đã được Khoa đưa vào ứng dụng trực tiếp trong hoạt động dạy và học của ngành CNKTCK.

Với hoạt động NCKH của người học, Nhà trường luôn khuyến khích và có những chế độ, chính sách ưu tiên rõ ràng cho cả SV và đội ngũ GV hướng dẫn, tuy nhiên trong số lượng đề tài NCKH của SV còn khiêm tốn, đây là một hạn chế của ngành CNKTCK. Tuy nhiên hoạt động này vẫn được Khoa/Bộ môn tiến hành thường xuyên và có xu thế tăng lên

những năm gần đây. Hàng năm, dựa vào thông báo của Nhà trường, Khoa/Bộ môn tiến hành cho sinh viên thực hiện đăng ký đề tài NCKH các cấp. Các đề tài NCKH được Khoa/Bộ môn xét duyệt, phù hợp với chuyên ngành và đáp ứng các yêu cầu liên quan đến việc dạy và học các học phần chuyên ngành CNKTCK [H10.10.04.08]. Các kết quả NCKH của SV có khả năng ứng dụng trong thực tế đã được GV hướng dẫn định hướng để chuyển tải thành các đề tài của đồ án tốt nghiệp giúp SV có những kết quả được đánh giá cao, ngoài ra trong nội dung triển khai đề tài đồ án tốt nghiệp để hướng dẫn SV nghiên cứu và triển khai thực hiện đáp ứng hiệu quả cho quá trình học tập của SV cũng như trang bị cho SV những năng lực cần thiết về làm việc sau khi ra trường [H10.10.04.09].

Khoa CKDL, Ngành CNKTCK là một trong những đơn vị thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật, chuyên đề, nhiều lần tổ chức các hội thảo khoa học để giới thiệu, cụ thể hóa các vấn đề nghiên cứu áp dụng vào giảng dạy tại Trường cũng như nâng cao hiệu quả trong hướng dẫn SV học tập và nghiên cứu [H10.10.04.10], [H10.10.04.11]. Bên cạnh đó Khoa CKDL cũng phối hợp với Nhà trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan (cán bộ, giảng viên...) về việc ứng dụng NCKH vào hoạt động dạy - học đối với ngành CNKTCK để từ đó có những đề xuất phù hợp và giải pháp kịp thời trong việc triển khai thực hiện NCKH để sử dụng có hiệu quả trong cải tiến việc dạy và học. [H10.10.04.12].

Vào cuối mỗi năm học, Nhà trường và Khoa CKDL đều tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm, phổ biến các kết quả nghiên cứu đã thực hiện được, đồng thời có những tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH [H10.10.04.13], từ đó cũng nhận thấy được việc nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học đã được nâng lên rõ rệt qua từng năm, từ đó nâng cao được chất lượng và kết quả học tập của SV ngành CNKTCK [H10.10.04.14].

2. Điểm mạnh

Cán bộ, GV và người học ngành CNKTCK tích cực tham gia hoạt động NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học. Số lượng các công trình NCKH có xu hướng tăng, một số nghiên cứu được cụ thể hoá thành các mô hình thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng làm tài nguyên học tập hiệu quả cho người học. Các đề tài đã gắn liền với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy và học tập của ngành.

3. Điểm tồn tại

Số lượng và chất lượng các nghiên cứu chỉ tập trung vào một số GV, số lượng SV tham gia NCKH còn hạn chế. Số lượng giáo trình biên soạn của GV cho hoạt động giảng dạy chuyên ngành và sách xuất bản tại các nhà xuất bản cho ngành CNKTCK chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần có giải pháp đột phá để khuyến khích thêm nhiều GV và SV thực hiện NCKH từ đó áp dụng các kết quả nghiên cứu để nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	Khoa CKĐL	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt phong trào NCKH, Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích GV và SV hình thành và duy trì các nhóm nghiên cứu.	Khoa CKĐL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và PVCD của Trường. Trường ĐHSPKTV đã thực hiện ban hành văn bản quy định rõ về nhiệm vụ và chức năng của các đơn vị trong việc đánh giá chất lượng

các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Quy chế tổ chức cán bộ và làm việc [\[H10.10.05.01\]](#). Các dịch vụ hỗ trợ và quản lý các hoạt động của SV trong Quy chế CTSV [\[H10.10.05.02\]](#), các dịch vụ hỗ trợ về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người học trong Quy chế hoạt động Trung tâm đào tạo bồi dưỡng [\[H10.10.05.03\]](#) và việc hỗ trợ SV trong thực tập doanh nghiệp cũng như tìm kiếm việc làm cũng được Trường chú trọng quan tâm và giao cho bộ phận QHDN và việc làm SV thực hiện [\[H10.10.05.04\]](#) và các dịch vụ hỗ trợ, các hoạt động của Trung tâm thông tin thư viện cũng được quy định rõ ràng và công khai tại Trung tâm thư viện của Trường [\[H10.10.05.05\]](#). Ngoài ra để đảm bảo chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường cũng đã quy định rõ ràng về hoạt động ĐBCL và ban hành sổ tay ĐBCL để tổ chức thực hiện [\[H10.10.05.06\]](#). Để đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích Trường cũng đã ban hành quy định, quy trình để lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để triển khai thực hiện [\[H10.10.05.07\]](#).

Trường ĐHSPTKTV có xây dựng Kế hoạch tổng thể khảo sát các bên liên quan vào đầu mỗi năm học [\[H10.10.05.08\]](#) và thông báo hướng dẫn cụ thể tới từng đối tượng khảo sát về việc thu thập thông tin phản hồi [\[H10.10.05.09\]](#) thông qua các phiếu khảo sát với nội dung khảo sát cụ thể rõ ràng để thu thập, tổng hợp thông tin phản hồi [\[H10.10.05.10\]](#). Đối tượng thực hiện khảo sát tập trung vào các nhóm người học, cán bộ, GV, nhân viên, SV năm cuối, cựu SV ... nội dung khảo sát cũng được chú trọng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường. Kết quả khảo sát và ý kiến góp ý về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường đều được tổng hợp, báo cáo và được đánh giá để từ đó có những giải pháp đề xuất để cải tiến chất lượng hoạt động [\[H10.10.05.11\]](#).

Trung tâm thông tin Thư viện Trường có xây dựng kế hoạch công tác để thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ hỗ trợ tiện ích cho người học và đội ngũ cán bộ GV trong công tác giảng dạy và học tập [\[H10.10.05.12\]](#). Việc đánh giá chất lượng dịch vụ hoạt động của thư viện được thực hiện định kỳ thông qua các kênh khác nhau và thông qua phiếu khảo sát điều tra về mức độ hài lòng của bạn đọc [\[H10.10.05.13\]](#). Theo khảo sát thì kết quả cho đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc về cơ sở vật chất và dịch vụ của thư viện cho thấy thư viện đã đáp ứng nhu cầu của của bạn đọc. Hầu hết (90%) người được khảo sát hài lòng về dịch vụ mượn sách, giáo trình và tài liệu tham khảo. Mọi ý kiến góp ý đánh giá về hoạt động của thư viện đều được Trung tâm tổng hợp, báo cáo tổng kết đánh giá tính hiệu quả để có đề xuất những giải pháp và đưa ra phương hướng và cải tiến những hoạt động tiếp theo cho các dịch vụ hỗ trợ tiện ích ngày một tốt hơn [\[H10.10.05.14\]](#).

Trường ĐHSPTKTV giao Phòng Quản trị - Thiết bị chịu trách nhiệm về quản lý, khai thác cung cấp, hỗ trợ các dịch vụ về hệ thống thông tin, phòng thí nghiệm, thực hành và cơ sở vật chất (cảnh quan, môi trường...) và được tổ chức thực hiện thông qua Kế hoạch công tác năm của phòng [H10.10.05.15], hàng năm Trường cũng đã thực hiện khảo sát điều tra về mức độ hài lòng các dịch vụ hỗ trợ về các hoạt động trên, theo kết quả khảo sát thì mức độ hài lòng đạt trên 90,6%, mọi ý kiến góp ý đánh giá về hoạt động đều được Phòng tổng hợp, báo cáo tổng kết đánh giá tính hiệu quả để có đề xuất những giải pháp và đưa ra phương hướng và cải tiến những hoạt động tiếp theo cho các dịch vụ hỗ trợ tiện ích ngày một tốt hơn, cũng như việc nâng cấp sửa chữa hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm hành chính ... đảm bảo đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo, hoạt động dạy - học, NCKH và phục vụ cộng đồng [H10.10.05.16].

Việc tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học và đánh giá và cải tiến các hoạt động này của SV cũng được Trường giao nhiệm vụ cho phòng CTSV thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao. Hàng năm phòng xây dựng kế hoạch công tác để triển khai thực hiện [H10.10.05.17], Trường cũng đã thực hiện khảo sát điều tra về mức độ hài lòng các dịch vụ hỗ trợ về các hoạt động CTSV, theo kết quả khảo sát thì mức độ hài lòng đạt trên 91,3%, mọi ý kiến góp ý đánh giá về hoạt động đều được Phòng tổng hợp, báo cáo tổng kết đánh giá tính hiệu quả để có đề xuất những giải pháp và đưa ra phương hướng và cải tiến những hoạt động tiếp theo cho các dịch vụ hỗ trợ tiện ích ngày một tốt hơn trong việc hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng [H10.10.05.18].

Ngoài ra các chất lượng các dịch vụ về hoạt động trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp cũng như khả năng giới thiệu, tư vấn tìm kiếm việc làm cho SV cũng được Nhà trường hết sức quan tâm và giao nhiệm vụ cho Bộ phận QHDN và việc làm SV thực hiện. Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được giao để xây dựng kế hoạch thực hiện [H10.10.05.19], Trường cũng đã thực hiện khảo sát điều tra về mức độ hài lòng các dịch vụ hỗ trợ về các hoạt động này, theo kết quả khảo sát thì mức độ hài lòng đạt trên 90,5%, mọi ý kiến góp ý đánh giá đều được Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng tổng hợp, báo cáo tổng kết đánh giá tính hiệu quả để có đề xuất những giải pháp và đưa ra phương hướng và cải tiến những hoạt động tiếp theo cho các dịch vụ hỗ trợ tiện ích ngày một tốt hơn trong việc hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng [H10.10.05.20].

Bên cạnh đó, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích còn được thực hiện thông qua các nhiệm vụ và hoạt động của tổ chức Đoàn và Hội nghị tổng kết công tác

Đoàn hàng năm, kết quả hoạt động Đoàn thanh niên [\[H10.10.05.21\]](#), [\[H10.10.05.22\]](#), qua báo cáo kết quả thực hiện hoạt động của Trường hàng năm và phương hướng nhiệm vụ giải pháp cho hoạt động tiếp theo về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [\[H10.10.05.23\]](#). Để đánh giá và cải tiến các hoạt động của dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Trường tổ chức các hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV, Lãnh đạo khoa CKDL với SV, để lắng nghe, tiếp thu những ý kiến phản hồi, trao đổi từ tâm tư nguyện vọng của người học, để từ đó đánh giá và có những cải tiến phù hợp cho việc triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích của Nhà trường [\[H10.10.05.24\]](#), [\[H10.10.05.25\]](#).

Kết quả phản hồi từ các bên liên quan về các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cũng được Nhà trường và Khoa đã xây dựng Báo cáo thông tin công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục [\[H10.10.05.26\]](#), trên cơ sở đó để xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng [\[H10.10.05.27\]](#) và tổng hợp báo cáo tổng kết các hoạt động cải tiến chất lượng để đánh giá chính xác các nội dung cải tiến đã thực hiện được và chưa thực hiện được để có những giải pháp tiếp theo để đảm bảo nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, tiện ích của Trường [\[H10.10.05.28\]](#). Cũng qua nội dung trong Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2019-2024 [\[H10.10.05.29\]](#), từ việc góp ý của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã có nhiều hoạt động để cải tiến và đầu tư về chất lượng dịch vụ, tiện ích đáng kể như: hệ thống wifi và camera đã phủ khắp toàn Trường, bàn ghế, quạt hư hỏng đã được thay mới, Nhà trường có hệ thống cây xanh nhiều bóng mát, tạo nhiều điểm nhấn, ký túc xá đã được sửa chữa sạch đẹp, hệ thống sân bóng đá, bãi tập, thao trường được nâng cấp đáng kể, hệ thống thư viện được đầu tư thêm nhiều giáo trình, sách chuyên khảo để phục vụ cho bạn đọc và nhiều dịch vụ khác được nâng cấp, đầu tư.

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có quy định và được giao nhiệm vụ thực hiện rõ ràng cho các đơn vị, được theo dõi giám sát và đánh giá thường xuyên, có cải tiến định kỳ dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trên cơ sở các ý kiến thu thập được, Nhà trường và Khoa đã tiến hành nhiều biện pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho hoạt động dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi của các bên liên quan về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được cải tiến kịp thời, do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tư vấn cho Nhà trường có những giải pháp cải tiến kịp thời. Xử lý kịp thời, nhanh chóng thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ.	Khoa CKĐL. Các đơn vị liên quan trong trường.	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thiết lập đa dạng các kênh thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng dịch vụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo.	Khoa CKĐL. Phòng KT&ĐBCL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của Nhà trường được thực hiện một cách bài bản và hệ thống. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCL, Trường ĐHSPKTV thành lập Phòng KT&ĐBCL [\[H10.10.06.01\]](#) và được giao chức năng nhiệm vụ cụ thể tại Quy chế tổ chức cán bộ và làm việc của Trường [\[H10.10.06.02\]](#). Trong đó có nhiệm vụ là đầu mối xây dựng các công cụ và phối hợp với các đơn vị thực hiện các hoạt động khảo sát, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường. Ngoài ra Nhà trường còn thành lập các tổ ĐBCL tại các đơn vị trực thuộc, các tổ này sẽ phụ trách công tác ĐBCL của đơn vị và phối hợp với Phòng KT&ĐBCL để

thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan tổng hợp báo cáo tổng kết công tác hoạt động ĐBCL qua các giai đoạn theo kế hoạch [H10.10.06.03].

Trường ĐHSPKTV có đầy đủ hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện, quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan về công tác ĐBCL của Trường, các văn bản này cũng được Nhà trường định kỳ đánh giá và điều chỉnh cải tiến đảm bảo phù hợp để triển khai thực hiện hiệu quả qua các phiên bản điều chỉnh [H10.10.06.04]. Dưới đây là bảng tổng hợp thông tin những điều chỉnh, cải tiến về các khảo sát là:

Năm	Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Công cụ hướng dẫn	Phân công thực hiện	Sử dụng kết quả
2020	Sinh viên, Giảng Viên, cựu sinh viên,	Khảo sát hoạt động nhà trường, khảo sát hoạt động giảng dạy	Phiếu giấy	Phòng KT&ĐBCL	Rà soát CTĐT, cải tiến PPGD
2021	Sinh viên, Giảng Viên, cựu sinh viên,	Khảo sát hoạt động nhà trường, khảo sát hoạt động giảng dạy	Phiếu giấy	Phòng KT&ĐBCL	Rà soát CTĐT, cải tiến PPGD
2022	Sinh viên, Giảng Viên, cựu sinh viên, Doanh nghiệp	Khảo sát hoạt động nhà trường, khảo sát hoạt động giảng dạy, Khảo sát doanh nghiệp, Khảo sát kiểm tra đánh giá	Google Forms	Phòng KT&ĐBCL Bộ phận QHDN	Rà soát CTĐT, cải tiến PPGD, mức độ hài lòng
2023	Sinh viên, Giảng Viên, cựu sinh viên, Doanh nghiệp	Khảo sát hoạt động nhà trường, khảo sát hoạt động giảng dạy, Khảo sát doanh nghiệp, Khảo sát kiểm tra đánh giá	Google Forms	Phòng KT&ĐBCL Bộ phận QHDN	Rà soát CTĐT, cải tiến PPGD, mức độ hài lòng

2024	Sinh viên, Giảng Viên, cựu sinh viên, Doanh nghiệp	Khảo sát hoạt động nhà trường, khảo sát hoạt động giảng dạy, Khảo sát doanh nghiệp, Khảo sát kiểm tra đánh giá	Google Forms	Phòng KT&ĐBCL Bộ phận QHĐN	Rà soát CTĐT, cải tiến PPGD, mức độ hài lòng
------	---	---	-----------------	-------------------------------------	---

Trong giai đoạn 2020–2024, Nhà trường đã triển khai thường xuyên các hoạt động khảo sát đối với sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và doanh nghiệp nhằm phục vụ công tác cải tiến chương trình đào tạo. Từ năm 2020 đến 2021, khảo sát chủ yếu được thực hiện bằng phiếu giấy, tập trung vào hoạt động giảng dạy và các hoạt động chung của nhà trường. Từ năm 2022, các khảo sát được mở rộng thêm về nội dung như đánh giá kiểm tra – đánh giá, khảo sát doanh nghiệp và chuyển sang sử dụng công cụ Google Forms để thuận tiện trong thu thập và xử lý dữ liệu. Việc thực hiện khảo sát do Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp từ năm 2022. Kết quả khảo sát được sử dụng để rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Định kỳ vào đầu năm học Phòng ĐBCL&KT xây dựng Kế hoạch tổng thể lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo của Trường [\[H10.10.06.05\]](#). Gửi thông báo và triển khai thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan tới từng đối tượng được khảo sát [\[H10.10.06.06\]](#), thông qua thông tin chi tiết về các hoạt động Nhà trường được thiết kế chi tiết, dễ thu thập trên các mẫu phiếu khảo sát [\[H10.10.06.07\]](#). Các hình thức khảo sát, đối tượng khảo sát đa dạng và linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thực tế, bao gồm: người học, cán bộ, GV, SV năm, cựu SV và các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Trường cũng đã tích cực trong việc cải tiến hình thức thu thập thông tin phản hồi theo nhiều hình thức khảo sát đa dạng như: Email, phiếu giấy, trực tuyến qua Google driver và các số liệu được thu thập, xử lý bằng các phần mềm như Excel, SPSS...

Trường ĐHSPTKTV và Khoa CKĐL hàng năm đều tổ chức hội nghị CTSV, báo cáo về kết quả hoạt động CTSV, thông qua hội nghị Nhà trường và khoa cũng đã nhận được những ý kiến phản hồi tích cực từ SV [\[H10.10.06.08\]](#), qua những ý kiến thắc mắc trao đổi

của SV Nhà trường, Khoa CKDL cũng đã có những giải đáp cụ thể để đáp ứng được những nguyện vọng của SV [\[H10.10.06.09\]](#).

Trong quá trình thực hiện xây dựng và điều chỉnh chương trình CNKTCK và thực hiện các hoạt động đào tạo của Nhà trường, Khoa, trong những năm vừa qua Trường, Khoa CKDL cũng đã chủ động trong việc liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước về hợp tác phát triển CTĐT, tuyển sinh, tuyển dụng, hợp tác về NCKH, bố trí cho SV thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp cũng như việc lấy ý kiến góp ý về các hoạt động đào tạo của Trường [\[H10.10.06.10\]](#).

Việc tổng hợp báo cáo thu thập thông tin phản hồi của đội ngũ cán bộ GV Nhà trường [\[H10.10.06.11\]](#), tổng hợp báo cáo thu thập thông tin phản hồi của SV [\[H10.10.06.12\]](#), được Nhà trường thực hiện định kỳ theo học kỳ, năm học qua đó báo cáo tổng hợp đánh giá về sự hài lòng của của người học đối với các hoạt động của Nhà trường [\[H10.10.06.13\]](#), [\[H10.10.06.14\]](#). Qua các thông tin phản hồi và ý kiến góp ý qua các đợt đều được Nhà trường ghi nhận và có đánh giá định kỳ, có những cải tiến phù hợp trong việc thu thập thông tin phản hồi cũng như cải tiến các hoạt động đào tạo của Trường. Do vậy những năm gần đây các kênh thông tin lấy ý kiến ngày càng được thực hiện đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, bảng câu hỏi cũng được rà soát để nâng cao chất lượng thông tin phản hồi so với trước đây.

Công tác khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Trường thực hiện có hệ thống, được đánh giá và cải tiến, có kế hoạch cụ thể rõ ràng, xây dựng và cải tiến phiếu khảo sát phù hợp để dễ thu thập, tổng hợp thông tin phản hồi và được đánh giá qua các biên bản, kết quả khảo sát hàng năm [\[H10.10.06.15\]](#). Hàng năm trường còn thực hiện việc khảo sát về tình hình việc làm của SV để có những đánh giá về quá trình tìm kiếm việc làm, thu nhập của SV để có những giải pháp cải tiến, điều chỉnh hoạt động đào tạo, giới thiệu việc làm cho SV và có những đánh giá điều chỉnh về hình thức thu thập thông tin cũng như việc cải tiến hình thức thu thập thông tin đảm bảo thuận lợi và thông tin thu thập được chính xác và có hiệu quả [\[H10.10.06.16\]](#). Trong năm 2025 nhà trường đang triển khai ứng dụng 02 phần mềm tự xây dựng (01 phần mềm về công tác tự đánh giá và 01 phần mềm về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan).

Các thông tin phản hồi được Khoa, Bộ môn làm căn cứ tham khảo, làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH .

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi được chú trọng, bài bản, có kế hoạch rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến phản hồi từ các đơn vị có sử dụng lao động còn hạn chế, cơ chế chưa được xác lập rõ ràng.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có chế tài xử lý người học và cán bộ, giảng viên trong hoạt động thu thập lấy ý kiến phản hồi. Ý thức của một bộ phận người học trong việc tham gia các khảo sát chưa cao. Các bên liên quan như nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu người học còn chưa thực sự nhiệt tình tham gia đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường sự phối hợp chặt giữa các đơn vị trong nhiệm vụ thực hiện, đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan.	Trường ĐHSPKTV. Phòng KT&ĐBCL.	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng công tác của Nhà trường	Trường ĐHSPKTV. Phòng KT&ĐBCL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo Ngành CNKTCK được thực hiện nghiêm túc, định kỳ Trường ĐHSPKTV và Khoa CKĐL đã triển khai lấy thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo đúng quy trình, quy định, được thiết lập, đánh giá và cải tiến. Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá được rà soát và đánh giá thường xuyên, đa dạng hóa, đảm bảo đúng quy chế. Công tác coi - chấm thi ở các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, độc lập và kịp thời; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học của từng học phần theo CDR. Kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác ... được đánh giá và cải tiến đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng cao. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như: cần đa dạng hơn nữa các đối tượng thu thập thông tin phản hồi; hoạt động NCKH của người học còn hạn chế; chưa có phần mềm chuyên dụng để thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến và chưa có chế tài xử lý đi kèm; một số cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế.

Trên cơ sở những tồn tại, Ngành CNKTCK đề ra kế hoạch hành động cụ thể và đề xuất các giải pháp phù hợp với các đơn vị liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của ngành trong thời gian tới.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: 6/6 tiêu chí đạt (tổng điểm 24/42).

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thông tin rất quan trọng trong hoạt động ĐBCL, hoạt động đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT. Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống ĐBCL của Nhà trường. Mức độ đạt được các CDR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của SV là những chỉ số đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo được quan tâm khi đánh giá kết quả đầu ra, thể hiện hiệu quả của quá trình đào tạo. Do vậy chất lượng của một CTĐT luôn được phản ánh thông qua kết quả đầu ra. Theo đó, Nhà

trường và Khoa CKĐL luôn coi trọng việc giám sát kết quả đầu ra thông qua các công tác thống kê, giám sát và đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ SV có việc làm, các hoạt động NCKH của người học; đánh giá độ hài lòng của nhà tuyển dụng, người học và các bên liên quan. Qua đó điều chỉnh và cải tiến phương pháp dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của SV Trường ĐHSPKTV nói chung và Khoa CKĐL, Ngành CNKTCK nói riêng. Tiêu chuẩn 11 được đánh giá thông qua 05 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá kết quả đầu ra dựa trên các chỉ số cụ thể của tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập và cũng được sử dụng cho giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. Để thực hiện việc đánh giá SV ngành CNKTCK căn cứ vào các Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT [\[H11.11.01.01\]](#), Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn thực hiện, điều chỉnh Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ qua các phiên bản [\[H11.11.01.02\]](#) và Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường [\[H11.11.01.03\]](#) để đánh giá xếp loại học lực và đánh giá kết quả tốt nghiệp của SV. Để giám sát và cải thiện chỉ số thôi học, tốt nghiệp của người học, Trường đã ban hành Quy chế công tác SV [\[H11.11.01.04\]](#) với quy định nhiệm vụ rõ ràng và cụ thể, được xây dựng theo quy định tại Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về công tác SV dựa trên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và hỗ trợ SV từ cấp Khoa đến cấp Trường trong suốt quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho các phòng ban chức năng liên quan như Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL thực hiện xác lập và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV, được phụ trách trực tiếp bởi một Phó Hiệu trưởng. Nhà trường cũng đã bố trí nhiệm vụ Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý sinh viên (gọi chung là Giáo viên quản lý SV) và xây dựng quy định riêng về công tác quản lý SV [\[H11.11.01.05\]](#), Giáo viên quản lý SV luôn cập nhật tình hình SV, thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Lãnh đạo khoa, Phòng CTSV và Ban giám hiệu để có những định hướng và giải pháp để giải quyết phù hợp [\[H11.11.01.06\]](#). Với những SV thôi học, Giáo viên quản lý SV đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV từ đó có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường về SV thôi học, bảo lưu, tốt nghiệp, cụ thể: Đối sánh tỷ lệ và Quyết định SV thôi học do nghỉ học

dài ngày không lý do [\[H11.11.01.07\]](#); Quyết định cho SV nghỉ học tạm thời để bảo lưu kết quả [\[H11.11.01.08\]](#), Bảng tổng hợp tỷ lệ và các Quyết định SV nghỉ học do kết quả học lực yếu [\[H11.11.01.09\]](#), Bảng tổng hợp đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp và các Quyết định SV tốt nghiệp [\[H11.11.01.10\]](#) được lưu trong hồ sơ quản lý SV. Giáo viên quản lý SV, Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình những SV thôi học, bảo lưu và tốt nghiệp. Bên cạnh đó mỗi SV được quản lý mọi thông tin quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của Trường, SV tốt nghiệp, thôi học và bảo lưu được cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Trường giúp cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo thuận tiện hơn. Mỗi SV được cấp một mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống thông qua tài khoản cá nhân, mọi thông tin quá trình đào tạo được cập nhật và theo dõi trên hệ thống phần mềm của Nhà trường.

Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành CNKTCK được xác lập và giám sát chặt chẽ hàng năm dựa trên các quy định về điều kiện tốt nghiệp, quy định về đánh giá kết quả tốt nghiệp, kết quả học tập và kết quả rèn luyện của SV. Qua việc kiểm tra theo dõi giám sát của đội ngũ Giáo viên quản lý SV của khoa, trên cơ sở dữ liệu và báo cáo đề xuất của khoa CKDL, Phòng CTSV và Nhà trường xem xét họp thảo luận các trường hợp cụ thể cho việc xử lý SV thôi học, bỏ học hàng năm và tổng hợp theo dõi đánh giá tỷ lệ SV nghỉ học dài ngày, không lý do [\[H11.11.01.11\]](#) luôn được Trường giám sát chặt chẽ hàng năm. Số liệu thống kê sinh viên thôi học trong các khóa gần đây cho thấy Nhà trường và Phòng Công tác sinh viên đã thực hiện theo dõi một cách chi tiết và đầy đủ. Cụ thể, tổng số sinh viên thôi học lần lượt theo từng khóa như sau: khóa 2016–2020 (K11) là 82 SV, khóa 2017–2021(K12) là 78 SV, khóa 2018–2022 (K13) là 56 SV, khóa 2019–2023 (K14) là 94 SV và khóa 2020–2024 (K15) là 145 SV. Trong đó, tỷ lệ sinh viên thôi học tập trung chủ yếu ở năm thứ nhất, dao động từ 10% đến 25% tùy khóa. Các năm học tiếp theo có tỷ lệ giảm dần, cho thấy xu hướng sinh viên bỏ học chủ yếu xảy ra trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo. Những số liệu này là cơ sở quan trọng để Nhà trường đề xuất các giải pháp hỗ trợ, tư vấn nhằm giảm tỷ lệ thôi học và nâng cao chất lượng đào tạo. Qua số liệu thống kê tỉ lệ thôi học của SV ngành CNKTCK thì Nhà trường, Khoa CKDL, Phòng CTSV rất chú trọng trong công tác tư vấn và hỗ trợ các SV có ý định thôi học, đã chủ động tiếp cận tìm hiểu các lý do ảnh hưởng đến kết quả học tập và quyết định của SV để có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Trường đã giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ Giáo viên quản lý SV khoa CKDL theo dõi, hỗ trợ và giám sát chặt chẽ việc đăng ký học, kết quả học tập của SV, bên

canh đó Trường cũng theo dõi và giám sát chặt chẽ việc đăng ký học, kết quả học tập của SV, tổng hợp kết quả đăng ký học theo từng học kỳ [\[H11.11.01.12\]](#), tổng hợp số lượng học lại, thi lại của SV từng học kỳ [\[H11.11.01.13\]](#), tổng hợp kết quả thi của SV từng học kỳ [\[H11.11.01.14\]](#) từ đó phân tích tỷ lệ, đánh giá kết quả đạt được để có những giải pháp phù hợp trong việc điều chỉnh xây dựng CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CĐR. Hàng năm Trường thực hiện việc xét tốt nghiệp cho SV theo 03 đợt, các đợt xét đều thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp được thực hiện qua cơ sở dữ liệu về người học, trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp trên tổng số SV nhập học, số SV tốt nghiệp sớm, đúng hạn, quá hạn và kết quả xếp loại tốt nghiệp của SV [\[H11.11.01.15\]](#). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp qua các khóa đào tạo được theo dõi và thống kê chi tiết, cho thấy phần lớn sinh viên hoàn thành chương trình đúng tiến độ. Cụ thể, tỷ lệ tốt nghiệp trong 4 năm của các khóa dao động từ 72% đến hơn 91%, trong đó khóa 2018–2022 (K13) và khóa 2020–2024 (K15) có tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao nhất, lần lượt là 91,62% và 91,45%. Một số sinh viên tốt nghiệp muộn sau 5 hoặc 6 năm, chiếm tỷ lệ nhỏ hơn, phổ biến trong khoảng từ 1,57% đến 16%. Những số liệu này phản ánh chất lượng tổ chức đào tạo ổn định và hiệu quả, đồng thời cũng là cơ sở để Nhà trường tiếp tục duy trì, cải tiến hoạt động giảng dạy và hỗ trợ sinh viên nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Thống kê đã chỉ ra tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành CNKTCK luôn đạt mức cao và tương đối ổn định. Đa số SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, còn một số ít tốt nghiệp không đúng hạn theo quy định khung thời gian của CTĐT.

Nhà trường, Khoa CKĐL cũng rất chú trọng đến việc xem xét, thảo luận và phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng SV tốt nghiệp không đúng hạn hoặc thôi học để đưa ra các giải pháp phù hợp hỗ trợ SV tốt nghiệp không đúng hạn, giảm tỉ lệ SV thôi học. Giáo viên quản lý SV khoa luôn theo dõi chặt chẽ tình hình học tập của SV và được ghi chép đầy đủ vào sổ nhật ký, định kỳ hàng tháng đều tổ chức sinh hoạt lớp và báo cáo đầy đủ thông tin về Phòng CTSV theo định kỳ và đợt xuất [\[H11.11.01.16\]](#). Đối với những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, Giáo viên quản lý SV luôn phải báo cáo định kỳ để Khoa và Nhà trường nắm rõ lý do và có hướng giải quyết. Khoa cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực. Các giải pháp cụ thể như học chuyển đổi, điều chỉnh khung CTĐT, giảm thời gian đào tạo và tăng thời lượng thực hành của người học trong CTĐT. Thông qua các hoạt động tư vấn, Giáo viên quản lý SV, đội ngũ

GV giảng dạy đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ SV trong quá trình học tập với hoạt động cụ thể như việc tổ chức nhiều hoạt động Đoàn, Hội làm phong phú cuộc sống tinh thần và không gian trải nghiệm cho SV, mở các khóa huấn luyện công tác đoàn, đội, Tổ chức các câu lạc bộ SV, tìm kiếm, kêu gọi ủng hộ quỹ học bổng cho các em SV có tình thần vượt khó, học tốt từ nhiều nguồn học bổng khác trong và ngoài trường [\[H11.11.01.17\]](#), tăng cường trao đổi, tư vấn cho SV, giữ liên lạc với gia đình để trao đổi thông tin về tình hình, kết quả học tập SV cho gia đình [\[H11.11.01.18\]](#). Chú trọng bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp và tư vấn cho SV ngay từ năm thứ nhất thông qua học phần “Nhập môn ngành” để các em tiếp cận và trải nghiệm kiến thức ngành.

Phòng Đào tạo, Khoa CKĐL cũng thường xuyên thực hiện thống kê và rà soát tiến độ học tập của SV trên phần mềm quản lý Đào tạo của Trường, từng học kỳ đều có họp hội đồng xử lý học vụ từ đó đưa ra các cảnh báo về kết quả học tập rèn luyện của SV theo từng học kỳ, kịp thời phát hiện và hỗ trợ tư vấn những trường hợp SV khó khăn trong học tập, góp phần làm giảm tỉ lệ tốt nghiệp chậm và thôi học của SV.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học được xác lập, giám sát chặt chẽ, có các quy định cụ thể và sử dụng phần mềm quản lý hỗ trợ. Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV đến cấp Khoa và luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, thông báo trực tiếp tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học... Ban lãnh đạo Khoa CKĐL luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên quản lý SV, Giáo viên trợ lý giáo vụ khoa để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các học phần chuyển đổi, học phần thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp và SV thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát sao, được phản ánh đến nhiều đối tượng liên quan, làm cơ sở cho việc điều chỉnh cập nhật cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

3. Điểm tồn tại

Ngành CNKTCK có số lượng SV nghỉ học không lý do còn tồn tại nhiều, Khoa CKĐL và Nhà trường đã nắm bắt được lý do những SV thôi học tuy nhiên việc tìm hiểu nguyên nhân còn mang tính chủ quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chủ động phối hợp với gia đình tìm hiểu nguyên nhân trực tiếp đến từng SV nghỉ học dài ngày để có phân tích cụ thể và hỗ trợ SV.	Khoa CKDL Giáo viên quản lý SV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện hơn nữa việc thực hiện các giải pháp quản lý và hỗ trợ học tập cho SV trong và sau quá trình đào tạo	Khoa CKDL Giáo viên quản lý SV. Phòng đào tạo. Phòng CTSV Bộ phận QHDN và việc làm SV	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Ngành CNKTCK của Trường áp dụng đào tạo theo tín chỉ. Quá trình tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp được quy định rõ ràng và công bố cho SV trong các văn bản quy định của Nhà trường. Trong đó có các điều kiện để có thể học vượt hoặc kéo dài như số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong kỳ học, thời gian học, thời gian tối đa hoàn thành CTĐT được quy định cụ thể tại Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo [\[H11.11.02.01\]](#) và tại Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ [\[H11.11.02.02\]](#) của Trường theo giai đoạn của các khóa tuyển sinh và đào tạo.

Nhà trường quy định rõ chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo tại quy chế tổ chức cán bộ [\[H11.11.02.03\]](#), giao nhiệm vụ hằng năm theo dõi và thống kê số lượng SV tốt

nghiệp và thời gian trung bình mà các SV trong khóa học tốt nghiệp đối với từng ngành học của Trường đào tạo.

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo được quy định cụ thể trong CTĐT đã được trường ban hành [\[H11.11.02.04\]](#) và có quy định rõ về thời gian tối đa và thời gian tối thiểu của khóa học tại Quy chế đào tạo. Trên cơ sở CTĐT đã ban hành Trường đã thực hiện lập kế hoạch đào tạo cho từng khóa, từng hệ đào tạo [\[H11.11.02.05\]](#) và thời khóa biểu của từng học kỳ [\[H11.11.02.06\]](#) để trên cơ sở đó giáo viên quản lý SV căn cứ tư vấn hỗ trợ SV đăng ký học để hoàn thành khóa học và SV căn cứ để chủ động sắp xếp thời gian học tập phù hợp với năng lực của bản thân đảm bảo hoàn thành chương trình học tập, giáo viên quản lý SV theo dõi và giám sát chặt chẽ việc đăng ký học của SV, thống kê số lượng SV đăng ký học đảm bảo đúng, đủ tín chỉ theo quy định và kế hoạch thời khóa biểu, theo dõi chặt chẽ số lượng SV còn nợ học phần để hướng dẫn SV đăng ký học lại, học cải thiện nhằm đảm bảo hoàn thành CTĐT và tốt nghiệp đúng thời gian quy định.

CTĐT, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu và các hoạt động đào tạo, ĐBCL đều được Trường công khai đến tất cả các đối tượng và người học trên Website của Trường trong báo cáo ba công khai hàng năm [\[H11.11.02.07\]](#). Ngoài ra còn được công khai đến cho người học qua trang đăng ký học của SV, trên Website tuyển sinh và trực tiếp thông qua giáo viên quản lý SV của khoa.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa được hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các khuyến nghị thích hợp để cải tiến chất lượng hỗ trợ người học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa được thể hiện như sau: đối với khóa 2016 – 2020 (K11) là 4,16 năm; đối với khóa 2017 – 2021 (K12) là 4,4 năm; đối với khóa 2018 – 2022 (K13) là 4,1 năm; đối với khóa 2019 – 2023 (K14) là 4,15 năm. Dựa trên Kế hoạch đào tạo các khóa học của Trường, giáo viên quản lý SV đã tư vấn cho SV xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học để đảm bảo hoàn thành chương trình học đúng thời gian khóa đào tạo, do vậy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV luôn sát với thời gian được xây dựng theo kế hoạch đào tạo chuẩn toàn khóa học. Dữ liệu kết quả SV tốt nghiệp của người học các đợt xét hàng năm đều được Trường tổng hợp để lưu giữ và ra quyết định công nhận tốt nghiệp theo đúng quy định [\[H11.11.02.08\]](#), đồng thời thực hiện đối sánh tỷ

lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp chậm và đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp của các ngành khác mà hiện nay Trường đang thực hiện đào tạo [\[H11.11.02.09\]](#).

Mặc dù Trường ĐHSPKTV và Khoa CKDL đã có nhiều giải pháp hỗ trợ để SV có thể tốt nghiệp sớm hơn so với thời gian đào tạo, nhưng do đặc thù của ngành kỹ thuật, khối lượng kiến thức tương đối nhiều, đặc biệt là các học phần thực hành do đó SV ngành CNKTCK thường đăng ký xét tốt nghiệp đúng hạn và chậm so với CTĐT. Số liệu cho thấy, đa số SV ngành CNKTCK hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Việc tìm hiểu tiếp cận thông tin tốt nghiệp, tình trạng thôi học của SV cũng được Trường, Khoa, giáo viên quản lý SV và các GV quan tâm thực hiện và theo dõi chặt chẽ [\[H11.11.02.10\]](#). Số liệu thống kê sinh viên thôi học trong các khóa gần đây cho thấy Nhà trường và Phòng Công tác sinh viên đã thực hiện theo dõi một cách chi tiết và đầy đủ. Cụ thể, tổng số sinh viên thôi học lần lượt theo từng khóa như sau: khóa 2016–2020 (K11) là 82 SV, khóa 2017–2021(K12) là 78 SV, khóa 2018–2022 (K13) là 56 SV, khóa 2019–2023 (K14) là 94 SV và khóa 2020–2024 (K15) là 145 SV. Trong đó, tỷ lệ sinh viên thôi học tập trung chủ yếu ở năm thứ nhất, dao động từ 10% đến 25% tùy khóa. Các năm học tiếp theo có tỷ lệ giảm dần, cho thấy xu hướng sinh viên bỏ học chủ yếu xảy ra trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo. Những số liệu này là cơ sở quan trọng để Nhà trường đề xuất các giải pháp hỗ trợ, tư vấn nhằm giảm tỷ lệ thôi học và nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa CKDL luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua giáo viên quản lý SV [\[H11.11.02.11\]](#). Nhà trường, Khoa CKDL hàng năm đều tổ chức hội nghị CTSV cấp Trường, cấp Khoa với cán sự lớp, giáo viên quản lý SV vào các năm học để trao đổi, đối thoại, giải đáp những nguyện vọng, tâm tư của SV, nắm được tình hình học tập của SV để có những chỉ đạo, giải pháp trong giúp đỡ và hỗ trợ SV học tập [\[H11.11.02.12\]](#). Tuy nhiên số lượng SV tốt nghiệp không đúng hạn vẫn còn nhiều. Qua tìm hiểu, tiếp cận với SV tốt nghiệp không đúng hạn, SV có ý định thôi học, một số nguyên nhân chính có thể được chỉ ra là: 1) Nguyện vọng và cơ hội học ngành nghề khác phù hợp hơn; 2) Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, SV có nguyện vọng đi làm để giúp đỡ gia đình; 3) Cảm thấy ngành kỹ thuật việc học tập vất vả, thời gian đào tạo nhiều hơn và có nguyện vọng chuyển ngành; 4) Học lực còn yếu, không thể theo đuổi và hoàn thành chương trình; 5) Gặp khó khăn để đạt CĐR ngoại ngữ.

Để giám sát và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học, Khoa CKDL rất chú trọng đến công tác giám sát tiến độ học tập và tư vấn kịp thời cho SV có thành tích học tập tốt cũng như SV chậm tiến độ, học lực yếu. Hàng kỳ, Khoa đều thống kê tình hình

học tập của SV, thông báo đến những SV thuộc diện cảnh báo học tập, tổ chức gặp các em và giữ mối liên lạc thông tin với gia đình [\[H11.11.02.13\]](#) để tư vấn, hướng dẫn cụ thể tiến trình học tập, phương pháp học, lựa chọn học phần,... đồng thời theo dõi và báo cáo thống kê số lượng, kết quả học tập và đánh giá tình trạng SV hàng tháng, học kỳ để có giải pháp hỗ trợ cho SV [\[H11.11.02.14\]](#). Ngoài ra các học kỳ đều có tổng hợp kết quả học lại, thi lại [\[H11.11.02.15\]](#), tổng hợp kết quả thi [\[H11.11.02.16\]](#), để đánh giá phân tích nhằm đưa ra các giải pháp cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng thời gian tốt nghiệp đúng hạn của SV. Hàng tháng, kỳ, năm Phòng CTSV, Khoa CKĐL đều chỉ đạo Giáo viên QLSV tổ chức sinh hoạt lớp để đánh giá kết quả của SV, nhắc nhở, giải đáp và tư vấn cho SV trong quá trình học tập [\[H11.11.02.17\]](#) và được tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả CTSV của học kỳ, năm học về hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ SV trong việc rút ngắn thời gian học tập [\[H11.11.02.18\]](#). Các biện pháp thực hiện đã nâng cao hiệu quả trong việc giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CNKTCK phù hợp với yêu cầu của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Phòng đào tạo thực hiện việc xác lập, giám sát chặt chẽ và thực hiện thống kê đầy đủ định kỳ, đối sánh tỷ lệ thời gian tốt nghiệp trung bình của người học để đề xuất và đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, đảm bảo cho SV ngành CNKTCK tốt nghiệp đúng thời gian theo kế hoạch đào tạo chuẩn toàn khoá học.

Phòng CTSV, Khoa CKĐL thường xuyên giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của SV để có nhưng chỉ đạo kịp thời, có sự phối hợp giữa giáo viên quản lý SV và GV để đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ người học đảm bảo tiến độ học tập, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp từ đó giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù là ngành kỹ thuật nên một số SV ngành CNKTCK còn gặp khó khăn khi học những học phần khoa học cơ bản, ngoại ngữ và một số SV còn mất nhiều thời gian cho việc làm thêm, do vậy việc trả nợ các học phần chưa đạt còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tư vấn hỗ trợ SV tham gia trau dồi kiến thức ngoại ngữ, tham gia CLB tiếng anh. Tư vấn hỗ trợ SV sắp xếp thời gian học tập phù hợp.	Khoa CKDL Đoàn thanh niên. Hội SV. Giáo viên QLSV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa phối hợp với phòng CTSV tăng cường công tác CVHT, hỗ trợ sâu sát giúp SV lập kế hoạch học tập cụ thể để, giải quyết các học phần còn nợ, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn. Phối hợp cùng phòng Đào tạo, tổ chức thêm các lớp học kỳ phụ.	Khoa CKDL Giáo viên QLSV Phòng Đào tạo	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục đích hỗ trợ SV tiếp cận doanh nghiệp và có các thông tin cho định hướng nghề nghiệp, thông tin về việc làm và liên kết doanh nghiệp để đưa SV tham gia thực tập sản xuất và thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp. Nhà trường có Bộ phận QHDN và việc làm SV, được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ thực hiện [\[H11.11.03.01\]](#), đây là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ SV tham gia thực tập tại doanh nghiệp, tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp cho SV. Bộ phận QHDN và việc làm SV chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng nội dung phiếu khảo sát việc làm SV [\[H11.11.03.02\]](#) và thực hiện việc điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp [\[H11.11.03.03\]](#). Hàng năm, Trường đều tổ chức các cuộc hội thảo hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài

nước, hai bên đã thực hiện ký kết các biên bản ghi nhớ [\[H11.11.03.04\]](#), [\[H11.11.03.05\]](#) về hợp tác trong đào tạo với mục tiêu định hướng và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV.

Trường có thực hiện việc giám sát quá trình học tập và tổng hợp số liệu tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp [\[H11.11.03.06\]](#), lập bảng phân tích, đối sánh tỉ lệ có việc làm của SV giữa các năm [\[H11.11.03.07\]](#) để tìm ra biện pháp cải tiến và đề xuất các phương án hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV. Đối sánh tỉ lệ có việc làm của sinh viên giữa các năm của ngành CNKTCK rất cao chiếm 99,3% và cao hơn so với các ngành khác trường. Trường giao cho Bộ phận QHDN và việc làm SV duy trì liên lạc và định kỳ 06 tháng - 12 tháng sẽ tiến hành thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phối hợp với phòng CTSV phân tích, đánh giá tỉ lệ việc làm giữa các ngành đào tạo của Trường và báo cáo Ban Giám hiệu [\[H11.11.03.08\]](#), [\[H11.11.03.09\]](#) để có những giải pháp và định hướng trong việc thực hiện liên kết doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Theo báo cáo khảo sát kết quả như sau: tỉ lệ sinh viên có việc làm rất cao chiếm 95,6%, tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng và liên quan đến ngành nghề đào tạo chiếm 87,9%, lĩnh vực việc làm của sinh viên chủ yếu là tư nhân và có yếu tố nước ngoài, mức lương của sinh viên làm việc trong nước phù hợp với chuyên ngành đào tạo khá cao (khu vực miền trung 7-9 triệu/tháng, khu vực miền bắc 9-11 triệu/tháng, khu vực miền nam 11-13 triệu/tháng), tỉ lệ đi làm tại nước ngoài cũng chiếm khoảng 18,6% với mức thu nhập bình quân 40 triệu/tháng. Kết quả điều tra cho thấy số lượng SV tốt nghiệp ngành CNKTCK có tỉ lệ việc làm đúng ngành đào tạo tương đối cao và nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp từ 03 - 06 tháng. Việc khảo sát mức lương chưa được thực hiện với các công cụ và tiêu chí cụ thể nhưng qua trao đổi thông tin với cựu SV thì người học sau khi tốt nghiệp ngành CNKTCK được tuyển dụng với mức lương tương đối cao so với mặt bằng chung thu nhập hiện nay. Nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành CNKTCK của Trường.

Thông tin việc làm của SV sau tốt nghiệp được Bộ phận QHDN&VLSV của Trường, phân tích đối sánh, cùng với các thông tin phản hồi khác giữa các đợt tốt nghiệp và đối sánh với tỉ lệ việc làm với các ngành đào tạo khác của Trường cùng trình độ, từ đó có các đề xuất các biện pháp cải tiến điều chỉnh phù hợp cho CTĐT để nâng cao chất lượng đào tạo. Nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau tốt nghiệp, Trường đã chỉ đạo các Khoa, phòng chức năng có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như: Điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng, tăng thời lượng học thực hành

của người học và điều chỉnh CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO; Bổ sung thêm học phần kỹ năng mềm vào CTĐT [\[H11.11.03.10\]](#), tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm có mời các doanh nghiệp tham gia giảng dạy. Hàng năm Trường đều có kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm cho SV [\[H11.11.03.11\]](#) và giao lưu với doanh nghiệp, trao đổi các thông tin về doanh nghiệp, môi trường, điều kiện và vị trí công việc sau tốt nghiệp, [\[H11.11.03.12\]](#). Cung cấp thông tin tuyển dụng trên website của Nhà trường, website tuyển sinh, website của khoa và trên các địa chỉ mạng xã hội nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng để tìm kiếm việc làm [\[H11.11.03.13\]](#).

Trên cơ sở các mối liên kết hợp tác với doanh nghiệp, qua mỗi phiên bản điều chỉnh CDR và CTĐT, xây dựng và điều chỉnh CTĐT, chương trình đề cương chi tiết các học phần Nhà trường, Khoa CKDL đều tiến hành lấy ý kiến góp ý từ các doanh nghiệp, nhu cầu vị trí việc làm, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp từ đó tổng hợp phân tích nguyên nhân tác động đến chất lượng đào tạo và đề xuất để xây dựng điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giúp SV có năng lực tốt dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp với nhu cầu của xã hội.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Bộ phận QHDN và việc làm SV được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ trong việc kết nối doanh nghiệp cho SV thực tập, tìm kiếm việc làm cho SV sau tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV. Nhà trường, Khoa CKDL đã tạo các điều kiện tốt nhất cho SV, giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác do vậy tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành CNKTCK sớm có việc làm sau khi tốt nghiệp là tương đối cao, đáp ứng được yêu cầu của xã hội

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của SV khối ngành kỹ thuật, hiện nay SV của Trường làm việc ở nhiều nơi trong nước và tham gia các chương trình làm việc kỹ sư tại nước ngoài, nên việc liên lạc với SV và doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến các kênh liên lạc với cựu SV vẫn chưa ổn định về số lượng cũng như địa chỉ liên lạc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Có biện pháp duy trì thông tin liên lạc và hoàn thiện phiếu khảo sát với các trường thông tin đầy đủ hơn.	Khoa CKDL Giáo viên QLSV Phòng CTSV Bộ phận QHĐN&VLSV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi từ người học, cung cấp và hỗ trợ thông tin việc làm cho SV đã tốt nghiệp	Khoa CKDL Giáo viên QLSV Phòng CTSV Bộ phận QHĐN&VLSV	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn xác định hoạt động NCKH và các hoạt động KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, nó có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển KHCN và kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản lý KHCN và hợp tác quốc tế (Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế “KH&HTQT”) và được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ [\[H11.11.04.01\]](#). Phòng KH&HTQT là đơn vị tham mưu cho Trường xây dựng kế hoạch, chiến lược và chính sách phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có và đội ngũ SV, cũng như phù hợp với sứ mạng phát triển của Trường. Theo kế hoạch chiến lược phát triển và định hướng từng năm, Nhà trường giao chỉ tiêu NCKH cụ thể cho từng khoa, từng năm học. Phòng KH&HTQT tham mưu cho Trường soạn thảo xây dựng và ban hành quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường [\[H11.11.04.02\]](#), tham mưu biên soạn xây dựng ban hành các quy trình thực hiện NCKH và các hồ sơ biểu mẫu [\[H11.11.04.03\]](#) để triển khai thực hiện, trong đó quy định rõ quy trình, quy định về hoạt động NCKH đối với SV.

Với đặc thù của khối các ngành kỹ thuật, Nhà trường, Khoa CKDL rất chú trọng khuyến khích người học tham gia các hoạt động NCKH đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng. Nhà trường có dành nguồn kinh phí hàng năm cho hoạt động NCKH của SV, hàng năm Trường giao Phòng KH&HTQT xây dựng kế hoạch NCKH tổng thể, trong đó có giao chỉ tiêu thực hiện NCKH đến từng đơn vị và SV trong toàn Trường, trên cơ sở đó Phòng KH&HTQT phối hợp với Phòng Kế toán - Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính cho công tác NCKH trình Hiệu trưởng phê duyệt [\[H11.11.04.04\]](#). Phòng KH&HTQT được Nhà trường giao chủ trì tham mưu và quản lý các hoạt động KHCN toàn Trường, trong đó có hoạt động NCKH của SV và tham mưu đề xuất các loại hình, số lượng hoạt động NCKH cho SV [\[H11.11.04.05\]](#). Hoạt động NCKH của SV luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Nhà trường và Khoa. Hàng năm việc đề xuất các hoạt động về KHCN của SV của Trường thường được thực hiện theo thông báo và kế hoạch [\[H11.11.04.06\]](#), được Nhà trường cấp kinh phí để thực hiện (số lượng kinh phí thực hiện được thể hiện rõ trong hợp đồng) [\[H11.11.04.07\]](#). SV có thể tham gia trực tiếp thực hiện các đề tài KHCN của các GV, tham dự các Hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành.

Hàng năm, Nhà trường giao Phòng KH&HTQT triển khai công tác NCKH của SV đến các khoa, bộ môn. Triển khai cho SV đăng ký các hoạt động NCKH. Khoa CKDL, Phòng KH&HTQT tổng hợp số lượng SV đăng ký [\[H11.11.04.08\]](#) và tổ chức hội đồng đánh giá để lựa chọn những báo cáo xuất sắc, tổng hợp số lượng đề tài đạt yêu cầu trình hội đồng phê duyệt để triển khai thực hiện [\[H11.11.04.09\]](#). Nhà trường, Khoa đã tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa cho SV thực hiện và hoàn thành việc NCKH, đồng thời thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu đánh giá và quyết định công nhận kết quả NCKH của SV [\[H11.11.04.10\]](#) và lưu giữ, bàn giao những sản phẩm của đề tài [\[H11.11.04.11\]](#) về các đơn vị khai thác ứng dụng, làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập của ngành và thương mại hóa sản phẩm, số lượng đề tài, công trình NCKH được tổng hợp hàng năm để đánh giá tính hiệu quả trong NCKH của SV [\[H11.11.04.12\]](#). Trong giai đoạn 2020 – 2024 số liệu tổng hợp về hoạt động NCKH của người học của CTĐT ngành CNKTCK như sau: số SV tham gia NCKH là 28, số đề tài là 14, số kinh phí cho mỗi đề tài SV là 2 triệu. Từ số liệu tổng hợp cho thấy kết quả SV tham gia hoạt động NCKH trong 05 năm gần đây của Khoa CKDL đã có dấu hiệu tăng lên đáng kể, từ đó giúp SV nghiên cứu, tiếp cận tốt công việc của mình sau khi tốt nghiệp.

Hàng năm Trường đều thực hiện việc báo cáo tổng kết công tác NCKH của Trường [\[H11.11.04.13\]](#), trong đó có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện NCKH của SV, đối sánh tỷ lệ SV NCKH giữa các ngành đào tạo của Nhà trường và với các Trường khác, từ đó rút kinh nghiệm để có những đề xuất giải pháp cho công tác NCKH trong SV những năm tiếp theo được tốt lên.

Ngoài các đề tài NCKH, Nhà trường, Khoa còn tổ chức cho SV các hoạt động KHCN khác như tham gia Hội thảo khoa học cấp Khoa, cấp Trường, tổ chức hoạt động thi Robocom hàng năm [\[H11.11.04.14\]](#) và tổ chức hội thi sáng tạo khởi nghiệp cho SV cấp Trường [\[H11.11.04.15\]](#). Từ các hội thi đó Trường đã lựa chọn những bài thi có kết quả cao để tham gia các hội thi cấp tỉnh và đạt được những giải thưởng cao. Để nâng cao năng lực NCKH trong SV, Nhà trường và Khoa CKĐL đã thành lập các câu lạc bộ NCKH [\[H11.11.04.16\]](#) giúp đỡ, tư vấn hỗ trợ SV trong việc thực hiện các hoạt động về KHCN. Hàng năm Nhà trường, Khoa đều xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện NCKH [\[H11.11.04.17\]](#) trong đó có triển khai kế hoạch NCKH của SV và phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên phụ trách và GV hướng dẫn SV thực hiện NCKH hàng năm [\[H11.11.04.18\]](#).

Mặc dù đã có nhiều sản phẩm về NCKH và các cuộc thi sáng tạo đạt giải thưởng trong các cuộc thi SV NCKH cấp Khoa, cấp Trường, cấp tỉnh [\[H11.11.04.19\]](#), tuy nhiên SV ngành CNKTCK vẫn chưa có các công trình khoa học được công bố trên các tạp chí lớn trong và ngoài nước hoặc so với SV ngành CNKTCK của các Trường đào tạo kỹ thuật lớn trong nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Bách khoa Hồ Chí Minh, Đại học công nghệ (Đại học Quốc gia Hà nội), Trên cơ sở Chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn 2045 [\[H11.11.04.20\]](#) để có các định hướng NCKH và các đề xuất đầu tư NCKH cho SV của Trường nói chung và SV ngành CNKTCK nói riêng đã được Khoa CKĐL chú trọng xây dựng và phát triển, đồng thời có các đề xuất đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định liên quan đến NCKH của SV được ban hành đầy đủ. Có nhiều nhóm SV đăng ký tham gia trong các cuộc thi NCKH cấp Khoa, cấp Trường với nhiều ý tưởng về sản phẩm, với loại hình đa dạng, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy

đủ từ phía Nhà trường, Khoa và đội ngũ GV. Một số đề tài đã được triển khai ứng dụng và từng bước thương mại hóa.

3. Điểm tồn tại

Các nguồn lực dành cho NCKH của SV còn hạn chế. Chưa có nhiều các công bố khoa học của SV trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế. Số lượng SV ngành CNKTCK tham gia NCKH của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tìm kiếm và tăng cường nguồn lực cho SV NCKH; - Tăng cường định hướng ứng dụng và công bố cho các sản phẩm của đề tài NCKH của SV.	Bộ phận QHDN&VLSV Khoa CKĐL. Phòng KH&HTQT.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng các nhóm NCKH mạnh, có tính kế thừa giữa các khóa và có sự tham gia của GV	Khoa CKĐL. Phòng KH&HTQT.		

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ [\[H11.11.05.01\]](#) Nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với các Khoa và các đơn vị trong toàn Trường về việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan và tập hợp các ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, GV về mục tiêu đào tạo, CĐR, bản mô tả CTĐT, phương pháp dạy và học, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác nhằm hoàn thiện việc xây dựng và điều chỉnh mục tiêu giáo dục, CTĐT, CĐR nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Để đo lường mức độ hài lòng và xác lập chỉ số hài lòng của các bên liên quan làm căn cứ đối sánh cải tiến chất lượng CTĐT, nhiều cơ chế lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu

SV về mọi mặt hoạt động của Trường, được quy định trong các văn bản quản lí, điều hành của Nhà trường như: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về giảng dạy và các hoạt động trong đào tạo [\[H11.11.05.02\]](#); Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [\[H11.11.05.03\]](#). Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng [\[H11.11.05.04\]](#), trong đó quy định rõ trách nhiệm khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan cho các bộ phận trong hệ thống ĐBCL của Nhà trường; Trường cũng đã xây dựng và ban hành Quy trình lấy ý kiến các bên liên quan kèm theo chi tiết Phụ lục sổ tay đảm bảo chất lượng [\[H11.11.05.05\]](#).

Với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CDR, CTĐT định hướng ứng dụng theo hướng tiếp cận CDIO, Nhà trường giao Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát theo từng học kỳ [\[H11.11.05.06\]](#) và phối hợp với các khoa xây dựng phiếu khảo sát [\[H11.11.05.07\]](#) tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan định kỳ hàng năm theo hai hình thức: trực tiếp trên bản in và hình thức trả lời online qua trang SV của Trường và gửi đường link trực tiếp đến đối tượng khảo sát. Nội dung khảo sát được thực hiện trên các đối tượng là đội ngũ cán bộ GV của Trường, SV đang học, người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng với 04 nhóm chủ đề chính, với các ý kiến đánh giá về: 1) CTĐT; 2) Hoạt động dạy học đội ngũ GV; 3) Tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo; 4) Mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Dựa trên dữ liệu cơ sở các nội dung được các bên đưa ra đánh giá, Trên cơ sở dữ liệu thu thập được sau khảo sát Trường thực hiện đối sánh với chỉ số khảo sát của cùng CTĐT của những lần khảo sát trước đó, đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác của Trường và tổng hợp báo cáo phân tích kết quả đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan sau khi đối sánh [\[H11.11.05.08\]](#) từ đó nhận xét, phân tích đánh giá và đối sánh với các lần khảo sát trước đó và những năm trước về mức độ hài long trung bình và thực hiện xây dựng báo cáo đánh giá qua các giai đoạn để phân tích kết quả khảo sát để giám sát, đối sánh và cải tiến chất lượng [\[H11.11.05.09\]](#). Theo báo cáo khảo sát năm 2022, đa số các nhóm đối tượng đều thể hiện mức độ hài lòng cao đối với chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí . Trong đó, sinh viên phản hồi ở mức từ đồng ý đến hoàn toàn đồng ý đối với chuẩn đầu ra (99,9%), bản mô tả chương trình (100%) và cấu trúc – nội dung chương trình (99,8%). Cụm sinh viên cũng đánh giá tích cực với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với các nội dung tương ứng là từ 82,6% đến 85,2%. Đội ngũ cán bộ viên chức, người lao động trong Khoa Cơ khí Động lực đánh giá rất cao, với tỷ lệ hoàn toàn đồng ý lên tới 100% ở nhiều nội dung, và tối thiểu 96,2% đối với các nội dung còn lại. Đặc biệt,

các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát đều đồng thuận 100% với tất cả nội dung đánh giá liên quan đến chương trình đào tạo. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo, chỉ số hài lòng của các bên liên quan về CĐR, CTĐT và GV đều được đánh giá cao, năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành CNKTCK được đa số các nhà tuyển dụng đánh giá cao, đặc biệt là kỹ năng thực hành của người học và khả năng tiếp cận nhanh công việc và công nghệ mới, bên cạnh những đánh giá tích cực thì những kỹ năng nghề nghiệp cần điều chỉnh, bổ sung vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV của ngành học cũng được nhà tuyển dụng lưu ý đề xuất cho Khoa CKĐL và Nhà trường.

Theo định kỳ hàng năm Nhà trường, Khoa CKĐL đều xây báo cáo tổng kết hoạt động về CTSV để đánh giá các mặt hoạt CTSV và định hướng cho hoạt động năm tiếp theo [\[H11.11.05.10\]](#), trên cơ sở nội dung đánh giá xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị dân chủ CTSV, tạo diễn đàn tiếp xúc đối thoại trực tiếp giữa SV với các đơn vị chức năng của Trường và với Ban giám hiệu về tất cả các mặt hoạt động liên quan đến SV [\[H11.11.05.11\]](#). Ngoài ra Nhà trường và Khoa CKĐL còn thực hiện lấy ý kiến trực tiếp từ nhiều diễn đàn khác nhau như: hội nghị viên chức đầu năm, hội nghị tổng kết năm học, hội nghị giao ban, các buổi sinh hoạt Khoa, các buổi sinh hoạt chi bộ, công đoàn ... đều có thực hiện lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ về các hoạt động đào tạo và kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo của Trường và Khoa CKĐL. Việc đóng góp ý kiến dân chủ, thẳng thắn của cán bộ, GV, viên chức, người lao động trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT và chất lượng đào tạo hiện nay của Trường.

Kết quả lấy ý kiến phản ánh của các bên liên quan được Nhà trường, Khoa CKĐL tiếp thu, đây là nguồn thông tin quan trọng để Trường, Khoa định kỳ để làm căn cứ, làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành học, trong đó lưu ý chú trọng đến sự phát triển của KHCN để đưa vào CTĐT phù hợp với sự phát triển của xã hội và cải thiện chất lượng giáo dục cũng như quy định CĐR trình độ ngoại ngữ, kỹ năng mềm, ... cho người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của Trường và giao nhiệm vụ cho các khoa và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm [\[H11.11.05.12\]](#) để triển khai thực hiện. Căn cứ kết quả cải tiến hàng năm Nhà trường, Khoa CKĐL và các

đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo kết quả cải tiến chất lượng [\[H11.11.05.13\]](#) nhằm đưa ra các giải pháp tốt nhất cho việc điều chỉnh, cải tiến CTĐT và CDR của ngành học và nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Phòng KT&ĐBCL có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, CB, GV, nhà tuyển dụng. Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, GV và nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành CNKTCK được Nhà trường, Khoa CKĐL xác lập rõ ràng, có giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi và ý kiến đánh giá về chất lượng người học, cựu SV đã tốt nghiệp đã được thực hiện nhưng chưa thực sự được đầy đủ, thường xuyên, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô lớn, các tập đoàn nước ngoài và cựu SV làm việc tại nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách đầy đủ, định kỳ, chú trọng mở rộng việc thu thập với các doanh nghiệp quy mô lớn và các tập đoàn nước ngoài, cựu SV làm việc tại nước ngoài	Phòng KT&ĐBCL Bộ phận QHDN&VLSV Khoa CKĐL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện hơn nữa cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi. Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lý đầy đủ	Phòng KT&ĐBCL Bộ phận QHDN&VLSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		thông tin phản hồi xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường.	Khoa CKDL		

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận tiêu chuẩn 11:

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ người học đến cấp Khoa, Bộ môn; có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; có sự theo dõi, giám sát chặt chẽ thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ người học tốt nghiệp sớm và tốt nghiệp đúng hạn cao; có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV; có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Những năm gần đây, việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đã được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Phần lớn SV sau khi tốt nghiệp được làm việc đúng ngành nghề, làm tốt công việc được giao và hài lòng về mức thu nhập.

Nhà trường có chiến lược cụ thể về hoạt động NCKH. Các quy định, hướng dẫn về quá trình thực hiện cũng như đánh giá đề tài rõ ràng, cụ thể. Khoa CKDL rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về không gian và thời gian, cơ sở vật chất, phòng thực hành và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại cơ bản sau:

+ Nhà trường và Khoa CKDL thực hiện giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành CNKTCK hàng năm một cách rõ nét nhưng chưa đưa ra được các dự báo về xu hướng tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành CNKTCK để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

+ Ngành chưa có báo cáo về tiến độ học tập của SV để rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT giúp SV có thể tốt nghiệp sớm.

+ Khoa và Nhà trường chưa đẩy mạnh sự tham gia của doanh nghiệp ở các khâu trong quá trình đào tạo để từ đó cải tiến chất lượng.

+ Tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn chế nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

+ Các hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các Trường đại học trong và ngoài nước chưa được thực hiện hằng năm.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 5/5 tiêu chí đạt (tổng điểm 23/35).

PHẦN III. KẾT LUẬN

Khoa CKĐL, Trường ĐHSPTV đã triển khai thực hiện Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động tự đánh giá Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá, các phòng, khoa, trung tâm của Trường và Khoa CKĐL. Với mục đích của Nhà trường trong lần tự đánh giá này là đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành, có được một bức tranh toàn cảnh về ngành CNKTCK được đánh giá chân thực, toàn diện trên các khía cạnh làm cơ sở để xây dựng triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT của ngành, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp theo hướng tốt hơn. đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành, có được một bức tranh toàn cảnh về ngành CNKTCK được đánh giá chân thực, toàn diện trên các khía cạnh làm cơ sở để xây dựng triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT của ngành, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp theo hướng tốt hơn. Hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm của quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao trong lĩnh vực CNKTCK; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và người lao động đạt trình độ khu vực và quốc tế; NCKH, chuyển giao công nghệ; làm nòng cốt và tiên phong trong đào tạo nhân lực công nghệ, kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật cho cả nước, đặc biệt là khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường và Khoa CKĐL phụ trách ngành CNKTCK đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, GV, SV của Trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định.

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tập thể giảng viên Khoa CKĐL đã xây dựng CTĐT ngành CNKTCK dựa trên các triết lý giáo dục hiện đại, có tham khảo nội dung các CTĐT ngành CNKTCK của những Trường ĐH uy tín trong nước cũng như qua kết quả điều tra nhu cầu và ý kiến phản hồi của SV năm cuối, cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCK được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHSPTV, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt với các mức năng lực cụ thể, để đo lường và đánh giá mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành CNKTCK phản ánh yêu cầu đào tạo Kỹ sư CNKTCK làm việc tại các công ty chuyên về CNKTCK và Cơ khí động lực, các cơ sở, ban ngành; được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHSPKTV và dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan; được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo sự thuận lợi trong tiếp cận, nắm bắt đối với SV, cố vấn học tập và các bên liên quan.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCK đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cơ hội học tập và phát triển học vấn cho người học. Bản mô tả CTĐT chứa đựng đầy đủ thông tin và cập nhật những nội dung mới liên quan; mà trên CĐR của CTĐT thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần, giúp SV có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CĐR của CTĐT cũng như dựa trên kết quả ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập theo từng học kỳ, năm học và trong toàn khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến, để trên cơ sở thông tin phản hồi tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học ngành CNKTCK được thiết kế logic, khoa học, dựa trên CĐR và đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Tất cả các học phần trong CTDH đều được thiết kế bám sát CĐR của CTĐT; mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát qua đội ngũ GV trực tiếp giảng dạy và được thể hiện rõ trong từng học phần của CTDH.

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Các học phần đều được phân bổ hợp lý giữa giờ lý thuyết, giờ thực hành, bài tập, thảo luận và giờ tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh

hội dễ dàng đầy đủ kiến thức và đạt được mục tiêu, CDR của học phần yêu cầu. Phương pháp dạy học tích cực và kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác đều được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết các học phần.

CTDH có cấu trúc, trình tự logic giữa các khối kiến thức theo hệ thống đi từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Trong mỗi học phần hệ thống kiến thức được sắp xếp theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, có sự tích hợp giữa lý thuyết, thực hành với ứng dụng thực tế; nội dung các học phần được cập nhật, tích hợp, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu xã hội và sự phát triển về lĩnh vực ngành CNKTCK.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành CNKTCK được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội thông qua nhiều kênh khác nhau: bản mô tả CTĐT, website chính thức của Khoa CKĐL, các hoạt động ngoại khóa, hội thảo,

Các hoạt động dạy và học đáp ứng tốt các tiêu chí đề ra, thường xuyên được cập nhật, giúp người học lĩnh hội kiến thức chuyên môn, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp. Phương pháp dạy học được đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học, vận dụng kiến thức từ lý thuyết, thực hành vào những yêu cầu thực tế nhằm đáp ứng mục tiêu và CDR của CTĐT.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tạo sự công bằng, hợp lý trong việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành CNKTCK, việc đánh giá người học của CTĐT được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CDR của CTĐT, có các văn bản quy định cụ thể, có kế hoạch rõ ràng. Các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị cao, độ tin cậy, khách quan và công bằng theo các mức đánh giá biết, hiểu, vận dụng, phân tích, các học phần thực tập tại doanh nghiệp chuyên về CNKTCK có thêm sự đánh giá của các chuyên gia tại các công ty, doanh nghiệp về thái độ, kỹ năng nghề nghiệp.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng, được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Khoa CKĐL đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết, sẵn sàng thực hiện và đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH. Một số GV thường xuyên tham gia hợp tác NCKH tại các doanh nghiệp, chuyển giao các kết quả nghiên cứu với các bên liên quan trong nước. GV trong Khoa thực hiện đầy đủ số giờ định mức tối thiểu về giảng dạy và NCKH theo quy định, ngoài ra đội ngũ GV rất nỗ lực trong NCKH và tham gia các hoạt động khoa học cộng đồng.

Trên cơ sở các văn bản quy định rõ ràng, công khai các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV của Trường, Khoa CKĐL cũng đã tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực chuyên môn, NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về ngoại ngữ.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Nhà trường triển khai sâu rộng, tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều GV của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Bộ vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, NCKH và các hoạt động khác. Đội ngũ GV trong Khoa tham gia nghiên cứu đề tài khoa học các cấp: cấp cơ sở, cấp Bộ; công bố nhiều bài báo khoa học, sách chuyên khảo trong nước.

1.7. *Đội ngũ nhân viên*

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHSPKTV và của Khoa CKĐL, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường, của Khoa CKĐL được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể; kết quả đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp quy định và được công khai, minh bạch.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Công tác đánh giá, thi đua khen

thường đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa CKĐL được xác lập rõ ràng, cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên website của Trường, của Khoa CKĐL và một số địa chỉ khác. Người học có đầy đủ thông tin về ngành học, CTĐT, giúp người học xác định ý thức, động lực học tập ngay từ năm thứ nhất.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật và được đánh giá khách quan, chính xác. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp GV, giáo viên quản lý SV nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện. Khối lượng học tập được sắp xếp thành các khối kiến thức, giúp người học có cơ hội lựa chọn môn học phù hợp và thuận lợi trong việc giám sát, đánh giá kết quả học tập.

Người học được hỗ trợ và tư vấn kịp thời trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập nghề nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp về lĩnh vực CNKTCK trong nước. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

Cơ sở vật chất của Trường đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, rèn luyện và sinh hoạt của người học. Môi trường Nhà trường, xã hội an toàn, an ninh trật tự, cảnh quan khuôn viên trường xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường học tập, sinh hoạt tích cực, lành mạnh, giúp người học phát huy tính năng động và sáng tạo, rèn luyện kỹ năng mềm, khả năng khởi nghiệp trong học tập và cuộc sống, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được trang bị các trang, thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và SV ngành CNKTCK, có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị định kỳ, hàng năm. Thư viện của Trường luôn được đầu tư nguồn học liệu đúng mục, có đầy đủ nguồn

tài liệu cho học tập, tham khảo và đa dạng về ngôn ngữ, giúp GV và SV có nhiều lựa chọn tài liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.

Các xưởng thực hành cơ khí, xưởng thực hành các học phần chuyên ngành với các trang thiết bị phù hợp, hiện đại đã hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy - học thực hành, rèn luyện kỹ năng của GV và SV; các thiết bị thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nâng cấp, đầu tư mới đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường đã tăng cường đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, khi có sự cố được đội ngũ nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời nên đã phục vụ, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường có khu luyện tập thể dục, thể thao và sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho GV và SV tham gia hoạt động rèn luyện sức khỏe.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, phun thuốc diệt côn trùng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho GV, viên chức và SV trong quá trình làm việc, học tập và nghiên cứu.

1.10. Nâng cao chất lượng

Khoa CKDL thường xuyên có mối liên kết chặt chẽ và hợp tác với các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn trong nước, trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên có liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng lao động. CTĐT ngành CNKTCK thường xuyên được cập nhật, đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu xã hội, nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp. Nhiều chuyên gia đến từ doanh nghiệp, cựu SV theo học các CTĐT các ngành của Khoa và cán bộ có kinh nghiệm trong công tác, kinh nghiệm thực tế đã trực tiếp đã tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, thiết kế CTĐT.

Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc; các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy chế đào tạo tín chỉ và quy định chung của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHSPKTV. Các kế hoạch NCKH của Khoa, của các nhóm NCKH trong Khoa thu hút được sự tham gia của đông đảo của đội ngũ GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn chặt chẽ với nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn đối với hoạt động đào tạo và phục vụ cộng đồng. Qua tham gia NCKH, SV hòa nhập tốt với công việc triển khai thực tế, tạo ra những sản phẩm dựa trên những nhu cầu thiết yếu trong thực tiễn và bước đầu tìm hiểu nghiên cứu, ứng dụng đối với ngành CNKTCK.

Trường có các phòng học, phòng thực hành được trang bị các thiết bị máy chiếu, micro, quạt, ánh sáng ... đều đáp ứng tốt cho nhu cầu của người học, phục vụ tốt cho việc học tập của SV, đồng thời luôn được sửa chữa, nâng cấp, cải tiến. Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online; cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến thường xuyên, liên tục các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

1.11. Kết quả đầu ra

Giáo viên quản lý SV, trợ lý đào tạo của Khoa CKĐL luôn cập nhật tình hình học tập của SV, qua đó báo cáo kịp thời lên Lãnh đạo Khoa để có hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Những SV ngừng tiến độ học tập đều được Khoa trao đổi để nắm bắt tình hình, những khó khăn, vướng mắc, qua đó có những hỗ trợ, tư vấn phù hợp cho SV cũng như có đề xuất kịp thời với Nhà trường. Khoa cũng phối hợp với Phòng Đào tạo kịp thời thông báo tới những SV chậm tiến độ, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học để SV nắm bắt thông tin và có kế hoạch hoàn thành CTĐT.

Đa số SV tốt nghiệp ngành CNKTCK đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp: làm việc tại các công ty, tập đoàn thiết kế chế tạo và sản xuất cơ khí, làm chuyên viên quản lý cơ khí - xe máy trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và tham giảng dạy ở các Trường đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc tiếp tục học sau đại học. Nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời SV của Khoa tham gia tuyển dụng, tạo cơ hội cho SV sớm tìm được việc làm.

Đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm và thành quả trong nghiên cứu vì thế có điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV làm NCKH. Hằng năm Khoa luôn khuyến khích SV tham gia NCKH và có các hoạt động và chính sách để hỗ trợ như tư vấn, tặng kinh phí nghiên cứu, đầu tư có trọng điểm các đề tài được đánh giá cao.

CĐR của CTĐT ngành CNKTCK được các bên liên quan đánh giá tốt về nội dung. Những kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp được trang bị cho SV có thể đáp ứng tốt yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp chuyên về ngành CNKTCK và yêu cầu của xã hội hiện nay.

2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Để thực hiện có hiệu quả CTĐT ngành CNKTCK, Khoa CKĐL chưa xây dựng được quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá CĐR của CTĐT; việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến CĐR còn chưa rộng rãi; chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CĐR dành cho SV sau mỗi năm học/khóa học. Khoa cũng chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo chuyên đề thảo luận và góp ý về việc xây dựng CĐR của CTĐT.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc cập nhật, rà soát bản mô tả CTĐT chưa được tổ chức thường xuyên (có khi tới 3 năm 1 lần). Việc lấy ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động chưa được thực hiện định kỳ trên quy mô rộng, đa dạng các doanh nghiệp.

Các đề cương chi tiết học phần chưa chú trọng đến bố trí thời gian, tính hiệu quả tự học của người học. Một số giáo trình bằng tiếng Anh được giới thiệu trong các đề cương chi tiết học phần chưa được phổ biến, một số chưa có nguồn gốc rõ ràng và thời gian xuất bản đã lâu.

Việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, các đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa phong phú. Điều này có ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của Khoa.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên. Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc đề cương chi tiết học phần trong CTĐT.

CTDH chưa quản lý được thời gian tự học và đánh giá kết quả tự học của SV.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu SV, ... đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng rãi. Chất lượng đầu vào không đồng đều là một rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Phòng học, bàn ghế, thiết bị máy tính, phần mềm thực hành chưa tạo được sự linh động cho việc di chuyển, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu để giải quyết các bài toán thực tế. Nhiều môn học chưa phát huy được sự tự giác và tính tích cực của SV trong quá trình tương tác với GV do số lượng SV trong một số lớp học phân đăng ký học đông.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa có sự thống kê, phân tích định lượng các đề thi theo các mức độ năng lực để phân loại, đánh giá kết quả học tập của SV đảm bảo có độ tin cậy, chính xác. CDR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá qua 10% điểm chuyên cần.

Việc phối hợp các kênh triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thật sự đồng bộ. Trường và Khoa CKDL chưa xây dựng được đầy đủ ngân hàng đề thi học phần cho CTĐT ngành CNKTCK.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, GV chưa được thực hiện thường xuyên. Trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao. Kinh nghiệm giảng dạy còn có phần hạn chế ở một số GV trẻ của Khoa.

Nhiều đề tài NCKH của GV trong Khoa còn nặng về lý thuyết chưa tạo được nhiều sản phẩm thiết bị ứng dụng mang lại hiệu quả cho công việc thực tế nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

Trình độ tiếng Anh của đội ngũ GV chưa đồng đều, năng lực giảng dạy, nghiên cứu của đội ngũ GV trẻ còn hạn chế.

Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết GV đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai chậm so với kế hoạch đề ra.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên về NCKH của Trường ĐHSPTV vẫn chưa được định lượng chính xác trong việc khen thưởng giữa tác giả chính và đồng tác giả của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để tuyển dụng và sử dụng một cách hợp lý.

Việc khảo sát sự hài lòng của đội ngũ GV và SV đối với các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện chưa thường xuyên và được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Chính sách tuyển sinh của Khoa CKĐL vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực và yêu thích ngành học của Khoa. Phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét học bạ đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành CNKTCK yêu cầu ngày càng cao để đáp ứng được các xu hướng phát triển của công nghệ, dẫn đến tình trạng một số SV không theo kịp để hoàn thành CTĐT.

Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chưa có thời gian nhiều cho những bài tập xuất phát từ những nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp làm về công nghệ cơ khí. Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm cũ lạc hậu nên đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Người học chưa thực sự chủ động trong việc tiếp cận GV để làm NCKH và làm khóa luận tốt nghiệp, thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của đội ngũ giáo viên quản lý SV và GV phụ trách thực tập chưa được thực hiện đầy đủ.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các tổ bộ môn của Khoa CKĐL chưa được bố trí phòng làm việc, thiết bị máy tính nên làm hạn chế việc tối ưu hóa thời gian và chất lượng nghiên cứu của GV.

Hoạt động của Thư viện Trường chưa thật sự theo hướng hiện đại. Nguồn học liệu tiếng nước ngoài còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của cán bộ, GV, SV và học viên. Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của SV; Nhà trường chưa có phòng máy phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV.

Chất lượng wifi ở một số khu vực trong Trường chưa được đảm bảo. Những chính sách, cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ người khuyết tật tại Trường đã có nhưng còn hạn chế.

2.10. Nâng cao chất lượng

Khoa CKĐL còn thiếu sự chủ động trong việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi Trường đang thực hiện.

Việc tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại đặt ra nhu cầu có những tài liệu hiện đại nhưng những tài liệu này bằng tiếng Anh, chưa được chuyển ngữ nên gây khó khăn cho SV khi tiếp cận, tham khảo.

Việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV chưa được tiến hành đối với 100% các học phần của CTĐT. Phần lớn các đề tài NCKH của SV chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo sản phẩm có thể ứng dụng được vào thực tiễn. Một số thông tin phản hồi từ các bên liên quan chưa được đáp ứng kịp thời. Việc ý thức của SV trong phản hồi ý kiến chưa cao; phần mềm khảo sát online đang sử dụng của google nên có nhiều hạn chế khi vận hành.

2.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa kịp thời cập nhật lý do SV thôi học lên phần mềm một cách hiệu quả. Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện khác và CĐR. Chính vì vậy SV bị chậm tốt nghiệp so với kế hoạch đào tạo.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành CNKTCK là tương đối khó. Điều này là do ngành học CNKTCK đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng

kiến thức nhiều nên SV e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu kế hoạch học tập và nghề nghiệp chưa rõ ràng.

Hoạt động NCKH của SV của Khoa CKDL còn một số tồn tại nhất định. Tỷ lệ SV tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên cứu bị giảm dần; việc triển khai nghiên cứu thực tế một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho NCKH của SV còn hạn chế.

Số đông SV ngành CNKTCK khi tốt nghiệp có trình độ tiếng Anh còn hạn chế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả, do đó ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của SV khi tham gia công việc thực tế.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa CKDL và Trường ĐHSPKTV xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2024 - 2025 như sau:

3.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

Tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHSPKTV, với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019) và đảm bảo được sự phù hợp với nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp; rà soát toàn diện CĐR của CTĐT so với các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của SV cần đạt được; đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của SV với CĐR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CĐR.

Tổ chức một hội thảo với đại biểu mời là đại diện các thành phần liên quan để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CĐR của CTĐT ngành CNKTCK. Trên cơ sở đó Khoa CKDL sẽ điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành CNKTCK cập nhật, hoàn thiện hơn nữa.

Tăng cường hơn nữa việc công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để SV nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động, thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động trên hệ thống website, trang fanpage của Khoa CKDL một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

3.2. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tổ chức thường xuyên và trên quy mô rộng về việc lấy ý kiến phản hồi từ SV, GV, cựu SV và các chuyên gia của các doanh nghiệp làm về lĩnh vực CNKTCK về chất lượng của SV ra Trường để kịp thời chỉnh sửa CTĐT phù hợp với xu thế mới; đẩy mạnh việc xuất bản và quảng bá bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan một cách bài bản hơn, chuyên nghiệp hơn.

Triển khai việc rà soát, viết lại đề cương chi tiết của một số học phần, phân bổ thời gian cho tính toán và thực hành; tiếp tục kiến nghị Nhà trường bổ sung các đầu sách ngoại văn cần thiết để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập; tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan một cách chuyên nghiệp và thường xuyên hơn để có thêm thông tin cho việc viết lại đề cương chi tiết học phần.

Tiếp tục kết hợp với Phòng KT&ĐBCL và Phòng CTSV của Nhà trường để mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng (số lượng tối thiểu 50), GV trong và ngoài khoa (số lượng tối thiểu 25), cựu SV (số lượng tối thiểu 80) và SV năm cuối (số lượng tối thiểu 80) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo đáp ứng CĐR của ngành CNKTCK; tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

3.3. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH cho phù hợp với yêu cầu của xã hội dựa trên các khảo sát về người học, người dạy, cựu SV, ... kết hợp với việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành CNKTCK trong thời đại công nghiệp 4.0.

Phối hợp với các phòng ban có liên quan để đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức một cách khoa học việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, các cơ sở giáo dục THPT, GV cũng như cựu SV cho mục tiêu giáo dục của ngành CNKTCK; chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn từ các doanh nghiệp, xã hội; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức các hoạt động ngoại khóa về chuyên môn, kỹ năng mềm, tạo môi trường khởi nghiệp, các hoạt động hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

Đề nghị các GV bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, ... vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV.

Kiến nghị Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, vấn đáp, đề án môn học nhằm đáp ứng CĐR; tiến hành tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR; ban hành các quy định mới về việc tổ chức thi kết thúc học phần, quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, vấn đáp, đề án môn học nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng hơn trong đánh giá kết quả người học;

Cập nhật CTĐT và điều chỉnh trong việc đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập và điều này được thông báo cho SV ngay từ khi bắt đầu học phần; tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho SV chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai cho người học.

Nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức quảng bá tuyển sinh, tích cực hỗ trợ các chương trình tổ chức trong cộng đồng: Các Hội thi ở các lớp và các khoá của ngành CNKTCK: Cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp thành phố và các Trường PTTH; Liên chi Đoàn thanh niên và Liên chi Hội SV Khoa CKDL lập kế hoạch tăng cường các câu lạc bộ sinh hoạt chuyên môn nghiệp vụ cho SV.

3.4. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên

Định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ GV của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ GV trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

Tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng, trong có sự hợp tác với các tập đoàn lớn trong lĩnh vực Công nghệ cơ khí và các viện nghiên cứu uy tín, để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ

cộng đồng; chủ động đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn GV có trình độ cao.

Tăng cường tạo mọi điều kiện cử GV tham gia vào các lớp học bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức và cử GV có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ GV trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn; thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên, đồng thời lên kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để nhân viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng.

Nhà trường nghiên cứu đưa ra các quy định, định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của GV về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục tính điểm có uy tín.

Khoa thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức để đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa GV của Khoa CKĐL với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước, đồng thời chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

3.5. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa CKĐL cần bổ sung hình ảnh, thông tin chi tiết, số liệu liên quan về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh. Lãnh đạo Khoa phối hợp chặt chẽ với Bộ phận truyền thông tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học đồng thời tuyển được người học có chất lượng; kết hợp với doanh nghiệp trong đào tạo giúp người học tiếp cận đến các vấn đề thực tế ngay khi còn ngồi trên ghế Nhà trường.

Thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và đánh giá kết quả rèn luyện đến người học; đề xuất Nhà trường nâng cấp thay thế phần mềm quản lý đào tạo để người học cập nhật được thông tin kịp thời.

Tăng cường khuyến khích SV thực hiện NCKH thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài; tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp trong SV.

Bộ phận QHDN và việc làm SV cần phát huy và tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho SV.

Phòng KT&ĐBCL triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của đội ngũ giáo viên quản lý SV, GV giảng dạy, hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, các chuyên gia tại doanh nghiệp hướng dẫn SV thực tập để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

Phát động và khuyến khích Liên chi đoàn, Hội SV của Khoa tổ chức thêm các hoạt động sinh hoạt chuyên môn như các cuộc thi về chuyên môn ngành CNKTCK, tham gia các cuộc thi cơ khí tiến kiệm nhiên liệu nhằm tạo động lực thúc đẩy SV đam mê học tập và NCKH.

3.6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Đề nghị Nhà trường bố trí cho mỗi tổ bộ môn 01 phòng làm việc với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của GV; đầu tư kinh phí mua cơ sở dữ liệu, mua những đầu sách nước ngoài mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực công nghệ cơ khí.

Cán bộ, GV Khoa CKDL triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học.

Đầu tư phần mềm đào tạo, phần mềm NCKH, phần mềm quản lý cán bộ viên chức tiến tới cấp tài khoản cá nhân cho GV, viên chức để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật thông tin cá nhân; quá trình công tác; theo dõi các hoạt động công việc thực hiện và cập nhật, truy xuất dữ liệu công trình NCKH, ... một cách nhanh chóng và chính xác; nâng cấp chất lượng wifi ở một số khu vực còn yếu.

Sau khi có quy hoạch tổng thể, Nhà trường đầu tư trồng các loại cây xanh; triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.7. Nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CKĐL triển khai hoàn thành ngân hàng câu hỏi cho các học phần có hình thức thi vấn đáp, hình thức tổ chức thi trên máy tính sau đó hoàn thành ngân hàng câu hỏi cho các học phần còn lại. Xây dựng cách đánh giá người học phù hợp tạo động lực học tập và NCKH cho SV.

Phối hợp và liên kết với các doanh nghiệp là đối tác của Trường, Khoa bổ sung các nội dung học tập trong các học phần tăng cường tính thực tế thông qua cách gửi SV tham gia các dự án với doanh nghiệp, doanh nghiệp cử chuyên gia tham gia hướng dẫn nghề nghiệp cho SV, tổ chức đa dạng các hình thức, thời gian thực tập tại các doanh nghiệp khi có nhu cầu từ phía doanh nghiệp hoặc từ phía SV.

Tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho SV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn - Hội, đồng thời đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về CTĐT ngành CNKTCK đối với xã hội.

Các nhóm nghiên cứu của Khoa chủ động đưa ra kế hoạch và mục tiêu nghiên cứu để đáp ứng được nhu cầu thực tế, tiến hành tìm hiểu, triển khai các công đoạn chuyển giao sản phẩm nghiên cứu đến các bên liên quan. Đồng thời, Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các trang thiết bị máy móc ở các giảng đường, xưởng thực hành và thay thế những thiết bị đã cũ kỹ, lạc hậu. Tập trung trong việc sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường tiếp tục tập trung để hoàn thiện phần mềm khảo sát ý kiến SV. Quán triệt đến đội ngũ giáo viên quản lý SV, Phòng CTSV tăng cường việc nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Chỉ đạo giáo viên quản lý SV tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Có báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo tiến

hành rà soát, nhắc nhở SV kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ. Kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho SV nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

Đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài của SV, khuyến khích những SV có đề tài tự giác không cần hỗ trợ tài chính. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của mình trong hoạt động NCKH, tổ chức thực hiện nhiều hơn nữa các bài giảng đại chúng và seminar của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê NCKH trong SV.

Tăng cường khuyến khích SV học tiếng Anh, khuyến khích SV trình bày báo cáo bằng tiếng Anh, đọc dịch tài liệu bằng tiếng Anh qua các buổi ngoại khóa, NCKH hay báo cáo khóa luận tốt nghiệp. Điều này sẽ giúp SV củng cố kiến thức và có môi trường học tập tốt hơn. Tăng cường kết hợp với Đoàn - Hội, tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi với các chủ đề về tiếng Anh.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy 50 tiêu chí đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Mã: SKV

Tên CTĐT: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Mã CTĐT: 7510201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐			
Tiêu chuẩn 1								4,3	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1				4				4,0	3	100%
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1				4				4,0	3	100%
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			4,7	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1				4				4,20	5	100%
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1				4				4,0	7	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐			
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1				4				4,0	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			4,2	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			4,4	5	100%
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐			
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4,0	6	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,6	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,2	50	100%

Nghệ An, ngày 30 tháng 6 năm 2025



TS. Phạm Hữu Truyền

PHẦN IV. PHỤ LỤC**Phụ lục 1.****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/6/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định 78/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University of Technology Education
2. Viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: SKV
 - Tiếng Anh: VUTED
3. Tên trước đây (nếu có)
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 117 Nguyễn Viết Xuân, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0238.3842753 Fax: 0238.3842530
7. Email: dhsuphamkythuatvinh@gmail.com Website: <http://www.vuted.edu.vn/>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo theo Quyết định 78/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ): 2006
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2007
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2011
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực. ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định 78/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ)
 - Tiếng Việt: Khoa Cơ khí Động lực
 - Tiếng Anh: Department of Mechanical Engineering
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Chương trình đào tạo kỹ sư công nghệ kỹ thuật cơ khí
 - Tiếng Anh: Mechanical engineering technology

14. Tên trước đây (nếu có): Không
15. Mã chương trình đào tạo: 7510201
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
17. Địa chỉ của Khoa Cơ khí Động lực thực hiện CTĐT: khí Động lực, Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, Phường Trường Vinh – Nghệ An
18. Số điện thoại liên hệ: 0238.3849264 Số Fax: 0238.3849264
E-mail: khoaCKDL.skv@gmail.com; Website: www/https://feevuted.edu.vn/
19. Năm thành lập ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí: 2007
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa II (của CTĐT): 2007
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2011

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Khoa CKDL bắt đầu đào tạo cao đẳng kỹ thuật động lực từ năm 1997 với số lượng sinh viên ban đầu là 42. Đơn vị quản lý là Ban Nỗ Trường “Sư phạm kỹ thuật Vinh”.

Đến năm 1999 thủ tướng chính phủ ra quyết định số 129/QĐ-TTg, ngày 28.05.1999 về việc thành lập “Trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vinh” trên cơ sở “Trường Sư phạm kỹ thuật Vinh” một trong những Khoa của trường được thành lập là “Khoa Cơ khí Động lực”.

Với sự phát triển vượt bậc của Nhà trường, năm 2006 Chính phủ ra quyết định số 78/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 04 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập “Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh”. “Khoa CKDL” được thành lập.

Đến nay, sau một thời gian xây dựng và phát triển, vượt qua những khó khăn ban đầu, Khoa CKDL đã và đang khẳng định vị thế trong đào tạo lĩnh vực CNKTCK ở Việt Nam. Hiện nay, Khoa CKDL được biết đến như một đơn vị với đội ngũ trẻ, năng động, đoàn kết, với chiến lược đào tạo và quyết tâm phát triển hướng tới tiêu chuẩn chất lượng và đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngoài việc đào tạo sinh viên chính quy, Khoa còn tham gia đào tạo hình thức vừa làm vừa học liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành CNKTCK, thạc sĩ Sư phạm Cơ khí cho các tỉnh trong khu vực miền Trung và Tây nguyên, góp phần quan trọng vào đào tạo nhân lực ngành CNKTCK cho các tỉnh trong khu vực và trên cả nước.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành

công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hơn 20 giáo trình nội bộ, bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hơn 100 bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (trong đó có 03 bài báo thuộc danh mục ISI, Scopus). Các cán bộ của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ và cấp Trường.

Khoa có khu nhà văn phòng làm việc 2 tầng (khoảng 350 m²) gồm 10 phòng làm việc, Khu xưởng thực tập với diện tích khoảng 4.000 m² được bố trí gồm 2 xưởng thực hành trong đó có 10 phân xưởng thực hành/phòng thí nghiệm cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động.

Sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng lớn. Nhiều cán bộ hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của Trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

23. Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý.

Cán bộ giảng viên hiện nay của khoa gồm 31 người, trong đó: 6 tiến sĩ, 24 thạc sĩ (2 NCS), 1 KS. Về cơ cấu tổ chức: Khoa gồm có Ban chủ nhiệm, 2 Bộ môn.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của khoa hiện tại:

1) Ban chủ nhiệm

- Trưởng khoa: TS Nguyễn Thanh Bình
- 01 Phó trưởng khoa: TS Nguyễn Ngọc Tú,

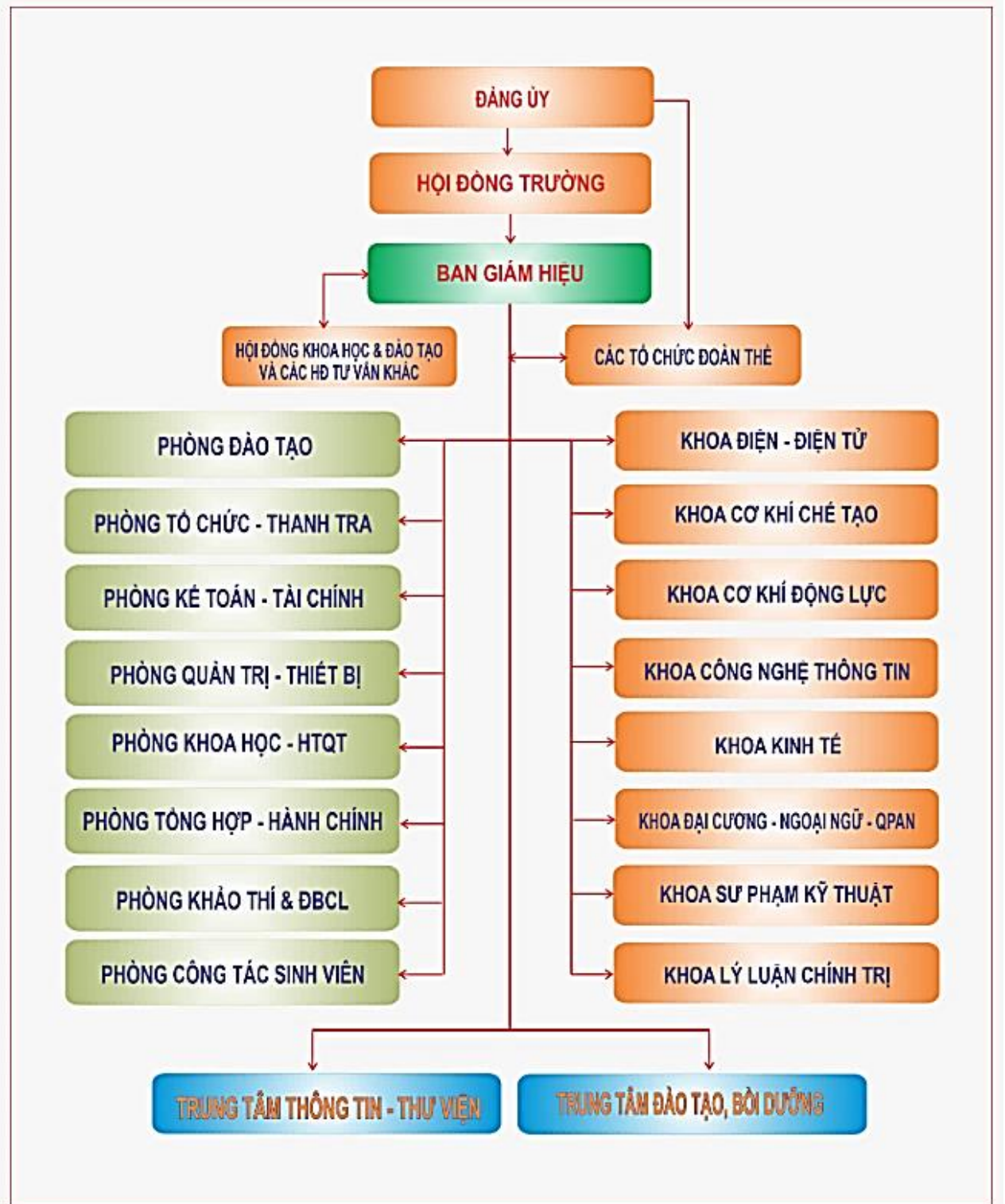
2) Bí thư chi bộ: TS Nguyễn Thanh Bình

3) Chủ tịch công đoàn: ThS. Nguyễn Văn Thiêm

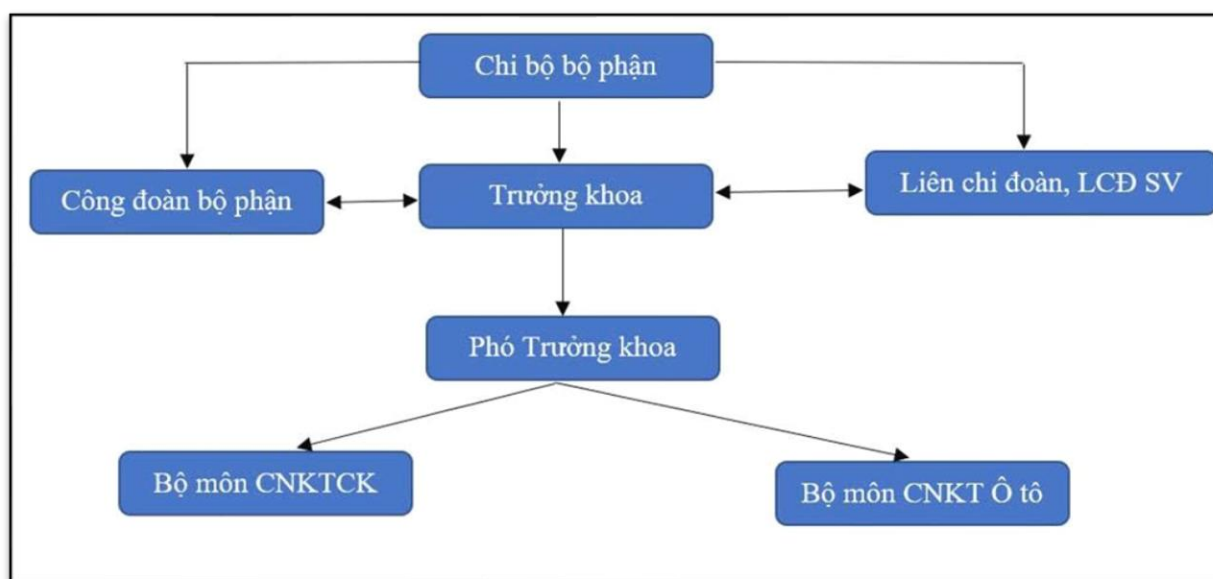
4) Bí thư liên chi đoàn thanh niên: ThS. Đào Tất Thắm

5) Số bộ môn: 02

6) Số cán bộ: 31 (06 TS, 24 ThS, 01 CN)

BỘ MÁY TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh						
1	Đảng Ủy, Hội đồng Trường	Thái Anh Tuấn	1974	TS, Bí thư Đảng ủy, CT Hội đồng Trường	0913 273 985	tuankttv2007@gmail.com
2	Ban Giám Hiệu	Phạm Hữu Truyền	1965	TS, UVBTV Đảng ủy, Hiệu Trưởng	0912 136 810	phtruyen2007@yahoo.com.vn
4	Ban Giám Hiệu	Cao Danh Chính	1980	PGS. TS, UVBTV Đảng ủy,	0913 148 338	caochinhkttv@gmail.com

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
				Phó Hiệu Trưởng		
5	Ban Giám Hiệu	Thái Hữu Nguyên	1974	TS, Phó BT Đảng ủy, Phó Hiệu Trưởng	0912 334 794	thainguyenktv@gmail.com
6	Công đoàn Trường	Nguyễn Thanh Bình	1974	TS, Chủ tịch Công đoàn Trường	0919 559 727	ntbinhspktvinh@gmail.com
Khoa Cơ khí động lực						
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng Khoa	Nguyễn Thanh Bình	1974	TS, Trưởng Khoa Cơ khí động lực	0982890175	ntbinhktv@gmail.com
II	Các tổ chức Đảng, Công Đoàn.					
1	Chi bộ cán bộ	Nguyễn Thanh Bình	1974	TS, Chủ tịch công đoàn trường	0982890175	ntbinhktv@gmail.com
2	Công đoàn	Nguyễn Văn Thiêm	1979	TS, Chủ tịch công đoàn khoa	0380790232 74	Van thiemktv@gmail.com
III	Các trợ lý hành chính					
1	Giáo vụ khoa	Mai Thị Hoàn	1977	ThS	0945877676	Thuyhoan.spktv@gmail.com
2	Giáo viên Quản lý sinh viên	Tăng Thị Minh	1979	ThS	0985693479	tangminh0@gmail.com

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Giáo viên Quản lý sinh viên	Nguyễn Danh Thắng	1978	ThS	0977733177	thanghc.ktv@gmail.com
4	Giáo viên Quản lý sinh viên	Lê Thị Ánh	1991	ThS	0949527971	leanh158@gmail.com
5	Giáo viên Quản lý sinh viên	Phan Thị Thu Hằng	1981	ThS	0982111606	phanthuhangspktv@gmail.com
IV	Bộ môn					
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Nguyễn Ngọc Tú	1979	TS, TBM	0915039688	ngoctuspktvinh@gmail.com
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trần Đình Hiếu	1981	TS, TBM	0966519927	dinhhieuktv@gmail.com
3	Xưởng TH cơ khí	Lê Xuân Đồng	1975	ThS, P. Bộ môn	0988905564	lexuandongktv@gmail.com
4	Xưởng TH sửa chữa cơ khí	Nguyễn Văn Hiếu	1979	Ths, P. Bộ môn	0912464297	nguyenhieuskvinh@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sỹ: 0

28. Số lượng chuyên ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng chuyên ngành đào tạo cao đẳng: 07

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)	Không	

32. Tổng số các ngành đào tạo: 09

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu² Trong đó	28	9	37
I.1	Đội ngũ trong biên chế	28	9	37
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0		0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ³)	0	0	0
	Tổng số	28	9	37

34. Thống kê, phân loại giảng viên

Bảng 34 Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	1				1	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	10			7	3	
5	Thạc sĩ	43	30			13	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	54	30	0	7	17	0

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi theo trình độ	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Hệ số quy đổi theo vị trí việc làm			1	1	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5							0
2	Phó Giáo sư	3	1				1		0,6
3	Tiến sĩ khoa học	3							0
4	Tiến sĩ	2	10			7			4,2
5	Thạc sĩ	1	43	30			13		32,6
6	Đại học	0,3							0
	Tổng		54	30	0	7	14	0	37,4

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	2%	1	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	10	18,52%	9	1	0	0	2	8	0
5	Thạc sĩ	43	79,63%	34	9	0	6	13	4	0
6	Đại học	0	0,00%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	54	100	44	10	0	6	15	5	0

36.1. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20,37%

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 79,63%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	45,5	95,8
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	50,8	4,2

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	3,7	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

- Đại học chính quy

Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019 - 2020	120	121	100	1,21	52	- Học bạ: 18/30 - Tốt nghiệp THPT 2019: 14.5/30	- Học bạ: 22.70 - Tốt nghiệp THPT 2019: 16.85	0

2020 - 2021	120	180	138	1,30	79	- Học bạ: 18/30 - Tốt nghịệp THPT 2020: 14.5/30	- Học bạ: 21.64 - Tốt nghịệp THPT 2020: 18.68	1
2021 - 2022	110	171	110	1,55	39	- Học bạ: 18/30 - Tốt nghịệp THPT 2021: 15/30	- Học bạ: 22.82 - Tốt nghịệp THPT 2021: 19.0	1
2022 - 2023	90	118	107	1,10	57	- Học bạ: 18/30 - Tốt nghịệp THPT 2022: 16/30	- Học bạ: 22.12 - Tốt nghịệp THPT 2022: 20.23	5
2023- 2024	90	149	107	1,39	66	- Học bạ: 18/30 - Tốt nghịệp THPT 2023: 17/30	- Học bạ: 22.90 - Tốt nghịệp THPT 2023: 19.40	2
2024- 2025	90	154	110	1,40	75	- Học bạ: 18/30 - Tốt nghịệp THPT	- Học bạ: 22.90 - Tốt nghịệp THPT	0

						2023: 17/30	2023: 19.40	
--	--	--	--	--	--	----------------	----------------	--

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 -2024	Thg6- 25	Tổng theo trình độ
1. Nghiên cứu sinh							0
2. Học viên cao học							
3. Sinh viên đại học Trong đó:	188	215	402	215	226	214	1460
Hệ chính quy	188	215	384	197	208	214	1406
Hệ không chính quy			18	18	18		54
4. Sinh viên cao đẳng. Trong đó:	47	31	40	62	67	72	319
Hệ chính quy	47	31	40	62	67	72	319
Hệ không chính quy							0
5. Học sinh TCCN Trong đó:							
Hệ chính quy							
Hệ không chính quy							

6. Khác ...							
Tổng theo năm học	235	246	442	277	293	286	1779

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây (bổ sung 24-25)

	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023-2024
Số lượng (người)	2	1	1	9	9
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,85%	0,41%	0,23%	3,25%	3,07%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3338,5	3338,5	3338,5	1043,3	3338,5	3338,5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	235	246	442	277	293	286
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	25	25	9	17	25	25
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	14,2	13,6	7,6	3,8	11,4	11,7

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT (chính quy) tham gia nghiên cứu khoa học (bổ sung 24-25)

Tiêu chí	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023-2024
Số lượng (người)	2	0	2	5	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,85	0,00	0,45	1,81	0,34

Thông kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 – 2023	2023- 2024	6/2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học						
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	30	40	54	37	68	30
Hệ chính quy	30	40	54	37	50	30
Hệ không chính quy					18	
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	3	21	13	14	6	7
Hệ chính quy	3	21	13	14	6	7
Hệ không chính quy						
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0	
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
6. Khác...						
Tổng	33	61	67	51	74	37

43. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT (Chính quy)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	6/2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	30	40	54	37	68	30
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	57,69	50,63	138,46	64,91	103,03	45,45
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	B	B	B	B		
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	86,36	100	88,89	93,1		
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ</i> học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	13,64	0	11,11	6,9		
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0		
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	B	B	B	B		
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:						
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	31,82	78,57	77,78	27,59		

- Sau 6 tháng tốt nghiệp.						
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.						
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	13,64	0	11,11	6,9		
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	7,5 triệu	8 triệu	10 triệu	12 triệu		
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	B	B	B	B		
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	48	59	61	66		
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	31	23	22	15		
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	21	18	17	19		

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

44. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (bổ sung 24-25):

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Năm tốt nghiệp					Tổng (đã quy đổi)
			2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023- 2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2						0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1					2	2
3	Đề tài cấp Trường	0,5	0	1	4	4	1	5
	Tổng		0	1	4	4	3	7

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 7

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.18

Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
2	2020	0	0	0
3	2021	0	0	0
4	2022	0	0	0
5	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

45. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp Trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	7	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	7	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2	1	0	0	0	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	7	3	0	2	2	21
3	Sách tham khảo	1						0
4	Sách hướng dẫn	0,5						0
	Tổng		8	3	0	2	2	23

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 23

Tỉ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,62

46. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	21	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	21	0	0

47. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng						
			2020	2021	2022	2023	2024	6/2025	Tổng (quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế.	1.5	1	0	1	1	3	0	9
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước.	1	7	14	27	13	46	0	107
3	Tạp chí/tập san cấp Trường.	0.5	2	1	8	6	3	0	10
	Tổng		10	16	37	32	50	0	126

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 126

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4

Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp Trường
Từ 1 đến 5 bài báo	8	52	36
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	8	52	36

Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						
			2020	2021	2022	2023	2024	6/2025	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1	1		1	3	2	0	7
2	Hội thảo trong nước	0,5				3		0	1,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	6	4	3	5	8	0	6,5
	Tổng		7	4	4	11	10	0	15

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 15

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,41

48. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở Trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	23	48
Từ 6 đến 10 báo cáo			

Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng	5	23	48

49. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (bổ sung 24-25)

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019 – 2020	0
2020 – 2021	0
2021 – 2022	0
2022 – 2023	0
2023- 2024	0

Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp Trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	15	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của SV:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023- 2024	Thg6- 25
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	1	2	2	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục	m ²	179.598	
2	Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT	m ²	6.831	
3	Diện tích nơi làm việc	m ²	318	
4	Diện tích nơi học tập	m ²	4.156	
5	Diện tích nơi vui chơi, giải trí	m ²	2.357	
6	Tổng diện tích phòng học	m ²	9.884	
6.1	<i>Phòng học lý thuyết</i>	<i>m²</i>	<i>5.953</i>	<i>Dùng chung cho tất cả các đơn vị thực hiện CTĐT</i>

6.2	<i>Phòng học thực hành/Xưởng học thực hành</i>	m^2	3.771	
6.3	<i>Phòng học thí nghiệm</i>	m^2	160	
7	Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy	m^2/SV	9.884m2	
8	Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện	Quyển	362	
9	Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT	Quyển	2694	
10	Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT	Cái	11	
11	Dùng cho hệ thống văn phòng	Cái	9	
12	Dùng cho người học học tập	Cái	5	

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 37
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 20,37%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 79,63%

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (năm 2025, người): 286
- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên (năm 2025): 7,7
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (năm 2024 %): 90%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (năm 2024, %): 93,1%
- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (năm 2024, %): 6,9%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp (năm 2024):

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành đào tạo (thời điểm khảo sát sau 6 tháng) (%): 93,1%
- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 6,9%
- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (năm 2024, triệu VNĐ): 12 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành đào tạo (năm 2024, %):

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 66%
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 15%
- Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng: 19 %

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,1
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,62
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,41

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,038
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 14,78
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy (ngành CNKTCK): 11,7 m²

Phụ lục 2. Các quyết định và văn bản liên quan

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT VINH
Số: 167/QĐ-ĐHSPKTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 07 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-LDTBXH ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh;

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/ TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng;

Căn cứ Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 06 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có các Ban thư ký và các nhóm chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/ TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, ĐGN CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng các đơn vị và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TS*

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu VT; KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Hữu Truyền

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

(Kèm theo Quyết định số 462/QĐ-ĐHSPKT Vinh ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Hữu Truyền	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Cao Danh Chính	Phó hiệu trưởng	Phó CT TT	
3	Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Khoa CKDL	Phó CT	
4	Ngô Tất Hoat	Trưởng Phòng KT&ĐBCL	Thư ký	
5	Thái Anh Tuấn	CT Hội đồng trường	Thành viên	
6	Võ Tiến Trung	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên	
7	Phan Xuân Thạch	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên	
8	Nguyễn Anh Tuấn	PT bộ phận QHDN-VLSV	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng Phòng THHC	Thành viên	
10	Trần Minh Đức	Trưởng Phòng KT TC	Thành viên	
11	Hồ Xuân Bằng	Phó TP TC-TT	Thành viên	
12	Vũ Thị Minh	Phó trưởng Phòng KH&HTQT	Thành viên	
13	Từ Đức Hùng	Phó trưởng Phòng QTTB	Thành viên	
14	Nguyễn Mạnh Dũng	Trưởng TTTT TV	Thành viên	
15	Nguyễn Ngọc Tú	Phó trưởng Khoa CKDL	Thành viên	
16	Trần Đình Hiếu	Khoa CKDL	Thành viên	
17	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa CKDL	Thành viên	
18	Lương Văn Chiến	Khoa CKDL	Thành viên	
19	Lê Thị Ánh	Khoa CKDL	Thành viên	
20	Mai Thị Hoàn	Khoa CKDL	Thành viên	
21	Trần Đình Tiến	DHKCKCK17A1	Thành viên	

Danh sách 21 thành viên./.

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

(Kèm theo Quyết định số 167 /QĐ-ĐHSPKTV ngày 07 tháng 03 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT Vĩnh)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Khoa CKĐL	Trưởng ban
2	Ngô Tất Hoat	Trưởng Phòng KT&ĐBCL	Phó ban
3	Phạm Thanh Bình	Chuyên viên phòng KT&ĐBCL	Thành viên
4	Phạm Văn Thống	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
5	Phan Xuân Thạch	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thúy Hiền	BP QHDN - VLSV	Thành viên
7	Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng Phòng THHC	Thành viên
8	Nguyễn Thị Hà An	Phòng KT TC	Thành viên
9	Nguyễn Thị Bình	Phòng TC-TT	Thành viên
10	Vũ Thị Minh	Phó trưởng Phòng KH&HTQT	Thành viên
11	Nguyễn Việt Cường	Phó trưởng Phòng QTTB	Thành viên
12	Nguyễn Mạnh Dũng	Trưởng TTTTTV	Thành viên
13	Nguyễn Ngọc Tú	Phó trưởng Khoa CKĐL	Thành viên
14	Trần Đình Hiếu	Khoa CKĐL	Thành viên
15	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa CKĐL	Thành viên
16	Lương Văn Chiến	Khoa CKĐL	Thành viên
17	Lê Thị Ánh	Khoa CKĐL	Thành viên
18	Mai Thị Hoàn	Khoa CKĐL	Thành viên
19	Phan Thị Thu Hằng	Khoa CKĐL	Thành viên
20	Nguyễn Danh Thắng	Khoa CKĐL	Thành viên
21	Tăng Thị Minh	Khoa CKĐL	Thành viên

Danh sách có 21 thành viên /

Ngành: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
I	NHÓM I: Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo		6 tiêu chí
1	Trần Đình Hiếu	Trưởng BM Khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Lương Văn Chiến	Khoa CKĐL	Thư ký
3	Nguyễn Văn Thiêm	Khoa CKĐL	Thành viên
4	Phạm Huy Bằng	Khoa CKĐL	Thành viên
5	Nguyễn Khắc Hải	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
II	NHÓM II: Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học		6 tiêu chí
1	Nguyễn Văn Thiêm	Khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Lương Văn Chiến	Khoa CKĐL	Thư ký
3	Nguyễn Văn Đại	Khoa CKĐL	Thành viên
4	Nguyễn Hồng Ngoan	Khoa CKĐL	Thành viên
5	Trần Ngọc Trường	CV, Phòng đào tạo	Thành viên
III	NHÓM III: Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học		10 tiêu chí
1	Nguyễn Ngọc Tú	Phó trưởng khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Lê Thị Ánh	Khoa CKĐL	Thư ký
3	Mai Thi Hoàn	Khoa CKĐL	Thành viên
4	Phan Xuân Thạch	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
IV	NHÓM IV: Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên		12 tiêu chí

	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên		
1	Nguyễn Thanh Bình	Trưởng khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Tăng Thị Minh	Khoa CKĐL	Thư ký
3	Nguyễn Văn Thiêm	Khoa CKĐL	Thành viên
4	Nguyễn Danh Thắng	Khoa CKĐL	Thành viên
5	Vũ Thị Minh	Phó trưởng Phòng KH&HTQT	Thành viên
V	NHÓM V: Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị		5 tiêu chí
1	Nguyễn Ngọc Tú	Phó trưởng khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Phan Thị Thu Hằng	GV Khoa CKĐL	Thư ký
3	Nguyễn Văn Thiêm	GV Khoa CKĐL	Thành viên
4	Nguyễn Việt Cường	Phó Trưởng phòng QTTB	Thành viên
5	Nguyễn Mạnh Dũng	Trưởng TTTTV	Thành viên
VI	NHÓM VI: Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra		11 tiêu chí
1	Nguyễn Văn Hiếu	P.Trưởng BM Khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Mai Thị Hoàn	GV Khoa CKĐL	Thư ký
3	Phan Xuân Thạch	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
4	Trần Thị Quỳnh Trang	CV, Phòng Đào tạo	Thành viên
5	Ngô Tất Hoat	Trưởng Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
V	NHÓM VII 1. Tổng hợp BCTĐG 2. Lập DMMC kèm theo BCTĐG 3. Lập CSDL		3 sản phẩm
1	Trần Đình Hiếu	Trưởng BM Khoa CKĐL	Trưởng nhóm
2	Lương Văn Chiến	GV Khoa CKĐL	Thư ký
3	Phạm Huy Bằng	GV Khoa CKĐL	Thành viên
4	Lê Thị Ánh	GV Khoa CKĐL	Thành viên
5	Phạm Thanh Bình	CV, Phòng KT&ĐBCL	Thành viên

Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCK

BỘ LAO ĐỘNG TB &XH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH
 Số 55/KH-ĐHSPKTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH** **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ**

1. Mục đích tự đánh giá

- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành CNKT Cơ khí.
- Đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành theo Thông tư 04/2016/TT -BGDDT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Hướng dẫn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng ;
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;
- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng ngày 10 tháng 06 năm 2021.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT được thành lập theo Quyết định số 1171/QĐ-ĐHSPKTV ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh (Có danh sách kèm theo).



4.2. Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo Quyết định số / QĐ-DHSPKTV ngày tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh (Có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm I	01/04/2024 – 30/11/2024	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm II	01/04/2024 – 30/11/2024	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm III	01/04/2024 – 30/11/2024	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm IV	01/04/2024 – 30/11/2024	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm V	01/04/2024 – 30/11/2024	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm VI	01/04/2024 – 30/11/2024	
7	Báo cáo TĐG, Danh mục MC	Nhóm VII	01/04/2024 – 30/11/2024	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	-Phân tích tiêu chí; -Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; -Viết báo cáo tiêu chuẩn.	-Cán bộ đầu mối của Khoa, Phòng Đào tạo và các đối tượng liên quan; -Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	01/04/2024 – 30/11/2024	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	-Phân tích tiêu chí; -Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; -Viết báo cáo tiêu chuẩn.	-Cán bộ đầu mối của Khoa, Phòng Đào tạo và các đối tượng liên quan; -Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	01/04/2024 – 30/11/2024	

3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	-Phân tích tiêu chí; -Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; -Viết báo cáo tiêu chuẩn.	-Cán bộ đầu mối của Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTSV, Phòng KT&ĐBCL và các đối tượng liên quan; -Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	01/04/2024 – 30/11/2024	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	-Phân tích tiêu chí; -Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; -Viết báo cáo tiêu chuẩn.	-Cán bộ đầu mối của Khoa, Phòng TCCB, Phòng KHHTQT và các đối tượng liên quan; -Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	01/04/2024 – 30/11/2024	
5	Tiêu chuẩn 9	-Phân tích tiêu chí; -Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; -Viết báo cáo tiêu chuẩn.	-Cán bộ đầu mối của Khoa, Phòng QTTB, TITTTV và các đối tượng liên quan; -Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	01/04/2024 – 30/11/2024	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	-Phân tích tiêu chí; -Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; -Viết báo cáo tiêu chuẩn.	-Cán bộ đầu mối của Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTSV, Phòng KT&ĐBCL và các đối tượng liên quan; -Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	01/04/2024 – 30/11/2024	

6. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Thu thập ý kiến phản hồi về Báo cáo TDG từ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động,...có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

7. Thời gian biểu:

Thời gian	Các hoạt động
3/2024	1. Hội đồng Lãnh đạo trường và lãnh đạo các đơn vị để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của HĐ TDG CTĐT.

	2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập HĐ TĐG CTĐT. - Hợp HĐ TĐG CTĐT để: + Công bố HĐ TĐG CTĐT; + Thảo luận nhiệm vụ của từng thành viên HĐ; + Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT. 3. Phổ biến kế hoạch TĐG CTĐT đến các bên liên quan.
3/2024	1. Tổ chức tập huấn/hội thảo cho HĐ TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách. 2. Hợp HĐ TĐG CTĐT để: + Công bố Kế hoạch TĐG, dự trù kinh phí; + Thông báo nhiệm vụ cho các thành viên HĐ và các nhóm chuyên trách.
4-7/2024	Nhóm công tác chuyên trách làm việc tập trung: - Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn, tiêu chí; - Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập (xác định tình trạng các minh chứng); - Tiến hành thu thập minh chứng.
8/2024	Nhóm công tác chuyên trách làm việc tập trung: 1. Hợp nhóm công tác chuyên trách để thông qua báo cáo tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa. 2. Thành viên nhóm chuyên trách chỉnh sửa theo góp ý. 3. Trưởng nhóm công tác chuyên trách và thư ký tổng hợp thành báo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá. 4. Các nhóm công tác chuyên trách thu thập bổ sung thông tin minh chứng (nếu cần).
9/2024	Nhóm công tác chuyên trách làm việc tập trung: 1. Hợp Hội đồng tự đánh giá CTĐT và Ban thư ký: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung. 2. Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT:

	- Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá. - Viết các phần mở đầu, kết luận của báo cáo tự đánh giá. - Viết phần cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT. 3. Ban thư ký gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá cho Hội đồng tự đánh giá để xin ý kiến.
10/2024	1. Hợp Hội đồng tự đánh giá CTĐT và Ban thư ký để xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa. 2. Hợp Hội đồng tự đánh giá CTĐT, Ban thư ký với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý, phản biện.
11/2024	1. Ban thư ký chỉnh sửa dự thảo báo cáo tự đánh giá theo ý kiến góp ý. 2. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý). 3. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,...đóng góp ý kiến phản biện về dự thảo báo cáo tự đánh giá.
12/2024	1. Hợp Hội đồng tự đánh giá CTĐT và Ban thư ký để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối cùng và trình Hiệu trưởng phê duyệt. 3. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐG;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VT, KT&ĐBCL

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Danh Chính